

BỘ SÁCH QUY HOẠCH KIẾN TRÚC CÁC THỦ ĐÔ
PGS. TRẦN HÙNG

ĐÔ THỊ CÓ
BẮC KINH

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2003

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ	5
2. NHỮNG CẤU TRÚC ĐẶC TRƯNG ĐÔ THỊ CỔ BẮC KINH	14
Tứ Cẩm thành - Tiên Tam điện - Hậu Tam cung - Ngự viên	
3. NHỮNG TỔNG THỂ DI SẢN KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU	48
Thiên đài - Di Hòa viên - Thập Tam lăng - Vạn lý trường thành	
4. KIẾN TRÚC TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG	72
5. VƯƠNG PHỦ VÀ NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG	94
6. BẮC KINH: NHỮNG NỖ LỰC BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN	101
PHỤ LỤC : MỘT SỐ THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA	118





1.

KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ

Vùng Bắc Kinh được coi là một trong những cái nôi ra đời loài người. Từ 70 vạn năm trước "người vượn Bắc Kinh" đã sinh sống và phát triển tại Chu Khẩu Điểm (phía tây nam thành phố Bắc Kinh). Vào thời Nghiêu Đế ở Bắc Kinh đã hình thành đô ấp gọi là **U Đô**. Đến thế kỷ thứ hai trước Công nguyên giải bình nguyên Bắc Kinh trở thành đất phân phong cho chư hầu của nhà Chu, đó là các phong quốc: nước Kế và nước Yên. Đô thành của nước Kế là **thành Kế** ở vị trí Quảng An môn phía tây nam thành phố Bắc Kinh ngày nay. Về sau nước Yên thôn tính nước Kế, dời đô thành của mình sang thành Kế. Nước Yên trở thành nước chư hầu duy nhất của nhà Tây Chu ở khu vực Bắc Kinh lúc bấy giờ. Thời Xuân Thu Chiến Quốc, nước Yên là một trong bảy nước lớn và thành Kế đã là đô thành nổi tiếng. Năm 226 tCn, đại trống nhà Tân là Vương Tiên đánh hạ thành Kế, nước Yên bị diệt vong. Sau khi nhà Tân thống nhất Trung Quốc vào năm 221 tCn, thành Kế bị sáp nhập vào một trong sáu quận của nước Yên. Nhà Tân cho xây dựng con đường giao thông từ Hàm Dương đến thành Kế và từ đó thành Kế là đầu mối liên lạc giữa chính quyền trung ương của người Hán với các dân tộc thiểu số phía Bắc. Thành Kế thời Tây Hán như miêu tả trong Sử ký của Tư Mã Thiên, là đô thị lớn nằm giữa Bột Hải và Kiệt Thạch, phía nam thông với Tế Triệu, đông bắc tiếp giáp với người Hồ. Thành Kế thời Tùy Đường khá nổi tiếng bởi *vị trí quân sự* trọng yếu làm căn cứ tập kết binh mã để đánh sang phía đông Đường Thái Tông từng dẫn quân đến thành Kế (lúc ấy gọi là U Châu), sau cuộc chiến ông đã cho xây dựng ngôi chùa Mân Trung để tưởng niệm các tướng sĩ đã chết trận. Ngôi chùa được trùng tu nhiều lần đến nay vẫn là một ngôi chùa quan trọng của thành phố Bắc Kinh.

Đô thị cổ Bắc Kinh

Từ sau nhà Đường, Trung Quốc rơi vào tình trạng phân liệt, dân tộc Khíết Đan ở đông bắc Trung Quốc tiến xuống phía nam chiếm U Châu đặt quốc hiệu là **Liêu** (906 - 1125), lấy U Châu làm kinh đô phụ với tên gọi **Yên Kinh**. Do nước Liêu rất thịnh hành đạo Phật nên nhiều đền đài Phật giáo đã được xây dựng ở nội ngoại thành Yên Kinh, đến nay vẫn còn ngôi chùa Thiên Ninh được xây dựng thời Bắc Ngụy. Sang thế kỷ XII từ hậu phương của nước Liêu bộ tộc Nữ Chân hưng khởi đã lập nên nhà Kim (1115 - 1234), tiêu diệt nước Liêu và cả Bắc Tống để khống chế toàn bộ khu vực Hoa Bắc. Người Kim dời đô từ phủ Hội Ninh (đông bắc Trung Quốc) đến vị trí Bắc Kinh ngày nay. Trên cơ sở thành Nam Kinh của nhà Liêu, nhà Kim bắt đầu xây dựng mở rộng kinh đô lấy tên là **Trung Đô**, việc xây dựng này được coi là bước nhảy vọt đối với lịch sử phát triển của Bắc Kinh. Từ đây, Bắc Kinh bắt đầu trở thành trung tâm thống trị của các vương triều phong kiến.

Vào thế kỷ XIII người Mông Cổ tiến xuống phía nam tiêu diệt nhà Kim, chiếm Trung Đô vào năm 1215 và đến năm 1260 Hốt Tất Liệt đã quyết định xây dựng kinh đô tại đây, lấy tên là **Đại Đô**. Đại Đô là một trong những kinh thành rất phồn thịnh lúc bấy giờ. Các sản vật quý hiếm từ các nơi đều tập trung về Đại Đô.

Tháng 9 năm 1368 quân Minh tiến đánh Đại Đô, nhà Nguyên diệt vong. Chu Nguyên Chương đổi Đại Đô thành **Bắc Bình** phong cho con trai hiếu tử là Chu Đệ hiệu là Yên Vương, lúc này nhà Minh định đô tại Nam Kinh. Sau khi Chu Nguyên Chương mất, Yên Vương cướp ngôi từ tay Huệ Đế lập Minh Thái Tổ (Minh Vĩnh Lạc). Minh Vĩnh Lạc quyết định lấy **Bắc Bình làm thủ đô và đổi tên thành Bắc Kinh**. Minh Vĩnh Lạc tiến hành xiy cất cung thành Bắc Kinh đại quy mô kéo dài trong 15 năm và hoàn thành vào năm 1420. Tử cấm thành và Hoàng thành là *trung tâm của đế đô* lúc bấy giờ.

Chu Nguyên Chương tức Minh Thái Tổ, vị Hoàng đế đầu tiên của nhà Minh (tại vị năm 1386 - 1399) là người xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo khổ, bản thân là một hòa thượng nghèo. Tháng giêng năm Hồng Vũ Nguyên niên (1368), ông xưng vua ở phủ Úng Thiên (nay là Nam Kinh), quốc hiệu là Minh. Lúc này ông bắt đầu suy nghĩ nên xây dựng kinh đô của Triều Minh ở đâu.

Trước hết, Chu Nguyên Chương đi Biện Lương (Khai Phong ngày nay), thấy ở đó dân sinh nghèo khổ, giao thông hết sức khó khăn bèn từ bỏ ý định xây dựng kinh đô ở Biện Lương. Có người tâu với ông, cho rằng ở phủ Bắc Bình (Bắc Kinh ngày nay) cung thất hoàn chỉnh, có thể tiết kiệm được sức dân, Chu Nguyên Chương cho rằng, Bắc Bình là cố đô thời nhà Nguyên mà thế lực của người Nguyên vẫn còn lưu lại ở miền Bắc, nay thừa kế kinh đô cũ, e rằng không thích hợp. Từ đó về sau, ý đồ xây dựng kinh đô tại quê hương luôn thôi thúc Chu Nguyên Chương. Cuối cùng ông quyết định xây dựng cung điện ở Lâm Hào (Phượng Dương ngày nay) thuộc tỉnh An Huy, lấy hiệu là Trung Đô. Từ năm thứ 2 niên hiệu Hồng Vũ (1369) đến năm 1375, công trình mới xây dựng được tam nam, khi sắp xây xong, ông lại ra lệnh đình chỉ xây dựng, không xây dựng kinh đô ở Phượng Dương nữa mà lấy Nam Kinh làm kinh đô, Phượng Dương là kinh đô phụ, vẫn gọi là Trung Đô.

Và cuối cùng ông lại quyết định lấy Bắc Kinh làm đô thành chính của triều đình. Năm thứ 4 niên hiệu Vĩnh Lạc, con trai thứ tư của Chu Nguyên Chương (1406) là Chu Đê (tức Minh Thành Tổ) hạ chiếu xây dựng thành Bắc Kinh, Hoàng cung và Tử Cấm thành. Năm Gia Tĩnh thứ 23 (1553) xây dựng thêm bức thành bên ngoài ở phía đông nam và tây nam của Đại thành (nay là khu Sùng Văn, Tuyên Vũ), từ đó hình thành rõ bộ mặt của nội ngoại thành.

Tử Cấm thành thời nhà Minh được xây dựng phỏng theo các cung điện ở Trung Đô của nhà Minh hoàn thiện thêm. Việc xây dựng thành Bắc Kinh và Tử Cấm thành được liên tục tiến hành từ thời kỳ đầu cho đến thời kỳ cuối nhà Minh.

Nội thành của Bắc Kinh trước đây có ba lớp thành quách, phía ngoài là thành nội hình chữ nhật; phía trong là Tử Cấm thành, cũng hình chữ nhật; ở bên ngoài của Tử Cấm thành, bên trong của thành nội còn có một bức thành, đó là Hoàng thành. Tiền môn của Hoàng thành, thời nhà Minh gọi là Đại Minh môn, thời nhà Thanh gọi là Đại Thanh môn, sau cách mạng Tân Hợi gọi là Trung Hoa môn (thập kỷ 50 đã hủy bỏ). Thiên An môn là cửa chính của Hoàng thành; Địa An môn là cửa bắc của Hoàng thành, phía đông tây là Đông An môn và Tây An môn. Ngoài Thiên An môn ra, các cửa thành khác đều không có thành lầu. Thời kỳ đầu nhà Minh, Thiên An môn cũng giống

ba cửa thành khác sau được cải tạo lại như ngày nay. Hai bên của Thành lầu Thiên An môn có bức tường màu đỏ, chạy dài theo hướng đông tây dọc phố Tràng An đến phía tây khách sạn Bắc Kinh.

Thời Minh Thanh, Bắc Kinh có tất cả hai mươi cửa thành (không kể Tử Cấm thành), trong đó thành nội có chín cửa gồm: Chính Dương môn (Tiền môn), Sùng Văn môn, Tuyên Vũ môn, Đông Trực môn, Triều Dương môn, Phụ Thành môn, An Định môn, Đức Thắng môn. Thành ngoại có bảy cửa: Vĩnh Định môn, Tả An môn, Hữu An môn, Quảng Cử môn, Quảng Ninh môn, Đông Tiện môn, Tây Tiện môn. Bốn cổng trong Hoàng thành: Đại Minh môn (sau cách mạng Tân Hợi đổi thành Trung Hoa môn, sau bị dỡ bỏ) Đông An môn, Tây An môn, Bắc An môn (thời nhà Thanh gọi là Địa An môn), nay là Hòa Bình môn của Thành nội, Phục Hưng môn, Kiến Quốc môn đều mới được hình thành sau cách mạng Tân Hợi.

Cửa của thành nội, lúc đầu được xây bố cục đối xứng, Đông Trực môn đối xứng với Tây Trực môn, Triều Dương môn đối xứng với Phụ Thành môn, Sùng Văn môn đối xứng với Tuyên Vũ môn, Đức Thắng môn đối xứng với An Định môn.

Chính Dương môn nằm trên tuyến trực giữa Bắc Kinh là cửa chính. Sùng Văn môn ở bên trái Chính Dương môn được coi là nơi tôn sùng văn giáo. Tuyên Vũ môn ở bên phải, ở đây có doanh trại quân đội và sân đấu võ. Phía tây là Phú Thành môn mang ý nghĩa "Vật phú dân an". Phía bắc là An Định môn mang ý nghĩa thái bình an khang. Đức Thắng môn có nghĩa là "Lâm trận biên cương, đức (đắc) thắng trở về". Quân đội thời Minh, Thanh khi xuất trận phải đi qua Đức Thắng môn, khi trở về thì qua An Định môn để lấy may mắn. Như vậy tên mỗi cổng thành đều có mang những hàm ý khác nhau.

Năm 1644 Lý Tự Thành dẫn quân khởi nghĩa nông dân tiến vào Bắc Kinh chiếm Hoàng thành. Ông vua cuối cùng của nhà Minh là Sùng Trinh đã tự vẫn trên núi Vạn Thọ và nhà Minh diệt vong. Quân Thanh được sự giúp đỡ của hàng tướng nhà Minh Ngô Tam Quế đánh đuổi quân khởi nghĩa Lý Tự Thành tiến vào Bắc Kinh lập nên triều Thanh và là triều đại phong kiến cuối cùng của Trung Quốc. Về cơ bản nhà Thanh vẫn sử dụng kinh thành nhà Minh xây cất nhiều lâm viên quan trọng (Sương Xuân viên, Viên Minh viên,

Tinh Minh viên, Tinh Tuyền viên, Di Hòa viên, trong đó Di Hòa viên có quy mô rộng lớn và tráng lệ hơn cả).

Cách mạng Tân Hợi năm 1911 đã kết thúc triều Thanh, nước Trung Hoa Dân Quốc ra đời. Thời kỳ đầu Trung Hoa Dân Quốc vẫn lấy Bắc Kinh làm thủ đô. Trong thời kỳ Bắc Kinh còn nằm dưới sự thống trị của đế quốc và phong kiến, nơi đây đã diễn ra những phong trào đấu tranh cách mạng nổi tiếng như Phong trào Duy Tân của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu năm 1898, phong trào khởi nghĩa nông dân Nghĩa Hòa Đoàn 1900, đặc biệt có phong trào Ngũ Tứ nổ ra ở Bắc Kinh năm 1919 đã mở ra một kỷ nguyên mới cho phong trào cách mạng Trung Quốc. Trải qua các cuộc cách mạng, ngày 31/01/1949, Bắc Kinh được giải phóng. Ngày 01/10/1949 tại quảng trường Thiên An môn, chủ tịch Mao Trạch Đông trang trọng tuyên bố: Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập. Cố đô Bắc Kinh trở thành thủ đô của nước Trung Hoa mới.

Ngày nay Bắc Kinh là thủ đô nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, là trung tâm chính trị văn hóa, khoa học kỹ thuật của cả nước và là trung tâm giao lưu giữa Trung Hoa với thế giới. Thành phố Bắc Kinh có diện tích 16.808km² (khu vực nội thành 2738km²). Bắc Kinh được tổ chức thành 11 phân khu, đó là các khu: Đông Thành, Tây Thành, Tuyên Vũ, Sùng Văn, Triều Dương, Hải Điện, Thạnh Cảnh Sơn, Phong Đài, Môn Đầu Câu, Phòng Sơn, Thông Châu; phần ngoại thành có 7 huyện, đó là các huyện Đại Hưng, Thuận Nghĩa, Bình Cốc, Mật Vân, Hoài Nhu, Diên Khánh, Sương Bình.

Bắc Kinh là thành phố có cơ sở hạ tầng được xây dựng hiện đại nhất trong các đô thị Trung Quốc. Tổng cộng chiều dài các tuyến đường giao thông đạt tiêu chuẩn cao lên tới hàng chục nghìn ki-lô-mét, rất nhiều cầu vượt nội thành và các đường vòng đai bao quanh thành phố đã được xây dựng. Nhà ga xe lửa phía tây là ga hành khách hiện đại và lớn nhất Châu Á. Sân bay thủ đô là trung tâm vận chuyển và đầu mối giao thông hàng không toàn Trung Quốc.

Bắc Kinh còn là thành phố có nhiều cây xanh với 32.4% diện tích đất đai. Cây xanh tiêu biểu của Bắc Kinh là cây hòe và cây bách. loại hoa tiêu biểu của Bắc Kinh là hoa tường vi và hoa cúc.

Bắc Kinh là thành phố có thực lực kinh tế mạnh chỉ sau Thượng Hải. Nơi đây có Ngân hàng Trung Quốc và tổng bộ các cơ quan tiền tệ lớn, cơ quan bảo hiểm Trung Quốc. Bắc Kinh còn là sở tại của các cơ quan và tổ chức tiền tệ nước ngoài. Do đó, Bắc Kinh cũng là một thành phố thí điểm mở cửa giao lưu tiền tệ với thế giới. Bắc Kinh hiện nay là trung tâm khoa học văn hóa lớn nhất Trung Quốc, nơi tập trung các cơ quan khoa học cấp nhà nước như: Viện Khoa học Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, các trường Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa, các trung tâm văn hóa lớn như Thư viện Bắc Kinh, Đài truyền hình, Trung tâm triển lãm quốc tế, Nhà hát kịch Trung Quốc.

Bắc Kinh là thành phố văn hóa lịch sử nổi tiếng với hơn ba nghìn năm lịch sử xây dựng thành quách và gần một nghìn năm lịch sử xây dựng kinh đô. Ở đây có rất nhiều di tích lịch sử văn hóa trọng điểm của nhà nước, trong đó có nhiều di tích được coi là di sản văn hóa của thế giới.

ĐÔ THỊ CỔ BẮC KINH

Ba nghìn năm trước từng là kinh đô của nước Yên (TK XI - TK III TCN), sau đó là kinh đô của các triều đại Liêu (907 - 1125), Kim (1115 - 1234), Nguyên (1206 - 1368), Minh (1368 - 1644) và Thanh (1616 - 1911), Bắc Kinh tự hào về những di sản văn hóa và kiến trúc như:

Vạn lý trường thành: *Bức tường thành phòng ngự dài nhất thế giới (6000km)*

Cố cung Bắc Kinh: *Quần thể kiến trúc cung điện lớn nhất thế giới (diện tích 720.000m² với 9.999 gian phòng).*

Quảng trường Thiên An môn: *Quảng trường rộng lớn nhất thế giới (diện tích 440.000m²)*

Thiên đàn: *Đàn tế trời với quần thể kiến trúc to lớn và bê tông (xây dựng từ năm 1420)*

Di Hòa viên: *Cung điện nghỉ mát của hoàng gia với kiến trúc và cảnh quan phong phú (diện tích 2.900.000m²)*

Công viên Bắc Hải: Vườn thương uyển xây dựng sớm và quy mô lớn (diện tích 70.000m², trong đó một nửa là mặt nước)

Minh Thập Tam lăng: Rất nhiều lăng tẩm các vị hoàng đế xây dựng quy mô và được bảo tồn hoàn chỉnh.

Chu Khẩu Điểm: Những dấu tích rất phong phú về con người thời tiền sử.

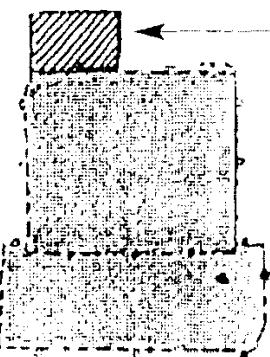
Chùa Văn Cừ: Tu viện còn lưu giữ số lượng rất lớn các kinh Phật cổ được khắc trên đá.

Chuông Vĩnh Lạc: Quả chuông đồng cực lớn dúc vào đầu thế kỷ XV (cao 6,75 m đường kính 3,3 m nặng 46,5 tấn, khắc 227.000 chữ trong kinh Phật).

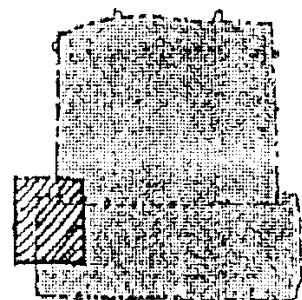
Ngoài ra, Bắc Kinh còn có hàng trăm tháp cảnh, di tích văn hóa lịch sử và kiến trúc nổi tiếng.



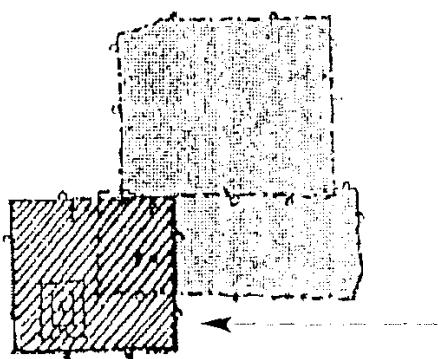
QUÁ TRÌNH DIỄN BIẾN ĐÔ THỊ CỔ BẮC KINH



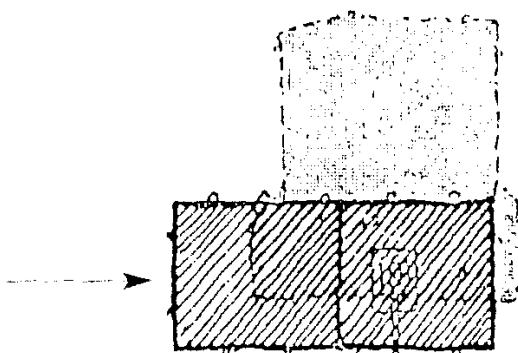
Thành Ké thời Chu
723 - 221 BC



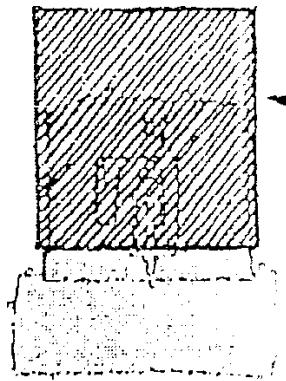
Thành U Châu thời Yên
70 - 936



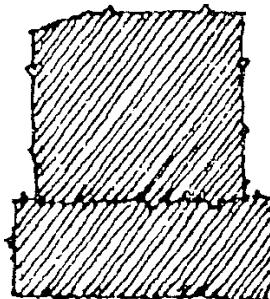
Thành Yên Kinh thời Liêu
936 - 1153



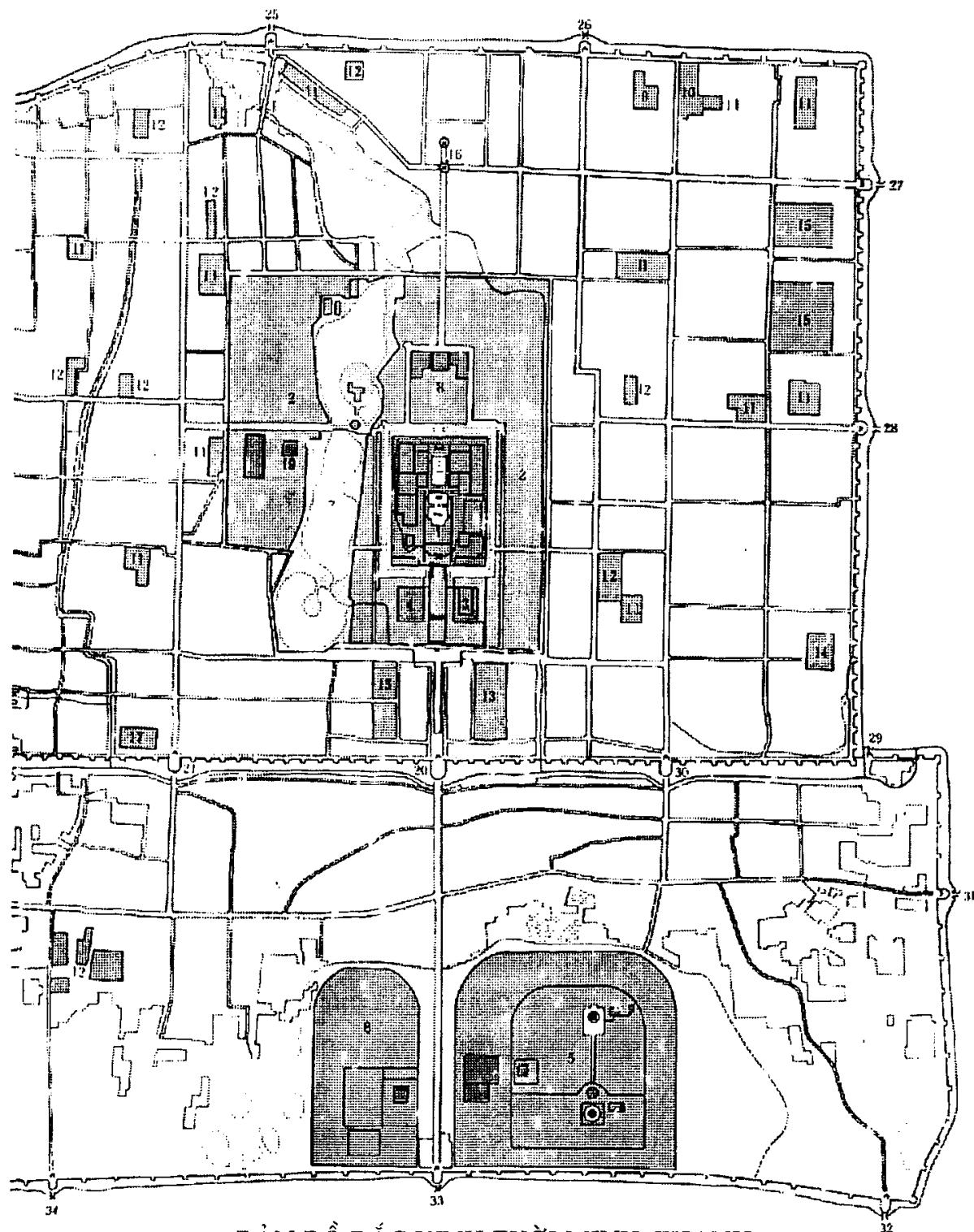
Thành Trung Đô thời Kim
1153 - 1234



Thành Đại Đô thời Nguyên
1267 - 1368



Thành Bắc Kinh
thời Minh Thanh
1368 - 1949



BẢN ĐỒ BẮC KINH THỜI MINH, THANH

- | | | | |
|------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------|
| 1. Từ Cấm thành | 10. Di Hòa cung | 18. Doanh trại | 27. Đông Trực môn |
| 2. Hoàng thành | 11. Các vương phủ | 19. Nhà thờ | 28. Trần Dương môn |
| 3. Thái miếu | 12. Đền và chùa | 20. Chính Dương môn | 29. Đông Tiên môn |
| 4. Xã Huệ đàn | 13. Công thư | 21. Tuyên Vũ môn | 30. Sùng Văn môn |
| 5. Thiên đàn | 14. Đài thiên văn | 22. Tây Tiên môn | 31. Quang Cửu môn |
| 6. Tiên nông đàn | 15. Nhà kho | 23. Phu Thanh môn | 32. Tả Hòa môn |
| 7. Tây uyển | 16. Tháp chuông,
tháp trống | 24. Tây Trực môn | 33. Vĩnh Định môn |
| 8. Cảnh sơn | 17. Nhà nuôi voi | 25. Đức Thắng môn | 34. Hữu Hòa môn |
| 9. Quốc tử giám | | 26. An Định môn | 35. Quang An môn |



2.

NHỮNG CẤU TRÚC ĐẶC TRƯNG ĐÔ THỊ CỔ BẮC KINH

Tử Cấm thành tức **Cố cung** là quần thể kiến trúc với quy mô rất lớn, có giá trị nghệ thuật cao và được bảo tồn hoàn chỉnh nhất ở Bắc Kinh. việc xây dựng được bắt đầu từ thời Minh Vĩnh Lạc thứ tư (1406) và hoàn thành vào năm 1424, trải qua nhiều lần tu sửa do bị cháy hoặc hư hỏng nhưng vẫn giữ được bối cảnh ban đầu. Tên gọi Tử Cấm thành là dựa theo thần thoại: Tử Vi Viên ở trên trời là nơi ở của Thiên đế và gọi nơi ở của Hoàng đế là Tử Cấm thành. Đây là cung điện của 24 đời vua thuộc hai triều đại Minh - Thanh từ Minh Vĩnh Lạc (1421) kéo dài 296 năm đến hết thời Thanh (1911) dài 267 năm.

Tử Cấm thành nằm ở đoạn giữa đường trục trung tâm của đô thành từ đông sang tây dài 760 m, từ nam lên bắc dài 960 m. Phía bắc của Tử Cấm thành có đắp một ngọn núi cao khoảng 50 m gọi là Trần Sơn (hay Cảnh Sơn), ngụ ý trấn giữ phía bắc Tử Cấm thành. Giữa núi có xây một cái đình lớn, đó là điểm cao khống chế và là trung tâm hình học của toàn thành. Tử Cấm thành được xây dựng trên khu đất rộng hình chữ nhật, diện tích $729600m^2$, xung quanh có tường thành cao 10m bao bọc, ven ngoài tường có hào rộng 52m, bốn góc thành có bốn tháp canh, bốn mặt thành có bốn cửa ra vào đối diện nhau: Ngọ môn, Thần Vũ môn, Đông Hoa môn, Tây Hoa môn.

Các kiến trúc quan trọng của Cố cung đều nằm trên một đường trục Nam - Bắc ở chính giữa. Hai bên là các kiến trúc phụ đối xứng nhau.

Để tăng cường phòng vệ cho Bắc Kinh, triều Minh còn xây thêm một vòng thành bao bên ngoài phần phía nam nơi dân cư khá đông. Tường thành mới xây thêm phía nam tạo nên khu thành ngoại, thành cũ được coi là thành nội. Phía nam của thành ngoại có Thiên đàn, phía bắc thành nội có Địa đàn.

phía đông có Nhật đài và phía tây có Nguyệt đài, hình thành bốn trọng điểm ở vòng ngoài. Thái miếu và Xã Tắc đài nằm ở bên trái và bên phải Ngọ môn - cổng chính của cung thành, ngay sát hoàng cung.

Do phía nam mở thêm thành ngoại, nên đường trục giữa của toàn thành dài thêm rất nhiều. Căn cứ theo tổng chiều dài của đường trục thì từ nam lên bắc toàn thành được bố cục thành ba phần lớn: Phần thứ nhất từ Vĩnh Định môn nằm chính giữa tường phía nam của thành ngoại đến Chính Dương Môn; phần thứ hai từ Chính Dương môn đến núi Cảnh Sơn, xuyên suốt quảng trường trước cung điện và toàn bộ cung thành; phần thứ ba từ núi Cảnh Sơn đến gác trống và gác chuông.

Ngọ môn là cửa chính để vào Cố cung nằm ở phía Nam trên trục chính. Ngọ môn được xây dựng theo mặt bằng hình chữ U phía dưới là khối tường thành dày cao hơn 10m, có trổ 5 cửa vòm. Bên trên có tòa điện lớn chín gian ở chính giữa, bốn góc có bốn điện vuông. Năm tòa điện này đều có hai tầng, mái được nối với nhau bằng hành lang có cửa sổ và có mái che. Ngọ môn còn có tên là lầu Ngũ Phượng. Qua Ngọ môn là một khoảng rộng có sông Kim Thúy chảy ngang qua hình cánh cung cùng với năm chiếc cầu bằng đá trắng hai bên có lan can cũng bằng đá trắng. Tiếp đến là Thái Hòa môn là cổng vào khu Tiền Tam điện. Phía trước Ngọ Môn còn có Thiên An môn (xưa kia là Thừa Thiên Môn) tức cửa nam của hoàng thành đời Minh. Thừa Thiên Môn xây dựng vào năm 1420, về sau bị cháy. Đến năm 1651 xây lại và đổi tên như ngày nay. Sau đó còn xây thêm chiếc cầu Hán bạch ngọc trên sông Kim Thúy ở đoạn trước chảy qua trước Thiên An môn.

Trong thời kỳ phong kiến, khi có lễ nghi long trọng, vua thường ban chiếu thư từ trên thành Thiên An môn. Theo lệ, chiếu thư của vua ban để trong mó con phượng gỗ sơn vàng, thả từ trên bờ thành xuống, các quan quỳ ở dưới thành để tiếp nhận chiếu thư rồi truyền đi khắp nước.

Trong cấu trúc của Tử Cấm thành có hai khu vực quan trọng nhất là **ngoại triều** và **nội đình***. Ngoại triều là nơi nhà vua giải quyết công việc triều chính, có ba điện lớn là Thái Hòa, Trung Hòa và Bảo Hòa. Các điện lớn

* Ngoại Triệu hoặc Tiền triều còn là "Tiền Tam điện"

Nội đình hoặc Hậu tam còn được gọi là "Hậu Tam cung".

xây dựng trên những nền cao lát đá bạch ngọc tinh xảo. Sân nền này được xây dựng rất tinh vi và theo quy cách nhất định, gọi là "tu di tọa". Phía trước là một quảng trường diện tích hơn 3 vạn mét vuông, có thể chứa được hàng vạn người tụ họp hoặc duyệt binh. Hai phía đông tây của quảng trường có vân lâu và vô lâu. Cửa trước quảng trường có Thái Hòa môn, trước cửa Thái Hòa môn có sông Kim Thủy, cầu Ngũ Long bắc qua con sông này.

Từ Thiên An môn, cửa lớn của Hoàng thành, đi vào qua một không gian dài đến cửa Đoan môn; qua cửa Đoan môn và một quảng trường rộng bao la nhìn thấy cửa Thái Hoà nằm ở phía Bắc quảng trường, một cửa để đi vào ba điện lớn. Qua cửa Thái Hoà lại tới cửa rất rộng, Điện Thái hoà sừng sững trên một nền cao ở phía Bắc quảng trường đó.

Người Trung Quốc xưa kia thường thích xây dựng những công trình trọng yếu trên nền cao để làm nổi lên cái vẻ uy nghiêm của nó. Ba ngôi điện lớn ở Tử Cấm thành là: điện Thái Hoà, điện Trung Hoà và điện Bảo Hoà xây dựng trên nền cao 8,17m. Những phổi điện cùng nhiều nhà cửa xung quanh có quy mô nhỏ hơn và dựng trên những nền thấp hơn.

Thái Hòa môn là cửa đi vào khu vực ba điện lớn của Tử Cấm thành, cửa có cấu trúc bảy gian được dựng trên một nền đá cao. Ở hai bên phía trước có tượng sư tử bằng đồng đặt trên bệ đá. Sư tử là loài vật có sức mạnh, được bố trí phía trước cửa nhằm làm tôn thêm vẻ uy nghiêm của kiến trúc, và cũng tiêu biểu cho sức mạnh của thiên triều (trước Thiên An môn và trước cửa các kiến trúc quan trọng khác của Tử Cấm thành đều có đặt tượng sư tử được bài trí theo một kiểu cách nhất định: bên trái cửa có con sư tử đực đạp chân lên quả cầu, phía phải là sư tử mẹ có sư tử con quấn quít bên mình).

Điện Thái Hòa là ngôi điện quan trọng nhất của Tử Cấm thành, không chỉ vì vị trí của nó ở trung tâm Tử Cấm thành mà về hình thể kiến trúc cũng như trang trí và các mặt khác đều đứng hàng đầu trong cả quần thể kiến trúc Tử Cấm thành. Các kiến trúc của Trung Quốc thời trước quy mô lớn hay nhỏ thường lấy số gian làm chuẩn mực. Điện Thái Hòa có 11 gian, cao 26,9 mét tính từ mặt đất lên nóc điện. Đây là công trình kiến trúc số một thời xưa còn lại. Cấu trúc mái của các kiến trúc Trung Quốc xưa cũng có nhiều loại và nhiều kiểu xây dựng khác nhau, một tầng hay hai, ba tầng. Tùy theo quy mô

công trình và tầm quan trọng mà có cách xử lý mái khác nhau. Điện Thái Hòa là công trình quan trọng bậc nhất nên toàn bộ mái lợp bằng ngói lưu ly màu vàng. Dưới ánh mặt trời mái điện phản chiếu ánh hào quang sáng chói, tường và cửa sổ màu đỏ rực rỡ trên nền đá trắng. Trên nóc điện, ở hai đầu mái có đắp đầu rồng cao tới ba mét và dọc theo nóc mái cũng có một loạt những tượng thú nhỏ có dáng vẻ sinh động. Các cửa đi và cửa sổ đều có những mảng chạm trổ hoa văn tinh xảo. Trong bộ khung gỗ điện Thái Hòa có sáu cột chính được sơn son thiếp vàng với hình trang trí những con rồng vàng lượn khúc. Ở trần nhà, trên đầu sáu cột được thiết kế tạo dáng như hình một cái giếng hình vuông rồi dần thu nhỏ lại, từ hình vuông chuyển thành hình bát giác và trên cùng có hình một con rồng lượn khúc mặt nhìn xuống dưới, phía trước là một khối thủy tinh hình tròn. Nằm giữa điện là bệ rồng của Nhà vua gồm một ngai vàng và phía sau là bình phong bảy cánh. Nếu điện Thái Hòa là trung tâm của Tử Cấm thành, thì chính bệ rồng lại là trung tâm của trung tâm.

Trang trí ở điện Thái Hòa có rất nhiều hình rồng, người Hán coi rồng là tượng trưng cho dân tộc Trung Hoa. Từ khi Hán Vũ Đế tự nhận mình là con rồng thì các hoàng đế Trung Hoa sau đó đều tự coi mình là rồng, là con trời, được thượng đế phái xuống trần gian để trông coi trăm họ, do đó, cung điện vua ở gọi là long cung, quần áo vua mặc gọi là long bào, ghế vua ngồi gọi là long kỷ, các đồ dùng của vua đều trạm trổ hoa văn hình rồng và các hoa văn trang trí trong cung điện nhà vua đâu đâu cũng mang hình rồng. Con đường chính Nhà vua đi có lát các tấm đá lớn, trên mặt chạm trổ chín con rồng, biểu tượng của Cửu Trùng đài. Ở điện Thái Hòa từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, người ta đếm được tất cả có 12.654 hình con rồng uốn lượn trong mọi tư thế.

Điện Trung Hòa và điện Bảo Hòa cùng nằm trên thềm bệ đá trắng và ở phía sau điện Thái Hòa. Điện Trung Hòa là nơi vua nghỉ trước khi tới điện Thái Hòa ngự triều, điện tích hơi nhỏ, bài trí cũng đơn giản. Điện Bảo Hòa có chín gian, còn điện Trung Hòa hình vuông rộng năm gian. Cá ba ngôi điện: điện Thái Hòa, điện Trung Hòa và điện Bảo Hòa đều lợp mái bằng ngói lưu ly màu vàng, cửa sổ màu hồng cùng ở trên nền màu trắng nhưng về khôi hình thì hai lớn một nhỏ, mái của ba ngôi điện khác nhau họp thành một quần thể kiến trúc hài hòa, phong phú, đa dạng. Điện Bảo Hòa là nơi cư

hành ngự thi tức là các khóa sinh thi đậu Tiến sĩ ở các nơi được gọi vào để tự Vua khảo tra lại lần cuối cùng.

Cung Càn Thanh là cung điện lớn nằm ở phía trước trong tổng thể nội đình, cũng được gọi là "Hậu Tam cung"

Đây là nơi ở của vua và hoàng hậu, sang thời Thanh vua Ung Chính chuyển nơi ở tới điện Dương Tâm thì cung Càn Thanh dụng làm là nơi vua tiếp kiến các đại thần và giải quyết công việc hàng ngày. Trong cung ở phía trên nơi vua ngồi có treo bức đại tự với bốn chữ "Chính Đại Quang Minh". Các hoàng đế Trung Quốc lên cầm quyền theo chế độ truyền ngôi, nên lúc vua còn sống thường công bố rõ ai sẽ là người kế vị. Việc này thường gây sự tranh chấp nên từ thời vua Ung Chính lên ngôi, ông đã quyết định lúc vua còn sống không công bố tên tuổi người kế vị, mà chỉ viết tên tuổi người đó vào hai mảnh, một mảnh vua giữ bên mình còn mảnh kia được để ở phía sau bức đại tự Chính Đại Quang Minh, chờ khi vua băng hà mới đem hai mảnh đó ghép lại và công bố tên người kế vị.

Điện Giao Thái và cung Khôn Ninh nằm ở phía sau cung Càn Thanh. Cung Khôn Ninh đời Minh và đầu đời Thanh là nơi ở của hoàng hậu. Về sau cũng được chia làm hai phần, phía đông hoàng đế dùng làm nơi động phòng sau buổi kết hôn, phía tây làm nơi cúng lễ. Giữa hai cung Càn Thanh và Khôn Ninh là điện Giao Thái hình vuông, quy mô không lớn là nơi để hoàng hậu tiếp đón Hoàng thân quốc thích đến chào mừng nhân ngày lễ Tết. Công trình được trang trí hình rồng tượng trưng cho vua và phượng, tượng trưng cho hoàng hậu.

Hai bên của quần thể Hậu Tam cung là hai quần thể kiến trúc dùng cho các phi tần ở. Mỗi bên sáu cung mỗi cung là một khuôn viên độc lập có cửa chính lợp bằng ngói lưu ly. Tiếp theo là nơi ở cửa các hoàng tử, mỗi bên năm điện, mỗi điện đều có vườn.

Phía Đông cửa Càn Thanh là Thái miếu, phía Tây của Càn Thanh là Từ Ninh cung, nơi ở của Hoàng thái hậu.

Điện Dương Tâm

Điện Dương Tâm không nằm ở trực giữa của Tử Cấm thành mà là ở phía Tây phần Hậu Tâm. Vốn là nơi ở của Hoàng thái hậu, đến đời vua Ung

Chính nhà Thanh thì dùng làm nơi tiếp kiến các đại thần, giải quyết công việc thường nhật, nên ở giữa điện không có ngai vàng Đông Noãn Các trong điện cũng là nơi nhà vua và đại thần nghị sự. Thời Vua Đồng Trị nhà Thanh do bà mae là Từ Hy thái hậu chuyên quyền, nên mỗi lần nhà vua nghị bàn giải quyết công việc của quốc gia thì Hoàng đế ngồi trên ngự kỷ ở Đông Noãn Các, phía sau ghế vua ngồi có tấm màn rủ là hai bà Đông, Tây thái hậu ngồi nhiếp chính (huấn dụ). Trên thực tế, Đồng Trị chỉ là ông vua bù nhìn còn gọi việc triều chính điều hành đều do Từ Hy thái hậu định đoạt.

Việc xây dựng các cung điện cần rất nhiều gỗ có chất lượng cao nên phải lựa chọn gỗ tốt để xây dựng. Ở Trung Quốc, các loại gỗ tốt, quý hiếm đều nằm ở các dải rừng thuộc các tỉnh Triết Giang, Giang Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc. Gỗ khai thác ra được vận chuyển bằng đường thuỷ, qua sông Dương Tử rồi chuyển về Bắc Kinh. Đường vận chuyển xa và chậm nên mỗi đợt vận chuyển có khi kéo tới ba bốn năm mới đưa được gỗ từ nơi khai thác về tới Bắc Kinh.

Ngoài gỗ ra còn cần đến gạch để xây tường thành vòng quanh cung thành, gạch xây tường các cung điện, gạch lát nền; có nơi nền lát ba lớp gạch. Toàn bộ số gạch để xây dựng cung thành nhà vua lên tới hơn 80 triệu viên. Có những công trình đòi hỏi gạch phải có chất lượng thật cao, như lát nền các cung điện phải dùng loại gạch gọi là *gạch vàng*. Loại gạch này được làm bằng đất tốt, đất đó sau khi đào lên lại phải rửa sạch tạp chất chỉ còn lại chất mịn, dẻo. Cách đóng và nung gạch cũng được làm rất công phu theo một quy trình công nghệ riêng, mặt gạch phải được mài phẳng, đánh bóng nên những viên gạch vừa rắn chắc, vừa nhẵn bóng, gõ vào phát ra tiếng kêu như tiếng vàng nên được gọi là *gạch vàng*. Đây là sản phẩm đặc biệt được sản xuất ở vùng Tô Châu thuộc tỉnh Giang Tô. Loại gạch đó cũng được vận chuyển bằng đường thuỷ tới Bắc Kinh.

Số lượng đá để xây cất cung điện cũng rất lớn, nền và lan can bốn bên, cầu đá và các con đường chính trong Hoàng thành đều xây bằng đá. Để giảm bớt khó khăn trong việc vận chuyển đá người ta đã cố tìm để khai thác đá ở những nơi gần nhất. Nhưng vận chuyển đá còn khó khăn gấp nhiều lần so với vận chuyển gỗ và gạch nhất là những khối đá lớn để làm ra những con sư tử đá và những cột đá ở trước Thiên An môn. Trong số những tảng đá lớn chuyển về có một tảng đá lớn nhất dùng để lát đường vua đi ở phía Bắc Điện

Bảo Hoà. Tảng đá đó dài 16 mét, rộng 3,17 mét, nặng hơn 200 tấn. Đó là trọng lượng sau khi đã gia công hoàn thành, nếu tính cả trọng lượng khối đá khi mới mang về thì còn nặng hơn thế nhiều. Một khối đá nặng như thế làm sao chuyển được từ nơi khai thác đến công trường xây dựng *Tử Cấm thành*? Lúc đó chưa thể có những *chiếc xe tải* chở được trọng lượng lớn như vậy, cũng không thể dựa vào sức khiêng vác của con người. Những người thông minh, tài giỏi đã nghĩ ra cách đào một con mương cạn dọc theo đường đi chèo mùa đông giá rét, nước ở con mương đào đó kết băng trở thành một con đường băng và cứ thế đẩy khối đá xuống đường băng mà trượt về Bắc Kinh cho tới tận công trường.

Xây dựng cung điện còn cần một khối lượng lớn là ngói lưu ly. Để vật liệu chuyên chở được gần Bắc Kinh, nhiều xưởng làm gạch ngói lưu ly được mở ra. Xưởng gạch ngói lưu ly ở Môn Đầu Câu và ở nội thành Bắc Kinh ngày nay là nơi sản xuất gạch ngói lưu ly trước kia. Ở khu phía Tây thành phố Bắc Kinh hiện có một phố nhỏ gọi là phố Kho Gỗ và một phố khác gọi là phố Gạch Vuông, là nơi trước kia có kho chứa gỗ, chứa ngói. Kho chứa gỗ lúc đó có tới 3000 nhà kho, đủ cho ta thấy số gỗ lúc đó dùng nhiều như thế nào.

Thời gian chuẩn bị vật liệu kéo dài trong mười năm, đến năm 1417 mới việc chuẩn bị xong xuôi. Triều đình nhà Minh trưng tập mười vạn thợ và mười vạn dân công để bắt tay vào thi công.

Chế độ phong kiến Trung Quốc coi Hoàng đế là Thiên tử (con trời) nên nơi ở ngoài sự uy nghi và hào hoa còn thể hiện mối giao hoà với trời đất.

"Các cung điện trong nội cung đều tượng trưng cho sự phối hợp giữa trời đất, nhật Nguyệt, tinh rồng như cung Càn Thanh và Khôn Ninh tượng trưng cho trời và đất ở giữa có điện Giao Thái tượng trưng trời đất Giao Thái".

Sân rồng của cung Càn Thanh có hai cửa Đông Tây mang tên Nhật Tinh và Nguyệt Hoa, tượng trưng cho Nhật, Nguyệt.

Phía Đông và Tây của Hậu Tam cung có 12 cung tượng trưng cho 12 con rồng (một giáp).

Bố trí kiến trúc trong Cố cung theo nguyên tắc nhấn mạnh trục giao, hai bên đối xứng nhau. Đồng thời xây dựng to nhỏ khác nhau dựa trên công năng sử dụng và theo thứ tự cấp bậc, ngôi thứ trong Hoàng gia.

Tiền Tam điện là quần thể kiến trúc lớn nhất, chiếm 20% diện tích của cung thành, còn Hậu Tam cung chỉ bằng 1/4 diện tích của Tiền Tam điện. Các cung điện khác, kể cả cung điện của Thái Thượng hoàng, Hoàng Thái hậu còn nhỏ hơn Hậu Tam cung.

Trên hình thức kiến trúc, căn cứ vào số gian nhà nhiều ít và kiểu mái nhà để phân biệt chủ thứ. Những kiến trúc quan trọng đều từ 11 gian đến 9 gian. Những kiến trúc trang trọng đều lợp hai tầng mái như: Ngọ môn, Thái Hoà môn, Thần Vũ môn, điện Thái Hoà, điện Bảo Hoà, cung Càn Thanh, cung Khôn Ninh nổi bật lên trong toàn bộ kiến trúc của Cố cung. Ngoài ra, trong từng nhóm kiến trúc riêng rẽ cũng xây dựng theo thứ tự to nhỏ khác nhau thể hiện chủ thứ phán minh, nói lên mối quan hệ luân thường phong kiến vua tôi, cha con, vợ chồng, vợ cá vợ lẽ, cung tần mỹ nữ...

Bố cục kiến trúc trên đây tạo thành hình thức không gian đa dạng, có biến hoá trong một tổng thể thống nhất của Âm - Dương Ngũ hành và Bát môn.

Ngự viên là khu vườn riêng của vua nằm ở phía sau Hậu Tam cung (tức phía sau cung Khôn Ninh, giáp cửa Thần Vũ môn). Đây là khu vườn có quy mô không lớn ($130m \times 90m$) nhưng được tạo dựng rất tinh tế. Mặc dù là nơi nghỉ ngơi thường ngoạn vườn hoa cây cảnh nhưng đôi khi cũng là nơi làm việc của vua với cận thần nên ngoài việc tạo dựng nhiều hoa thơm cỏ lạ thì ở đây cũng còn bố trí nhiều kiến trúc xinh xắn gồm các điện nhỏ, các đài, tháp... có sự gắn kết khéo léo với khung cảnh thiên nhiên.

Ngự viên còn thường gọi là vườn Thượng uyển. Đó là vườn hoa trong cung đình, nơi vua dạo chơi lúc nhàn rỗi hoặc tổ chức hội vui trong cung đình. Ngự hoa viên có diện tích hơn 11 ngàn mét vuông, ở đó có đình, đài, lầu, các. Về thực vật, ngoài các cây vốn sinh trưởng ở miền Bắc Trung Quốc, ở đây còn tuỳ theo thời tiết từng mùa trồng xen vào những bồn hoa, cây cảnh phương Nam và từ khắp nơi trong nước gửi về tiến vua những mẫu hình đá quý, những hòn non bộ được trưng bày trong vườn làm cho Ngự hoa viên có một cảnh sắc riêng biệt hòa đồng với thiên nhiên hoàn toàn khác biệt với cảnh nguy nga tráng lệ của quần thể các cung điện ở phía trước.

Thảo mộc ở đây được lựa chọn kỹ lưỡng và được bố trí hài hòa với các lối đi dạo trải đá cuội nhiều màu sắc xen kẽ các núi đá nhân tạo, tạo nên nhiều hình ảnh đặc sắc của nghệ thuật tạo cảnh truyền thống của Trung Quốc. Đến

nay vẫn còn lưu lại nhiều cổ thụ rất quý giá như những cây tùng có tuổi thọ trên 400 năm, thân cây già cỗi nhưng cành lá vẫn xanh tươi, nhiều thân cây uốn lượn tạo nên những hình ảnh kỳ lạ và thú vị. Có cả những đôi cây quấn quýt vào nhau tạo nên một dáng đẹp của những vũ nữ uốn lượn. Về cảnh trí thực vật cũng như kiến trúc cảnh quan, ngự viên khá tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc vườn cảnh lâu đài của Trung Quốc.

Tư liệu: Nhân tài trong sự nghiệp kiến trúc đời Minh - Thanh

Sử sách Trung Quốc rất quan tâm đến những nhân tài trong sự nghiệp kiến trúc các triều đại. Sách "Trung Quốc Kiến trúc cổ đại giản sử" của Bộ Kiến trúc công trình xuất bản năm 1961 đã nói về những người nổi tiếng trong kiến trúc các triều đại. Riêng về thời Minh, Thanh, sách đã giới thiệu:

1. *Băng Tường là thợ mộc ở Hương Sơn - Tô Châu, sau làm Thị Lang Công Bộ nhà Minh. Năm Vĩnh Lạc thứ 15, xây dựng Cung điện ở Bắc Kinh, cuối năm Thiên Thuận xây Dự Lăng. Theo "Ngô huyền chí", Băng Tường phàm là xây dựng cung điện, lầu, gác, trên tay có thể vẽ được. Trong tu sửa, kích thước đúng như in, không sai ý, bấy giờ đã gọi là "Băng Lô-Ban".*
2. *Dương Thanh người Kim Sơn Vệ, đầu năm Vĩnh-Lạc xây dựng cung điện ở Bắc Kinh, sau đó làm Thị Lang Công Bộ.*
3. *Lục Tường, người Vô-Tích, là thợ đá cổ truyền nổi tiếng, đầu thời Minh, cùng với người anh là Lục Hiền xây dựng cung điện ở Nam Kinh.*
4. *Kế Thành, người Tô Châu là người làm vườn có tiếng cuối thời Minh. Cuốn sách "Viên trị" của ông là một công hiến cho nghệ thuật làm vườn ở Trung Quốc.*
5. *Lôi Phát Đạt sinh năm Vạn Lịch thứ tư, thời Minh (năm 1619), mất năm Khang Hy thứ 32 nhà Thanh (năm 1693) đã chủ trì xây dựng Điện Tam-Đại trong cung điện Minh, Thanh. Họ Lôi kế tiếp nhau hơn 200 năm trong việc vẽ các đồ án kiến trúc nhà cửa, bảy đời đều làm những người chủ trì thiết kế các cung điện nhà Thanh. Vườn Viên-Minh, vườn Thanh Ký, núi Ngọc-Huyền quy mô đồ sộ và những công trình Ly Cung Hương-Sơn, biệt dã ở Nhiệt Hà, Xương-Lăng, Huệ-Lăng, Tam Hải đều do họ Lôi chủ trì xây dựng.*

6. Trong sách "*Nguyễn An, nhà kiến trúc Việt Nam với cổ thành Bắc Kinh*", nhà sử học Trần Văn Giáp, sau khi tham khảo sử sách ở Cố cung Trung Quốc đã trích dẫn Hoàng Minh Thư của Đặng Nguyên Tích viết cuối đời Minh, thế kỷ thứ XVI:

"*Nguyễn An là người Giao Chỉ, làm Thái giám trong thời chính thống, tính người thanh bạch, khắc khổ, giản dị, trong sạch, khéo bầy mưu vẽ kế, giỏi nhất về công trình kiến trúc. Công việc sửa sang thành trì Bắc Kinh, làm 9 cửa thành, sửa lại 3 điện, 5 phủ, 6 bộ và trụ sở các ty ở Bắc Kinh, đắp lại đê trên khúc sông ở thôn Tắc-Dương, đều do Nguyễn An đứng trông coi, cho kiểu mẫu, các quan ở Bộ Công chỉ việc theo kiểu, vạch sẵn đem làm. Khi sắp mất, cho biên tất cả của cải được ban cho suốt đời và các con riêng, đưa nộp làm của công*".

Các sách: "*Minh Sử* của Trương Định Ngọc, đời Thanh, xuất bản năm Kiên Long thứ IV, 1739; *Minh Sử* thiết của Doãn Thủ Hành; *Minh Thư* của Phó Duy Tân, đều có ghi nhiều sự tích về Nguyễn An.

Tiến Bộ nhật báo xuất bản ở Thiên Tân, tháng 2 năm 1950 có bài của Trương Tú Dân: "Nguyễn An - nhà kiến trúc thiên tài người Việt Nam đã tham gia công trình kiến thiết Đại Bắc Kinh dưới đời Minh".

Những công trình có công sức của Nguyễn An ở kinh thành Bắc Kinh, được xác nhận là:

1) Khôn Minh cung, 2) Kiên Thành cung, 3) Bảo Hòa điện, 4) Trung Hòa điện, 5) Thái Hòa điện, 6) Ngọ môn, 7) Thiên An môn, 8) Phố Đông Tràng An, 9) Phố Tây Tràng An, 10) Chính Dương môn, 11) Sùng Văn môn, 12) Tuyên Vĩ môn, 13) Triều Dương môn, 14) Phu Thành môn, 15) Đông Trúc môn, 16) Tây Trúc môn, 17) An Định môn, 18) Đức Thắng môn.

(Trích sách "*Kiến trúc cổ đại Châu Á*" của GS-KTS Ngô Huy Quỳnh, Nxb VHTT 1999)

Tư liệu: Tư tưởng thiết kế Tử Cấm thành

Trong xã hội phong kiến Trung Hoa, nền kiến trúc tất nhiên cũng chịu ảnh hưởng của chế độ chính trị và ý thức hệ phong kiến. Sự tôn thờ trời đất,

Thánh Thản tổ tông cũng như lòng tin vào thuyết âm, dương, ngũ hành đã ảnh hưởng đến nội dung và hình thức kiến trúc, càng được thể hiện rõ trong việc xây dựng cung điện, nhất là ở Tử Cấm thành, và trong Tử Cấm thành thì đặc biệt là điện Thái Hoà phải được đặt ở vị trí trung tâm của tiền Triều nơi thể hiện tập trung quyền lực của nhà Vua.

Ngọ Môn là cửa lớn của Tử Cấm thành có ba cửa ở chính diện và hai cửa ở hai bên. Cửa lớn ở giữa là nơi nhà vua ra vào Tử Cấm thành. Ngoài nhà vua, hoàng hậu lúc thành hôn cũng được vào cung qua cửa đó. Những khoá sinh thi đậu Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa cũng được đi ra cửa đó nhưng chỉ được đi một lần. Cửa phía Đông chính diện, dành để văn, võ bá quan ra vào. Cửa phía Tây là nơi ra vào của những người trong hoàng tộc. Còn hai cửa nhánh hai bên là nơi để các quan văn võ ra vào mỗi khi nhà vua tiếp kiến chư hầu, quần thần, theo quy định; quan văn đi cửa phía Đông còn quan võ đi vào cửa phía Tây. Khi nào nhà vua cho mở khoá thi và đích thân khảo tra thì tiến sĩ các nơi về dự thi cử theo thứ tự báo danh, người số lẻ đi cửa phía Đông còn số chẵn đi cửa phía Tây.

Về bậc thềm, ở những cung điện trọng yếu đều chia làm ba phần; phần ở giữa là ngự đạo dành riêng cho nhà vua đi, mặt thềm trang trí hoa văn hình rồng. Thực ra vua có bao giờ đi bộ qua đường đó đâu, thường là ngồi trên kiệu để người ta rước qua đường đó mà thôi.

Những cửa lớn của các cung điện đều lắp cánh cửa dày bằng gỗ tối có đóng các hàng đinh cho cửa thêm vững chắc và dần dần việc đóng đinh trên cửa trở thành một kiểu trang trí, trong đó có sự phân biệt rất rõ ràng. Thời nhà Minh quy định cánh cửa hoàng cung sơn đỏ, đóng đinh vàng và cứ theo thứ bậc hoàng tộc, quan chức to nhỏ mà dùng màu sắc khác nhau. Từ cửa sơn màu đỏ đến màu xanh, màu đen; về đinh thì từ đinh vàng đến đinh đồng, đinh sắt. Ngoài ra, cả số đinh: cửa lớn của hoàng cung đóng nhiều đinh nhất gồm chín hàng đinh dọc và chín hàng đinh ngang tất cả là 81 đinh; rồi đến cửa bảy hàng đinh dọc và bảy hàng đinh ngang, cả thảy 49 chiếc; cuối cùng là loại cửa có năm hàng đinh dọc và năm hàng đinh ngang cộng là 25 chiếc. Vì vậy nên ta thấy trên cánh cửa lớn Ngọ môn, Thái Hoà môn, Thần

Vũ môn ở Tử Cấm thành đều là cửa đỏ, đình vàng chín hàng ngang, dọc gồm 81 đình, đó là những cửa thuộc đẳng cấp cao nhất.

Trên nóc các cung điện còn trang trí những con vật nhỏ bằng lưu ly; những con vật thường được trang trí ở nơi được coi là cao cấp nhất gồm chín loài: rồng, phượng, sư tử, thiên mã, hải mã, nhiếp trĩ, bò tót, nghê, giáp ngư, được bài trí theo thứ tự trước sau. Tuy vậy, việc trang trí các con vật ở cung điện cũng có sự khác nhau. Điện Thái Hoà, điện Bảo Hoà, cung Càn Thanh và cung Khôn Ninh trên nóc được trang trí chín loài vật nói trên; còn điện Trung Hoà, điện Giao Thái chỉ trang trí bảy loài. Về cửa, cửa Thái Hoà trang trí bảy loài còn cửa Càn Thanh chỉ dùng có năm loài. Một số đình, các ở Ngự hoa viên chỉ trang trí có ba loài.

Riêng điện Thái Hoà, ngoài việc trang trí chín loài vật ra, người ta còn đặt ở phía sau mỗi con vật một tượng người để phân biệt vị trí quan trọng của điện Thái Hoà so với các cung điện khác.

Âm - Dương, ngũ hành là một học thuyết của Trung Quốc thời Cổ đại. Đó là một quan niệm về triết học và cũng là một thế giới quan. Kinh Dịch có viết: Thiên hạ vạn vật, đều là Âm - Dương, họ cho rằng phàm là trời đất, Nhật, Nguyệt; ngày đêm, nam, nữ đều phân thành Âm Dương, ngay đến chữ số cũng có số chính và số phụ, số chẵn, số lẻ, có cơ và ngẫu; có phượng vị trên dưới, trước sau... tất cả đều phân thành Âm, Dương. Âm và Dương đối lập nhau nhưng lại dựa vào nhau mà tồn tại. Trong Dương có Âm, trong Âm có Dương. Âm - Dương giao hòa, giao trưởng, thăng giáng.

Ngũ hành là chỉ năm nguyên tố cấu thành vật chất là Thuỷ, Hoả, Mộc, Kim, Thổ; về sau chia thành phượng vị Đông, Nam, Tây, Bắc, Trung; về màu sắc chia ra Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Đen; thanh âm chia ra 5 âm giai Cung, Thương, Vũ, Chuỷ, Giốc.

Người ta còn tìm ra quy luật của mối quan hệ tổng hòa giữa 5 nguyên tố, 5 phượng vị, 5 màu sắc và 5 âm giai.

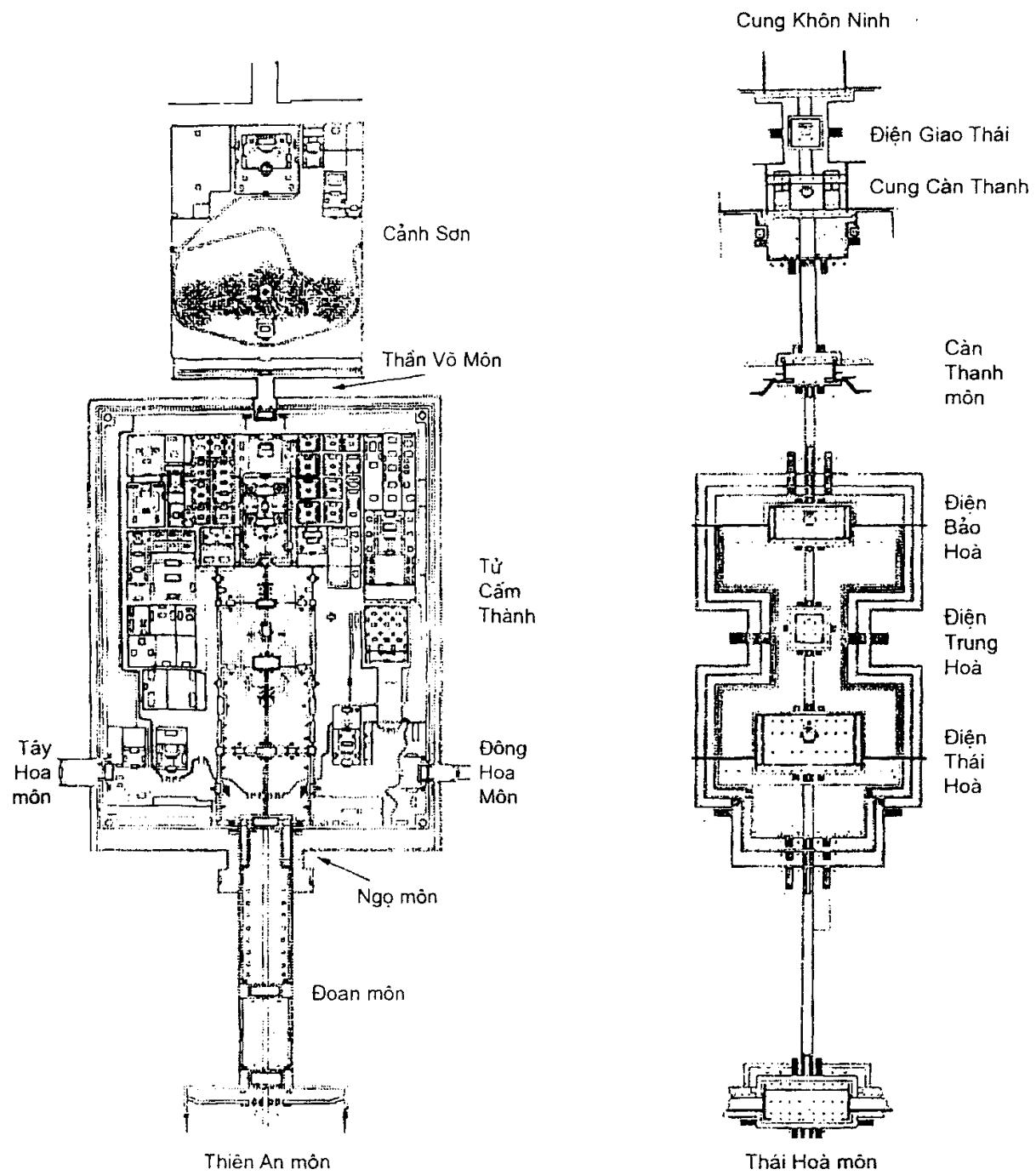
Tư tưởng thiết kế xây dựng quần thể kiến trúc ở Tử Cấm thành cũng chịu ảnh hưởng của học thuyết Âm - Dương ngũ hành.

Về mặt bố cục thì đẳng trước là Dương, đẳng sau là Âm nên tiền Triều ở đẳng trước là Dương, hậuERNAMBUSH ở đẳng sau là Âm.

Vẽ chữ số cũng hàm ý trong thuyết Âm Dương, ngũ hành. Thời Cổ đại cho số lẻ là Dương, số chẵn là Âm, mà số dương thì con số 9 là lớn nhất được nhà vua cho là con số đẹp nhất nên đường vua đi chạm 9 con rồng bay; trên những bức tường chính vẽ hoa văn 9 con rồng gọi là Cửu Long Bích; cánh cửa hoàng cung đóng 9 hàng đinh ngang dọc, trên nóc cung điện của nhà vua, cũng đắp 9 nóc con vật quý hiếm... Đó là biểu tượng của những nơi vua ở, lui tới hàng ngày. Nên còn gọi là chốn cửu trùng. Và nơi thờ tự còn đúc 9 đinh gọi là cửu đỉnh. Có lẽ con số 9 này là ảnh hưởng của tư tưởng đạo Phật. Vì theo quan niệm của đương thời con số 9 là con số của nhà Phật.

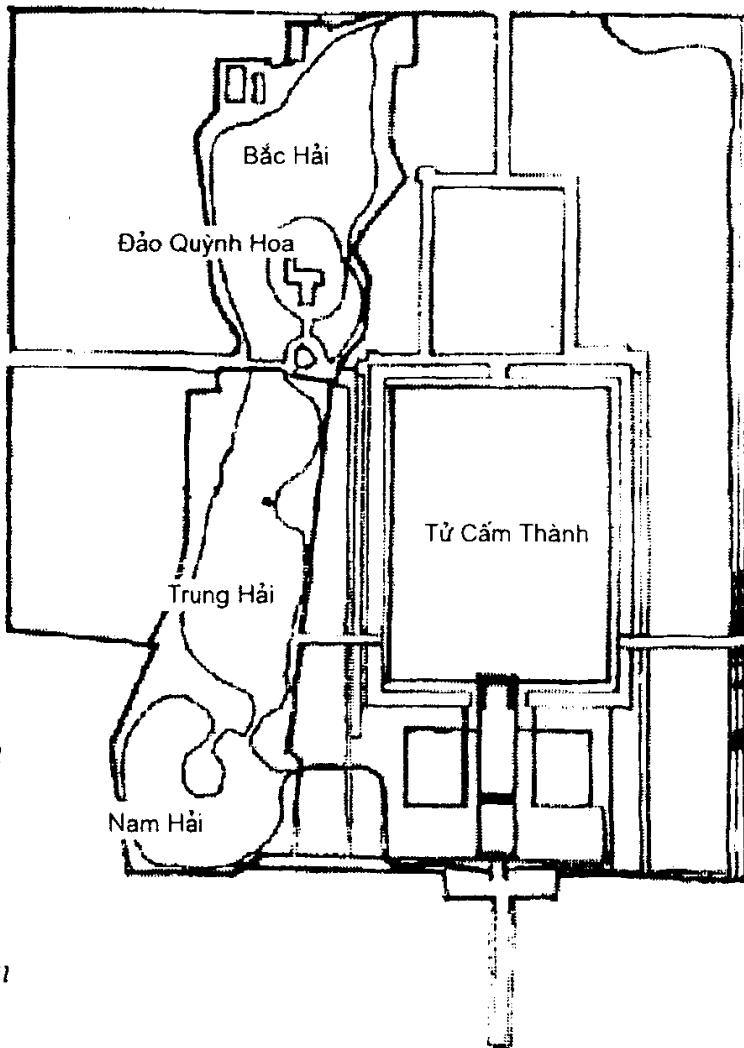
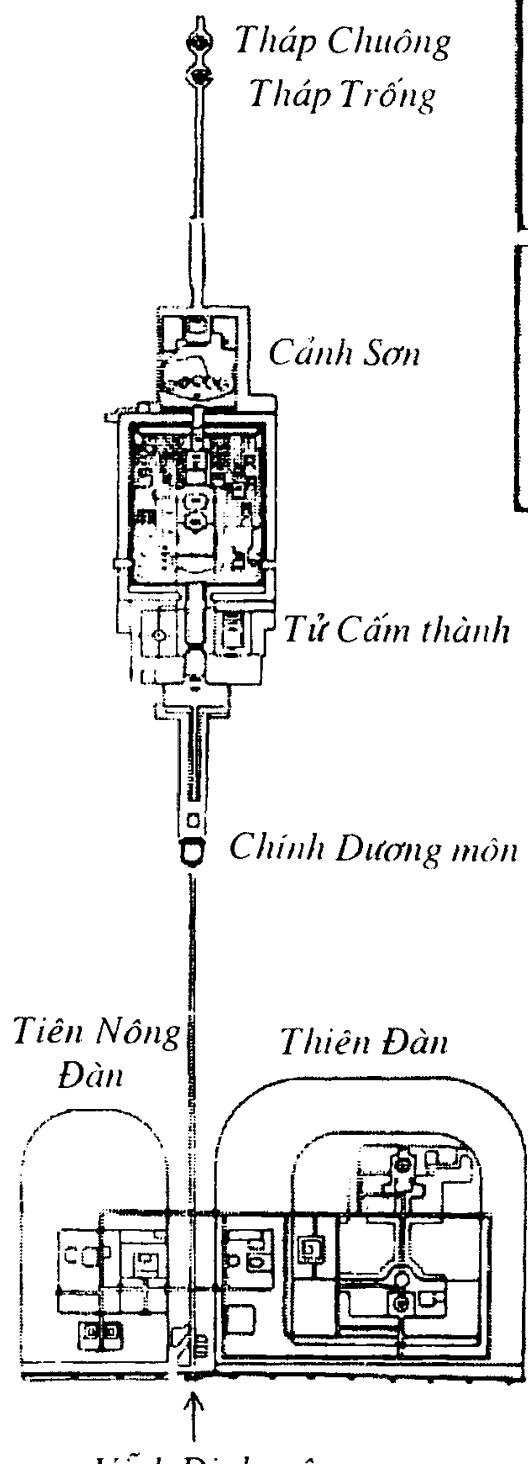
(Trích sách "Almanach những nền văn minh thế giới" mục "Nền kiến trú cổ đại Trung Hoa" của Hoàng Văn Tá)





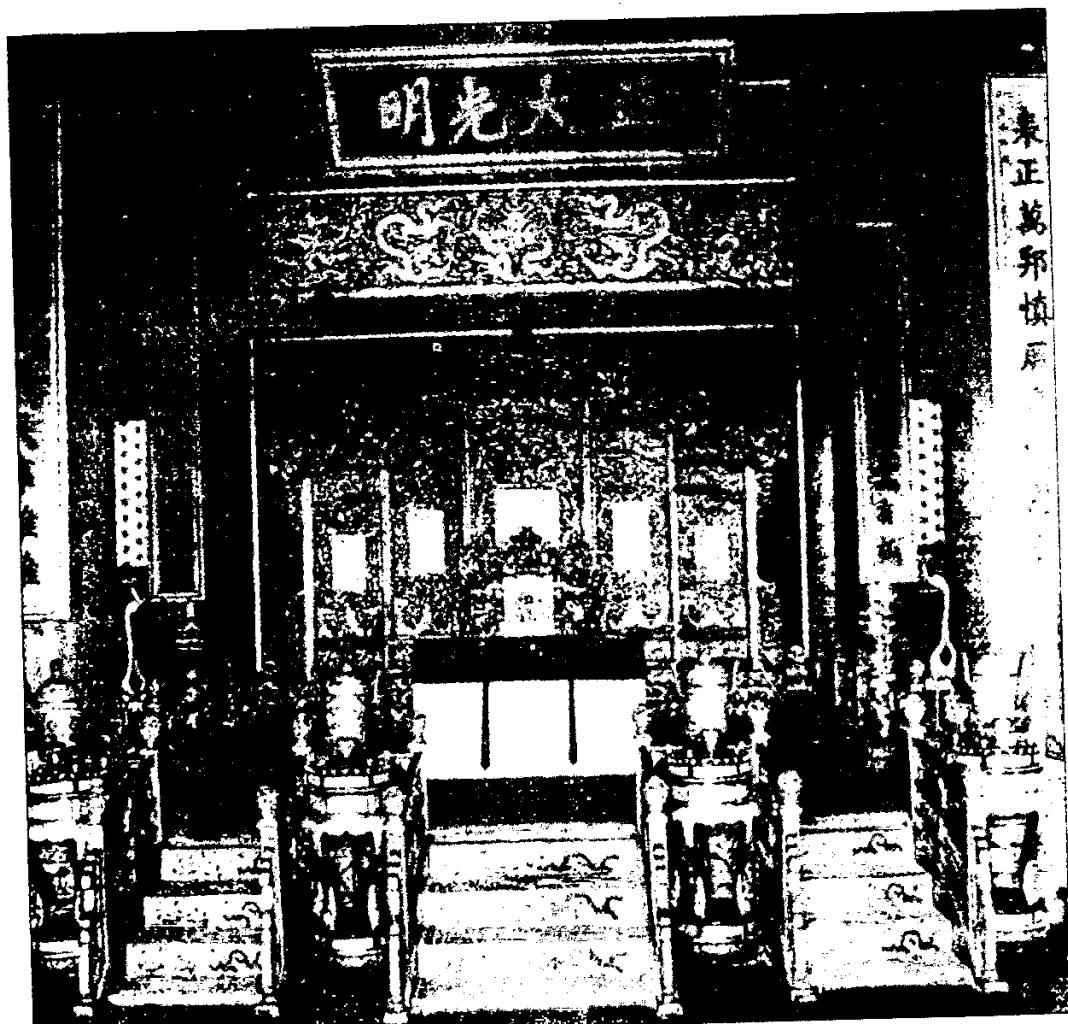
*Trục trung tâm Bắc Kinh từ Thiên An môn
tới Cảnh Sơn*

*Trục trung tâm Bắc Kinh
từ Thái Hoà môn tới cung
Khôn Ninh*

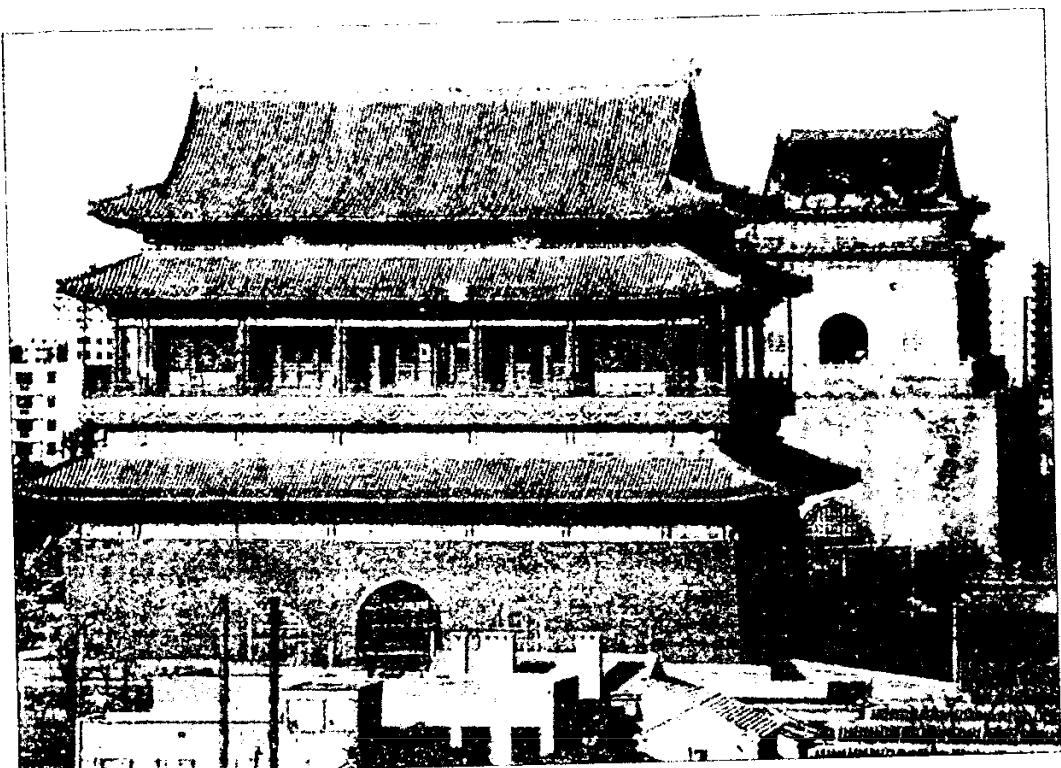


Hoàng Thành Bắc Kinh với Tử Cấm Thành, công viên Bắc Hải và khu Trung Nam Hải

Trung tâm Bắc Kinh từ Vĩnh Định môn tới tháp Chuông tháp Trống



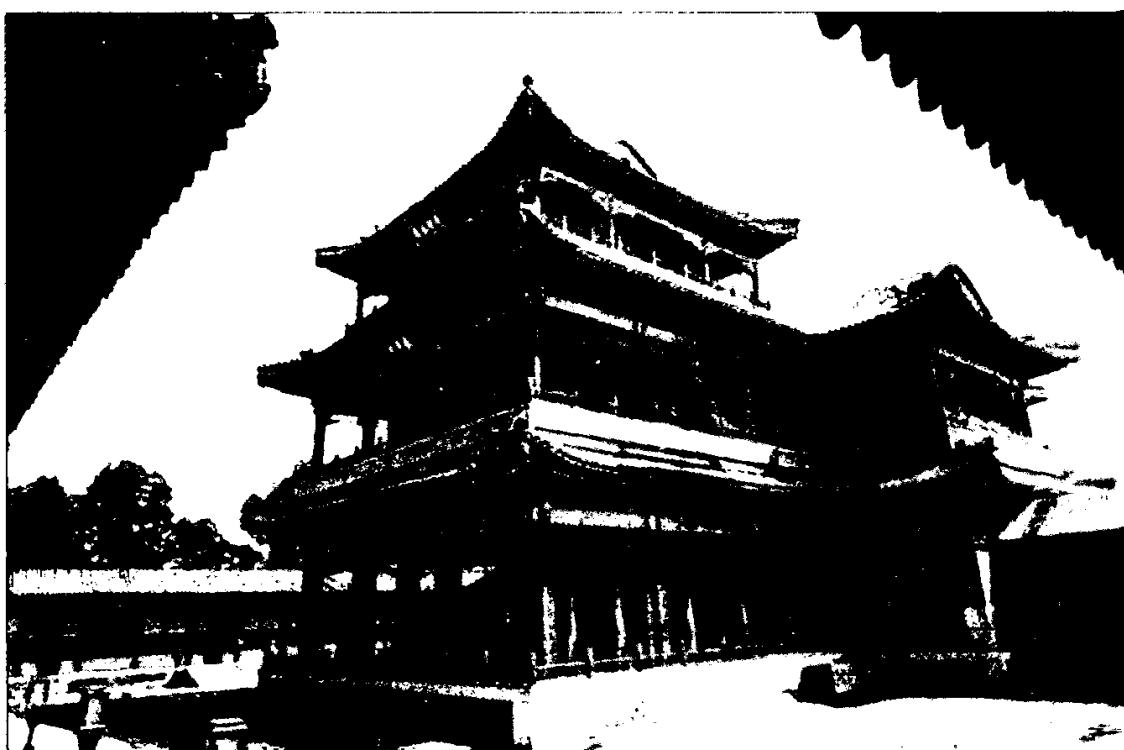
Ngai vàng trong cung Càn Thanh



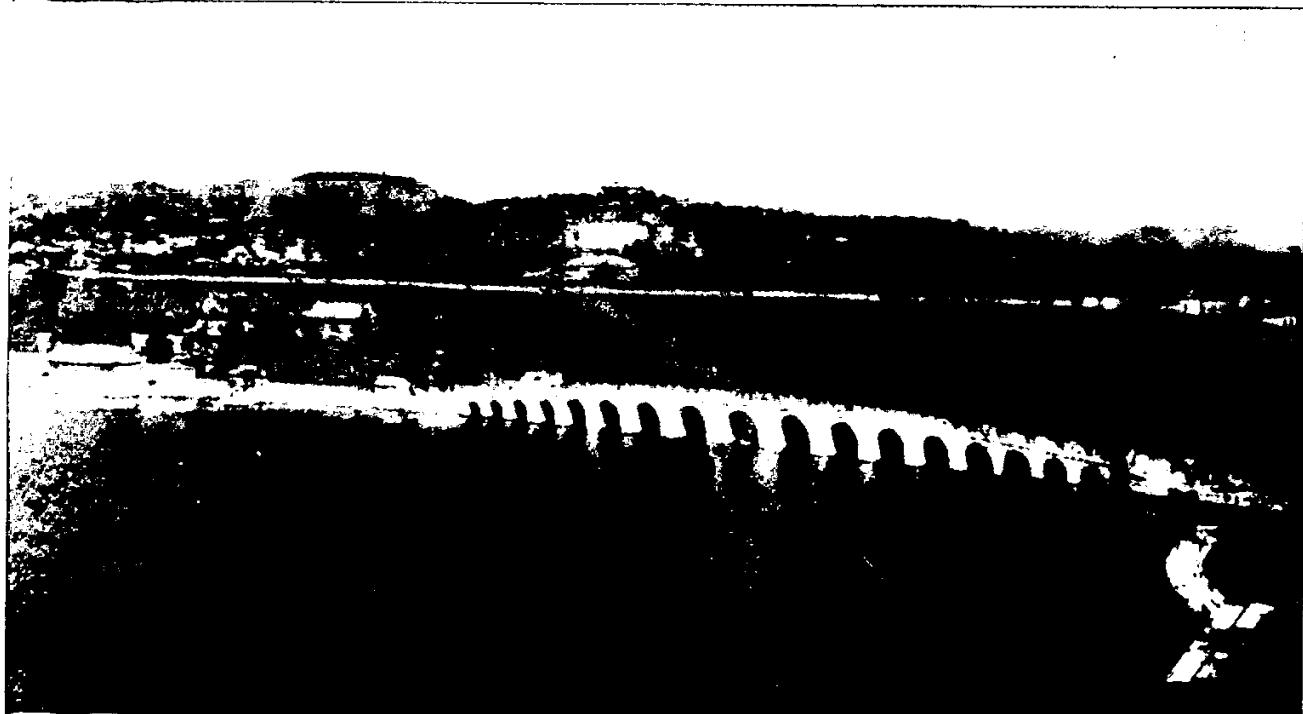
Tháp Chuông và tháp Trống



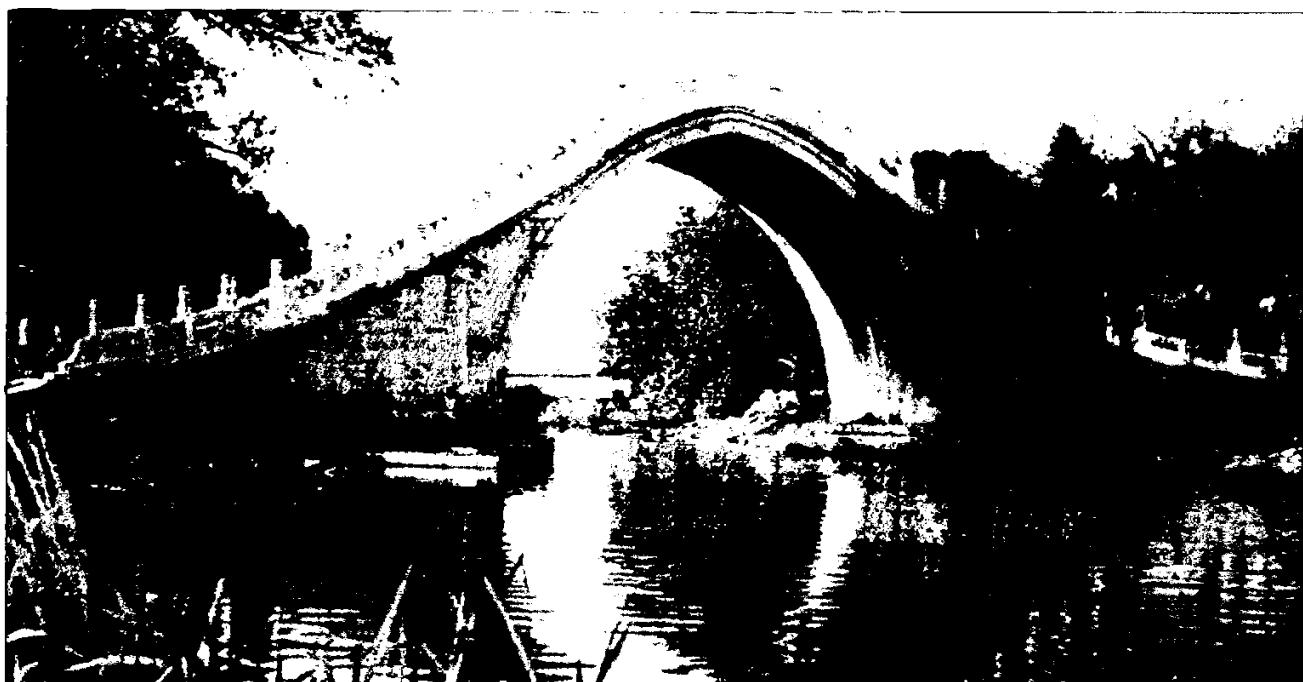
Cây cảnh trong Ngự viên



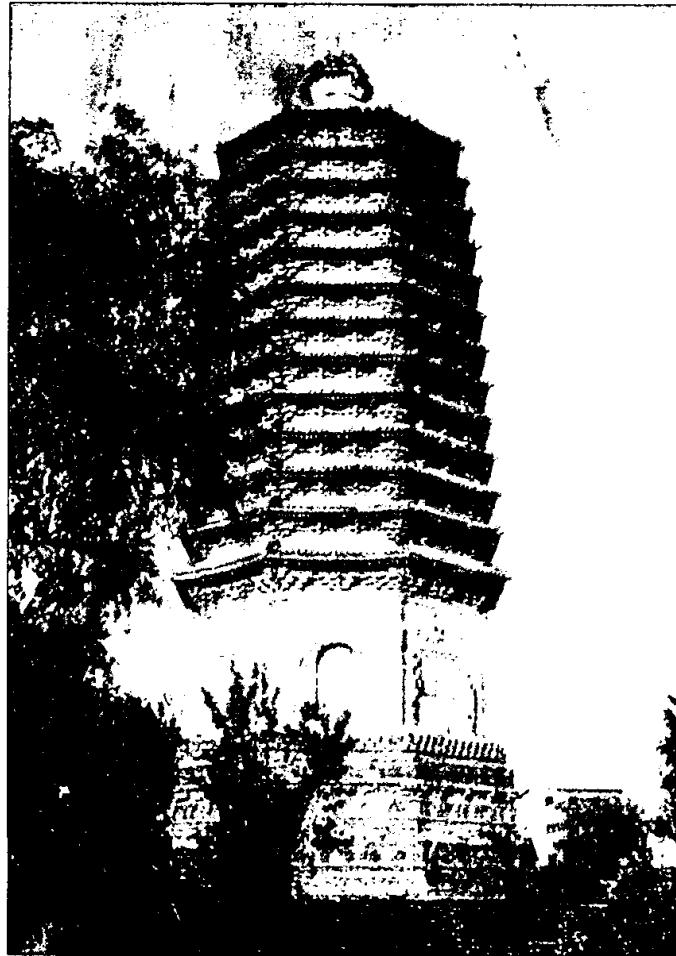
Nhà diễn nhạc trong Di Hoà viên



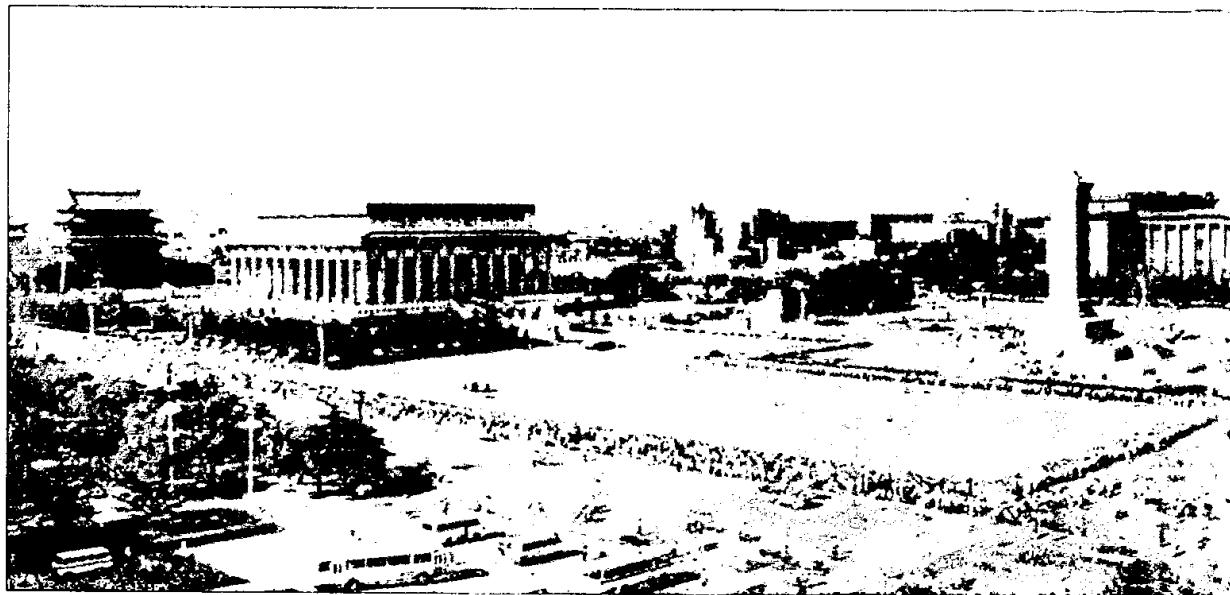
Toàn cảnh hồ Côn Minh và núi Vạn Thọ ở Di Hòa viên



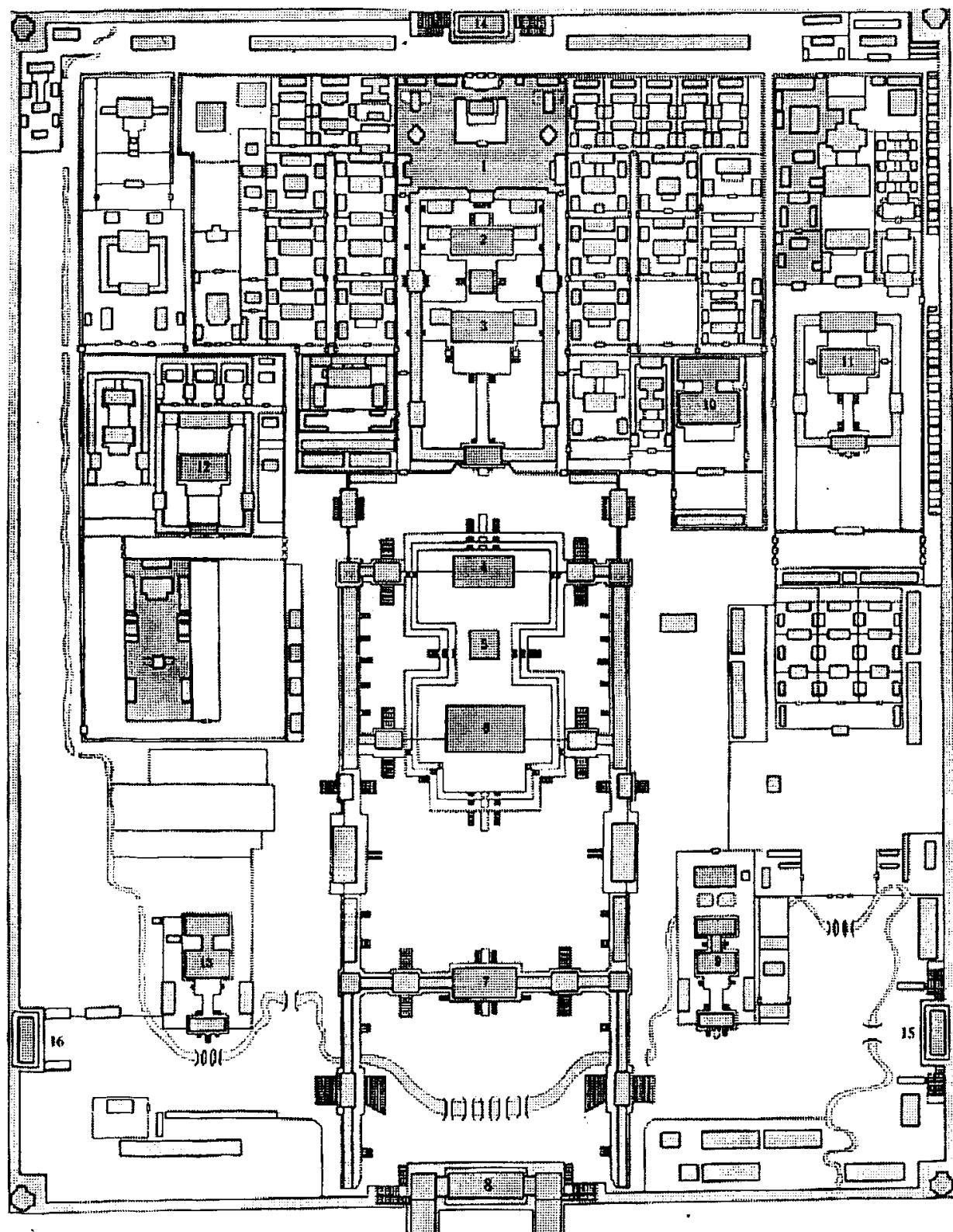
Cầu Ngọc Đởi trong Di Hòa viên



Tháp chùa Thiên Ninh

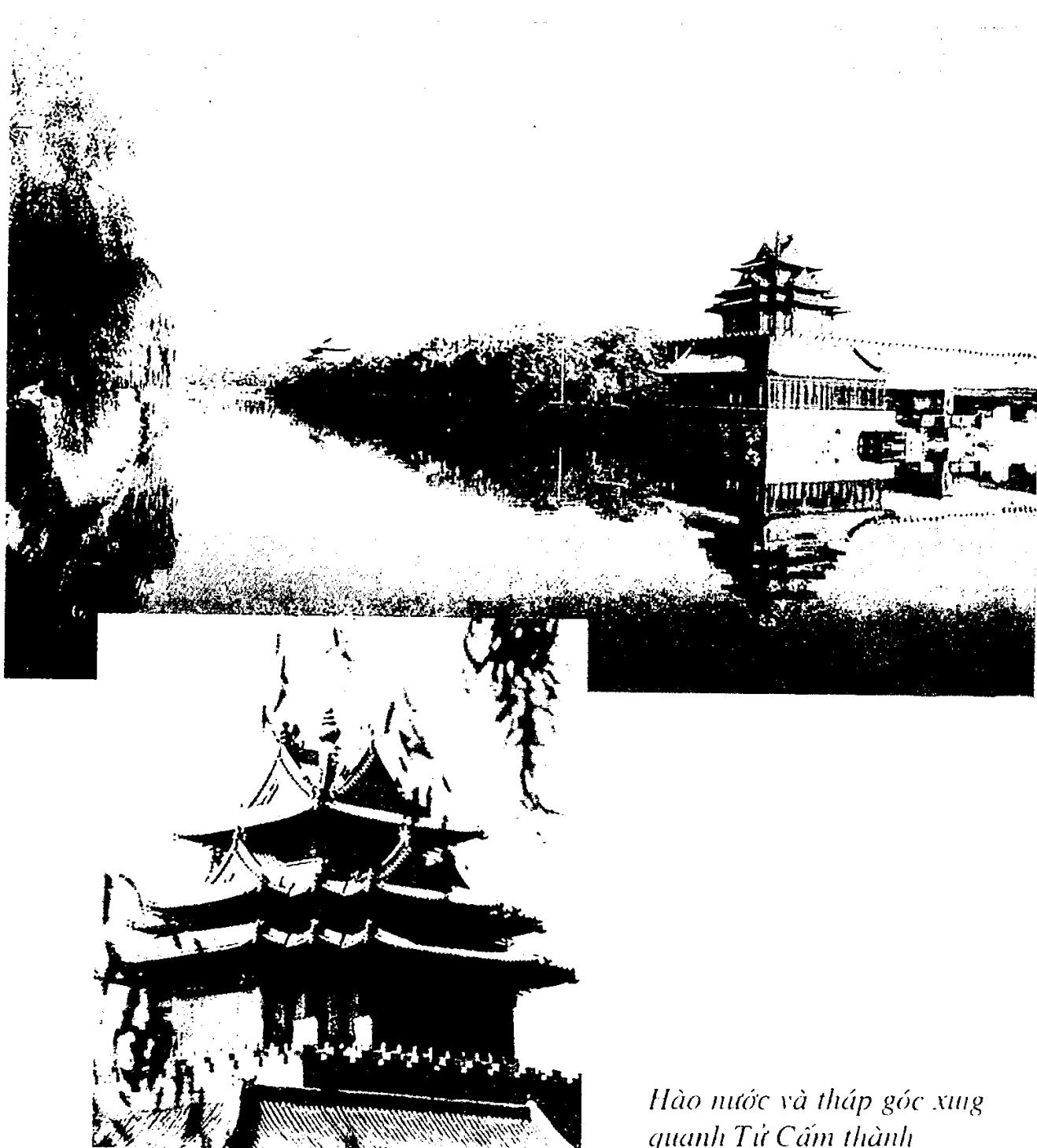


*Nhà tưởng niệm Chủ tịch Mao Trạch Đông và tượng đài Anh hùng Nhân dân
tại quảng trường Thiên An môn*

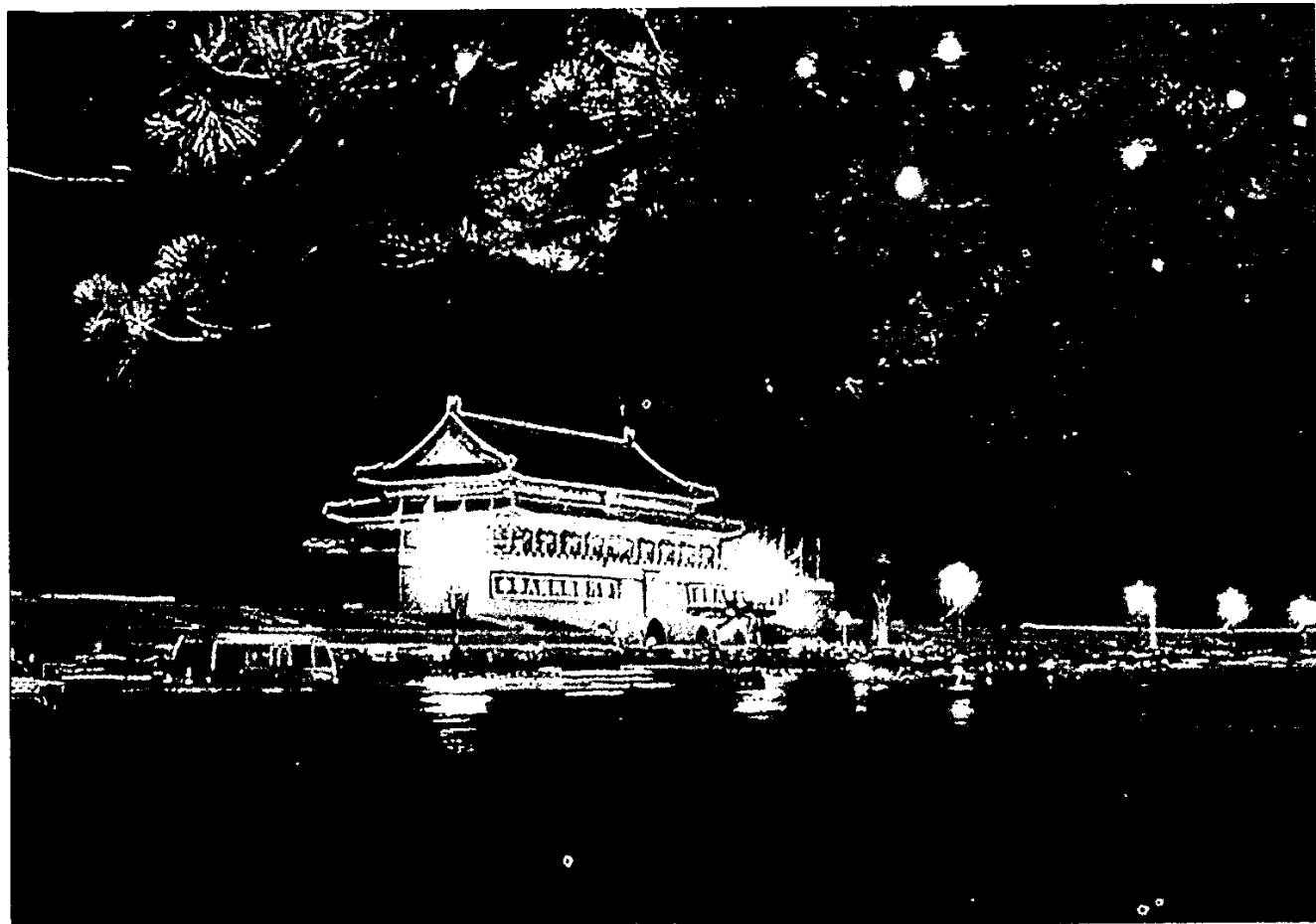


BẢN ĐỒ TỬ CẤM THÀNH - BẮC KINH

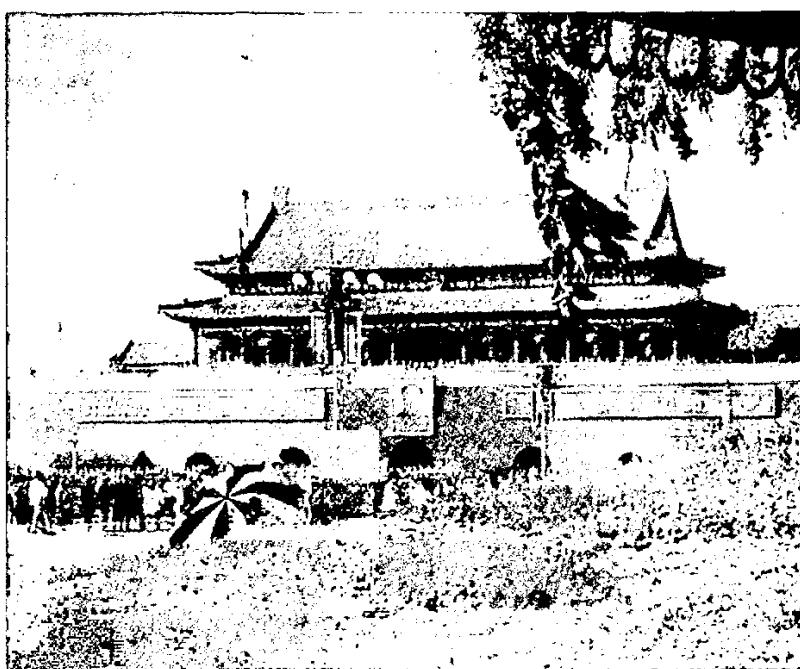
- | | | |
|-------------------|---------------------|------------------|
| 1. Vườn Ngự uyển | 7. Thái Hòa môn | 13. Điện Vũ Anh |
| 2. Cung Khôn Ninh | 8. Ngọ môn | 14. Thần Võ môn |
| 3. Cung Càn Thanh | 9. Điện Văn Hoa | 15. Đông Hoa môn |
| 4. Điện Bảo Hòa | 10. Điện Phụng Tiên | 16. Tây Hoa môn |
| 5. Điện Trung Hòa | 11. Điện Hoàng Cấp | |
| 6. Điện Thái Hòa | 12. Cung Từ Ninh | |



Hào nước và tháp góc xung
quanh Tử Cấm thành



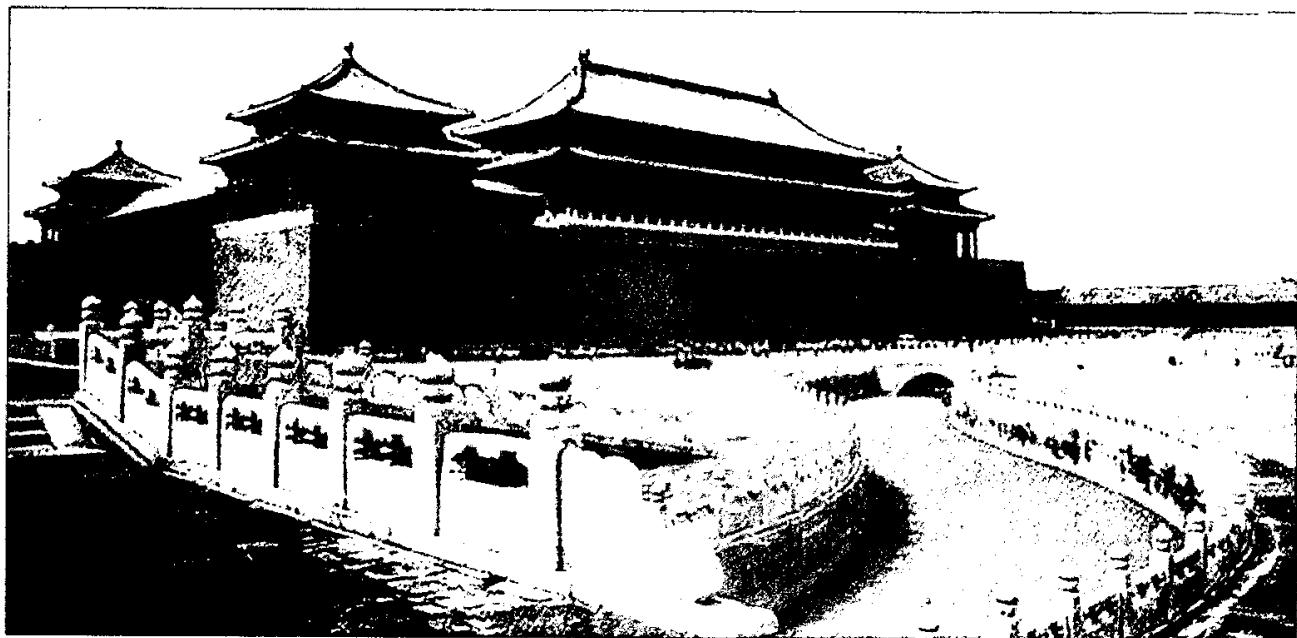
Thiên An môn (ban đêm)



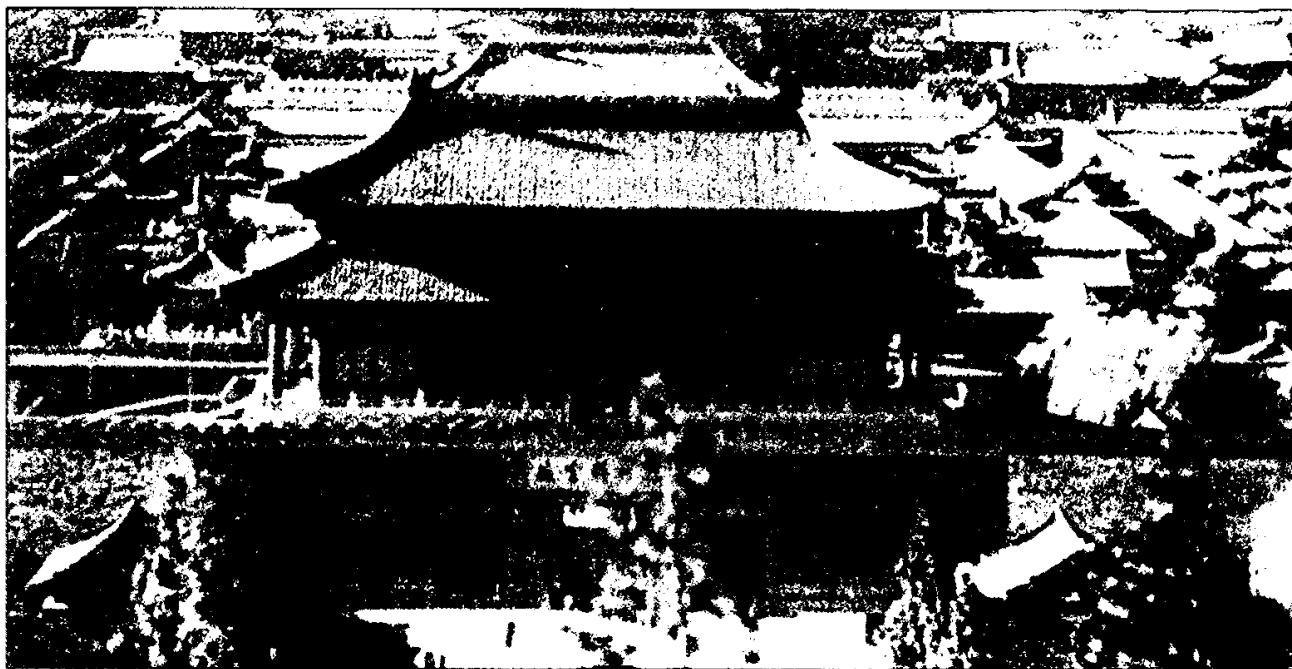
Thiên An môn (ban ngày)



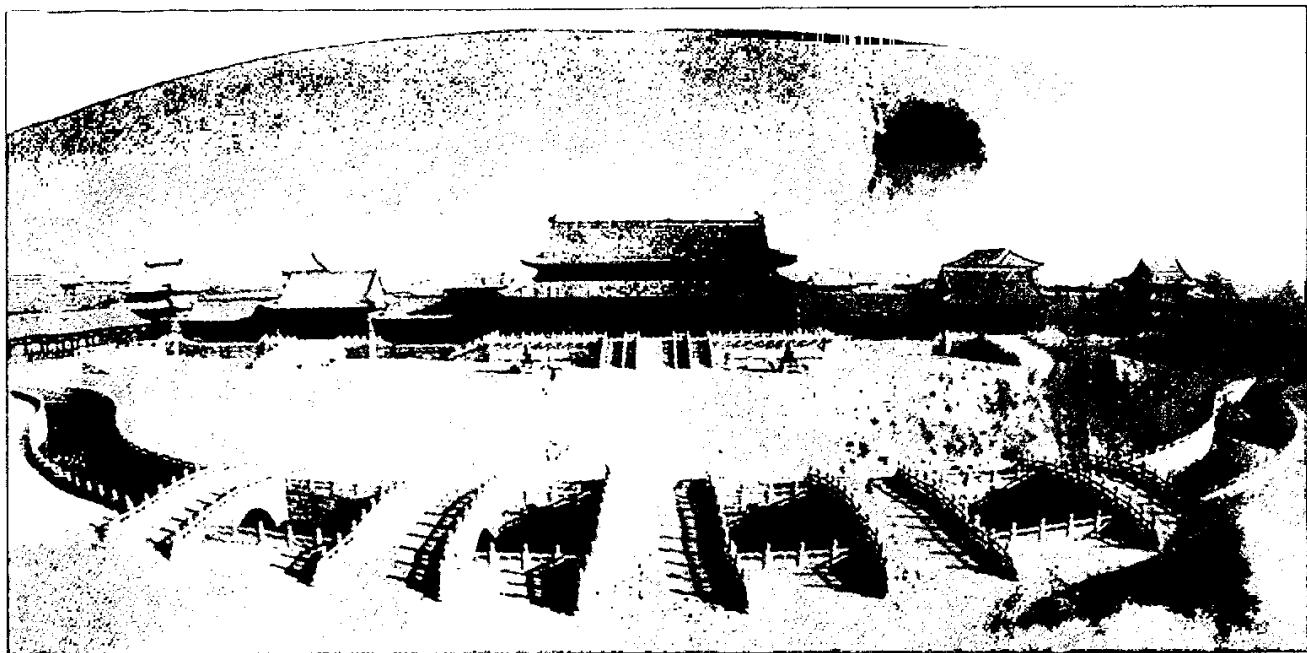
Cột biểu tượng
trước Thiên An môn



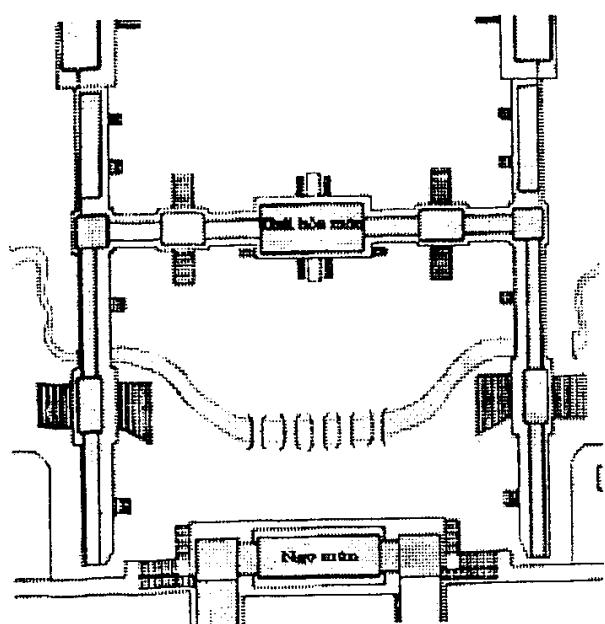
Ngọ môn (cửa phía nam) xây dựng năm 1420 cao 38m là cổng chính vào Tử Cấm thành. Hình ảnh phía mặt trong cổng, có sông Kim Thủỷ, cầu và lan can đá.



*Thần Vũ môn (cửa phía bắc) vào Tử Cấm thành.
Hình ảnh mặt ngoài cổng nhìn từ núi Cảnh Sơn.*



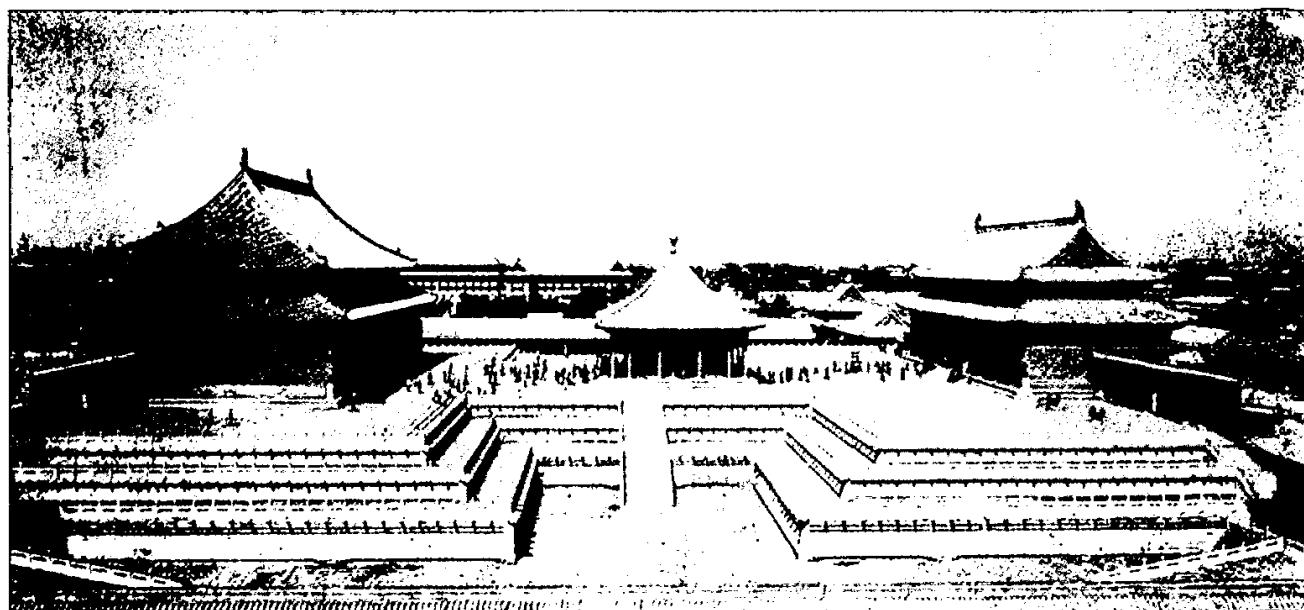
Không gian trước Thái Hòa môn có năm cầu đá bắc qua sông Kim Thủ.



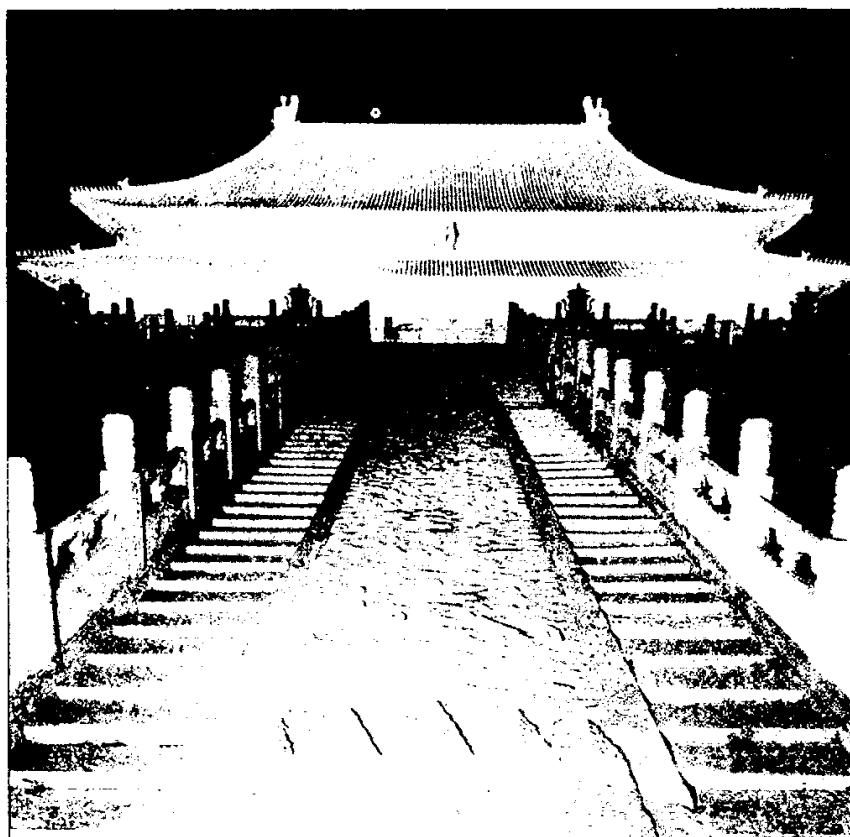
Bản đồ Ngọ môn - Thái Hòa môn



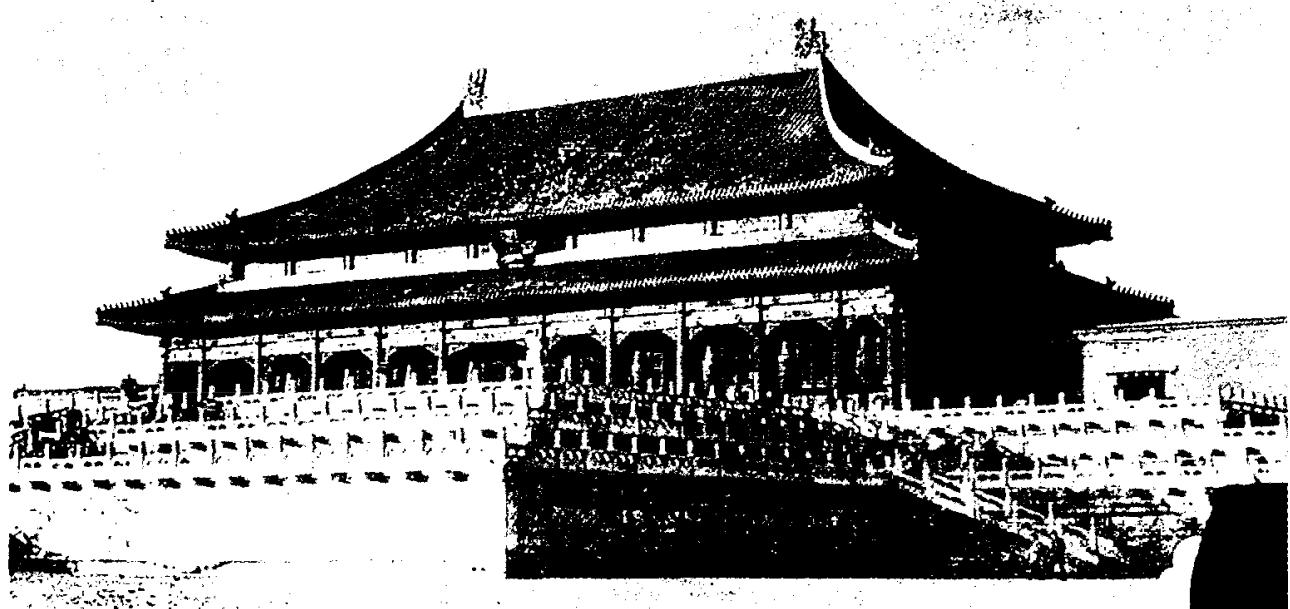
Tượng sư tử (bằng đồng hoặc bằng đá)
trang trí hai bên lối vào cung điện



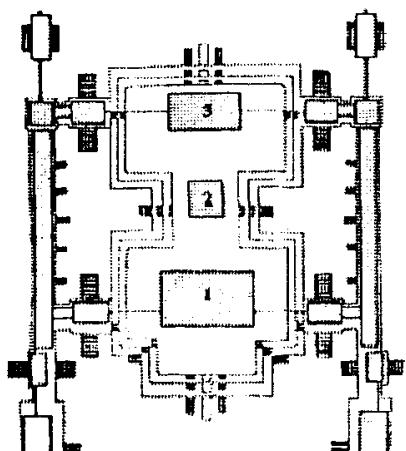
Tổng thể ba cung điện phía trước (tiền tam điện): điện Thái Hòa (trái), điện Trung Hòa (giữa) và điện Bảo Hòa (phải) trên nền bệ đá trắng.



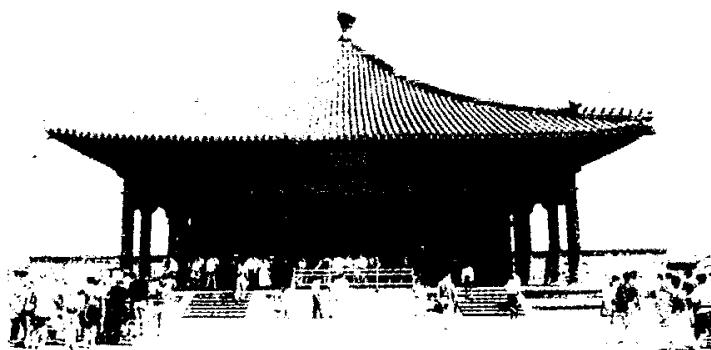
Hệ thống bậc cấp xây dựng bằng đá được chạm khắc tuyệt mỹ ở phía trước điện Thái Hòa



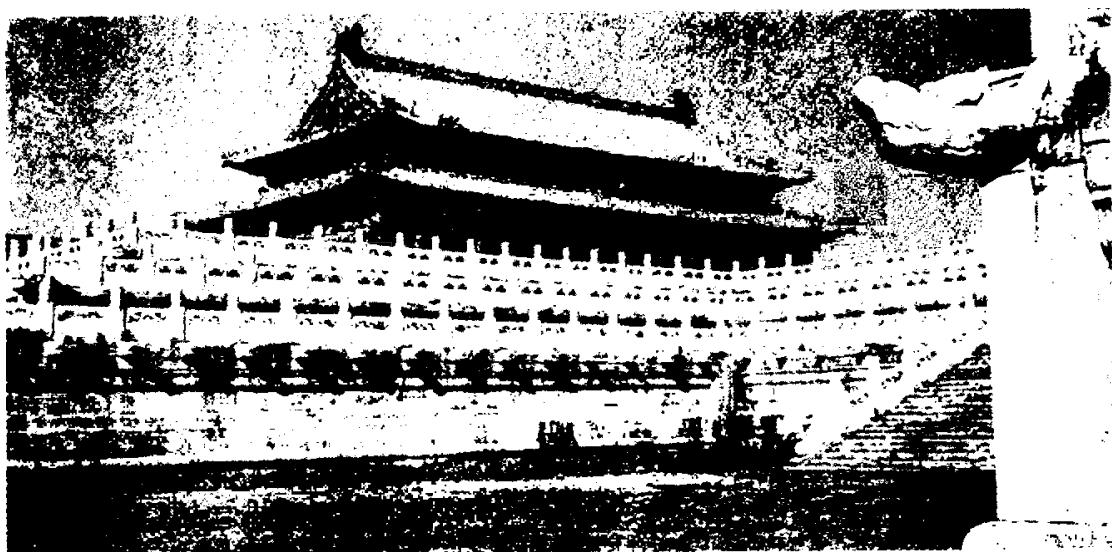
Điện Thái Hòa (1) là nơi diễn ra các nghi lễ quan trọng nhất của triều đình



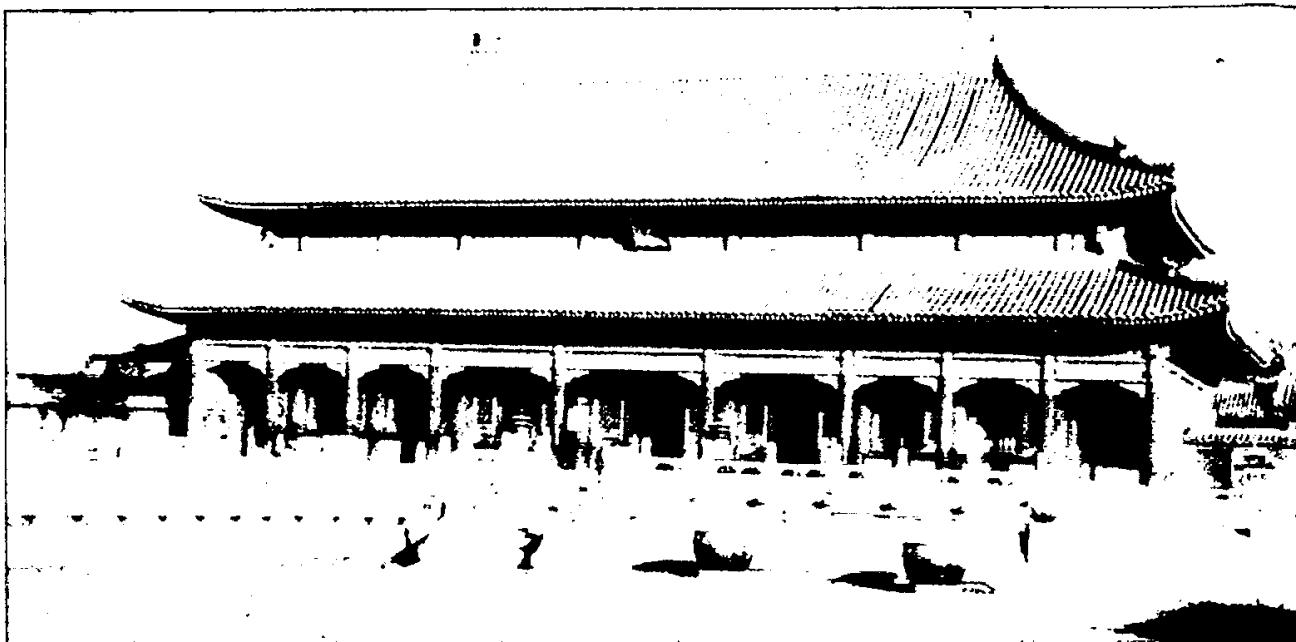
Bản đồ Tiên tam điện



Điện Trung Hòa (2) là nơi chuẩn bị các nghi lễ ở điện Thái Hòa



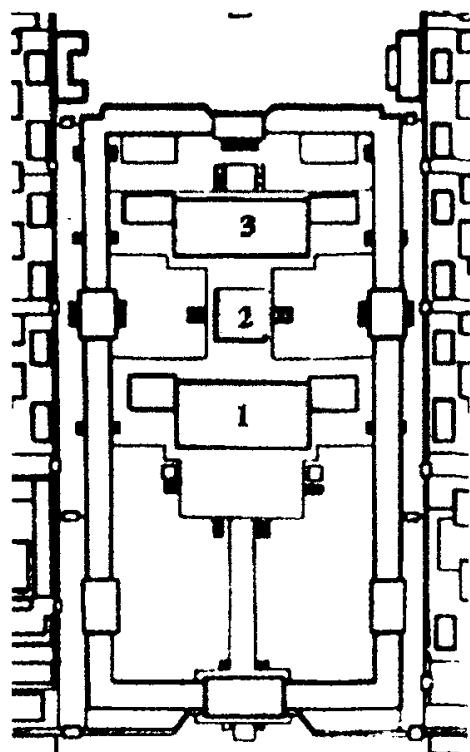
Điện Bảo Hòa (3) là nơi yến tiệc, cũng là trường thi cho các kỳ thi quốc gia

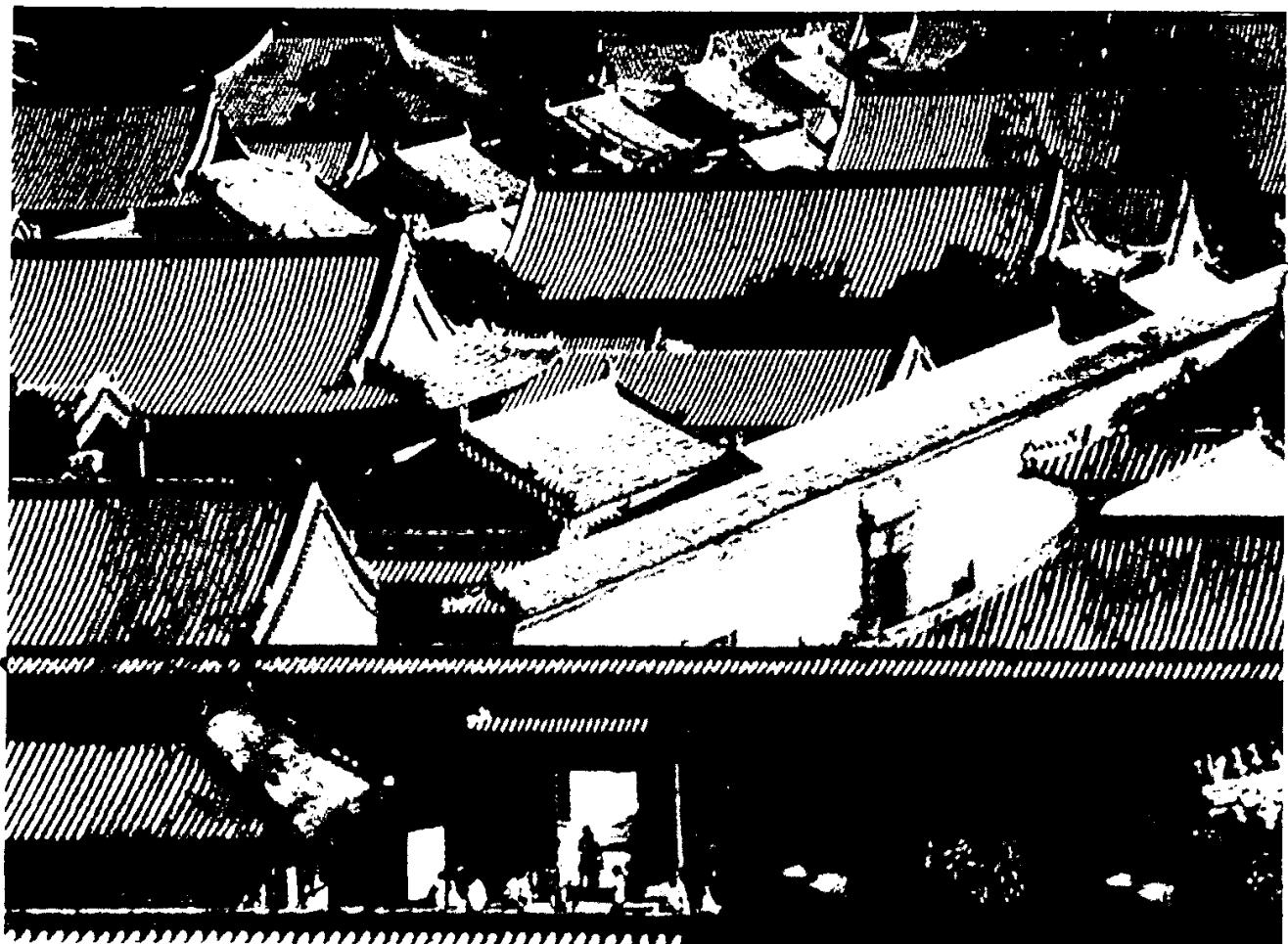


Cung Càn Thanh là nơi ở của Vua

Bản đồ Hậu Tam cung
1. Cung Càn Thanh
2. Điện Giao Thái
3. Cung Khôn Ninh

Điện Giao Thái (xây dựng sau)
là nơi liên kết cung Càn Thanh
và cung Khôn Ninh.





Tổng thể kiến trúc Tây Lục Cung



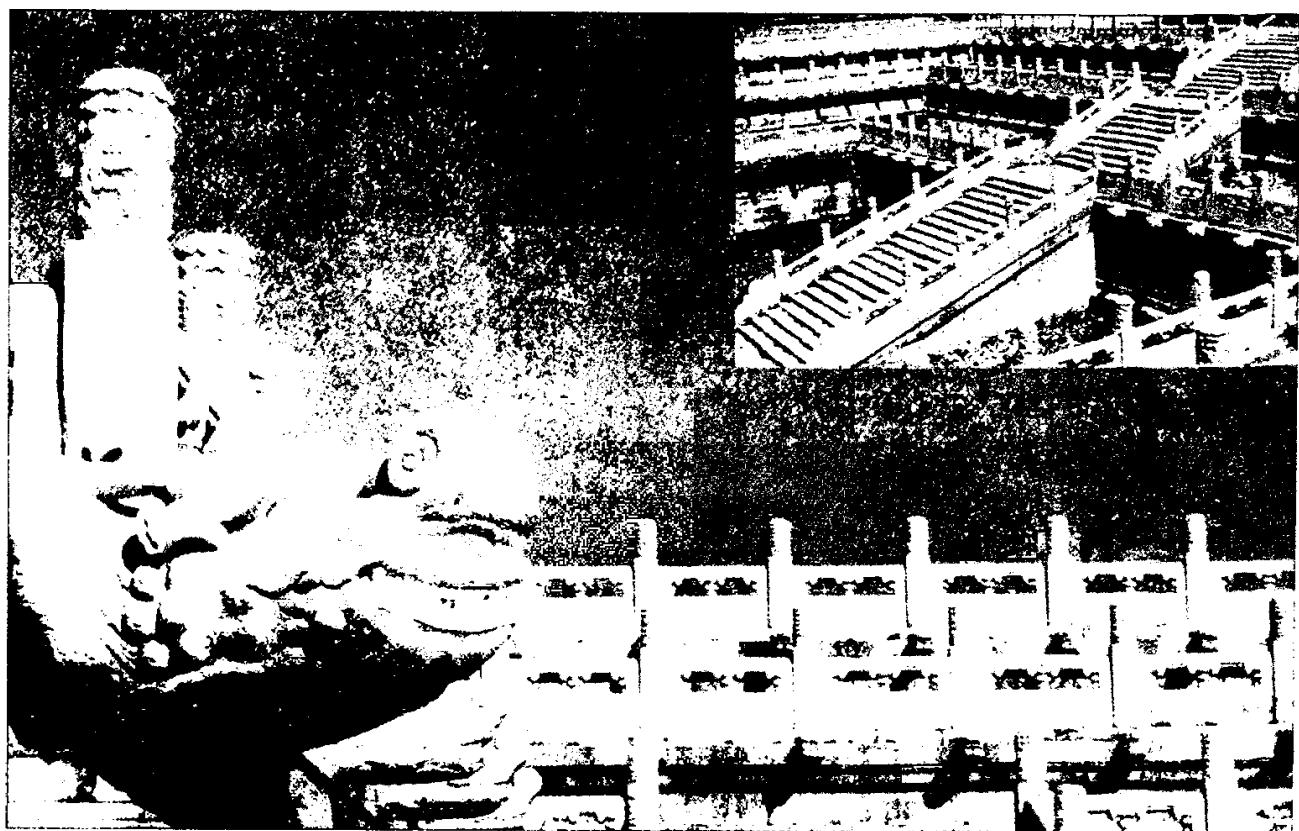
Đường dẫn sang Tây Lục Cung

Đô thị cổ Bắc Kinh

*Điêu khắc
đá thêm
bệ điện
Trung Hoà*

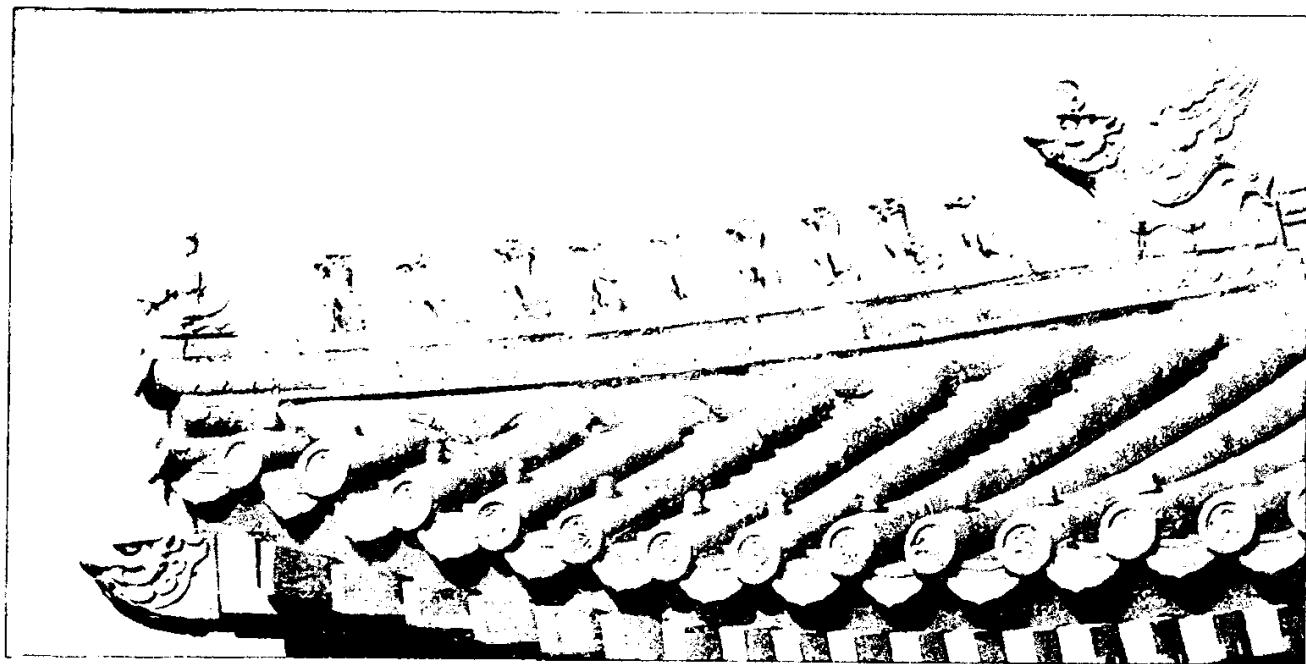
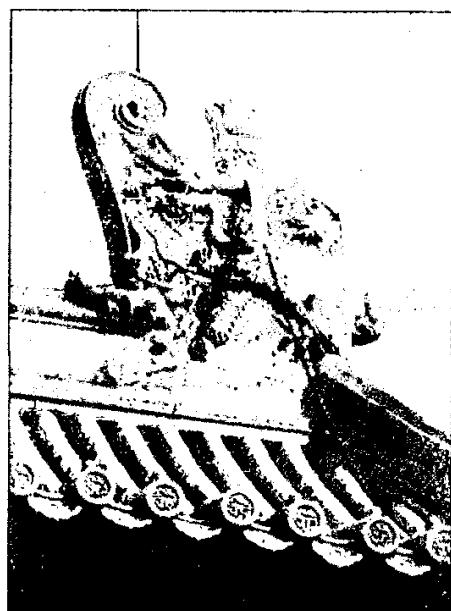
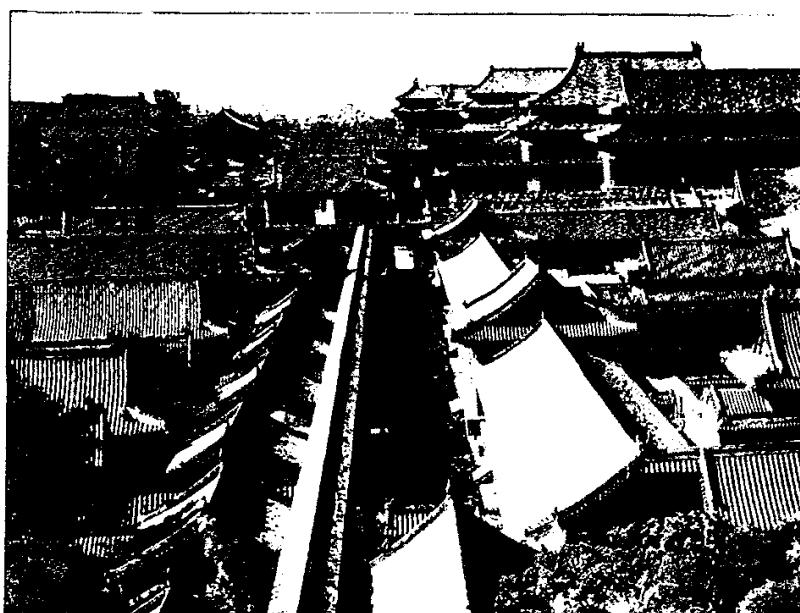


*Chi tiết trang trí thêm bệ
và lan can đá*



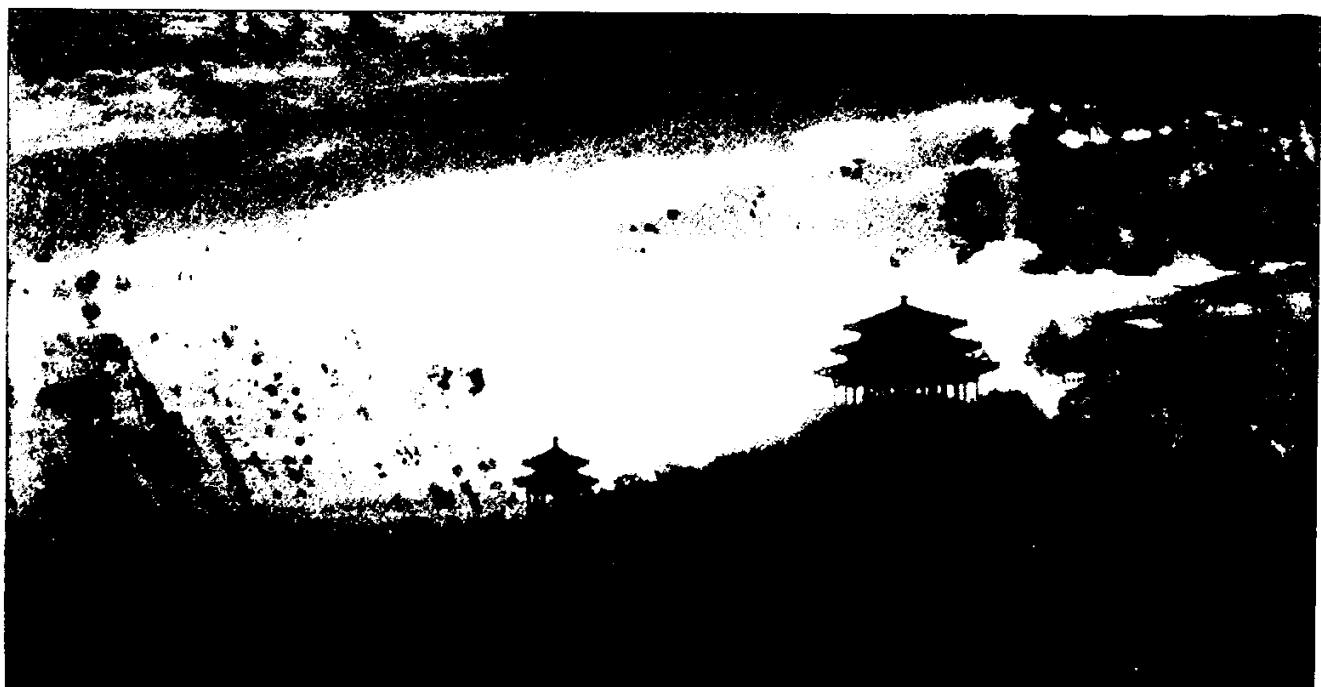


Ngói lưu ly và các tượng thú trang trí mái điện Thái Hoà

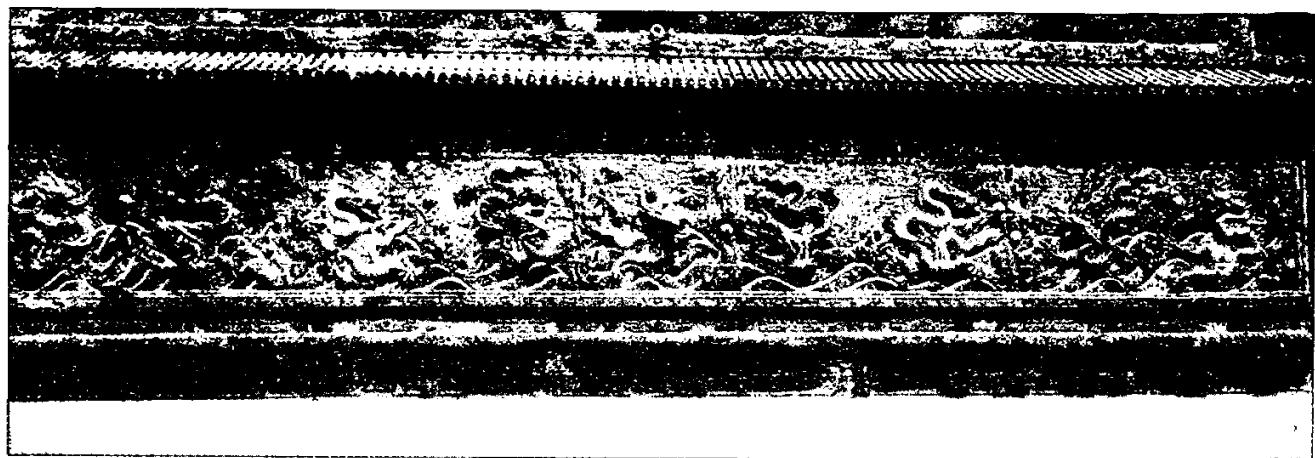


Mái ngói lưu ly các cung điện Tử Cấm thành

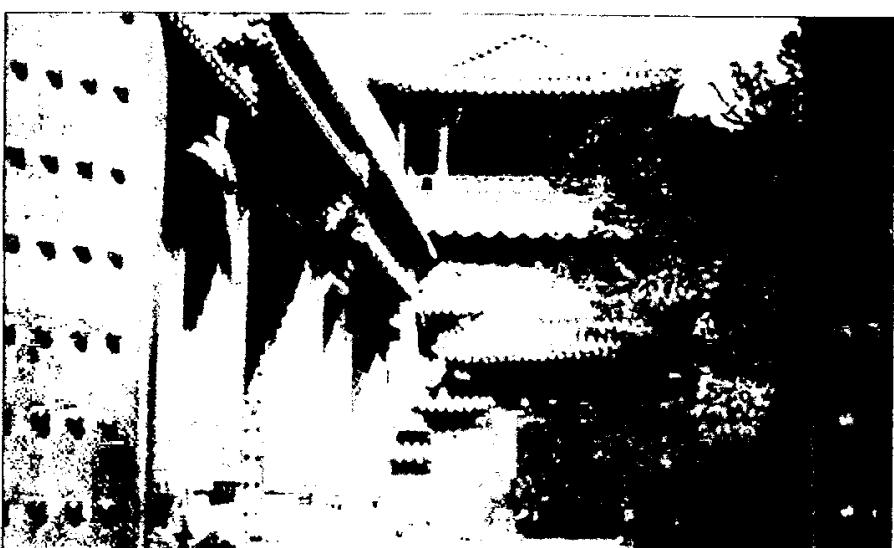
Đô thị cổ Bắc Kinh



Núi Cảnh Sơn và đình Vạn Xuân nằm ở phía bắc Tử Cấm thành



*Cầu Long bích ở công viên Bắc Hải dài 23m, cao 5m làm vào năm 1756 với sự
liên kết của 424 tấm lưu ly chạm nổi*



Các kiến trúc dành cho vua nghỉ ngơi trong vườn Ngự uyển



Vườn thương uyển

KIẾN TRÚC TRONG VUÔN CÁNH





3.

NHỮNG TỔNG THỂ DI SẢN KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU

3.1. THIÊN ĐÀN

Ở Bắc Kinh kiến trúc đàn miếu rất phát triển phục vụ việc thờ cúng núi sông, trời đất, đế vương, tổ tiên. Đàn miếu cũng để ghi nhớ những danh thần, danh tướng, những văn nhân có công với dân với nước. Đàn miếu còn bao gồm những gia miếu, từ đường cúng lê tổ tiên.

Nghi thức tế giao đã có nguồn gốc từ xã hội nguyên thủy, khi con người quan niệm các yếu tố tự nhiên như trời, đất, mưa, gió, sấm, chớp éo là những bậc thánh thần và cần phải thờ cúng. Đến thời quân chủ, các vua chúa đã tiếp thu tín ngưỡng này, cải biến và lợi dụng nó như một công cụ đặc lực để cai trị nhân dân. Ở Trung Quốc, từ thời nhà Chu (thế kỷ XI - 256 trước Công nguyên), việc cúng tế trời, đất và các vị thần thánh đã trở thành điều lễ. Bắt đầu từ thời Đông Hán (năm 25 - 220) trở đi, khi Nho giáo đã háng thế, Dịch học đã phổ biến trong toàn xã hội thì cũng thành lệ, đàn tế Trời luôn luôn được đặt ở phía Nam kinh đô và được gọi là Thiên đàn. Bên cạnh Thiên đàn người ta còn đắp các loại đàn tế khác để tế Thần Đất, Thái Mật Trời, Mặt Trăng, Sao... Tuy nhiên, việc tế giao của các triều đại không hoàn toàn giống nhau, có triều đại hợp tế chung cả trời đất và các vị thần khác; cũng có triều đại tế riêng rẽ. Đầu thời Minh, Thái Tổ Chu Nguyên Cương vẫn tổ chức tế trời, đất riêng rẽ, nhưng từ năm Hồng Vũ 11 (1378) trở đi, triều đại này lại tổ chức hợp tế trời - đất. Bản thân Thiên đàn được xây dựng từ thời Vĩnh Lạc ở Bắc Kinh năm 1420 nguyên thủy cũng là Thiên - Đài đàn. Nhưng đến năm Minh Gia Tĩnh 9 (1520) nó mới trở thành Thiên đài cùng với việc triều Minh quay trở lại nghi thức phân tế (t tế giao riêng rẽ).

Người Trung Quốc xưa kia gọi Xã là Thần thổ địa, Tắc là thần ngũ cốc. Cúng xã tắc thể hiện là nước lầy nông nghiệp làm gốc. Đầu tiên xã tắc chia làm hai đàn hoặc một đàn, một miếu để tế lễ. Đến đời Minh - Thanh đã hợp xã và tắc làm một để cúng tế chung. Đàn Xã tắc ở Bắc Kinh nằm ở bên phải, phía trước Tử Cấm thành là gò đất hình vuông, mỗi chiều 15 mét, cao gần 1 mét, trên mặt phủ một lớp đất 5 màu: xanh, đỏ, vàng, đen, trắng. Bên ngoài gò có đắp một tường vòng quanh bốn phía. Mặt tường ốp lưu ly các màu xanh, đỏ, đen, trắng. Nghi thức thờ cúng xã tắc thì đứng ở phía Bắc hướng về phía Nam mà cúng tế. Từ xưa các bậc đế vương thường tự nhận mình là con trời, nên việc tế trời, đất trở thành hoạt động tâm linh mang màu sắc chính trị quan trọng của các bậc Đế vương. Nơi tế trời thường chiếm một vị trí quan trọng ở đô thành.

Thiên đàn là nơi tế trời để cầu được mùa của các hoàng đế Trung Hoa thời Minh - Thanh. Đây là một quần thể kiến trúc tế tự có trình độ nghệ thuật cao nhất, được bảo tồn hoàn chỉnh ở nội thành Bắc Kinh. Thiên đàn được xây dựng năm Minh Vĩnh Lạc thứ 18 (1420, tức đồng thời với xây dựng Tử Cấm thành) đầu tiên có tên là Thiên - Địa đàn, đến năm 1530 có xây Địa đàn riêng nên đàn này chỉ mang tên Thiên đàn. Thiên đàn xây dựng trên một khu đất rộng $2.730.000m^2$ phía ngoài được bao bọc bởi hai lớp tường có hình vòng cung ở mặt phía bắc, hai góc phía nam hình vuông, thể hiện thuyết "Trời tròn, đất vuông".

Tổng thể kiến trúc Thiên đàn có ba công trình chủ yếu là: **Hoàn Khuu đàn**, **Hoàng Khung Vũ** và **Kỳ Niên điện**. Nằm trên trực của tổng thể kiến trúc có một bệ đá dài 360 m, rộng 29,4 m cao 2,5 m gọi là Đan bệ kiều hay còn gọi là Thần Đạo.

Hoàn Khuu đàn (còn gọi là Viên Khâu đàn) là nơi hoàng đế tế trời, được xây dựng lộ thiên hình tròn bằng đá cao 5 mét, phân chia thành 3 tầng bậc, tầng trên cùng có đường kính 23 m tầng dưới cùng có đường kính 54,7m. Mỗi tầng bậc đều có lan can bằng đá trắng (có 360 thanh lan can tương ứng vòng tròn 360°). Trung tâm của Hoàn Khuu đàn là một phiến đá tròn gọi là "Thiên Tâm thạch" xung quanh có những phiến đá nhỏ xếp lại thành từng vòng tròn.

Người Trung Quốc xưa cho rằng trời thuộc dương tính nên số phiến đá lát của các vòng tròn đều dùng dương số, đặc biệt là con số 9 và bội số của nó. Vòng gần tâm thất gồm 9 phiến, vòng thứ hai: 18 phiến, vòng thứ ba: 27 phiến, đến vòng thứ chín: 81 phiến. Bậc giữa và bậc cuối cùng cũng xếp 9 vòng đá như vậy. Đặc biệt số đá của mỗi vòng đều là bội số của 9.

Bốn bề của Hoàn Khuu đàm đều có bậc tam cấp lên xuống và được bao bọc bởi hai lớp tường thấp: lớp trong tròn, lớp ngoài vuông. Nghi lễ tế trời ở Hoàn Khuu đàm được thực hiện vào ngày đông chí hàng năm.

Hoàng Khung Vũ: Nằm ở phía bắc Hoàn Khuu đàm là nơi cất giữ những bài vị tế trời. Hoàng Khung Vũ kiến trúc đơn giản (hình tròn đường kính 15,6m cao 19,5m) nhưng kiến trúc bên trong rất tinh xảo, có hệ thống đấu củng để đỡ mái và ba lớp vòm trên cao.

Hoàng Khung Vũ được bao bọc bởi một bức tường tròn cao 6 m đường kính 64 m, gọi là "tường hồi âm" (người đứng sát tường nói, người phía xa ghé tai nghe được). Tâm của bức tường tròn này là phiến đá trắng lát ngay trước bậc tam cấp của Hoàng Khung Vũ. Đứng trên phiến đá ấy gọi to sẽ nghe thấy ba lần âm thanh vọng lại, vì thế có tên là "Tam Âm thạch".

Kỳ Niên điện: Nằm ở phía bắc Thiên đàm, là nơi hoàng đế cử hành lễ cầu được mùa vào ngày đầu xuân hàng năm. Kỳ Niên điện cao 38 m, đặt trên nền cao 6 m, hình tròn có ba bậc cấp; bậc cuối cùng có đường kính 90m. Xung quanh mỗi bậc có lan can bằng đá trắng, 4 phía có bậc lên xuống. Kỳ Niên điện hình tròn, thân điện có đường kính 24,5 m. Điện có 3 tầng ngôi lưu ly xanh, đỉnh mái là một chóp nhọn. Giữa điện có bốn cột lớn, cao 19,2 m đỡ vòm trần và tầng mái trên cùng. Bốn cột này có tên "Cột long tính" tượng trưng cho bốn mùa. Xung quanh có 24 cột phân thành 2 vòng trung và ngoài để đỡ các lớp mái dưới, mỗi vòng 12 cột cũng là tượng trưng 12 tháng trong năm và thời khắc trong ngày.

Kỳ Niên điện có kiến trúc đẹp và kết cấu tinh xảo. Đó là một thành công lớn của nghệ thuật, kiến trúc thời Minh - Thanh. Năm 1889, Kỳ Niên điện bị sét đánh hỏng nhưng sau lại được khôi phục như cũ.

Thiên đàm ngoài ba kiến trúc chính trên còn có một số kiến trúc phi thường: Lò đồng Bát Quái, Đỉnh đồng, Hoàng Cân điện... Bao quanh Thiên đàm có 5000 cây bách cổ. Rừng bách tạo thành một phong cảnh tĩnh lặng hiếm có.

Nằm gần cổng phía tây của Thiên đài còn có Trai cung để hoàng đế thực hiện trai giới trước ngày cúng tế. Trai cung có đầy đủ các công trình kiến trúc quan trọng như: chính điện, tẩm cung, lầu chuông, các công trình phụ cận, cổng lớn... với tổng số hơn 60 gian kiến trúc. Đáng chú ý nhất là gian chính điện - một tòa kiến trúc bề thế đặt trên một nền đài cao bằng cẩm thạch. Bên trong điện, ở gian giữa hiện còn đặt bức tượng vua Càn Long được làm rất sinh động, ở gian bên trái có đầy đủ các loại biên khánh, nhạc chung và các đồ tế khí khác, là những thứ hoàng đế sử dụng trong tế giao...

Ngoài Thiên đài là nơi tế trời, ở Bắc Kinh hiện vẫn còn các đài tế khác là Địa đài, Nhật đài và Nguyệt đài.

- Địa đài: nằm ở phía bắc, gần cửa An Định, được xây dựng năm 1530, bao gồm đài tế, trai cung, nhà hoàng đế, Thần khố, Thần trù... Địa đài còn có tên gọi là Phương Thạch đài vì xung quanh đài có hào nước. Lễ tế ở Địa đài được tổ chức vào ngày hạ chí hàng năm.

- Nhật đài là đài tế thần Mặt Trời nằm ở phía đông thành Bắc Kinh, bên ngoài cửa Chiêu Dương. Lễ tế ở Nhật đài được cử hành vào tiết Xuân phân.

- Nguyệt đài là nơi tế thần Mặt Trăng nằm ở phía tây thành Bắc Kinh, bên ngoài cửa Phụ Thành. Lễ tế ở Nguyệt đài được tổ chức vào tiết Thu phân.

3.2. DI HÒA VIÊN

Nghệ thuật vườn cảnh là một mặt của di sản văn hóa truyền thống ở Trung Quốc để lại nhiều ấn tượng sâu sắc cho những ai yêu thiên nhiên, yêu nghệ thuật. Khác với nghệ thuật vườn cảnh các nước Âu Tây được diễn đạt trên những không gian rộng, nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc khéo léo tận dụng mọi không gian to nhỏ, bài trí tinh tế, thâu tóm những cảnh trí đặc sắc của tạo vật để dựng nên những cảnh quan vừa thiên nhiên vừa nhân tạo hết sức đặc sắc. Nghệ thuật truyền thống này đã để lại rất nhiều nơi trên đất nước Trung Quốc những tác phẩm độc đáo với quy mô khác nhau, từ vườn cảnh hoàng gia đến các tư gia quyền quý hoặc bình dân. Trong số những tác phẩm độc đáo ấy, Di Hòa viên ở Bắc Kinh là một kiệt tác không gì sánh nổi.

Bắc Kinh vốn là kinh đô của nhiều triều đại phong kiến Trung Quốc nên các đền, đài, cung điện ở đây không thời nào là không có những xây dựng

mới. Công viên Di Hòa cũng có một lịch sử dài lâu như vậy. Nằm ở phía tây bắc thủ đô cách trung tâm gần 20 km, nơi đây vốn là một hành cung của nhiều triều vua, một địa điểm gắn liền với vùng rừng núi Tây Sơn. Từ thế kỷ XII đã có một hành cung mang tên Kim Sơn do nhà Kim tạo dựng. Về sau vào các triều đại Nguyên, Minh, Thanh, địa điểm này luôn được khai thác và được bổ sung những công trình mới.

Vào giữa thế kỷ XVIII dưới triều vua Càn Long nhà Thanh, khu vườn mang tên Thanh Y viên trong đó có xây dựng chùa Báo Ân và tháp Thiên Thọ, được nhà vua xây dựng để bày tỏ lòng hiếu của vua đối với mẹ vào dịp mừng thọ mẹ. Vào năm 1860 khu công trình đã bị quân xâm lược (Anh, Pháp) đốt phá. Đến năm 1886 Từ Hy Thái hậu đã dùng một khoản tiền rất lớn (định đầu tư cho ngành hải quân, hơn 5 triệu lạng bạc) để chuyên xây dựng những công trình vui chơi giải trí và làm đẹp cho khu vườn lúc này mang tên Di Hòa viên, công việc kéo dài gần 10 năm. Rất tiếc những công trình mỹ lệ này lại bị liên quân xâm lược của 8 nước tàn phá vào năm 1900 và phải đến năm 1908 mới được khôi phục và tu bổ. Vào thời trước cách mạng khu vườn đã được mở cửa cho đông đảo người vào xem (từ năm 1924) và đến sau ngày giải phóng Di Hòa viên được Nhà nước tu bổ và xếp hạng bảo tồn, được mở cửa cho quần chúng vào thăm và trở thành một tài sản quý giá của quốc gia.

Địa bàn được quy hoạch khu vườn vốn đã là nơi có cảnh đẹp với hồ Côn Minh và núi Vạn Thọ, toàn khu rộng 290 hecta, ba phần là hồ ở phía nam, một phần là núi ở phía bắc. Ven chân núi phía bắc cũng có một dải nước đẹp gọi là Hậu hồ. Kiến trúc chủ đạo của toàn cảnh quan là Phật Hương các nằm ở điểm cao gần đỉnh núi hơi chêch về phía nam, có trực chính trông thẳng ra hồ Côn Minh. Cùng trên trực này ở phía dưới thấp là Bài Văn điện, cung điện dành cho những buổi làm việc của Từ Hy Thái hậu với các cận thần.

Chạy dài theo các bờ hồ phía nam của núi Vạn Thọ là một hành lang dạo mát gồm 273 gian, chiều dài hành lang tới 728 m và mang tên Trường lang. Suốt chiều dài Trường lang đều có trang trí vàng son lộng lẫy với hơn 8000 bức tranh trình bày những sự tích liên quan đến lịch sử và dã sử, cùng với những trang trí khác về phong cảnh và hoa lá, chim muông. Hành lang chạy thẳng ở hai đầu và cong hình cánh cung ở khúc giữa chỗ đối diện với Phật

Hương các, giúp cho khách đi thăm có nhiều cảm nhận khác nhau suốt dọc hành lang về những cảnh trí đặc sắc bên hồ bên núi.

Đầu phía đông của Trường lang là một quần thể kiến trúc rất phong phú bao gồm các tòa Đông cung môn (cửa vào chính phía đông), Nhân Thọ điện đều nằm trên trục chính lối vào công viên, phía bắc của trục có Tri Mộ đình, Văn Xương các... Kết thúc đầu phía tây của Trường lang là một cụm kiến trúc không kém phần đặc sắc gồm Xuyên Đường điện, Họa Trung du, Cân Lê quán và đặc biệt là công trình đá trắng hình thuyền mang tên Thanh Án. Công trình được xây dựng vào năm 1755 có hình thuyền ghé bờ nước, thân thuyền dài 36m tạo bởi một khối đá lớn như một sàn vươn ra bờ nước, bên trên có ngôi nhà hai tầng làm nơi vui chơi ngắm cảnh. Người Trung Quốc có câu "thuyền nổi trên nước, nước đưa thuyền trôi", ở đây nhà Thanh muốn thể hiện một triều đại vĩnh cửu không thể "trôi đi" bằng hình tượng con thuyền đá cố định bên bờ nước.

Ngoài những công trình đặc sắc nêu trên, rải rác ven hồ và trên mặt hồ Côn Minh cũng như phía Hậu hồ còn vòi vây các công trình độc đáo như cây cầu đá vòm cung 17 nhịp, các nhà hát biểu diễn ca kịch, lầu ngắm cảnh xuân trên mặt hồ cùng với rất nhiều kiến trúc truyền thống gắn với các bờ nước, ở phía bắc núi Vạn Thọ có tên Hải Thu viên, gợi hình ảnh một loại "vườn trong vườn", tạo nên nơi đây một khung cảnh đặc sắc được mệnh danh là "miền Giang Nam thu nhỏ".

3.3. THẬP TAM LĂNG

Thập Tam lăng là tên gọi khu lăng mộ của mười ba triều vua nhà Minh được xây dựng rải rác ở các sườn phía nam của dãy núi Thiên Thọ (cách thủ đô Bắc Kinh 50 km về phía tây bắc). Đó là các lăng mộ: (1) Trường lang của Minh thành tổ Chu Đệ, (2) Hiếu lang của Nhân tông, (3) Cảnh lang của Tuyên tông, (4) Dụ lang của Anh tông, (5) Mậu lang của Hiến tông, (6) Thái lang của Hiếu tông, (7) Khang lang của Vũ tông, (8) Vĩnh lang của Hiếu tông, (9) Chiêu lang của Mục tông, (10) Định lang của Thần tông, (11) Khánh lang của Quang tông, (12) Đức lang của Hy tông, (13) Tư lang của Tư tông. Triều Minh kéo dài gần 3 thế kỷ (1368 - 1644) có 16 vị hoàng đế thì 13 vị có lăng mộ ở núi Thiên Thọ.

Đây là một vùng cảnh quan đẹp đẽ với dải đất theo sườn núi hình vòng cung, mở thoáng về phía nam như hình tay ngai với hai hòn núi nhỏ (Mãng sơn và Hổ Dụ sơn) có vai trò như hai vị tướng trấn giữ lối vào chính từ phía nam. Trước lối vào chính của toàn khu lăng có những kiến trúc cổng đồ sộ dẫn tới một trục thần đạo dài 7 km từ đó có những đường dẫn tới các lăng. Hệ thống cổng và trục Thần đạo được cấu trúc uy nghi với rất nhiều tượng đá đứng chấn hai bên có tác dụng tăng thêm vẻ uy nghi và hùng vĩ. Trên đường Thần đạo cách Đại Hồng môn khoảng 500m là đình bia trong đó có tấm bia lớn ghi "Đại Minh Trường Lăng Thần công thánh Đức". Bia con khắc 3500 chữ ghi chép quá trình dựng lăng, xung quanh đình bia có 4 cột Hoa biểu. Hai bên đường Thần đạo có 12 cặp thú đá (gồm Sư tử, Trī, Lạc đà, Voi, Kỳ lân, Ngựa) và 12 tượng người đá gồm 4 quan văn, 4 quan võ, 4 công thần, tất cả đều đứng thành từng cặp đối diện nhau. Người đá và thú đá đều là những công trình điêu khắc vĩ đại làm bằng những phiến đá nặng hàng chục tấn với những đường nét điêu khắc khoẻ khoắn, uyển chuyển. Toàn bộ khu lăng chiếm một địa bàn có chu vi tới 40 km.

Cổng đá ngoài cùng như một dạng tam quan có chiều cao 14 m và rộng 30 m, có 6 trụ đá tạo thành 5 cửa, phía trên có cấu trúc mái nằm trên các xà rất lớn. Tiếp sau cổng đá là **Đại Hồng môn** được tạo với 3 vòm cuốn lớn tường màu hồng trên có mái ngói lưu ly mang dáng dấp một tòa nhà cổ truyền nhưng được cấu trúc bề thế và vững chãi.

Lớn nhất trong quần thể Thập Tam lăng là **Trường lăng**, nơi để mộ Minh thành tổ Chu Đệ cùng với Hoàng hậu Từ Thị, công trình được khởi công vào năm 1409 và sau 10 năm hoàn thành. Mỗi lăng đều có điện thờ bên trong đặt bia gọi là Minh Lâu. Một công trình rất quan trọng ở Trường lăng là cung điện Lăng An có quy mô đồ sộ và dáng dấp gần giống như điện Thái Hòa ở Cố cung Bắc Kinh. Công trình có mặt bằng rất lớn: 66,75m × 29,31m, bộ khung nhà được cấu tạo gồm 9 gian và được làm bằng loại gỗ rất quý (gỗ Nam Mộc), có tất cả 32 cột, các cột chính có chiều cao 14,3 m và đường kính 1,17 m.

Khách du lịch đến đây thường được vào thăm khu **Định lăng**, nơi đặt niệm của vua Thần tông cùng với hai bà hoàng hậu, ông là vị vua thứ 13 của triều

Minh. Công trình được xây dựng trong thời gian 1584-1590 và chi phí hết 8 triệu lạng bạc. Nhiều công trình trong quần thể Định lăng đã bị hủy hoại chỉ còn lại Minh Lâu và Bảo Định cùng với các cổng phía sân sau. Điều đặc biệt ở đây là khách có thể xuống thăm địa cung nằm sâu trong lòng đất (ở độ sâu 27 m) và thấy được tường tận cách bố trí và trần thiết vô cùng tinh vi phức tạp của nơi chôn cất một vị hoàng đế. Địa cung mới chỉ được các nhà khảo cổ phát hiện vào năm 1956 và sau đó được tổ chức cho khách tham quan.

Lăng nằm ở phía Tây của Trường Định lăng, dưới chân núi Đại Cốc, nhìn bắc ngoài cũng giống như các lăng khác, nhưng điều kỳ diệu đã xảy ra vào năm 1956. Đó là từ mặt tường phía Đông Nam, người ta phát hiện thấy hình chiếc cửa vòm lộ ra sau lớp gạch tường lâu ngày bị vỡ. Các nhà khảo cổ học mở một con đường hầm vào chính giữa cửa vòm ấy, thì phát hiện thấy một đường ngầm xây gạch. Nhân đó người ta đào một đường hầm thứ 2 từ sau điện thờ vào sâu trong núi. Đào sâu xuống 7,5m thì phát hiện thấy một tấm bia đá nhỏ ghi: "Từ bia đến lớp tường kim cương 16 trượng sâu 3 trượng 5 thước". Thời bấy giờ người ta xây lăng khi hoàng đế còn sống, để giữ bí mật nơi để quan tài, lăng thường bị bịt kín. Để sau này khi dùng lăng khôi bị nhầm lẫn, thì "người phụ trách xây lăng phải lưu lại ký hiệu. Bia đá làm ký hiệu này không ngờ là hoa tiêu chỉ đường cho những người khai quật mộ 300 năm sau".

Địa cung thực sự là một cung điện ngầm nằm sâu trong lòng đất cách mặt đất 27m bao gồm 5 mội thất với diện tích tổng cộng là $1195m^2$ có các đường thông nhau, toàn bộ đều là cấu trúc vòm cuốn bằng đá. Mộ thất lớn nhất có mặt bằng $9,1m \times 36,1m$, cao 9,5 m là nơi đặt linh cữu hoàng đế, các hoàng hậu cùng với nhiều hòm rương chứa đựng các đồ vàng bạc châu báu chôn theo. Lối vào các mộ thất đều có cửa lớn bằng đá và cánh cửa cũng bằng đá nguyên khối, cánh cửa chính rộng 1,7 m, cao 3,3 m nặng tới 4 tấn.

Cung điện ngầm có kiến trúc hình chữ T gồm có điện trước, điện giữa, điện sau, điện bên trái, điện bên phải. Tường điện xây bằng đá trắng, trên đỉnh cuốn bằng đá, kiến trúc cuốn vòm. Điện trước và điện giữa cao 7,2m, rộng 6m, dài 58m. Nền lát bằng loại gạch đặc biệt do một xưởng gạch ở

Giang Nam chuyên sản xuất để cung cấp cho nhà vua. Một mẻ gạch loại này được đốt bằng mây thứ gỗ trong 138 ngày, khi gạch ra lò lại dùng dầu trầu rưới lên mặt, do đó mặt gạch nhẵn bóng, càng lau càng bóng.

Điện giữa có 3 bàn thờ tạc bằng đá trắng, trước mỗi bàn thờ có đặt một thống lớn bằng sứ, trong thống đựng dầu để đốt đèn gọi là đèn Trường Minh. Ngoài ra, còn có lư hương, lọ hoa... Thống sứ lớn được tráng men trắng, vẽ rồng mây màu xanh tuyệt đẹp.

Hai gian điện hai bên cũng xây theo kiểu tường đá mái cuốn hẹp hơn điện giữa một chút. Điện trong cùng lớn nhất là bộ phận chủ yếu của cung điện dưới đất, nền lát đá hoa ban. Trên bệ đặt ba quan tài. Quan tài chính giữa lớn nhất là quan tài hoàng đế Vạn Lịch. Hai bên là hai quan tài của hai hoàng hậu. Xung quanh có 26 hòm đồ đặc chôn theo.

Các điện thờ bên trong đều thông với nhau. Lối cửa chính điện chính và hai điện bên đều có hai cánh cửa bằng đá. Bên trong cửa có chốt bằng đá. Sau khi đưa quan tài vào và đóng cửa thì chốt đá tự động chốt lại, bên ngoài không mở được. Hơn 2000 đồ vật quý giá chôn theo, như các đồ dùng hàng ngày của nhà vua : mâm thau, bình đựng rượu, chén bát bằng vàng bạc được chạm trổ tinh xảo.

Các đồ trang sức đều bằng ngọc quý, trân châu mã não. Nhiều đồ vật bằng vàng có khắc trọng lượng, tên người và ngày tháng cống vua. Quý nhất là chiếc mũ của hoàng đế được dệt bằng sợi vàng có hình hai con rồng chầu đầu vào nhau và chiếc mũ của một trong hai hoàng hậu có 6 con rồng và 3 con phượng đều bằng vàng có hơn 100 viên ngọc bích và 5000 viên ngọc trai.

Toàn cảnh Thập Tam lăng vừa thăm nghiêm vừa hùng vĩ, được nghiên cứu quy hoạch phù hợp với những lý luận phong phú của thuyết phong thủy Trung Quốc, tạo nên một khung cảnh "rồng bay phượng múa, khí thế hùng vĩ", có đỉnh núi Thiên Thọ làm đối cảnh cùng các núi Mãng sơn và Hồ Dụ sơn làm tay ngai... Đây là một kho chứa đựng nhiều tư liệu quý về lịch sử cũng như về khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật.

Tư liệu: Xây dựng Định lăng

Vật liệu xây dựng Định lăng, chủ yếu là gạch, phiến đá lớn, gỗ, chế phẩm lưu li. Trong đó gạch dùng nhiều nhất, nơi sản xuất gạch chủ yếu là Lâm Thanh Sơn Đông. Nó ở cuối lưu vực sông Hoàng Hà, có con kênh lớn là giao thông đường thuỷ huyết mạch từ Kinh đô đến Hàng Châu đi qua, chất đất ở đây mịn màng không lẫn cát, giao thông thuận tiện, là một nơi sản xuất và vận chuyển gạch khá lý tưởng. Công đoạn làm gạch cũng lắm công phu: đào bùn đất lên, phơi qua mùa đông giá rét, mùa xuân xới tan phơi khô, sau đó sàng lọc và ngâm trong nước khá lâu, rồi đem nhào nặn, dập khuôn, nung đốt thành gạch. Mỗi viên gạch dài 0,49 mét, rộng 0,24 mét, dày 0,12 mét, nặng 24kg, chất lượng cực tốt. Để dễ kiểm tra chất lượng, trên mỗi viên gạch đều ghi rõ tên lò, thời gian sản xuất và tên thợ cả. Khi nghiệm thu không đạt chất lượng, chỉ cần nhìn vào đáy là biết sản phẩm của ai. Gạch có màu ghi pha trắng, nên gọi là gạch "Bạch thành". Vào tháng 4-1574 (năm thứ 2 đời Vạn Lịch), tuy chưa có những công trình xây dựng lớn, nhưng triều đình đã lệnh cho các lò gạch ở Lâm Thanh làm cho hoàng gia mỗi năm 1,2 triệu viên gạch Bạch thành.

Ngoài Lâm Thanh ra, huyện Võ Thanh Hà Bắc cũng sản xuất gạch Bạch thành. Xuất xứ là như thế này, quan địa phương đăng sớ lên nhà vua tâu rằng: "Võ Thanh có đất kết dính như Lâm Thanh, mà cách Kinh đô chỉ có 130 cây số, đường đất gần hơn Lâm Thanh hơn 1000 cây số, nếu tổ chức sản xuất gạch Bạch thành ở đây, không những tiết kiệm được rất nhiều lương thảo, thuyền bè, mà dân bớt khổ, ngân khố nhà nước không phải chi nhiều, thần thiết nghĩ đó là một kế sinh tài nẩy lộc hữu hiệu vậy". Nhà vua xuống chỉ lệnh cho bộ Công xem xét, bộ Công bèn cho phép Võ Thanh mỗi năm sản xuất 300 ngàn viên. Đó là vào tháng 9-1574. Từ ngày khởi công xây dựng Định Lăng, sản lượng gạch của hai huyện này tăng lên đáng kể.

Ngoài gạch Bạch thành ra, còn dùng rất nhiều gạch vuông lát nền cung điện. Loại gạch này chỉ có vùng Tô Châu sản xuất. Công nghệ phức tạp hơn nhiều so với làm gạch Bạch thành. Bùn đất phải ngâm khá lâu, rồi sàng sấy, giống như dãi vàng trên sông vậy, nên gạch này còn được gọi là "gạch vàng".

Chất gạch mịn màng, mặt gạch bóng láng, rất hiếm thấy trong dân gian. Đáng tiếc là công nghệ thát truyền, bây giờ không tài nào làm ra loại gạch này.

Việc vận chuyển gạch, do tù nhân chuyên trách, ngoài ra các thuyền chở lương thực của hoàng gia hay thuyền buôn của tư nhân đi lại trên kênh đều phải gánh vác nghĩa vụ vận chuyển gạch cho công trường. Gạch được chuyển tới Thông Châu nằm ở phía đông Kinh thành, rồi dùng xe vận chuyển không công, lời oán than đầy mặt sông. Nhưng mãi đến năm 1587, Định Lăng thi công được ba năm, bộ Công mới tâu lên nhà vua nỗi khổ của dân, xin vua miễn giảm lượng vận chuyển gạch Bạch thành. Nhà vua không đồng ý, xuống chiếu bộ Công: "Thợ cung đang cần dùng gạch, nên không cho miễn giảm. Khi nào Thợ cung xây xong, mỗi thuyền cho giảm 40 viên". Nhưng trên thực tế, Định Lăng hoàn công rồi, nhà nước vẫn duy trì chế độ phân bổ ấy, gánh nặng của dân không hề được giảm bớt chút nào.

Những phiến đá lớn dùng để xây Định Lăng chủ yếu lấy từ Đại Thạch Oa huyện Phòng Sơn, gồm nhiều chủng loại đá như đá trắng, trắng đen, cẩm thạch, trong hàng trăm ngàn phiến đá đó, phiến nặng nhất trên một tấn. Việc vận chuyển hết sức khó khăn và nặng nhọc. Phương pháp vận chuyển bằng "thuyền băng trên cạn" rất độc đáo, cứ cách nửa cây số đào một cái giếng, đến mùa đông xách nước trong giếng đổ xuống đất để nước đóng thành băng, phiến đá trượt trên mặt băng tới núi Vạn Thọ. Hồi đó vận chuyển một phiến đá to dài 3 trượng (1 trượng bằng 10 thước, 1 mét bằng 3 thước), rộng 1 trượng, dày 5 thước từ Đại Thạch Oa tới Kinh đô cần huy động 200 ngàn dân công, đi hết 28 ngày, tốn kém 110 ngàn lạng bạc. Nếu vận chuyển tới núi Vạn Thọ thì số lao động, thời gian tiền bạc phải tăng gấp đôi. Vào năm thứ 16 Gia Khánh (1537), Thượng thư bộ Công Mao Bá Ôn thấy phương thức vận chuyển đá bằng "thuyền băng trên cạn" như thế này hao người tốn của quá, đồng thời bị hạn chế bởi mùa và thời tiết, bèn cho thợ làm xe ngựa 8 bánh để vận chuyển, tiết kiệm được rất nhiều thời gian và công sức. Đến đời Vạn Lịch, lang trung bộ Công Hạ Thịnh Thuỷ cải tiến xe ngựa 8 bánh thành 16 bánh, nâng hiệu xuất vận tải lên gấp đôi. Tuy vậy, sự khó nhọc của công khai thác và vận chuyển đá có lẽ là nhất thế giới.

Cung điện Định Lăng chủ yếu dùng gỗ Nam Mộc. Nơi sản xuất Nam Mộc tập trung ở các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu và Tứ Xuyên. Nam Mộc là một loại gỗ quý, không những vì vân gỗ rắn chắc, chịu mài mòn và có mùi thơm, mà còn vì nó hiếm hoi, thời gian trưởng thành khá dài. Nhà Minh chỉ dùng Nam Mộc xây dựng cung điện, thời kỳ đầu vào rừng già có thể khai thác rải rác ở đây đó, nhưng càng về sau càng khó kiếm, phải vào sâu tận vùng hoang sơ không hề có dấu chân người đặt tới hoặc leo lên trên những vách núi hiểm trở mới tìm thấy được. Đường sá gian truân đã dành, còn phải đương đầu với thú rừng, rắn rết, muỗi và khí độc.

Sử sách nhà Minh còn ghi lại cảnh dân công vào Tứ Xuyên khai thác gỗ Nam Mộc như sau "Mộc phu (phu đón cùi) liều mạng lội nước, dựng vào chướng khí chét, phơi xác ngoài rừng nhiều vô kể". "Mộc phu lén đường, vợ con khóc thảm thiết như tiễn vào chỗ nước sôi lửa bỏng vậy" "Núi non mờ mịt chướng khí, mộc phu động vào, chét gục dưới suối. Xác trôi nước tắc, xương cốt chồng chất thành núi. Những người may mắn sống sót trở về, xanh xao phù thũng" "Một huyện có tới gần ngàn mộc phu bỏ mạng, cả tỉnh không dưới 100 ngàn".

Định Lăng dùng tới 10 ngàn cây Nam Mộc, cây to nhất đường kính tới trên 1,4 mét. Có thể tưởng tượng cái giá phải trả cho việc đốn một cây gỗ về tới công trường Định Lăng lớn như thế nào.

Sau khi mộc phu chặt đổ cây Nam Mộc, họ phải mở rộng con đường mòn mà họ đi vào tới nơi đốn gỗ, rồi dùng sức người kéo ra bờ sông, đợi đến mùa nước lũ đẩy cây xuống sông cho xuôi theo dòng chảy. Trên đường đi, lại không biết bao nhiêu người bỏ mạng khi vượt qua thác ghềnh. Tháng 5 năm thứ 20 Gia Khánh (1546), thương thư bộ Lễ Nghiêm Tùng tâu với nhà vua về cảnh ngộ của mộc phu: "Nay khó khăn nhất là gỗ, vì phải vào rừng sâu núi hiểm, hoang sơ không thấy bóng người đốn phạt; rồi kéo đến bờ sông đợi nước lũ dâng lên đẩy xuống dòng, vượt ngàn dặm mới tới Kinh đô. Vận chuyển đường đất đường sông mất không biết bao nhiêu năm tháng".

So với gạch đá gỗ, việc sản xuất và vận chuyển chế phẩm lưu ly đỡ tốn kém và khó khăn hơn nhiều. Lượng chế phẩm lưu ly mà Định Lăng sử dụng, nhiều hơn bất cứ ngôi lăng nào. Do yêu cầu của nghệ thuật kiến trúc, ngoài

bờ thành, cung điện, lăng con thú sử dụng ngói lưu ly như thường lệ ra, các kiến trúc quan trọng như cửa lăng đều được trang hoàng bằng gạch lưu ly vẽ hình non nước, hoa lá, rồng phượng, kỳ lân, hải mã, rắn rùa, trông nguy nga huy hoàng lộng lẫy hoa lệ hơn các lăng khác.

Nơi sản xuất chế phẩm lưu ly chủ yếu tập trung ở kinh thành. Trước tiên nghiền nát bột gốm ra, sau qua sàng sảy, hòa với đất, làm phôi, hong khô, lên men, rồi cho vào lò nhiệt độ cao mung ra sản phẩm.

Kiến trúc trên mặt đất của Định lăng nằm trên trực chính nối liền tám hai đỉnh Đại Dụ sơn và Mãng sơn, phong cách và nghệ thuật kiến trúc của nó được người đời đánh giá rất cao, nó là một trong những kiệt tác hiếm có trong lịch sử kiến trúc Trung Quốc.

Thần đạo của Định lăng bắt đầu từ chỗ cách cầu bảy vòm 100 mét về phía bắc, rồi uốn lượn theo hướng tây bắc, vượt qua cầu ba vòm, xuyên qua cầu Kim Thuỷ, đến tận bia Vô tự trước khu lăng của Định lăng, dài ba cây số, rộng bảy mét, mặt đường lát đá xanh, hai bên viền những tấm đá hình thon. Đáng tiếc là bây giờ thần đạo và cầu ba vòm bị phá huỷ, chỉ còn lại di chỉ cây cầu.

3.4. VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH

Bức tường vạn dặm này dài tới 6700 km nằm vắt ngang địa phận 6 tỉnh miền tây và bắc Trung Quốc, băng qua những vùng địa thế cực kỳ hiểm trở, núi cao, khe sâu, rừng rậm, bắt đầu được xây dựng từ thời Chiến quốc (420-221 tCn). Thời đó, các nước Yên, Triệu, Tần đã chọn những nơi hiểm yếu nhất để xây thành nhằm ngăn chặn sự xâm lấn của các lân bang, đặc biệt là của tộc Hung Nô. Tường thành của nước Yên ở phía tây, bắt đầu xây dựng ở Tạo Dương (nay là Độc Thạch Khẩu, Hà Bắc), đến Liêu Đông ở phía đông. Tường thành của nước Triệu ở phía tây từ Cao Khuyết (nay là Lâm Hà - khu tự trị Nội Mông) kéo dài đến phía đông (Huyện Uỷ, Hà Bắc). Tường thành của Tần từ Lâm Triệu (nay là Cam Túc) qua Cố Nguyên đến tận Hoàng Hà.

Năm 221 tCn, Tần Thủy Hoàng tiêu diệt cả sáu nước Hàn, Triệu, Ngụy, Yên, Tề, Sở, thống nhất cả Trung Nguyên. Vào năm 215 tCn, Tần Thủy hoàng

sai Đại tướng Mông Điềm đem 30 vạn quân phản kích Hung Nô, thu lại phần đất phía nam Hoàng Hà và sau đó xây nối tiếp những đoạn thành mà các nước khác đã xây từ trước thành một dải, đồng thời gia cố thêm cho vững chắc hơn, công trình tiến hành trong mười năm mới hoàn thành. Dưới mưa tuyết và cái lạnh làm nước đóng băng ở miền bắc, dưới khí hậu khắc nghiệt của miền tây, qua những tháng ngày lao động cực khổ trong hoàn cảnh thiếu thốn đủ mọi thứ, hàng vạn dân phu đã bị vùi xác nơi chân tường thành. Truyền thuyết còn ghi lại truyện nàng Mạnh Khương vợ nho sinh Phạm Kỷ Lương vượt qua hàng ngàn dặm đường mang áo rét cho chồng là dân phu xây đắp tường thành. Tới nơi, Phạm Kỷ Lương vì không chịu nổi cực khổ nhọc nhằn nên đã qua đời. Mạnh Khương nambi phục xuống chân tường thành khóc lóc thảm thiết, một đoạn tường thành nơi đó đã sụp đổ. Tới các triều Tây Hán, Bắc Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu, Đại Hán cho tới các triều Tùy, Đường, Tống, Nguyên, triều đại nào cũng tu bổ tôn tạo cho Vạn Lý trường thành thêm vững chắc.

Trường thành nhà Minh chỉ là mở rộng trên cơ sở của Trường thành cũ; phía Tây từ cửa Gia Cốc (Cam Túc) phía Đông tới cửa Sơn Hải (Hà Bắc), chiều dài khoảng 3000 km. Với tuyến phòng ngự dài như vậy, phải áp dụng cách làm từng đoạn. Trường thành lúc đó chia ra khoảng 9 đoạn, và 9 cửa ải. Gồm có: Cửa ải Liêu Đông, Ngự Tuyên Phủ, Đại Đồng, Sơn Tây, Diên Thusa, Ninh Hạ, Cố Nguyên và Cam Túc. Chín cửa ải còn gọi là chín biên. Trong một số đoạn của Trường thành còn xây thêm thành ở trong và ngoài nữa. Như đoạn cửa ải Cư Dung, lúc bấy giờ rất gần Bắc Kinh, cần phải tăng cường phòng ngự đối với đoạn này; do đó đã xây làm 3 đường, gọi là "Tam biên".

Chọn đất để làm Trường thành rất quan trọng. Ngoài đoạn phía tây ra, còn tuyệt đại bộ phận Trường thành phải làm giữa các mỏm núi trùng điệp, có khí thế hiểm yếu. Chòi gác làm trên tường thành, cự ly xa gần không đều nhau, dưới tường thành leo qua bậc rồi mới vào chòi gác để tuần tra. Cửa thành là nơi đồn trú quân lính phòng ngự, phần nhiều là nơi tường thành dày, cửa thành làm cũng nhiều. Cửa ải Cư Dung có hai cửa thành, và làm theo địa hình. Ở Gia Cốc làm trên mỏm đồi cao, bình diện vuông vắn.

Vật liệu để xây tường thành có mấy loại: có đoạn xây bằng gạch, có chỗ xây đá hộc, có chỗ lại đắp đất, dùng nguyên liệu nào là tùy theo tính chất phòng ngự mà quyết định. Như đoạn cửa ải Cư Dung, về mặt phòng ngự rất quan trọng, cho nên chỗ này xây tường thành rất kiên cố vừa to vừa cao. cao 8,5 mét, chân tường 6,5 mét. Vỏ ngoài tường thành xây gạch thoi dài, ở giữa nhồi đá hộc hay đất thô. Xây tường thành có 2 cách: chỗ nào độ dốc ít, thì gạch hay đá xây đều làm theo địa thế; còn chỗ nào độ dốc lớn, thì lại xây bằng. Thành có độ rộng lớn, lát đường đi bằng phẳng, dễ tiện cho hành quân, và việc phòng thủ.

Vạn lý trường thành là công trình kiến trúc tập trung nhiều lao động của nhân dân. Dù xây gạch, đá hay đắp đất, thành là một công trình hết sức đồ sộ. Trong điều kiện sản xuất thủ công lúc bấy giờ, kỹ thuật xây dựng còn non trẻ các vấn đề cấp gỗ, nhiên liệu, vận chuyển, tổ chức lao động đông đảo đòi hỏi phải có một nỗ lực rất lớn mới hoàn thành được. Điều đó nói lên sự hùng hậu của lực lượng kinh tế nhà Minh lúc bấy giờ; điều quan trọng hơn nữa là công trình đã thể hiện sức mạnh sáng tạo to lớn của nhân dân lao động Trung Quốc thời cổ đại.

Tư liệu: Một số cảnh quan đô thị đặc sắc khác

Viên Minh viên được bắt đầu xây dựng vào năm 1709 thời vua Khanh Hy (1662 - 1723) đến đời vua Càn Long (1736 - 1796) thì hoàn thành, nhưng thực ra phải mất 150 năm mới hoàn chỉnh. Ngay sau đó năm 1860, liên quân Anh - Pháp chiếm đóng Bắc Kinh, đã lấy đi những vật báu trong Viên Minh viên và phóng hỏa thiêu hủy. Vào năm 1900 lực lượng Bát quốc liên quân cướp bóc những gì còn sót lại trong vườn. Ngày nay Viên Minh viên trở thành nơi để người ta viếng thăm và hồi niệm những gì trong quá khứ; Viên Minh viên chỉ còn là đống đổ nát. Thực sự Viên Minh viên bao gồm 3 vườn lớn: Viên Minh viên, Vạn Xuân viên, Trường Xuân viên và chính giữa có hồ Phúc Hải chiều rộng mỗi bờ 60 m. Các vua Thanh đã thu nhập những vật liệu xây dựng tốt nhất và sử dụng những người thợ tài hoa, khéo léo nhất để tạo nên 40 điểm cảnh quan và 145 công trình kiến trúc; trong số những công trình này là nơi tàng trữ những tác phẩm nghệ thuật và sách vở quý báu nhất. Đối lại những đặc điểm tự nhiên kỳ mỹ, thì những công trình kiến

trúc được nối kết bởi những lối đi, hành lang, cầu độc đáo; hầu hết những công trình đều mang nét đặc trưng của Trung Quốc, nhưng cũng có nhiều kiến trúc bằng đá theo kiểu phutong tây do các giáo sĩ và họa sĩ người Ý thiết kế. Viên Minh viên được mệnh danh "Vườn hoa của vạn vườn hoa".

Công viên Hương Sơn nằm cách thành phố Bắc Kinh khoảng 40 km về hướng tây bắc. Núi Hương Sơn có độ cao 557 m so với mực nước biển, trên đỉnh núi có hai tảng đá lớn có hình dạng giống như chiếc đinh 3 chân dùng để đốt trầm hương, vì thế có tên là Hương Sơn. Bên trong công viên có 3 khu cảnh quan chính: Chấn Kiên Trai, Song Thanh và Lưu Ly tháp, cạnh đó có chùa Bích Vân và chùa Phật nằm.

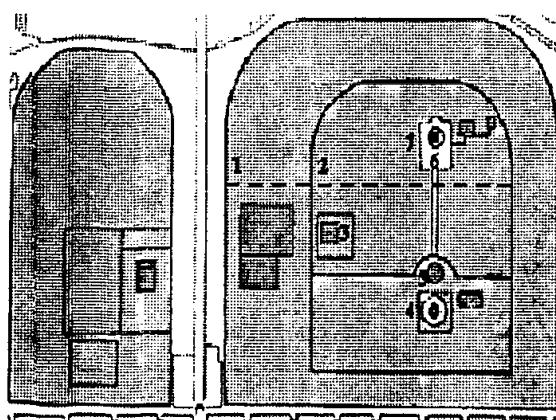
Công viên Hương Sơn như một kiểu công viên rừng, vào cuối mùa thu, người ta thường đến đây để thưởng ngoạn màu sắc đỏ ối của lá cây tràn ngập khắp Hương Sơn. Sau đó người ta đến Bích Vân tự, từ cổng tam quan đến chùa chính phải lên dần 6 cấp độ cao, có nhiều hoa viên nối kết nhau một cách liên hoàn; trong sảnh dẫn vào chính điện có 508 pho tượng diêu khắc bằng gỗ cũng được trang trí bằng những lá vàng dát mỏng và tòa sen Phật ngự được làm bằng kim cương, là những bảo vật nổi tiếng của chùa. Từ công viên Hương Sơn đi khoảng 2 km thì đến chùa Phật nằm, chùa này được biết đến nhiều hơn vì có pho tượng Phật nằm với kiểu dáng độc nhất được đúc bằng đồng vào năm 1321, cân nặng 54 tấn, dài hơn 5 m, đến nay vẫn tồn tại.

Công viên Bắc Hải nằm ở góc tây - bắc Tử Cấm thành Bắc Kinh. Ngay từ đầu thế kỷ X nơi đây là hoàng cung thứ hai của vua nước Liêu. Ngược dòng thời gian, vào đời nhà Tấn (năm 265-420) đã cho đào Đại Hồ, đất đá được đắp lên tạo thành đảo nhân tạo là Quỳnh Hoa đảo; nhiều điện, đèn được xây dựng trở thành cung điện thứ hai của nhà Tấn. Đến đời Nguyên (1279-1386), Quỳnh Hoa đảo được tái thiết ba lần và trở thành trung tâm của Đại Đô. Đến Minh Triều, trải qua nhiều lần xây dựng và tái thiết Ngũ Long đình trên bờ bắc hồ Bắc Hải cũng nơi này. Suốt thời vua Càn Long trị vì phải mất 30 năm, một viên lâm hoàng gia rộng lớn, hoàn mỹ được hình thành hoàn chỉnh.

Công viên Bắc Hải được bao quanh bởi tường thành, trên đó ở độ cao 6m là những pháo đài, công trình phòng ngự, dọc theo có những hoa viên nhỏ rất đẹp với nhiều công trình kiến trúc đặc trưng, những cây đại thụ cổ kính cùng những lối đi nhỏ hẹp quanh co. Ngũ Long đình là nơi nhà vua đến câu cá ngắm trăng hoặc xem pháo hoa. Quỳnh Hoa đảo là trung tâm công viên, được nối kết với những hoa viên khác bằng những chiếc cầu đá, khi đến những quần thể kiến trúc khác bên bờ Đông, bờ Tây có thể di chuyển bằng thuyền. Với cảnh quan kỳ lạ, kiến trúc độc đáo, công viên Bắc Hải là một công viên rất nổi tiếng ở Bắc Kinh và đặc biệt tại đây còn bảo tồn một tòa "Cửu Long bích" cao 5 m, dài 27 m, rộng 1,2 m là một trong 3 tòa Cửu Long bích ở Trung Quốc.

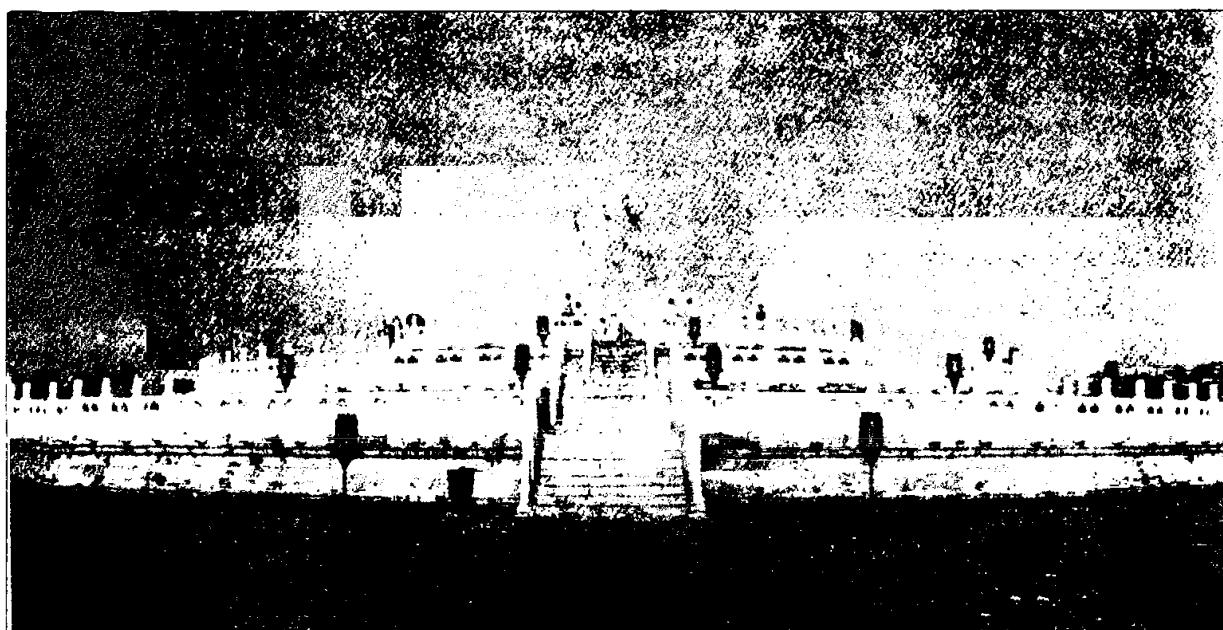
(Trích bài viết của TS. Lê Minh Trung in trên tạp chí KT và DS, 48 - 2000)





Mặt bằng tổng thể Thiên đài

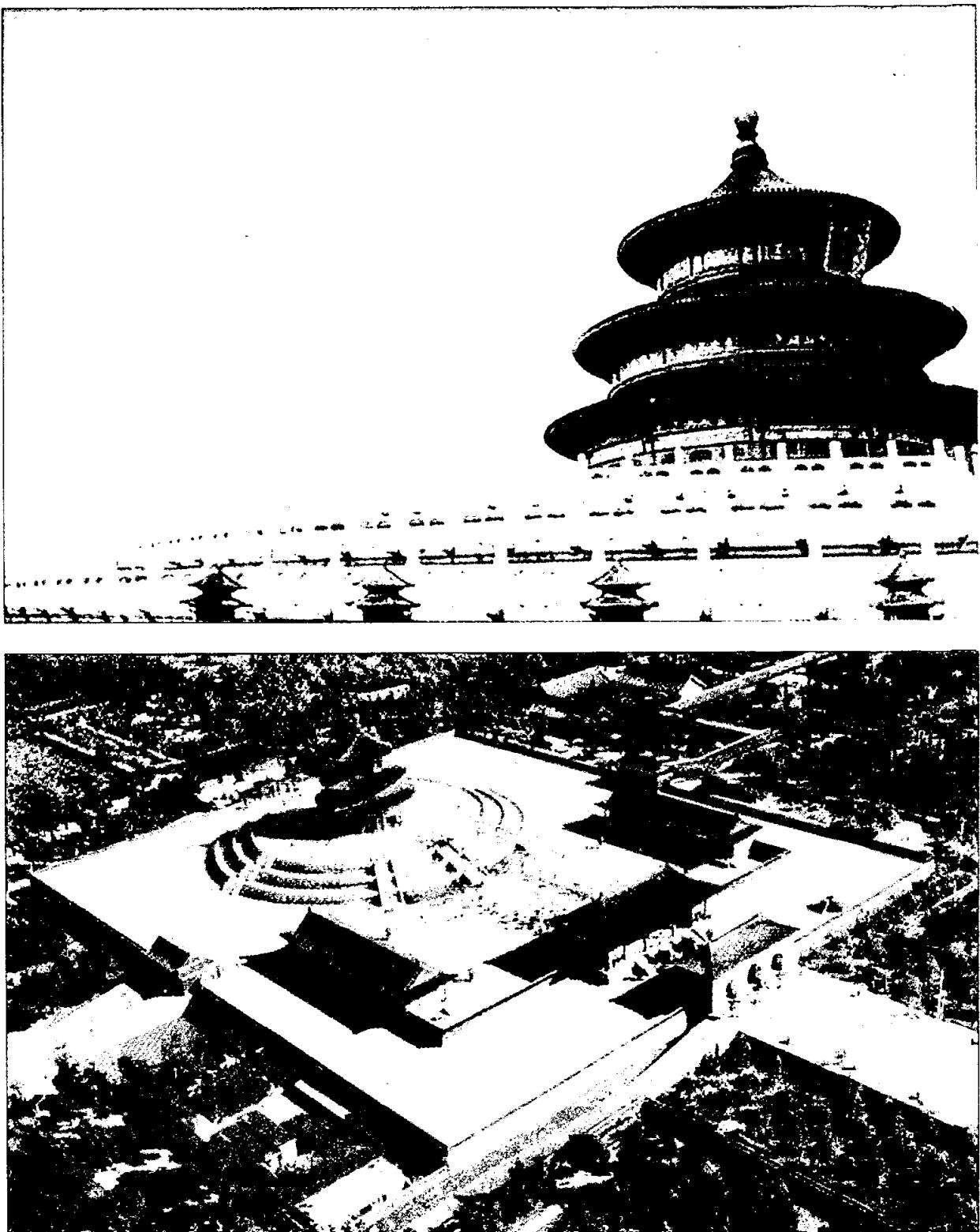
1. Cổng ngoài
2. Cổng trong
3. Trai cung
4. Hoàn Khưu đài
5. Hoàng Khung vũ
6. Kỳ Niên môn
7. Kỳ Niên điện



*Hoàn Khưu đài với ba tầng cấp là công trình lộ thiên,
nơi thực hiện nghi lễ tế trời*

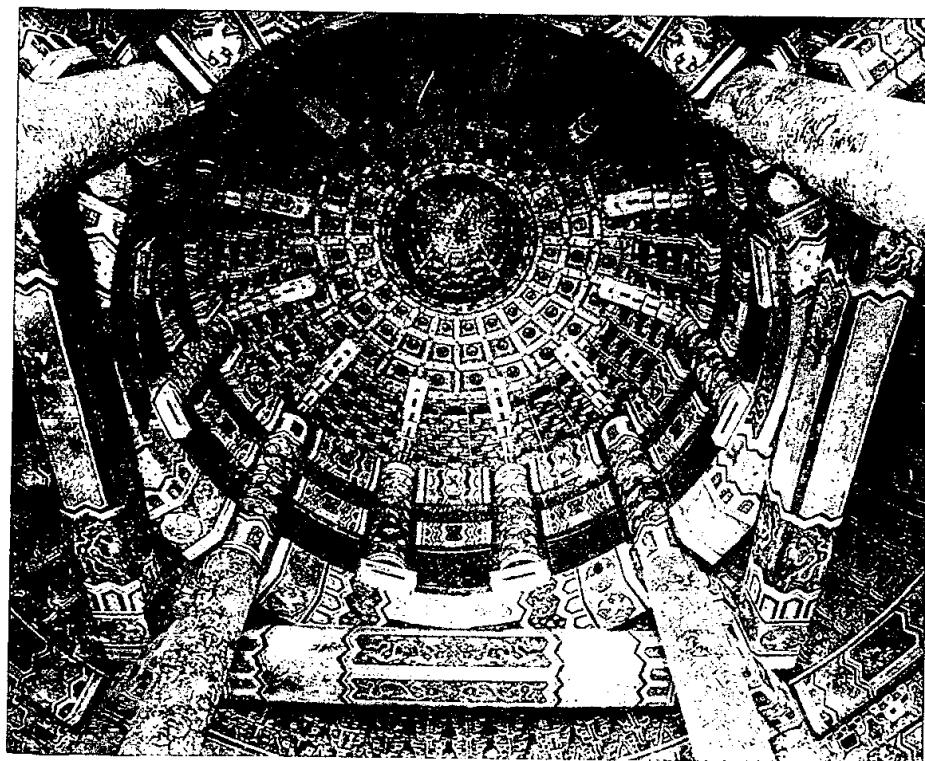
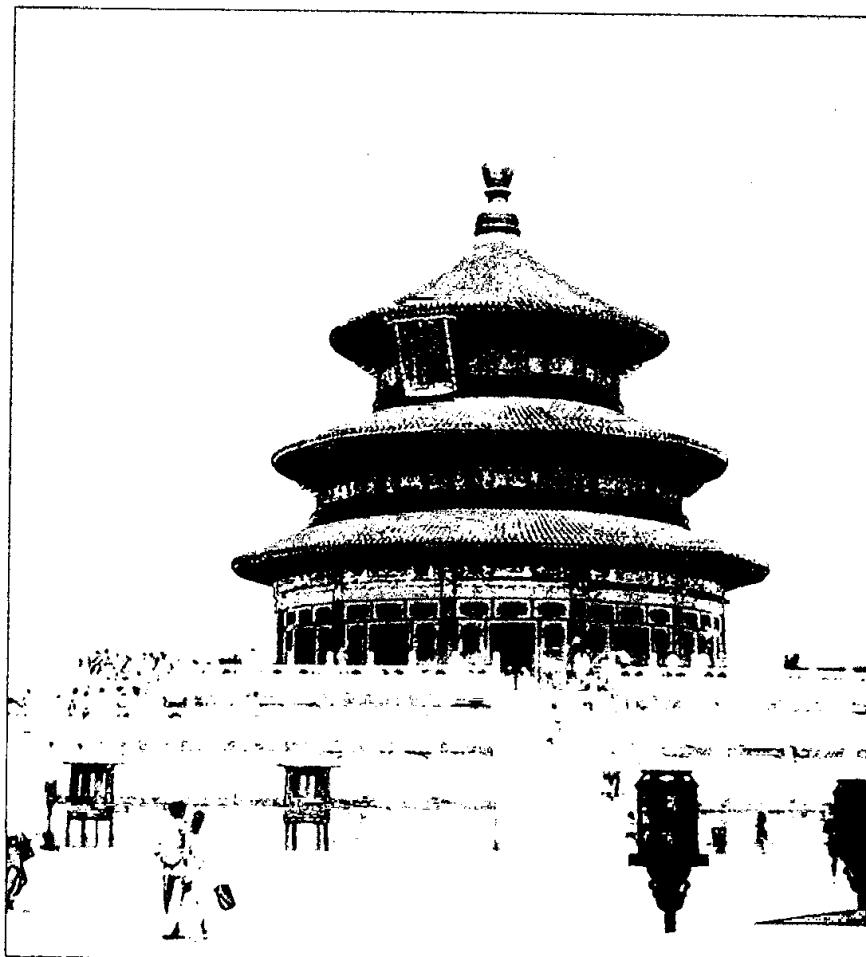


*Hoàng Khung vũ là nơi cất giữ các bài vị tế trời
(nhà tròn đường kính 15,6m cao 19,5m)*



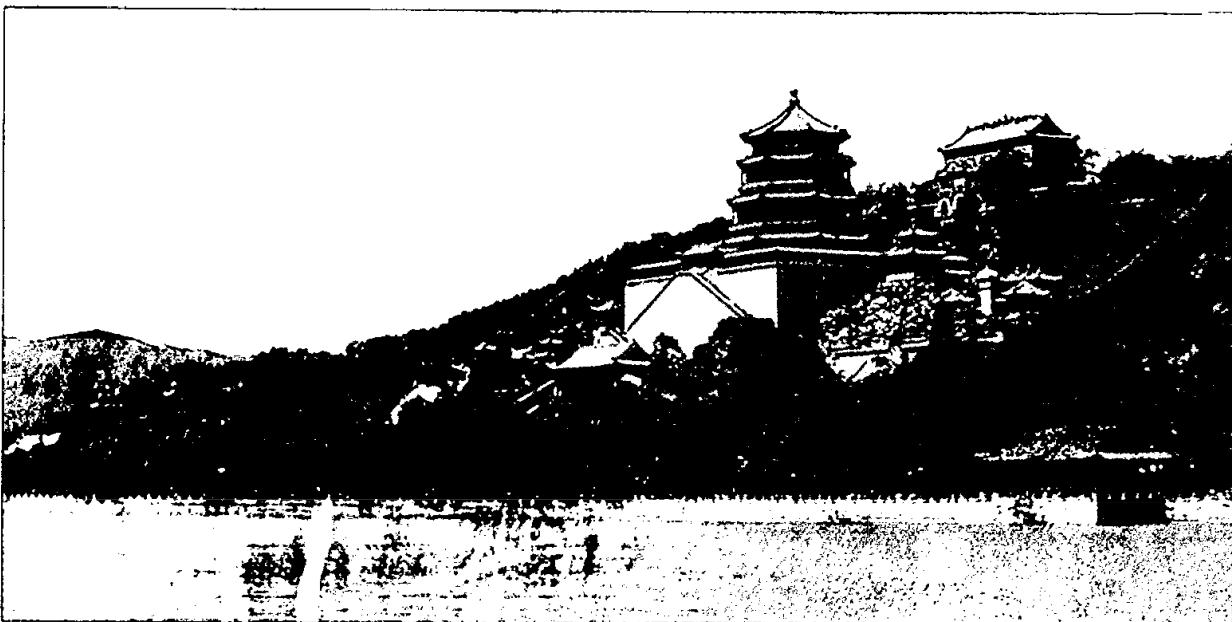
Toàn cảnh Kỳ Niên điện

Kỳ Niên điện là
công trình chính
(cao 38m, bệ 6m)
trong tổng thể kiến
trúc Thiên đàn



Cột và trần mái
Kỳ Niên điện.
Bốn cột chính
cao 19,2m tượng
trưng bốn mùa
trong năm và 12
cột con tượng
trưng 12 tháng.

Đô thị cổ Bắc Kinh



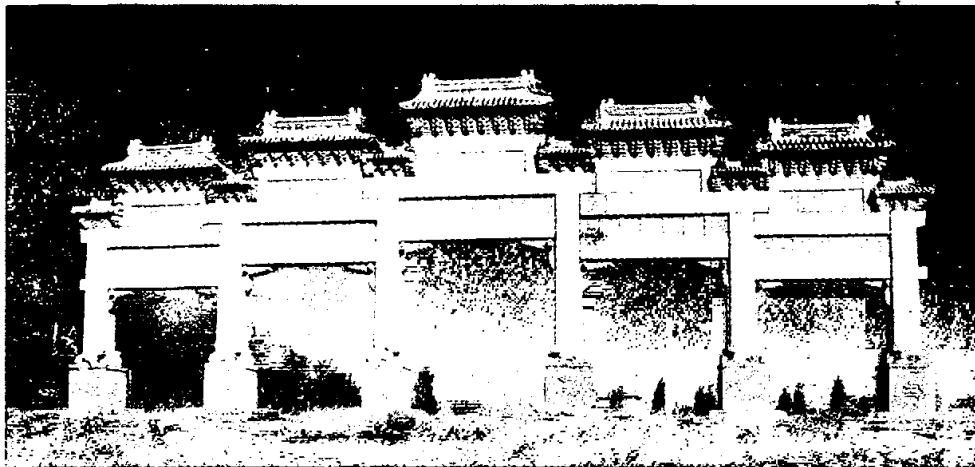
Tòa Phật hương
các trên núi
Vạn Thọ



Kiến trúc
Trường lang



Nhà ngắm
cảnh hình
thuyền đá bên
hồ Côn Minh



Nghi môn tức cổng chính Thập Tam lăng xây dựng năm 1540
(vua Thần Tông năm thứ 19, rộng 29m cao 14m)

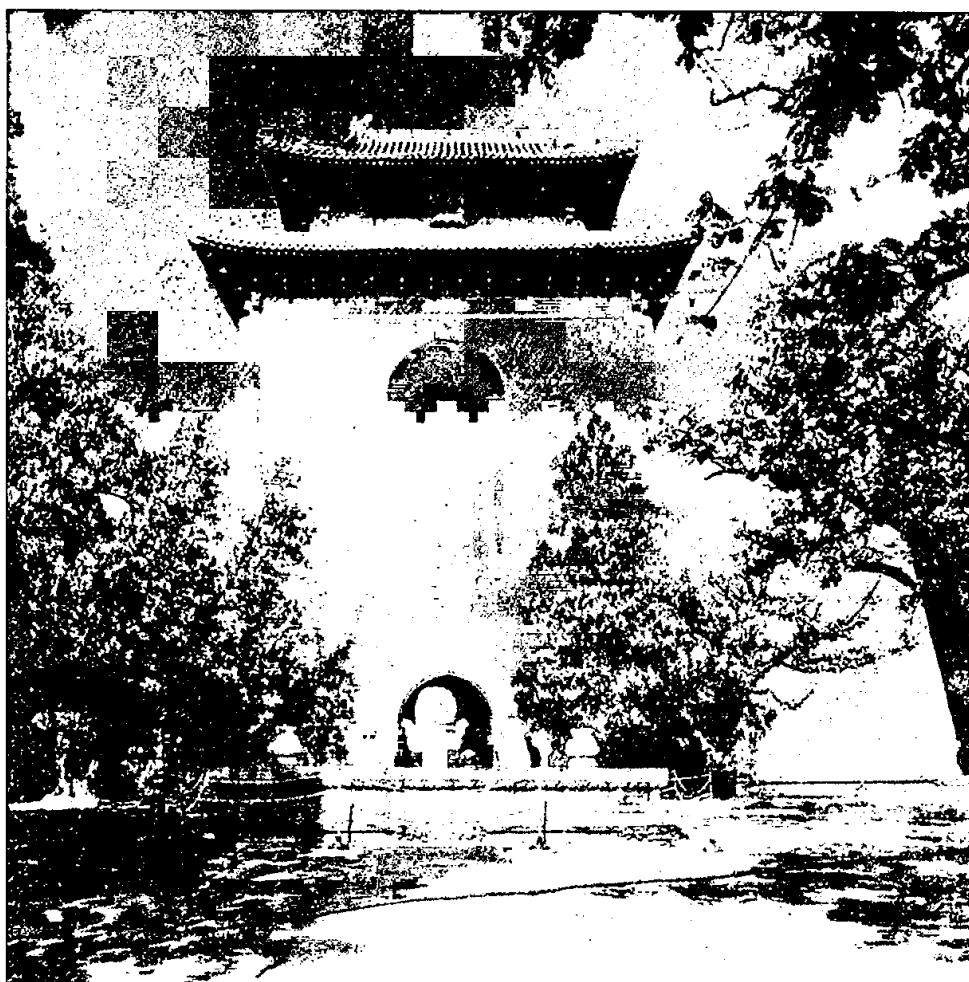
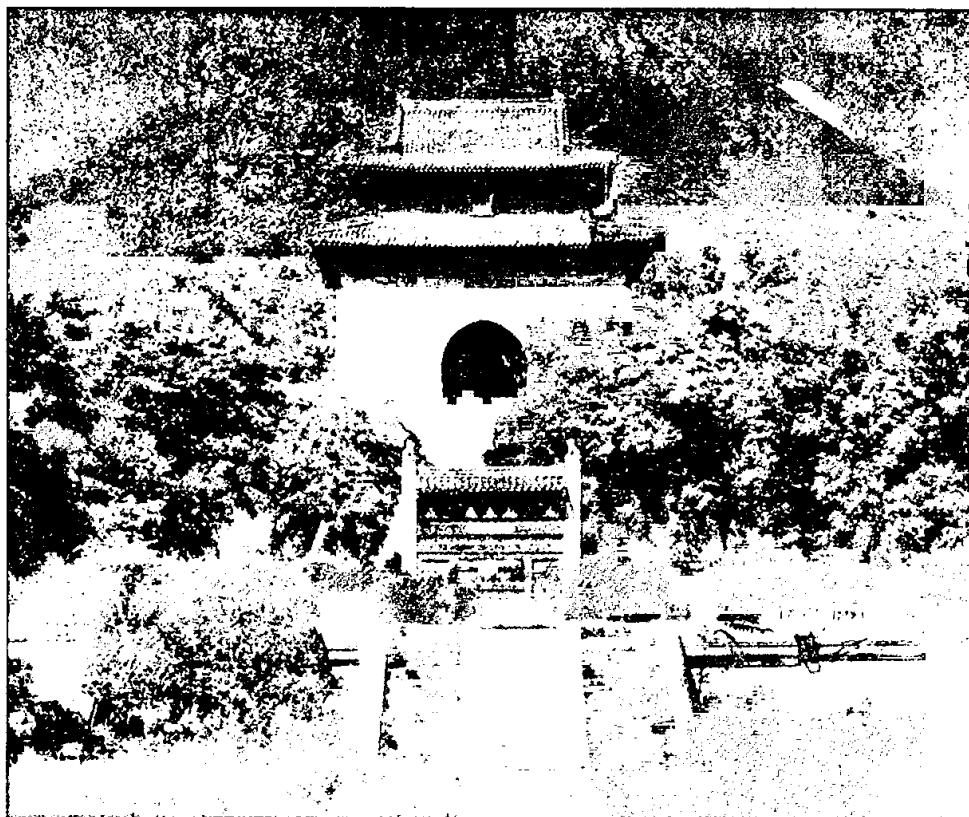


Đại Hồng môn là điểm khởi đầu đi vào Thập Tam lăng
(rộng 26m cao 22m)

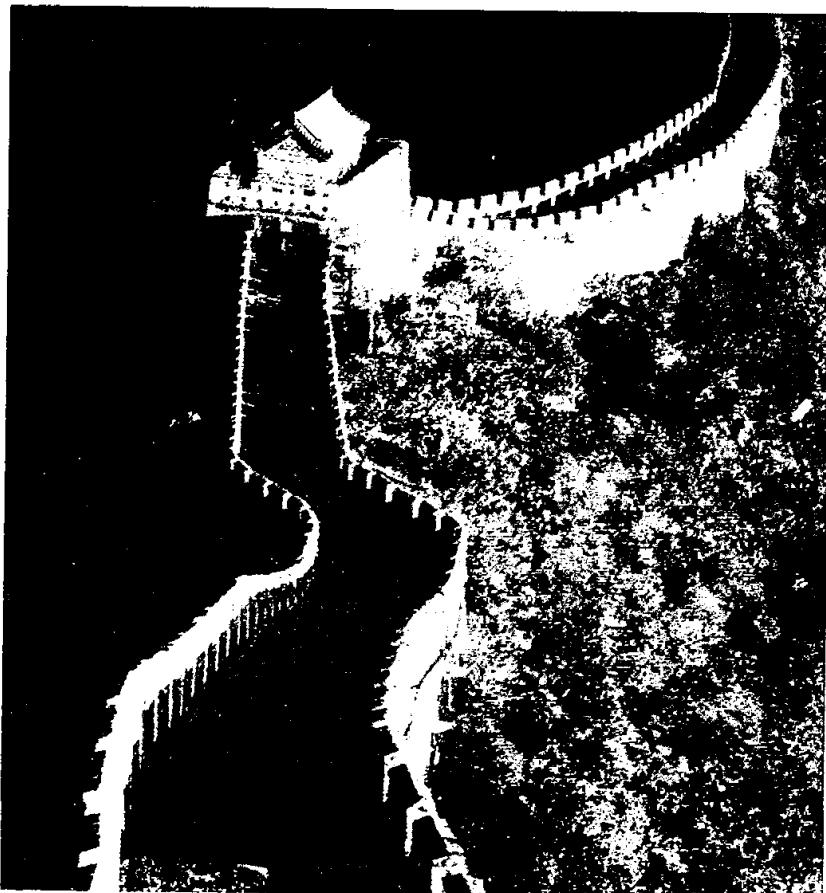


Trục thân đạo từ cổng chính dẫn vào các lăng

Đô thị cổ Bắc Kinh



Kiến trúc lăng mộ



Hình ảnh Vạn lý trường thành với các vọng gác



4.

KIẾN TRÚC TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG

Kiến trúc tôn giáo là bộ phận rất quan trọng của nền kiến trúc Cố đại Trung Quốc.

Tôn giáo ở Trung Quốc từ xưa có Phật giáo, Đạo giáo và Đạo Islam, trong đó Phật giáo được truyền bá rộng nhất và có tín đồ đông nhất. Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang, người sáng lập là Đức Thích Ca Mâu Ni.

Theo giáo lý Phật giáo thì thế giới thực tại là bể khổ vô bờ trong đó có cả nỗi khổ sinh, lão, bệnh, tử, cái khổ phải xa lìa người thân, cuộc sống không được bảo đảm, dục vọng không được thoả mãn... Nguyên nhân sinh ra đau khổ là do con người có nhiều dục vọng mà những dục vọng đó là do thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác và xúc giác của con người gợi ra. Cho nên muốn giải thoát nỗi khổ của người đời thì phải từ bỏ những dục vọng, phải gian khổ tu hành cho đến khi kết thúc cuộc đời mới có thể đi đến thế giới không còn khổ, đau mà Phật giáo gọi đó là cõi "*Niết bàn*".

Phật giáo truyền vào Trung Quốc từ thời nhà Hán, ngay lập tức được giai cấp phong kiến tán đồng, ủng hộ. Họ tổ chức nhiều người tập trung dịch sách Kinh chữ Phạn ra tiếng Trung Quốc và tiến hành truyền bá giáo lý, cho lập đền, chùa và đào hang động khắp nơi trong nước làm nơi tu hành cho các Tăng, Ni, Phật tử. Theo tài liệu lịch sử thì thời Nam - Bắc Triều, nhà Lương ở miền Nam có 2846 ngôi chùa thờ Phật, có trên 52.700 người xuất gia tu hành. Riêng ở Kiến Khang (nay là Nam Kinh) đã có 70 ngôi chùa lớn. Bắc Ngụy ở miền Bắc có hơn 3 vạn ngôi chùa và viện với hơn 200 vạn Tăng, Ni.

Số lượng các đền chùa, miếu mạo ở Bắc Kinh có thể kể đến con số nghìn. Số lượng đông đảo các đền miếu này có cái do hoàng đế sắc chỉ xây dựng,

có cái do dân cư và bao gồm rất nhiều loại khác nhau: chùa miếu Phật giáo, Lạt ma giáo, cung quán Đạo giáo, thần từ nguyên thủy, có nhà thờ của đạo Hồi và cũng có nhà thờ của đạo Thiên Chúa.

Trong số những chùa chiền Phật giáo nổi tiếng nhất ở phạm vi trong ngoài kinh thành, người ta phân biệt "nội bát sa" gồm các chùa: Bách Lâm, Gia Hưng, Quả Tế, Pháp Nguyên, Long Tuyền, Hiền Lương, Quả Hóa, Chiêm Hoa và "ngoại bát sa" có các chùa: Giác Sinh, Quảng Thông, Vạn Thọ, Thiện Quả, Nam Quan Âm, Hải Tuệ, Thiên Ninh, Viên Quảng. Còn chùa Đàm Giá, chùa Tây Vực, chùa Giới Đài được gọi là "tam sơn". Bắc Kinh xưa còn có câu nói "cửu môn thập cá miếu" ý nói trong ủng thành của chín cổng thành trong thành nội mỗi nơi đều có một miếu Quan đế, và trong ủng thành của Chính Dương môn còn có thêm ngôi miếu Quan Âm đại sỹ. Bắc Kinh xưa còn có câu nói "cửu đàn bát miếu", "cửu đàn" là Thiên đàn, Nhật đàn, Nguyệt đàn, Tiên Nông đàn, Xã tắc đàn... mà ta đã biết, "bát miếu" bao gồm: Thái miếu, Phụng Tiên điện, Truyền Tâm điện, Thọ Hoàng điện, Ung Hòa cung, Đường Tử, miếu đế vương các đời và Văn miếu thờ Khổng tử. Thời Minh, Thanh, đạo quán nổi tiếng ở Bắc Kinh có điện Huyền Đạo Cao, điện Minh Đại Quan, Bạch Vân quán, miếu Đông Nhạc, miếu Đô Thành Hoàng, miếu Đô Thổ Địa, cung Triều Thiên, cung Bàn Đào, miếu Bích Hà Nguyên Quân, miếu Chấn Vũ, Ngọc Hoàng các, miếu Lã Tổ, miếu Táo Quân, miếu Hóa Thần, miếu Long Vương, miếu Được Vương...; miếu chùa Lạt ma nổi tiếng thì có cung Ung Hòa, chùa Tây Hoàng, chùa Diệu Ứng, chùa Vạn Thọ, miếu Tông Kính Đại Chiêu... Chỉ tính thời kỳ đầu thời Thanh, chùa miếu Lạt ma ở Bắc Kinh thuộc phạm vi quản lý của triều đình đã có hơn ba mươi nơi. Thời kỳ Minh, Thanh, nhà thờ đạo Hồi và giáo đường Thiên Chúa nổi tiếng ở Bắc Kinh mỗi thứ có bốn ngôi, tức nhà thờ Ngưu Nhai Lễ Bá, nhà thờ đạo Hồi đông tây, nhà thờ đạo Hồi An Định môn, nhà thờ đạo Hồi Cẩm Thậm phường và giáo đường đông, tây, nam, bắc.

Thái miếu (nay được dùng làm Cung Văn hóa Nhân dân lao động) ở phía đông Thiên An môn và đàn Xã Tắc (nay là công viên Trung Sơn) ở phía tây Thiên An môn vốn là một cấu trúc phải trái đối xứng theo quy chế "Trái tổ phải xã" của cung điện đế vương xưa.

Người Trung Quốc xưa kia gọi xã là Thân thổ địa, tắc là Thân ngũ cốc. Cúng tế xã - tắc thể hiện là nước lấy nông nghiệp làm gốc. Đầu tiên, xã tắc chia làm hai đàn hoặc một đàn, một miếu để tế lễ. Đến đời nhà Minh, nhà Thanh thì hợp xã - tắc làm một gọi là xã tắc để đúng tế chung. Xã tắc đàn ở Bắc Kinh nằm bên phải, phía trước Tử Cấm thành, đối xứng với Thái miếu thành thế: tả tổ hữu xá, tức là tổ tiên bên trái, xã tắc bên phải. Hình dáng của nó là một gò đất hình vuông mỗi chiều 15 mét, cao gần một mét, trên mặt phủ một lớp đất có 5 màu: xanh, đỏ, vàng, đen, trắng theo sự phân bố mang tính truyền thống: phía Đông màu xanh, phía Nam màu đỏ, phía Tây màu trắng, phía Bắc màu đen, ở giữa màu vàng; coi đất bốn phương tượng trưng cho cương vực của quốc gia. Bên ngoài gò đất có đắp một tường thấp vây quanh bốn phía. Mặt tường bốn phía cũng theo phương vị mà ốp lưu ly các màu xanh, đỏ, đen, trắng. Nghi thức thờ cúng xã tắc thì đứng ở phía Bắc hướng về phương Nam mà cúng tế, cho nên vị trí đàn ở phía Nam, phía Bắc đàn là bái điện, hướng điện và cửa chính.

Thái miếu Bắc Kinh bắt đầu xây dựng vào năm Vĩnh Lạc thứ mười tám thời Minh (năm 1420), là nơi hoàng đế hai triều Minh, Thanh cúng tế tổ tiên. Người Trung Quốc xưa quan niệm "Vạn vật bản hô thiêng, nhân bản hô tổ", ý nói "vạn vật do tự nhiên còn bản tính con người do tổ tiên".

Vào thời cổ đại, thần tổ tiên và thiêng thần có địa vị quan trọng như nhau, tế tổ cũng như tế trời, đều thuộc các quy chế tín ngưỡng hàng đầu.

Đế vương cổ đại tế tổ chủ yếu có hai hình thức hợp tế và thời hưởng. Hợp tế là tập hợp thần chủ "bài vị" các tổ tiên xa gần của hoàng đế lại hợp tế chung ở Thái miếu. Thời thượng cổ, hợp tế thông thường là ba năm tổ chức một lần, hai triều Minh, Thanh thường tổ chức vào dịp cuối năm, cũng có khi tế hai lần vào mùa xuân và mùa thu. Thời hưởng tức là hướng vào bốn mùa, cũng chính là lễ nghi tế tổ vào bốn mùa xuân, hạ, thu, đông hàng năm. Đầu thời Minh quy định, thời hưởng lần lượt tổ chức vào tiết Thanh minh của mùa xuân, té Đoan ngọ của mùa hạ, té Trung nguyên (rằm tháng bảy âm lịch) của mùa thu, tiết Đông chí của mùa đông. Ngoài ra mỗi khi có các lễ hội trọng đại như hoàng đế lên ngôi, kết hôn, thân chinh, khai hoản, hiến tù binh... hoàng đế đều phải đến Thái miếu tế cáo với tổ tông.



4.

KIẾN TRÚC TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG

Kiến trúc tôn giáo là bộ phận rất quan trọng của nền kiến trúc Cố đại Trung Quốc.

Tôn giáo ở Trung Quốc từ xưa có Phật giáo, Đạo giáo và Đạo Islam, trong đó Phật giáo được truyền bá rộng nhất và có tín đồ đông nhất. Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang, người sáng lập là Đức Thích Ca Mâu Ni.

Theo giáo lý Phật giáo thì thế giới thực tại là bể khổ vô bờ trong đó có cả nỗi khổ sinh, lão, bệnh, tử, cái khổ phải xa lìa người thân, cuộc sống không được bảo đảm, dục vọng không được thoả mãn... Nguyên nhân sinh ra đau khổ là do con người có nhiều dục vọng mà những dục vọng đó là do thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác và xúc giác của con người gợi ra. Cho nên muốn giải thoát nỗi khổ của người đời thì phải từ bỏ những dục vọng, phải gian khổ tu hành cho đến khi kết thúc cuộc đời mới có thể đi đến thế giới không còn khổ, đau mà Phật giáo gọi đó là cõi "*Niết bàn*".

Phật giáo truyền vào Trung Quốc từ thời nhà Hán, ngay lập tức được giai cấp phong kiến tán đồng, ủng hộ. Họ tổ chức nhiều người tập trung dịch sách Kinh chữ Phạn ra tiếng Trung Quốc và tiến hành truyền bá giáo lý, cho lập đền, chùa và đào hang động khắp nơi trong nước làm nơi tu hành cho các Tăng, Ni, Phật tử. Theo tài liệu lịch sử thì thời Nam - Bắc Triều, nhà Lương ở miền Nam có 2846 ngôi chùa thờ Phật, có trên 52.700 người xuất gia tu hành. Riêng ở Kiến Khang (nay là Nam Kinh) đã có 70 ngôi chùa lớn. Bắc Ngụy ở miền Bắc có hơn 3 vạn ngôi chùa và viện với hơn 200 vạn Tăng, Ni.

Số lượng các đền chùa, miếu mạo ở Bắc Kinh có thể kể đến con số nghìn. Số lượng đông đảo các đền miếu này có cái do hoàng đế sắc chỉ xây dựng,

có cái do dân cư và bao gồm rất nhiều loại khác nhau: chùa miếu Phật giáo, Lạt ma giáo, cung quán Đạo giáo, thần từ nguyên thủy, có nhà thờ của đạo Hồi và cũng có nhà thờ của đạo Thiên Chúa.

Trong số những chùa chiền Phật giáo nổi tiếng nhất ở phạm vi trong ngoài kinh thành, người ta phân biệt "nội bát sa" gồm các chùa: Bách Lâm, Gia Hưng, Quả Tế, Pháp Nguyên, Long Tuyền, Hiền Lương, Quả Hóa, Chiêm Hoa và "ngoại bát sa" có các chùa: Giác Sinh, Quảng Thông, Vạn Thọ, Thiện Quả, Nam Quan Âm, Hải Tuệ, Thiên Ninh, Viên Quảng. Còn chùa Đàm Giá, chùa Tây Vực, chùa Giới Đài được gọi là "tam sơn". Bắc Kinh xưa còn có câu nói "cửu môn thập cá miếu" ý nói trong ủng thành của chín cổng thành trong thành nội mỗi nơi đều có một miếu Quan đế, và trong ủng thành của Chính Dương môn còn có thêm ngôi miếu Quan Âm đại sỹ. Bắc Kinh xưa còn có câu nói "cửu đàn bát miếu", "cửu đàn" là Thiên đàn, Nhật đàn, Nguyệt đàn, Tiên Nông đàn, Xã tắc đàn... mà ta đã biết, "bát miếu" bao gồm: Thái miếu, Phụng Tiên điện, Truyền Tâm điện, Thọ Hoàng điện, Ung Hòa cung, Đường Tử, miếu đế vương các đời và Văn miếu thờ Khổng tử. Thời Minh, Thanh, đạo quán nổi tiếng ở Bắc Kinh có điện Huyền Đạo Cao, điện Minh Đại Quan, Bạch Vân quán, miếu Đông Nhạc, miếu Đô Thành Hoàng, miếu Đô Thổ Địa, cung Triều Thiên, cung Bàn Đào, miếu Bích Hà Nguyên Quân, miếu Chấn Vũ, Ngọc Hoàng các, miếu Lã Tổ, miếu Táo Quân, miếu Hóa Thần, miếu Long Vương, miếu Được Vương...; miếu chùa Lạt ma nổi tiếng thì có cung Ung Hòa, chùa Tây Hoàng, chùa Diệu Ứng, chùa Vạn Thọ, miếu Tông Kính Đại Chiêu... Chỉ tính thời kỳ đầu thời Thanh, chùa miếu Lạt ma ở Bắc Kinh thuộc phạm vi quản lý của triều đình đã có hơn ba mươi nơi. Thời kỳ Minh, Thanh, nhà thờ đạo Hồi và giáo đường Thiên Chúa nổi tiếng ở Bắc Kinh mỗi thứ có bốn ngôi, tức nhà thờ Ngưu Nhai Lễ Bá, nhà thờ đạo Hồi đông tây, nhà thờ đạo Hồi An Định môn, nhà thờ đạo Hồi Cẩm Thậm phường và giáo đường đông, tây, nam, bắc.

Thái miếu (nay được dùng làm Cung Văn hóa Nhân dân lao động) ở phía đông Thiên An môn và đàn Xã Tắc (nay là công viên Trung Sơn) ở phía tây Thiên An môn vốn là một cấu trúc phải trái đối xứng theo quy chế "Trái tổ phải xã" của cung điện đế vương xưa.

Người Trung Quốc xưa kia gọi xã là Thân thổ địa, tắc là Thân ngũ cốc. Cúng tế xã - tắc thể hiện là nước lấy nông nghiệp làm gốc. Đầu tiên, xã tắc chia làm hai đàn hoặc một đàn, một miếu để tế lễ. Đến đời nhà Minh, nhà Thanh thì hợp xã - tắc làm một gọi là xã tắc để đúng tế chung. Xã tắc đàn ở Bắc Kinh nằm bên phải, phía trước Tử Cấm thành, đối xứng với Thái miếu thành thế: tả tổ hữu xá, tức là tổ tiên bên trái, xã tắc bên phải. Hình dáng của nó là một gò đất hình vuông mỗi chiều 15 mét, cao gần một mét, trên mặt phủ một lớp đất có 5 màu: xanh, đỏ, vàng, đen, trắng theo sự phân bố mang tính truyền thống: phía Đông màu xanh, phía Nam màu đỏ, phía Tây màu trắng, phía Bắc màu đen, ở giữa màu vàng; coi đất bốn phương tượng trưng cho cương vực của quốc gia. Bên ngoài gò đất có đắp một tường thấp vây quanh bốn phía. Mặt tường bốn phía cũng theo phương vị mà ốp lưu ly các màu xanh, đỏ, đen, trắng. Nghi thức thờ cúng xã tắc thì đứng ở phía Bắc hướng về phương Nam mà cúng tế, cho nên vị trí đàn ở phía Nam, phía Bắc đàn là bái điện, hướng điện và cửa chính.

Thái miếu Bắc Kinh bắt đầu xây dựng vào năm Vĩnh Lạc thứ mười tám thời Minh (năm 1420), là nơi hoàng đế hai triều Minh, Thanh cúng tế tổ tiên. Người Trung Quốc xưa quan niệm "Vạn vật bản hô thiêng, nhân bản hô tổ", ý nói "vạn vật do tự nhiên còn bản tính con người do tổ tiên".

Vào thời cổ đại, thần tổ tiên và thiêng thần có địa vị quan trọng như nhau, tế tổ cũng như tế trời, đều thuộc các quy chế tín ngưỡng hàng đầu.

Đế vương cổ đại tế tổ chủ yếu có hai hình thức hợp tế và thời hưởng. Hợp tế là tập hợp thần chủ "bài vị" các tổ tiên xa gần của hoàng đế lại hợp tế chung ở Thái miếu. Thời thượng cổ, hợp tế thông thường là ba năm tổ chức một lần, hai triều Minh, Thanh thường tổ chức vào dịp cuối năm, cũng có khi tế hai lần vào mùa xuân và mùa thu. Thời hưởng tức là hướng vào bốn mùa, cũng chính là lễ nghi tế tổ vào bốn mùa xuân, hạ, thu, đông hàng năm. Đầu thời Minh quy định, thời hưởng lần lượt tổ chức vào tiết Thanh minh của mùa xuân, té Đoan ngọ của mùa hạ, té Trung nguyên (rằm tháng bảy âm lịch) của mùa thu, té Đông chí của mùa đông. Ngoài ra mỗi khi có các lễ hội trọng đại như hoàng đế lên ngôi, kết hôn, thân chinh, khai hoản, hiến tù binh... hoàng đế đều phải đến Thái miếu tế cáo với tổ tông.

Thái miếu Bắc Kinh bề mặt có hình chữ nhật, theo hướng nam bắc, diện tích gần 140.000 m², có ba tầng tường bao, kiến trúc chủ thể là ba đại điện trước, giữa, sau. Tiền điện tức Thái miếu, còn gọi là đại điện, rộng mười một gian, sâu vào bốn gian, lợp ngói lưu ly vàng, nằm trên nền điện kiểu bạch ngọc đời Hán quy mô rất lớn và thường gọi là "tam đài". Xà trụ của nó ngoài bọc gỗ trầm hương, các cầu kiện còn lại đều làm bằng gỗ nam, sợi vàng cực kỳ quý giá. Trung điện, hậu điện đều rộng chín gian, ngói lưu ly vàng lợp nóc điện. Hai bên đông tây mỗi điện đều có phổi điện, gọi là đông, tây vū. Thời Minh, Thanh, tiền điện là nơi "hợp tế" của Thái miếu, hoạt động tế tổ của Hoàng đế tổ chức tại đây. Trung điện còn gọi là tẩm cung, là nơi thờ phụng, bài vị, khám thân của đế hậu các đời. Hậu điện còn gọi là "khiêu miếu", là nơi thờ cúng khám thờ, bài vị của đế hậu bốn đời trước khi nhà Thanh dựng nước về sau được truy phong; đông vū của tiền điện có mười lăm gian, là nơi để bài vị vương công phổi hướng; tây vū mười lăm gian, là nơi để bài vị công thần phổi hướng. Đông, tây vū của trung, hậu điện đều có năm gian, là nơi để đồ tế. Ngoài ra Thái miếu còn có một số kiến trúc phụ trợ như kho thân, bếp thân, đình tế sinh, đình giếng.

Kiến trúc Thái miếu có hơn 570 năm lịch sử này, đã qua nhiều lần tu sửa, cải tạo, trùng tu. Chẳng hạn vào năm Gia Tinh thứ mười bốn nhà Minh (1535), Minh Thế Tông Chu Hậu Thông đem chia tiền điện của Thái miếu là nơi hợp tế tổ tiên các đời, làm chín phần, đổi chế độ hợp tế thành phân tế, quy định chín ngói miếu thờ cúng tổ tiên các đời. Nhưng về sau trong số chín miếu có tám bị sét đánh thiêu hủy, Chu Hậu Thông và các đại thần cho rằng đó là do tổ tiên không muốn phân tế, nên vào năm Gia Tinh thứ hai mươi tư (1545) cho xây dựng lại Thái miếu, khôi phục lại chế độ hợp tế. Năm Sùng Trinh thứ mười bảy (1644) quân khởi nghĩa nông dân Lý Tự Thành đánh vào Bắc Kinh, từng phóng hỏa đốt Thái miếu nhưng tổn hại không lớn. Sau khi quân Thanh chiếm được kinh thành, Thái miếu cũng có sự thay đổi. Hoàng đế Thuận Trị đã chuyển bài vị tổ tiên các vương triều Minh đến đặt trong miếu để vương các đời ở phía tây thành, sau đó bày bài vị thân chủ của tổ tiên mình lên điện đường của Thái miếu.

Khổng miếu Bắc Kinh nằm ở phố Quốc Tử Giám (nguyên là phố Thánh Hiền) trong An Định môn thuộc khu phía đông thành phố, là nơi đế vương

phong kiến ba đời Nguyên, Minh, Thanh thờ cúng Khổng Tử. Ông sống vào thời Xuân Thu (571 - 479 tCn), là nhà giáo dục, nhà tư tưởng, nhà chính trị lớn của Trung Quốc cổ đại. Học thuyết Nho gia do ông sáng lập là cột trụ tinh thần của giai cấp thống trị và tư tưởng chính thống của xã hội phong kiến Trung Quốc, đã được đế vương các đời sùng bái và có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội Trung Quốc. Đặc biệt là từ khi Hán Vũ đế bái truất bách gia, độc tôn Nho thuật", Khổng Tử càng được đề cao với những lễ nghi long trọng. Đời Hán, Tân, Tùy đã tôn Khổng Tử là Tiên Sư, Tiên Thánh, Tuyên Ni, Tuyên Phụ, đời Đường lại tăng thêm "Văn Tuyên Vương", đời Tống tăng thêm "Chí Thánh", đời Nguyên lại thêm hai chữ "Đại Thành" và gọi Khổng Tử là "Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương". Đầu thời Minh vẫn dùng tên gọi này. Sau thời Gia Tĩnh, hai đời Minh - Thanh đều tôn Khổng Tử là "Chí thánh tiên sư". Danh hiệu của Khổng Tử nhiều và tên miếu cũng rất nhiều. Đế vương các đời đều coi trọng việc tế lễ Khổng Tử. Hai đời Minh, Thanh, ngoài việc xây dựng Khổng miếu ở phía đông Thái Học Kinh Thành (tức Quốc Tử Giám, trụ sở của Thư viện Thủ đô ngày nay, ở phía tây cổng miếu) theo chế độ "Tả miếu hữu học", các phủ, châu, huyện học trong cả nước cũng đều lập miếu Khổng và do quan đứng đầu địa phương các vùng phụ trách việc tế tự. Ngoài ra mỗi khi có đại sự, Hoàng đế còn phải thân chinh hoặc cử các quan đến quê nhà Khổng Tử (Khổng miếu ở Khúc Phụ, Sơn Đông) để tế lễ. Trong Khổng miếu ngoài thờ Khổng Tử ra, những người được thờ cúng theo còn có hiền triết các đời và tổ tiên của Khổng Tử.

Khổng Miếu Bắc Kinh còn gọi là miếu Tiên Sư, bắt đầu xây dựng vào năm Đại Đức thứ sáu triều Nguyên (1302) và hoàn thành vào năm Đại Đức thứ mười. Năm Chí Thuận thứ hai triều Nguyên (1331), Hoàng đế hạ chiếu ân chuẩn Khổng miếu có thể được theo quy chế hoàng cung xây giác lầu ở tư ngung. Thời Vĩnh Lạc, Tuyên Đức triều Minh đã tu tạo với quy mô lớn. Năm Gia Tĩnh thứ chín (1530) xây thêm đền Sùng Khánh để thờ cúng tổ tiên năm đời của Khổng Tử. Năm Càn Long thứ hai triều Thanh (1737) Hoàng đế đích thân chỉ dụ cho Khổng miếu được sử dụng ngôi lưu ly vàng, loại ngôi có đẳng cấp cao nhất. Khổng miếu thời đó đã lợp ngói vàng tường son nên rất huy hoàng, rực rỡ. Năm Quang Tự thứ ba mươi hai (1960) lại thăng kệ tiết

tế Khổng Tử lên thành lê lớn và cũng tiến hành tu sửa toàn diện với quy mô lớn. Tổng thể kiến trúc Khổng miếu có quy mô khá lớn, diện tích khoảng 22.000m², có ba dãy viện lạc, kiến trúc chủ thể có Tiên Sư môn, Sùng Thánh tú, sắp xếp trên đường trục giữa từ nam đến bắc.

Tiên Sư môn là cổng chính của Khổng miếu, tạo hình cổ kính đơn giản, là kiến trúc gỗ, mang phong cách thời Nguyên. Trước Tiên Sư môn có một dãy tường hoa khâm lưu ly, phía ngoài hai bên đông tây có bia "Hạ mā" làm vào thời Thanh. Trong Tiên Sư môn, phía đông có bếp Thần, đình Tái sinh, đình Giếng, phía tây có kho Thần, và Trí trai sở. Sân bên trong có ba đình bia và 198 tấm bia ghi danh 51.524 vị tiến sĩ ba đời Nguyên, Minh, Thanh.

Phía Bắc Tiên Sư môn là Đại Thành môn, trong cổng có một chuông một trống, hai bên có mười trống đá (thời Càn Long) và ở giữa có hành lang thông thẳng đến điện Đại Thành là kiến trúc trung tâm của Khổng miếu. Điện Đại Thành là chính điện thờ Khổng Tử, trong điện có bày các nhạc khí cổ dùng khi tế tự như đàn, chuông, khánh...

Cung Ung Hòa nằm ở phía bắc đại lộ cung Ung Hòa thuộc khu phía đông thành phố, là miếu Lạt ma lớn nhất của Bắc Kinh, cũng là một trong những miếu Lạt ma nổi tiếng của Trung Quốc. Cung được xây dựng vào năm Khang Hy thứ ba mươi ba (1694), nguyên là Quan phòng của thái giám thời Minh, năm Khang Hy thứ ba mươi đã chọn địa điểm này để xây dựng phủ cho Hoàng tử thứ tư Dận Chân (Hoàng đế Ung Chính sau này). Sau khi Dận Chân kế vị, thì một nửa phủ được đổi thành Hoàng giáo thượng viện và một nửa là Hoàng cung. Vào năm Ung Chính thứ ba (1725) lại đổi là cung Ung Hòa. Khi Ung Chính mất, cung Ung Hòa trở thành sảnh đường để các Hoàng đế nhà Thanh thờ phụng di ảnh tổ tiên và phần lớn các điện đường trở thành nơi tụng kinh của Lạt ma hoàng giáo. Năm Càn Long thứ chín (1744) triều đình lại đổi cung Ung Hòa thành tu viện thờ phụng rộng rãi Lạt ma giáo của cả khu vực Mông, Tạng. Từ đó cung Ung Hòa trở thành trung tâm sự vụ Lạt ma giáo của triều đình nhà Thanh.

Cung Ung Hòa có diện tích hơn 60.000 m² với hơn 1200 tòa điện đường, tăng xá... là một quần thể kiến trúc cổ nguy nga tráng lệ. Kiến trúc chủ thể lấy phong cách của dân tộc Hán làm chủ, có hấp thụ và kết hợp một cách khéo léo những đặc điểm trang trí của kiến trúc các dân tộc Mông, Tạng...

Toàn thể chùa miếu nằm ở phía bắc nhìn về phía nam, chia làm ba lộ đông, trung, tây. Kiến trúc chủ thể tập trung ở đường trục giữa từ nam đến bắc của trung lộ có bảy dãy điện lạc, năm tầng điện đường tạo thành, hai bên trái, phải còn có các phổi điện và phổi lầu. Đầu phía nam của trung lộ là bia lầu viện, trong điện phía nam có tường bình phong màu đỏ thắm, ba mặt đông, tây, bắc đều có bia lầu môn nguy nga. Ở đây địa thế bằng phẳng, thoáng rộng, tùng bách rậm rạp khiến không gian thanh nhã u tịch.

Điện Thiên Vương nằm ở phía bắc Chiêu Thái môn, là dãy đại điện thứ nhất của cung Ung Hòa, điện này nguyên là cửa cung của Ung Thân vương phủ (ở mái hiên điện vẫn còn ba chữ "Ung Hòa môn"). Chính giữa điện có tượng Di Lặc, tượng Tứ Đại Thiên Vương ở hai bên, tượng hộ pháp Vĩ Đà...

Cung điện Ung Hòa là dãy đại điện thứ hai, tương tự đại điện Đại Hùng của các chùa miếu. Cách trang trí, tô vẽ của đại điện này rất phong phú, đa dạng.

Phật giáo bắt nguồn từ Ấn Độ cổ được du nhập vào Trung Quốc tới nay đã trên 2000 năm. Phật giáo chiếm vị trí quan trọng trong xã hội Trung Quốc và kiến trúc Phật giáo cũng trở thành loại hình kiến trúc quan trọng (chỉ đứng sau loại hình kiến trúc cung điện).

Từ thời Đông Hán đến Ngụy, Tấn, chùa thờ Phật thời kỳ đầu được chia làm hai loại: Một loại lấy tháp làm trung tâm, loại thứ hai không có tháp ở trung tâm mà xây dựng giống loại nhà ở có sân trong.

Bố cục của chùa theo kiểu có tháp ở trung tâm bắt nguồn từ quan niệm Phật giáo của Ấn Độ. Vào khoảng thời gian trước và sau Công nguyên, ở Ấn Độ, khi nghệ thuật Kiên Đà La (Ganhara) còn chưa trở nên hưng thịnh thì vẫn chưa có tượng Phật mà đối tượng được các tín đồ tôn sùng chỉ là những di vật của Phật, di tích của Phật hay những vật kỷ niệm tiêu biểu cho những gì đức Phật đã trải qua khi còn sống. Tháp được coi là tượng trưng cho cõi Niết Bàn của Phật được xây dựng ở những nơi khi Đức Phật sinh thời đã có những hoạt động lớn, và rất được tôn sùng. Phong tục của Ấn Độ đi vòng quanh những vật được tôn sùng (theo chiềng kim đồng hồ) để bày tỏ sự cung kính lớn nhất, khái niệm này cũng được truyền vào Trung Quốc và chùa thờ

Phật với tòa tháp ở trung tâm được xây dựng ô ạt. Chùa Vĩnh Ninh là ngôi chùa thờ Phật lớn nhất ở Lạc Dương thời Bắc Ngụy, trong sân chùa có một tòa tháp gỗ cao chín tầng, phía bắc của tháp có Phật Điện, ở bốn mặt mỗi mặt đều trổ một cửa.

Sân của chùa thờ Phật có tháp ở trung tâm thường tạo đủ khoảng trống để cho các tầng đồ đi vòng quanh theo nghi lễ. Tháp cao sừng sững, hình dáng nổi bật, trở thành chủ thể trong quần thể chùa, bốn góc của sân nếu có vọng lâu thì cũng kết hợp chặt chẽ với tháp lớn, làm nền cho tháp, tạo thành cảnh quan rất đa dạng. Khu sân là nơi quan trọng nhất nằm trên đường trục trung tâm của chùa, bố cục thường do hành lang gấp khúc uốn lượn vòng quanh tạo thành, chính giữa của hành lang trước có cổng lớn, bốn góc của hành lang gấp khúc có xây bốn vọng lâu cao lên, bên trong vọng lâu để kinh sách hoặc treo chuông lớn. Trên đường trực đoc của sân có từ một đến ba tòa điện đường, một tầng hoặc có lâu các, cũng có tháp hai tầng. Nếu có ba tòa điện đường thì tòa đầu và tòa cuối là một tầng, tòa ở giữa là lâu các để làm tăng thêm mức nhấp nhô của đường chân trời. Trục ngang nằm trước tiền điện, bên trái và phải trực ngang có xây điện thờ phụ, đa số là lâu các, quy mô nhỏ hơn tiền điện. Trong sân cũng thường có hồ nước, trên mặt nước có nhiều đài tháp hình vuông.

Tháp chùa Thiên Ninh nằm ở gần đường bờ sông (ngoài Quảng An môn thuộc khu Tuyên Vũ) là phần còn sót lại của chùa Thiên Ninh, là một ngôi chùa cổ nổi tiếng của kinh đô. Tháp này là một trong số những tháp gạch kiểu Mật thiền hiện còn ở Trung Quốc, được coi là một báu vật trong kho tàng nghệ thuật kiến trúc cổ đại Trung Quốc.

Tháp chùa được xây dựng ban đầu vào năm Nhâm Ngọ thứ hai thời Tùy Văn đế (602) sau bị đổ. Tháp được xây lại vào thời Liêu cách nay đã gần một nghìn năm và nằm trong số những kiến trúc cổ kính nhất hiện còn của Bắc Kinh.

Chùa Thiên Ninh được xây dựng vào thời Bắc Ngụy Hiếu Văn đế (471 - 499), đương thời gọi là chùa Quang Lâm, thời Tùy Văn đế (581 - 604) gọi là chùa Hùng Nghịệp. Năm Nhâm Ngọ thứ hai Tùy Văn đế muốn cất giữ xá lị Phật đã hạ lệnh xây tháp trong chùa, tức tiền thân của tháp thời Liêu ngày

nay. Thời Khai Nguyên nhà Đường (713 - 741), chùa Hùng Nghiệp đổi thành chùa Thiên Vương, đến thời Liêu xây thêm một ngôi tháp xá lị đằng sau chùa Thiên Vương tức tháp chùa Thiên Ninh ngày nay.

Tháp chùa Thiên Ninh hình bát giác cao 58 m bao gồm bệ tháp, thân tháp và bộ mái có mười ba tầng, trên cùng là đỉnh tháp. Tháp xây bằng gạch và là tháp đặc chuyên để xá lị, không phải loại tháp có thể leo lên ngắm cảnh. Theo tài liệu ghi lại thì ban đầu ở bộ mái có treo rất nhiều chuông đồng ở xung quanh (tổng cộng 2928 chuông nặng tới 5246 kg), khi gió thổi chuông rung phát ra âm thanh kỳ ảo. Trên thân tháp có trang trí cửa giả cùng với nhiều hình chạm nổi đường nét tinh xảo.

Các chùa thờ Phật thường thể hiện sự coi trọng cái đẹp quần thể (một nét đặc sắc trong kiến trúc Trung Quốc). Các kiến trúc đơn lẻ có quan hệ chủ - khách rõ ràng, ví dụ như tiền điện lớn nhất, là chủ thể kiến tạo của cả quần thể kiến trúc, những điện thờ phụ, nhà cổng, nhà vu, vọng lâu đều có vai trò tôn thêm tiền điện; các kiến trúc đơn lẻ cũng có quan hệ chủ khách, sân chính ở trước đại điện trên đường trực là trung tâm của tổng thể nên cả quần thể kiến trúc có tính chỉnh thể rất cao. Kiến trúc đơn tầng và lâu các đan xen, những nhà vu với hành lang dài và tháp càng tôn thêm những vọng lâu ở các góc, hình thành những đường nét nhấp nhô.

Bắt đầu từ thời Tùy, Đường, chùa thờ Phật kiểu tháp ở trung tâm ngày một ít đi, chứng tỏ Phật giáo đã có thay đổi: Cùng với sự thống nhất của đất nước, Phật giáo phái Nam và phái Bắc từ trước thời Nam Bắc triều được giao lưu rộng rãi, tình trạng phái Bắc coi trọng giới hành, phái Nam coi trọng nghĩa lý đã có sự thay đổi. Tháp trung tâm cần cho thực tiễn giới hành dần trở thành quá khứ, còn đại điện và giảng đường dùng cho giảng giải nghĩa lý trở nên quan trọng hơn.

Kiến trúc chùa có kết cấu bằng gỗ thời Đường hiện còn tồn tại khá nhiều ở tỉnh Sơn Tây. Đây là những tòa Phật điện rất quý, trong đó quan trọng hơn cả là tòa đại điện của chùa Nam Thiền. Đại điện chùa này nằm ở phía tây nam ngọn núi Ngũ Đài, được xây dựng vào năm Kiến Trung thứ ba đời nhà Đường (782). Đây là một tòa điện đường rất nhỏ, mặt bằng gần hình vuông, độ sâu của đại điện không lớn, mái điện là mái đơn kiểu hình núi

(phần trên hai sườn, phần dưới bốn sườn), mái chỉ hơi dốc. Kiểu mái này đã trở thành cách xử lý phổ biến cho những điện đường có mặt bằng hình vuông hoặc gần vuông.

Chùa Giới Đài (còn có tên là chùa Giới đàn) nằm ở chân núi Mā Yên thuộc khu Môn Đầu Câu (cách trung tâm Bắc Kinh 35 km về phía tây) là một trong những chùa nổi tiếng ở phía tây Bắc Kinh, ban đầu có tên là chùa Tuệ Tụ (xây dựng vào thời Cao Tổ nhà Đường khoảng năm 622), cách nay đã hơn 1.300 năm. Thời Hàm Ung đời Liêu (1065 - 1074), cao tăng Pháp Quân trùng tu chùa này và sáng lập ra Đàn giới trong chùa, mở đàn nêu điếu rắn giới, mở ra phong tục truyền giới ở chùa này, lưu truyền đến đời Kim, Nguyên. Cuối thời Nguyên khởi nghĩa nông dân nổi lên chùa này bị hủy hoại. Từ năm Tuyên Đức thứ chín triều Minh (1434) đến năm Chính Thống thứ tám (1443) triều đình đã trích một khoản tiền lớn trùng tu chùa và đàn trong thời gian mười năm, sắc chỉ ban tên chùa Vạn Thọ. Vào thời Minh, Thanh còn nhiều lần trùng tu, mở rộng đặc biệt là đợt trùng tu thời Gia Tĩnh triều Minh có quy mô lớn nhất, trải qua bảy năm mới hoàn thành. Kiến trúc của chùa Giới Đài ngày nay chủ yếu do công trình của hai đời Minh, Thanh để lại.

Kiến trúc chùa nằm trên đường trực giữa có: điện Sơn Môn, điện Thiên Vương, bảo điện Đại Hùng, điện Quan Âm được xây dựa vào núi. Ngoài kiến trúc chủ thể trên đường trực giữa ra, trong chùa còn có nhiều điện dài, tháp trướng, bia, thiền đường, tăng xá... nhưng kiến trúc chủ yếu nhất và nổi tiếng chính là Đại Giới đàn (được mệnh danh là "Thiên hạ đệ nhất đàn"). Giới đàn xây dựng ở trong điện Giới đàn của chùa nằm ở góc tây bắc, đây là nơi tăng chúng tú phuong thụ giới. Giới đàn là một đài cao kiểu tòa Tu Di ba tầng, xây bằng đá xanh, cao 3,25 m. Nơi thắt eo của mỗi tầng tòa Tu Di đều khắc tạc nhiều khán Phật nhỏ, trong khán đều có một giới thần nhỏ. Những giới thần nhỏ này có thần thái khác nhau, sinh động như thật, rất lôi cuốn sự chú ý của mọi người. Diện tích tầng trên của Giới đàn rộng 32m², trên tòa sen lớn chính giữa là tượng Phật tổ Thích Ca Mâu Ni sơn vàng cao 3,25 m.

Ngoài Giới đàn ra, chùa còn nổi tiếng bởi những cây tùng cổ với những tên gọi như: Ngoa Long tùng, Tự Tại tùng, Cửu Long tùng, Bảo Tháp tùng...

Chùa Bích Vân nằm ở chân núi phía đông núi Hương Sơn, xã Tứ Quý Thanh, khu Hải Điện, là một ngôi chùa cổ nổi tiếng vì cấu trúc tinh xảo và phong cảnh ngoạn mục. Hoàng đế Càn Long thời Thanh ngự chế bia văn chùa Bích Vân đã nói: "Chùa Phật ở Tây Sơn có hàng trăm, chỉ có Bích Vân nổi tiếng vì hùng vĩ diêm lệ mà cảnh cũng đặc biệt. Núi non khe suối cao thấp, dài điện sát hồ, cây cối tre trúc lô nhô, suối chảy đan xen. Những học sĩ an nhàn tự tại hầu như không ai không muốn đặt chân lên đây".

Chùa Bích Vân được xây dựng vào năm Chí Thuận thứ hai triều Nguyên (1331), do Gia Luật A Lặc Di hậu duệ của Gia Luật Sở Tài, danh thần đầu thời Nguyên, hiến nhà riêng để xây dựng, tên ban đầu là am Bích Vân.

Chùa Bích Vân lưng dựa vào dãy núi, mặt giáp với khe sâu, cây rừng rậm rạp, cảnh sắc thanh nhã. Mấy dãy điện dài do thế núi mà cao dần lên, trên dưới cao thấp cách nhau đến hơn trăm mét. Vào năm Càn Long thứ mười ba (1748) xây dựng thêm tháp Kim Cương Bảo Tọa sau chùa, Hành cung viện bên trái chùa và La Hán đường bên phải chùa. Ba kiến trúc này chính là nơi thú vị nhất mà du khách ngày nay thường đến. Trong đó kiến trúc chủ thể trên đường trực giữa chủ yếu thuộc thời Minh.

Bên trong cổng chùa, từ chân núi lên đến đỉnh núi, kiến trúc chủ thể trên trực giữa gồm có: điện Sơn Môn, điện Thiên Vương, điện Thích Ca Mâu Ni (chính điện), điện Bồ Tát (thứ điện), nhà kỷ niệm Tôn Trung Sơn (nguyên là hậu điện) và tháp viện.

Ở chùa Bích Vân, đáng kể nhất là ba kiến trúc xây dựng thêm vào thời Càn Long thứ mười ba (1748) mô phỏng hình thức tháp Kim Cương Bảo Tọa của chùa Chân Giác (tức chùa Ngũ Tháp) bên ngoài Tây Trực môn xây dựng năm Thành Hóa thứ chín triều Minh (1473) nhưng quy mô lớn hơn tháp thời Minh. Tháp này cao khoảng 35 m, tháp dựa vào thế núi được Hoàng đế Càn Long ca ngợi là: "Thế như địa nhũng, nhìn tựa thiên du. Leo lên tháp nhìn ra xa xa, toàn cảnh kinh thành đều thu gọn trong tầm mắt".

La Hán Đường nằm ở sân bên phải của nhà kỷ niệm Trung Sơn (tức hậu điện), xây dựng vào năm Càn Long thứ mười ba, phỏng theo La Hán đường của chùa Tịnh Từ, Hàng Châu. Mặt bằng La Hán đường có hình chữ "điền", ở giữa có bốn giếng trời nhỏ để lấy ánh sáng. Chính điện có thư hiên, hai

bên bày tượng Tứ Đại Thiên Vương, tượng điêu khắc năm trăm vị La Hán các tượng thờ Phật Tam Thế, tượng Vĩ Đà, Địa Tạng Bồ Tát...

Hành Cung viện nằm ở sân trái của nhà kỷ niệm Trung Sơn, nguyên là nơi các đế vương thời Thanh chơi núi thăm miếu và nghỉ mát.

Chùa Đàm Giá nằm ở chân núi Đàm Giá thuộc khu Môn Đầu Câu (phía sau có đầm Long Đàm, trước có cây giá nên thành tên) là ngôi chùa cổ nhất ở khu vực Bắc Kinh, xây dựng vào thời Tấn cách đây khoảng 1700 năm. Ban đầu có tên là chùa Gia Phúc, thời Đường Võ Tắc Thiên đổi tên là chùa Long Tuyền, thời Kim lại gọi là chùa Đại Vạn thọ, năm Thiên Thuận thứ nhất triều Minh (1457) từng khôi phục tên cũ là chùa Gia Phúc. Năm Khang Hy thứ ba mươi mốt triều Thanh (1692) tiến hành mở rộng xây dựng chùa với quy mô lớn và đổi tên là chùa Tụ Vân, được Hoàng đế Khang Hy đích thân đế "Sắc kiến Tụ Vân thiền tự", khắc trên cổng chùa.

Chùa xây dựa vào sườn núi, diện dài nguy nga, tráng lệ. Sau chùa có chín ngọn núi bao quanh, trước chùa suối chảy uốn lượn, rất nhiều tháp tảng, tre trúc um tùm, phong cảnh rất đẹp.

Chùa Đàm Giá có diện tích tới 6,8 ha, kiến trúc gồm ba lộ Trung, Đông, Tây. Trung lộ từ nam đến bắc (tức từ dưới lên trên) có cổng chùa, điện Thiên Vương, điện Đại Hùng và điện Tam Thánh (nay không còn)... Đông lộ gồm các kiến trúc kiểu đình viện: phương trượng viện, cung Vạn Tuế, cung Thái Hậu... Tây lộ gồm có các điện đường kiểu tự viện: đàn Lăng Nghiêm, Giới đàn, điện Quan Âm... Điện Quan Âm là điểm cao nhất của toàn chùa, trước điện có bức hoành phi chữ vàng "Liên giới từ hàng" (do Càn Long viết) trước tượng Quan Âm trong điện nguyên có tượng Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt và Hoàng hậu, con trai, con gái Diệu Nghiêm Công chúa. Diệu Nghiêm Công chúa vốn là một chiến tướng, sau theo đạo Phật đến tu ở chùa Đàm Giá, được gọi là Diệu Nghiêm đại sư. Truyền thuyết nói rằng trong thời gian tu hành, Diệu Nghiêm Công chúa rất thành kính, hàng ngày tụng kinh niệm phật ở điện Quan Âm nơi nàng đứng tụng kinh lâu ngày gạch bị mài mòn, để lại một dấu tích lõm sâu, đó chính là "bái gạch" nổi tiếng.

Chùa Đàm Giá nổi tiếng bởi nhiều mặt trong đó phải kể đến cây giá. Cây giá là cây có thể chiết xuất được thuốc nhuộm màu vàng, gọi là "giá hoàng".

Thân, vỏ, quả của cây có thể làm thuốc (người ta truyền rằng vỏ cây giá ở chùa Đàm Giá trị được chứng vô sinh của phụ nữ).

Chùa Ngọa Phật nằm ở chân núi Thái An, trong vườn thực vật Bắc Kinh, cũng là một ngôi chùa cổ nghìn năm nổi tiếng ở phía tây kinh thành. Được xây dựng vào thời Trinh Quán nhà Đường (627 - 649), ban đầu có tên là chùa Đâu Suất. Sau nhiều lần đổi tên như chùa Chiêu Hiếu, chùa Đồng Khánh, chùa Vĩnh An..., vì trong chùa có một pho tượng Phật ở tư thế nằm đúc bằng đồng cỡ lớn (làm vào thời Nguyên được coi là quốc bảo) nên mọi người thường gọi là "Chùa Ngọa Phật"

Khi mới xây dựng vào thời Đường chùa chỉ có bộ phận từ điện Sơn Môn đến Ngọa Phật, thời Nguyên đã tiến hành mở rộng xây dựng Chùa Ngọa Phật với quy mô lớn. Công trình trải qua mười năm, tiêu tốn năm trăm vạn lạng bạc.

Thời Minh lại trải qua năm lần trùng tu, lần đầu do cao tăng Quảng Lâm quyên góp tiền trùng tu, lần thứ hai là năm Chính Thống thứ tám (1443) do Minh Anh Tông trích ngân khố sửa chữa và lần thứ ba vào năm Thành Hóa thứ mười tám (1482) Minh Hiến Tông ra sắc lệnh xây dựng một bảo tháp xá lị Như Lai, đồng thời xây hai điện phái trái bên dưới tháp. Lần thứ tư trùng tu vào năm Gia Tĩnh thứ ba mươi lăm (1586) Thần Tông xuất ngàn khố trùng tu và ban cho "Đại Tạng kinh". Các hoàng đế Anh Tông, Hiến Tông, Vũ Tông, Thế Tông, Thần Tông thời Minh đều từng đích thân tới chùa Ngọa Phật, Thần Tông Chu Dực Quân tức hoàng đế Vạn Lịch còn đến đây hai lần.

Cuối thời Minh đầu thời Thanh, chùa Ngọa Phật từng bị lãng quên nhưng vào thời Ung Chính nhà Thanh, sau khi được hai đời Di Thân vương Doãn Tường và con trai ông là Hoằng Hiệu góp tiền sửa chữa, chùa Ngọa Phật lại phục hưng trở lại.

Tổng thể chùa do ba nhóm viện lạc tổ thành, kiến trúc đối xứng. Trước chùa có miếu thờ bằng gỗ kiểu bốn cột ba lầu. Sau miếu thờ là một con đường dốc dài hơn trăm mét, hai bên có tùng cổ trồng thành hàng, rậm rạp râm mát. Qua miếu lưu ly, chính giữa có chiếc một chiếc cầu nhỏ bằng đá trắng, dưới cầu là hồ nước hình lưỡi liềm, hai lầu chuông, trống nằm ở hai bên hồ nước. Qua cầu, thẳng trước mặt chính là điện cổng chùa, kiến trúc

chủ thể đầu tiên trên đường trực giữa, sau đó lần lượt là điện Thiên Vương, điện Phật Tam thế, điện Ngọa Phật, lầu Tàng Kinh.

Trong điện Thiên Vương có tượng ngồi của bốn Thiên Vương và tượng Phật Di Lặc ngồi, cùng với tượng Vī Đà đứng.

Điện Ngọa Phật là hậu điện của chùa, tượng làm vào thời Nguyên được thờ ở điện này. Ngoài điện có bức hoành đê "Tính nguyệt hàng minh", đôi câu đối hai bên là "Phát bồ đề tâm ấn chư pháp như ý; Hiện thọ giả tướng độ nhất thiết chúng sinh" đều do Từ Hy tự tay viết. Chính giữa hiên sau trong điện treo tấm biển "Đắc đại tự tại" do hoàng đế Càn Long ngự bút, trên chiếc giường đá kiểu tòa Tu Di cỡ lớn, dưới tấm biển là một pho tượng Phật bằng đồng ruột đặc nằm nghiêng dài 5,3 m, cao 1,6 m, nặng khoảng 54 tấn. Tượng Phật đồng đầu quay phía tây, mặt nhìn phía nam, cánh tay phải cong gập đỡ lấy đầu, cánh tay trái duỗi thẳng đặt lên đùi, tướng mạo an nhàn, thần thái tự nhiên, phong thái hồn hậu chất phác, là một kiệt tác trong nghệ thuật tạo tượng thời Nguyên. Đằng sau tượng Phật nằm là mười hai tượng Viên Giác Bồ Tát, mày rủ mắt thấp, đứng vòng quanh, biểu hiện là Thích Ca Mâu Ni trước khi lên Niết Bàn dặn dò tình hình hậu sự với các đệ tử.

Lầu Tàng Kinh nằm ở điện Phật Tam thế, là kiến trúc cuối cùng của chùa. Đằng sau lầu dựa vào núi, lần theo bậc đá leo lên đỉnh núi có thể ngắm nhìn được toàn cảnh chùa.

Viện lạc Đông lộ của chùa Ngọa Phật có Đại Trai đường, Đại Thiên đường, Nhu Nguyệt hiên và Thanh Lương quản, đều là nơi ở của sư tăng trong chùa. Đầu bắc viện là Tổ Sư viện, thờ phụng tổ sư khai sơn của chùa này.

Ngoài kiến trúc đền miếu và chùa thờ Phật, ở Bắc Kinh còn có nhà thờ Thiên Chúa và nhà thờ Hồi giáo. Nhà thờ Thiên Chúa hiện có ở Bắc Kinh, nổi tiếng nhất là bốn nhà thờ lớn Đông, Tây, Nam, Bắc xây dựng vào cuối thời Minh đầu thời Thanh. Ngoài ra còn có một số nhà thờ nhỏ như nhà thờ Saint Nicolai, nhà thờ Saint Mier... quy mô nhỏ hơn.

Nhà thờ Nam (Nam đường) xây dựng sớm nhất và là giáo đường cổ xưa nhất hiện còn của Bắc Kinh, nằm ở số 141 đại lộ Tiềm Môn Tây thuộc khu phía tây Bắc Kinh do giáo sĩ người Italia Linmadu xây dựng vào năm Vạn Lịch thứ ba triều Minh (1605). Linmadu đến Trung Quốc vào năm Vạn Lịch

thứ mười (1582) để học tiếng Hán và truyền giáo, lần đầu tiên đến Bắc Kinh vào năm Vạn Lịch thứ hai mươi sáu (1598). Ba năm sau, Linmadu lại vào kinh lần thứ hai, triều kiến Minh Thần Tông dâng tiến tượng Chúa Giê Su, tượng Đức Mẹ, kinh Thánh, Thập tự giá, đồng hồ chuông, bản đồ thế giới... Linmadu giới thiệu với Trung Quốc những kiến thức về thiên văn, số học, được coi là sứ giả hữu hảo của nền văn hóa Trung, Tây, nên rất được nhân dân Trung Quốc tôn kính.

Đại đường của Nam đường là kiến trúc hình vòm, diện tích 1300m², mặt chính điêu khắc hoa văn trên đá vô cùng tinh xảo, cửa và cửa sổ đều có tranh kính màu. Giá Thập tự bằng sắt cao khoảng bốn mét và tấm bia "Thanh Thể Tổ ngự chế Thiên Chúa đường" hiện còn là di vật sớm nhất của Nam đường.

Nhà thờ Đông (Đông đường) nằm ở số 74 đường Vương Phủ Tỉnh thuộc khu phía Đông thành phố, do hai vị cha cố Lileisi, Anwensi xây dựng vào năm Thuận Trị thứ mười hai. Đây là giáo đường thứ hai trong thành Bắc Kinh đương thời. Năm 1720 động đất và Đông đường bị hủy hoại, nhưng năm sau lại được trùng tu. Năm Gia Khánh thứ mười hai (1807) lại bị cháy lớn, nhà cửa và sách vở đều bị hủy chỉ có đại đường may mắn thoát nạn. Về sau Đông đường bị Thanh triều dỡ bỏ và phải đến năm 1884 giáo chủ Thenrelo, quyên tiền từ nước ngoài, xây dựng lại đại đường kiểu La Mã, với quy mô lớn hơn Nam đường và Bắc đường. Tòa Đại đường của Đông đường, nằm ở phía đông hướng về phía tây, mặt tiền rộng 25 m, chính diện mở ba cửa. Trong giáo đường có mười tám cột trụ bằng gạch hình tròn, đường kính 65 cm đỡ mái, hai bên giáo đường treo nhiều bức tranh sơn dầu.

Nhà thờ Bắc (Bắc đường) còn gọi là nhà thờ Tây Thập Khố, nằm ở số 33 đường Tây Thập Khố thuộc khu phía Tây thành phố. Lý do xây dựng Bắc đường là do Hoàng đế Khang Hy từng bị bệnh được giáo sĩ Gia Tô tiến dâng thuốc đã nhanh chóng khỏi bệnh liền xây dựng nhà thờ Thiên Chúa ban cho giáo sĩ để tạm, chính là Bắc đường thuở ban đầu. Bắc đường xây dựng năm Khang Hy thứ bốn mươi hai (1703). Ngày 9 tháng 12 năm đó tổ chức lễ khai đường. Hoàng đế Khang Hy đích thân viết câu đối để ban tặng.

Nhà thờ Tây (Tây đường) nằm ở nam đại lộ trong Tây Trục môn thuộc khu phía tây thành phố, là nhà thờ xây dựng muộn nhất trong số bốn nhà thờ

trên. Tày đường bắt đầu xây dựng năm Ung Chính thứ nhất (1723). Năm Gia Khánh thứ mười sáu (1881) nhà thờ bị hủy, năm Đồng Trị thứ sáu (1867) xây dựng lại. Năm Quang Tự thứ hai mươi sáu (1900) lại bị hủy, năm 1912 lại xây dựng lại và khôi phục hoạt động lễ bái.

Về Hồi giáo cũng có mấy chục thánh đường, trong đó nhà thờ Hồi giáo **Ngưu Nhai** nằm ở lộ đông đoạn giữa đường Ngưu Nhai trong Quảng An môn thuộc khu Tuyên Vũ, là nhà thờ Hồi giáo quy mô lớn nhất và lâu đời nhất. Nhà thờ này do vị giáo sĩ Hồi giáo người nước ngoài Nasuludin xây dựng vào năm Thống Hòa thứ mười bốn triều nhà Liêu (996) và năm Chính Thống thứ bảy triều Minh (1442) có trùng tu lại. Năm Khang Hy thứ ba mươi lăm triều Thanh (1696) lại tiến hành tu bổ với quy mô lớn hơn.

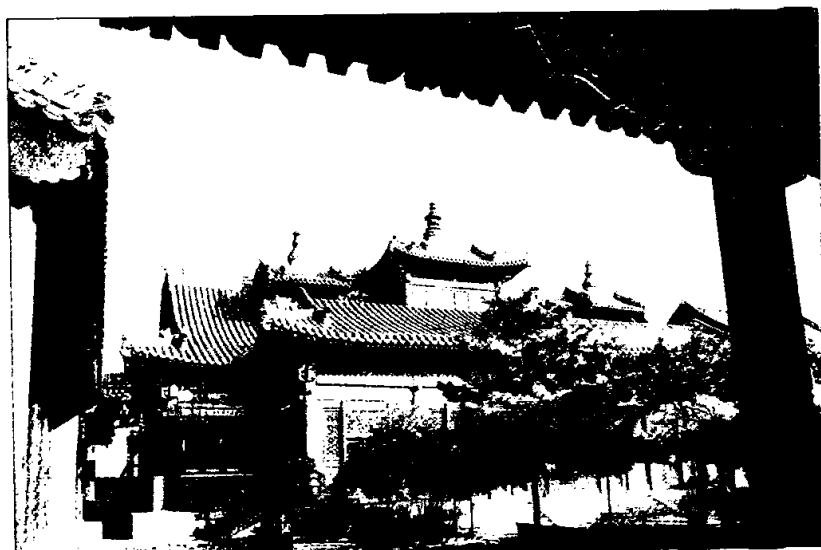
Kiến trúc chủ yếu của nhà thờ có cổng chính, lầu Vọng Nguyệt, điện Lê Bá, lầu Bang Ca, đình bia, phòng tắm... Kiến trúc có nhiều điêu khắc trang trí hoa mỹ và tinh xảo. Kiến trúc trong nhà thờ áp dụng hình thức kết cấu gỗ truyền thống của Trung Quốc nhưng bố cục tổng thể và trang trí chi tiết vẫn giữ được nét đặc sắc của kiến trúc Hồi giáo.

Các tín đồ Hồi giáo khi làm lễ phải hướng mặt về phía tây (thánh địa Mêcca) do đó cổng nhà thờ nằm ở phía đông hướng về phía tây, trong điện đường cũng lấy mặt phía tây là chủ. Nhà thờ Hồi giáo chỉ dùng hình tượng động vật để trang trí. Trang trí ở các kiến trúc trong nhà thờ Hồi giáo đa số là hoa cỏ, văn tự Ả Rập và hình học.

Điện Lê Bá là kiến trúc chủ yếu của nhà thờ nằm ở phía tây hướng về phía đông, là nơi các giáo đồ làm lễ tập thể, điện đường thoáng rộng, cao đẹp, có thể chứa hàng ngàn người làm lễ. Phía tây đại điện là Giao điện, tượng trưng cho thánh địa Mêcca. Trên trần nhà và kết cấu xà, đòn trong điện lễ bái đều dùng những hình vẽ hoa cỏ và văn tự Ả Rập để trang trí rất hoa mỹ.

Nhà thờ Ngưu Nhai cất giữ nhiều hiện vật quan trọng như chiếc lư hương sắt làm năm Gia Khánh thứ ba (1798) có khắc bài minh bằng tiếng Ả Rập, chiếc nồi đồng lớn nặng 900 kg đúc vào năm Càn Long thứ tư (1739) và bia đá ghi chép quá trình trùng tu nhà thờ vào thời Nguyên Đức, Chính Thống triều nhà Minh.

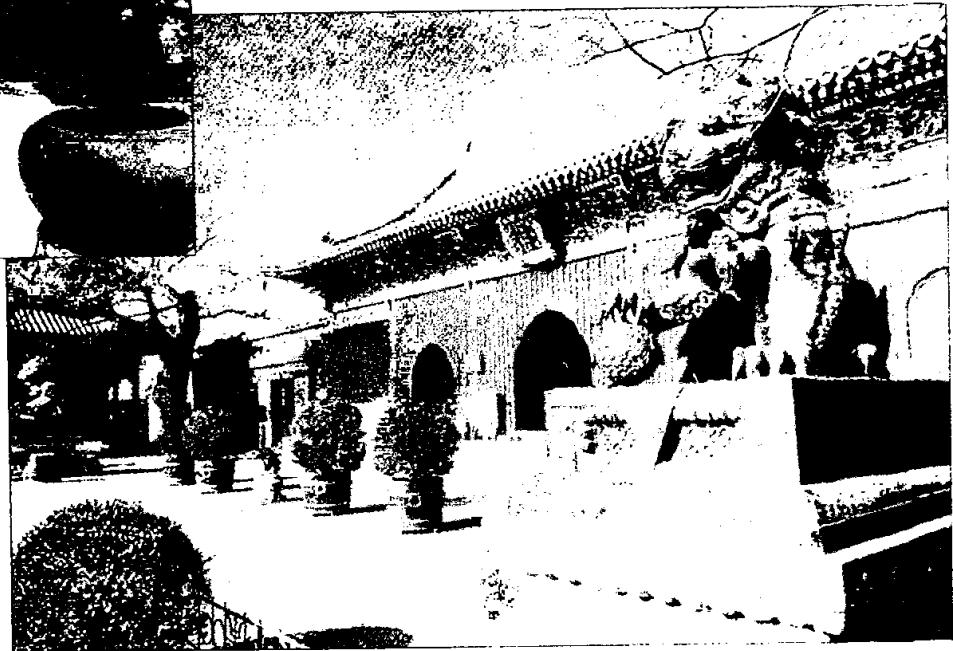
Cung Di Hoà



Chùa Giác Sinh



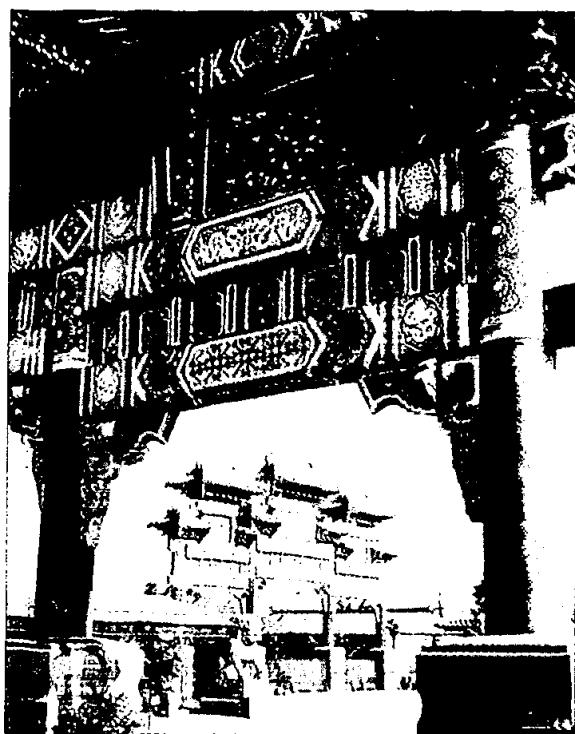
Cổng cung Di Hoà



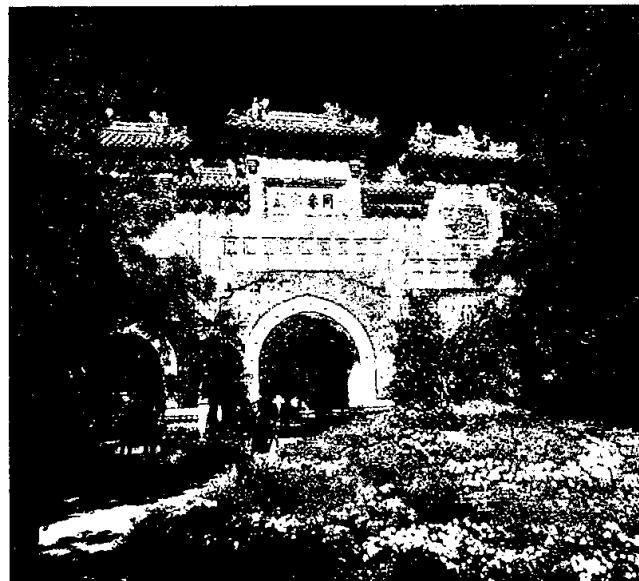
KIẾN TRÚC TÔN GIÁO - TÍN NGƯỞNG



Chùa Đại Chung



Chùa Bạch Vân

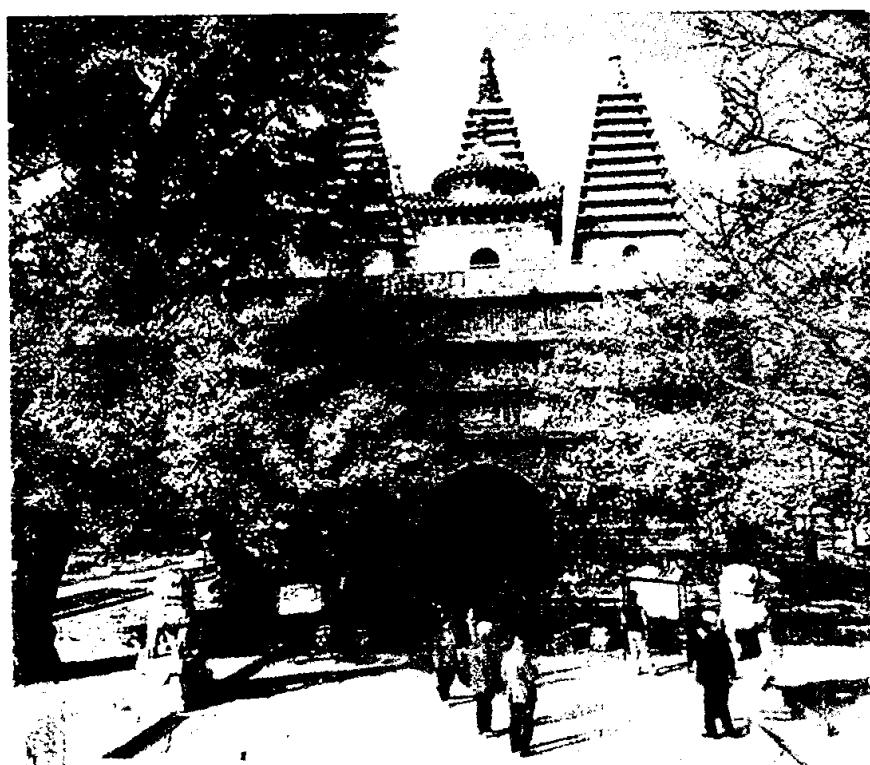


Chùa Ngọc Phật

KIẾN TRÚC TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG

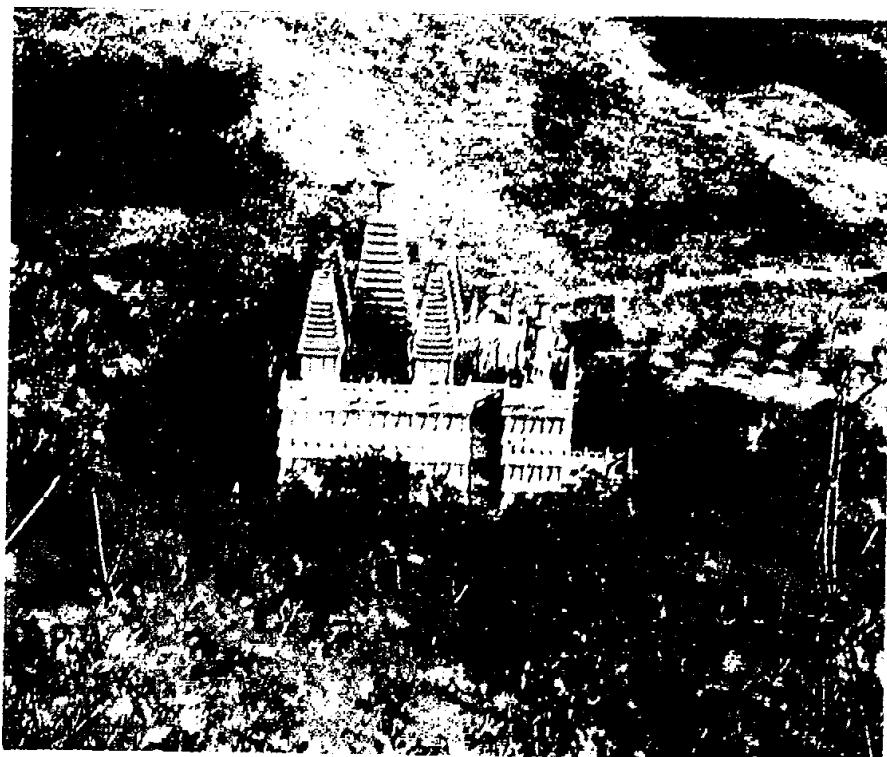
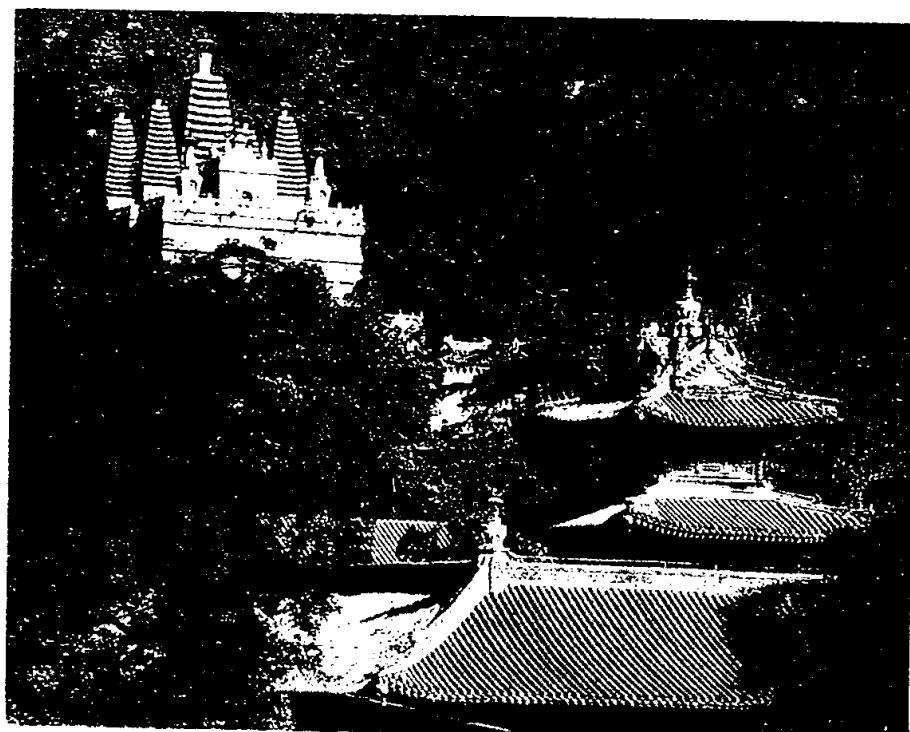


Chùa Chân Giác (tức chùa Ngũ Tháp)



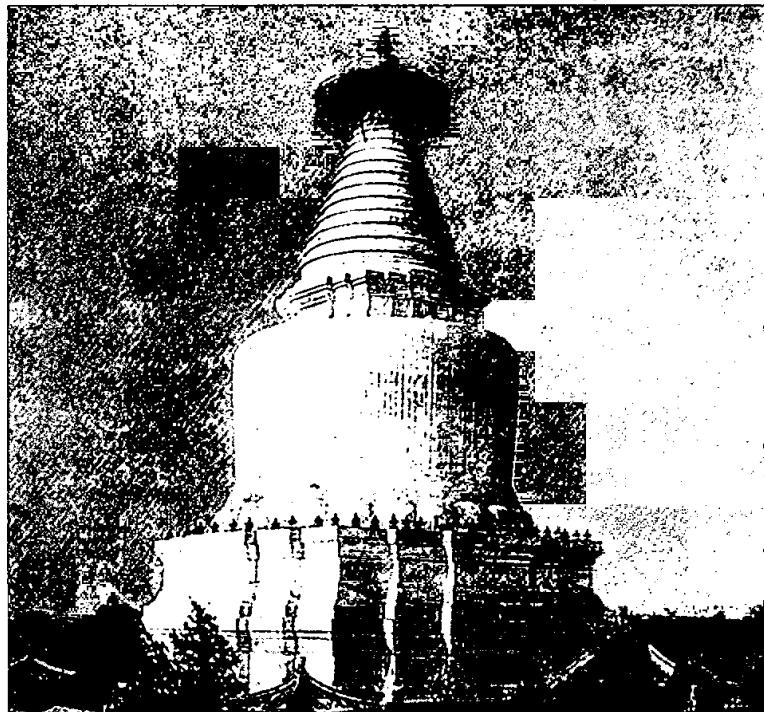
Chùa Chân Giác

KIẾN TRÚC TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG



Chùa Bích Vân

KIẾN TRÚC TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG



Tháp chùa Thiên Úng

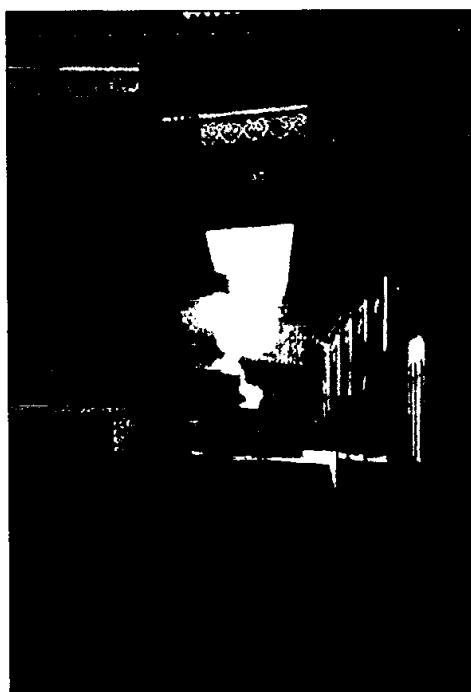


Tháp chùa Vân Ngư

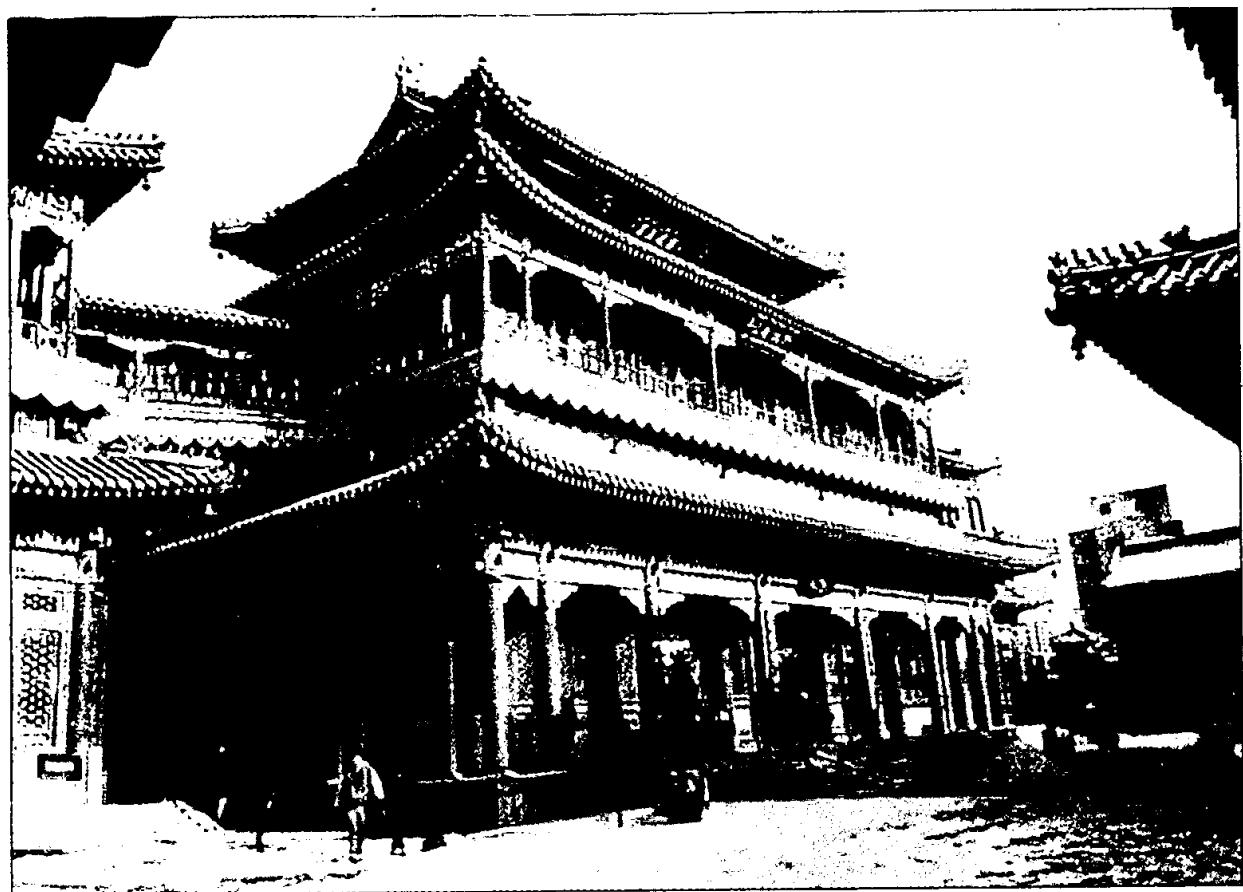


*Ngàn Sơn
Bảo Tháp*

KIẾN TRÚC TÔN GIÁO - TÍN NGƯỜNG



Chùa Phổ Độ



Chùa Phổ Độ



5.

VƯƠNG PHỦ VÀ NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG

Theo tài liệu cũ thì từ thời Vĩnh Lạc, ở phía đông nam Đông An môn đã xây dựng mười tòa vương phủ, có nhiều tòa vương phủ được mở rộng vào thời Thanh còn tồn tại ở Bắc Kinh đến nay cũng có đến trên 60 tòa. Tầng lớp thống trị đầu thời Thanh sau khi vào Trung Nguyên đã cảm thấy điều không lợi khi phân phong cho các phiền vương của hoàng triều sẽ tạo nên sự độc bá một phương và đối chơi với triều đình. Tuy không áp dụng chế độ phân phong lãnh địa, nhưng tước vị của họ lại không thể hủy bỏ mà chỉ ban các mỹ danh mà thôi. Như vậy các tông thất không thể độc bá một phương tuy vẫn được dâng ngộ hậu hĩnh. Vương phủ chính là nhà cửa mà hoàng đế ngự ban cho chư vương, mặt khác cũng là để lung lạc họ. Thời Thanh có quy định: các nhà cửa của thân vương và của quận vương được gọi là vương phủ. Vương phủ không chỉ phẩm cấp cao mà còn có quy mô kiến trúc lớn, chính phòng trong vương phủ gọi là điện, nóc điện lợp ngói lưu ly xanh lục, trong điện bày bình phong và ngai báu, nhìn bề ngoài như một cung đình thu nhỏ. Phủ so với vương phủ có quy mô nhỏ hơn nhiều, không được lợp ngói lưu ly mà chính phòng cũng không được gọi là điện. Ngoài ra về số gian phòng ốc, nền thềm cao thấp, đình cửa nhiều ít, vương phủ và phủ cũng có khác nhau.

Hiện nay phủ còn được bảo tồn tương đối tốt ở Bắc kinh là các phủ của Bát đại gia "Thiết mạo tử vương" cuối thời nhà Thanh tức sáu vị thân vương và hai vị quận vương có chiến công hiển hách vào đầu thời Thanh được cha truyền con nối, cùng với vương phủ của bốn đại gia được phong ban xây dựng về sau. Mười hai vương phủ đó đều xây dựng theo quy định hình chế. Trong số những kiến trúc cổ của Bắc Kinh, ngoài cung điện, đài miếu, viên lâm thì phải kể đến vương phủ. Quy định kiến tạo của vương phủ thường là:

trung lộ phải theo quy định chung còn hai lộ đông tây có thể tự do trong việc bố trí.

Nếu như vào thời Minh, các vương phủ được phân bố rộng rãi ở nhiều nơi thì trái lại vào thời Thanh các vương phủ lại tập trung khá nhiều ở ngay trong thành nội Bắc Kinh.

Phủ Lễ thân vương nằm ở phía nam Tây An môn (phía đông giáp tường phía tây hoàng thành, phía nam giáp đền Đại Tương Phòng đường Đông Tà, phía tây giáp chợ gốm, phía bắc đến ngõ Bản Trường). Năm 1927, trường Đại học Hoa Bắc từng thuê phủ Lễ thân vương làm trường ốc. Phủ Lễ thân vương có một hoa viên ở Hải Điện trấn, sau gọi là "hoa viên Lạc gia", hoa viên chia thành tiền viên và hậu viên.

Phủ Thuận Thừa quận vương nằm ở đại lộ Câu Thái Bình, ở mặt nam chùa Bạch Tháp tức phía tây thành phố (nay là trụ sở của Ủy ban Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc). Đời thứ nhất Đa La Thuận Thừa quận vương tên là Lặc Khắc Đức Hỗn là con thứ của Dĩnh Nghị thân vương Tát Cáp Lan, đã truyền qua chín đời tước vị. Vương phủ có diện tích bốn mươi mẫu, hơn hai trăm gian phòng ốc, nhưng do nhiều năm không tu sửa nên đã cũ nát, vào năm 1993 đã được tháo rời chuyển đến công viên Triều Dương. Trong quá trình di dời các chi tiết cầu kiện đã được đánh số trước khi công trình kiến trúc được tháo rời. Trên một trăm gian phòng của vương phủ được tháo ra và di chuyển đến địa điểm mới, sau đó được lắp lại và xây dựng hoàn thiện đúng như cũ.

Phủ Khắc Cần quận vương nằm ở đường Văn Hóa Mới, trong Tuyên Vũ môn, phủ đệ tuy không rộng lớn nhưng kiến trúc tinh xảo, có ba viện chính, tiền viện và trung viện có năm gian, hậu viện bảy gian, đông tây phòng cũng là những kiến trúc tinh xảo.

Phủ Khánh thân vương nằm ở đại lộ Định Phủ ngoài Địa An môn, nguyên là nhà cũ của quyền thần Hòa Thân của Hoàng đế Càn Long. Năm Gia Khánh thứ tư phủ bị tịch thu ban cho đời thứ nhất của Khánh thân vương là Vĩnh Lan (con trai thứ mười bảy của Càn Long, là con trai nhỏ nhất). Năm Càn Long thứ năm mươi tư Gia Khánh được tấn phong quận vương và sau đó còn được phong là Khánh thân vương. Phủ có đến mấy trăm gian phòng ốc và sảnh đường, về sau lại xây thêm các công trình như lầu Vạn Tự và Hí Lầu, đều rất đẹp đẽ tinh xảo.

Phủ Cung thân vương nguyên ở ngõ Thiết Sư Tử (đầu phía đông đại lộ Địa An môn) phần còn lại hiện nay nằm ở số 17 đường Tiên Hải Tây (phía tây Thập Sát). Ban đầu cũng là phủ đệ của Hòa Thân (một quyền thần ở thời cuối đời vua Càn Long) được xây dựng vào khoảng năm 1776 - 1785. Sau khi Càn Long chết, Hòa Thân thất sủng, nên nhà cửa bị tịch thu Gia Khánh đế ban tòa phủ đệ này cho em trai mình là Hy Kháng tức thân vương Vĩnh Lân, trở thành phủ Cung thân vương. Cung gồm hai phần là phủ đệ và hoa viên. Phủ đệ do nhiều nhà tư hợp viện tổ thành; hoa viên có đá xếp giả núi, đình tạ hành lang cong và hồ cảnh rất tráng lệ. Đây cũng là vương phủ được bảo tồn tốt nhất trong số các vương phủ hiện còn ở Bắc Kinh. Phủ đệ có ba quần thể kiến trúc là trung, đông và tây. Trung lộ có thần điện ở chính giữa (đã bị hủy hoại). Hậu lâu cao hai tầng, có núi giả bằng gỗ làm cầu thang. Nhóm kiến trúc phía tây có chính phòng là Tích Âm Trai với sân rất lớn.

Đại hoa viên ở phía bắc hậu lâu có quy mô rất lớn, phía trước có núi giả xếp bằng đá vân phiến, xung quanh có cảnh các giếng cổ, đình Lưu Bối, đỉnh Phi Lai, đỉnh Thúy Vân; phần sau núi giả xếp đá Thái Hồ, chia làm ba tầng, tầng dưới là đường trống, tầng giữa có hai ang hoa sen, tầng trên xây một gác nhỏ, trước gác có sân bằng là nơi để ngắm trăng. Các nhà ở có nhiều sân cỡ lớn như vương phủ thường kèm theo hoa viên đặt ở đằng sau và ở bên cạnh nhà ở. Kiểu nhà ở hoa viên này tại Bắc Kinh chỉ còn lại một số rất ít từ thời Minh.

Bố cục chung của các phủ thường là một quần thể được sắp xếp theo tinh thần "hướng nội" tức các khối nhà tạo thành quần thể những sân trong, phủ nhỏ ít sân còn các phủ lớn có nhiều sân kết hợp với những không gian trang trí cây cảnh. Các kiến trúc đều quay lưng ra phía ngoài gắn kết với tường bao kín xung quanh chỉ mở lối ra vào duy nhất ở phía đông - nam. Lối bố cục "hướng nội" này cũng hay gặp ở nhiều xã hội mà điều kiện an ninh không cho phép các gia đình "cởi mở" hơn đối với xã hội, mặt khác điều kiện môi trường thiên nhiên cũng có những mặt bất lợi cho việc hướng ngoại như bị gió quá nóng hoặc quá lạnh, bão cát ở những vùng khô nóng. Bố cục nhà ở hướng nội tại Bắc Kinh còn thể hiện lối sống khép kín của các gia tộc với nhiều thế hệ sống chung trong sự quản lý chặt chẽ của các bậc gia trưởng. Hơn thế nữa chính sân trong là nơi sinh hoạt rất thuận lợi vì tạo nên không

khí gia đình ấm cúng, cũng là nơi có vi khí hậu tốt lành, tách biệt khỏi sự ồn ào náo nhiệt từ bên ngoài.

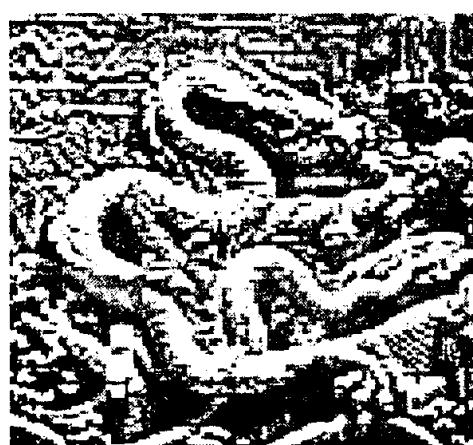
Cấu trúc các đô thị truyền thống Trung Quốc theo dạng kẻ ô vuông hoặc gần vuông cũng rất phù hợp với cách bố cục các quần thể nhà ở dạng quây quần quanh sân trong vuông vức vẫn được gọi là nhà ở "tứ hợp viện". Nhiều tài liệu nghiên cứu cho rằng cách bố cục này đã có từ khoảng thế kỷ XIII thời nhà Nguyên. Thuật ngữ "tứ hợp viện" xuất phát từ ý nghĩa cụ thể của tên gọi, bốn ngôi nhà bố trí theo các hướng bắc, nam, đông, tây, cùng có chung một sân vườn. Ngôi phía bắc mệnh danh "chính phòng", nhằm khẳng định hướng chủ đạo của tứ hợp viện là từ bắc nhìn về nam, ngôi phía nam gọi là "đảo tọa", hai bên đông tây mang tên "sương phòng". Câu chuyện "Dưới mái tây hiên" (Tây sương ký) chính là câu chuyện tình nam nữ diễn ra trong ngôi nhà phía tây của loại nhà tứ hợp viện này. Người ta dùng tường vây liên kết tất cả các chính phòng, đảo tọa và đông, tây sương phòng thành một cụm nhà, quen gọi là viện. Kiểu kiến trúc đóng kín này chỉ mở một lối ra duy nhất ở góc đông nam, và quan niệm đó là cửa cát tường, may mắn nằm đúng vị trí "tốn" trong bát quái. Qua nhiều năm, kiểu kiến trúc tứ hợp viện vừa phân cắt vừa liên kết này được cải tiến hoàn thiện dần và cuối cùng trở thành bố cục truyền thống của vương phủ, cung đình. Tùy cấp độ khác nhau mà trong tứ hợp viện còn bố trí vườn hoa, hồ cá, hành lang, núi giả, thư phòng... xứng đáng là một giang sơn riêng biệt cho từng gia tộc.

Nhà "Tứ Hợp Viện" của các thân vương, quận vương ở Bắc Kinh, là kiểu làm bố trí cân xứng theo tuyến trục Nam - Bắc. Ngôi nhà chia làm 2 phần: Tiền viện có đại môn (thường là lệch về phía Đông - Nam chứ không đặt trên tuyến trục giữa), trong cửa có bình phong, làm cho người bên ngoài không thấy được hoạt động ở bên trong. Nhà Tiền viện là nhà khách và là nhà ở của nam giới. Từ Tiền viện muốn vào phải qua nhị môn trên tuyến trục giữa (có khi là cửa hoa trang trí vô cùng hoa lệ thường gọi là cửa Thùy hoa), rồi mới tới nhà bếp, nhà làm việc lặt vặt và nhà vệ sinh. Nội viện có diện tích lớn, xung quanh có hành lang, ngày mưa có thể qua hành lang mà không cần phải qua sân, để đi tới tất cả các nhà. Trong Viện trồng nhiều cây cổ và đặt các chậu hoa, tạo thành không gian ở rất tinh mịch. Xung quanh nhà ở có tường hoa bao bọc, thường không có cửa sổ. Các nhà ở tứ hợp viện quy mô lớn thường có 4 sân ở trên trục giữa, tức là đằng sau nhà giữa còn có Hậu

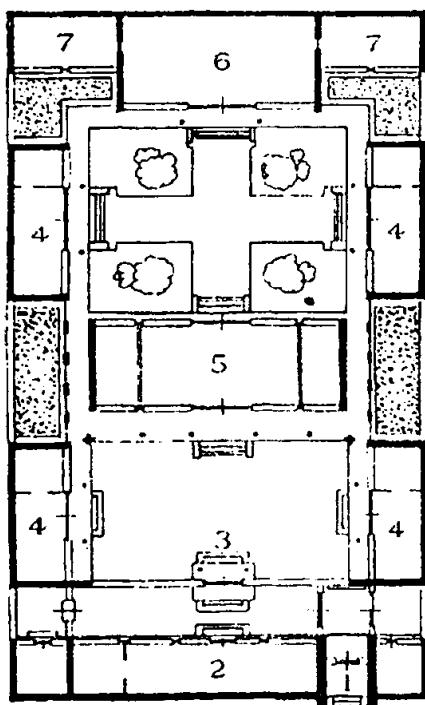
viện, hoặc trước cửa nhị môn lại có thêm một phòng lớn để làm nhà khách. Có khi, một nhà ở được bố trí hai tuyến theo trực giữa, hình thành một tổng thể với hai trục song song. Nhà ở loại lớn thường bố trí đối xứng nhau, xen kẽ với các vườn hoa rất ngoạn mục.

Nhà ở của tầng lớp trên đều trang trí rất hoa mỹ nhưng do hạn chế của chế độ đẳng cấp phong kiến, trừ một số rất ít quý tộc ra, còn không được phép lợp ngói lưu ly vàng, cửa và tường không sơn màu đỏ, các trang trí khác không được sơn màu vàng. Số lớn nhà cửa màu sắc rất trang nhã. Nóc nhà và tường nhà có diện tích lớn thường dùng ngói màu xám hay màu xanh, và thường cũng chỉ dùng vào đại môn, nhị môn, hay nhà lớn thôi. Cũng thường dùng nhiều loại gạch đẹp, nhất là để làm bình phong, tường đầu hồi nhà. Các cửa ra vào, cửa sổ và các bộ phận bên trong, về mặt trang trí thể hiện rõ cách bố cục rất khéo léo và đẹp, trình độ điêu khắc, khắc gỗ rất cao.

Nhà ở phương bắc, trong đó có nhà ở của Bắc Kinh, trong nhà thường có hầm để sưởi ấm. Hầm đắp bằng đất thành cái giường ngủ, sau đó mới xây gạch ở bên ngoài, mặt trên là tầng đất trộn với cỏ, rất dày và nhẵn bên trên có trải chiếu, hay trải thảm. Trong hầm sưởi có ống khói, thông ra ngoài nhà, bên cạnh hầm có cửa để đưa nguyên liệu vào. Đến mùa đông, hầm sưởi sau khi được tăng nhiệt rồi thì tỏa hơi ấm ra, trong nhà ấm mà không bị khói, loại sưởi này đến nay vẫn được sử dụng. Nhà ở bình dân ở Bắc Kinh và nhà ở của người lao động nông thôn, thì thường hay làm mái bằng, đắp đất thô vàng trộn với xi măng. Cách làm đó kinh tế hơn so với làm bằng ngói và do làm rất dày, nên có tác dụng giữ ấm. Nhà mái bằng đắp đất thuộc các vùng phía tây bắc và tây nam là những vùng mà người Hán và dân tộc ít người đều sử dụng cả.

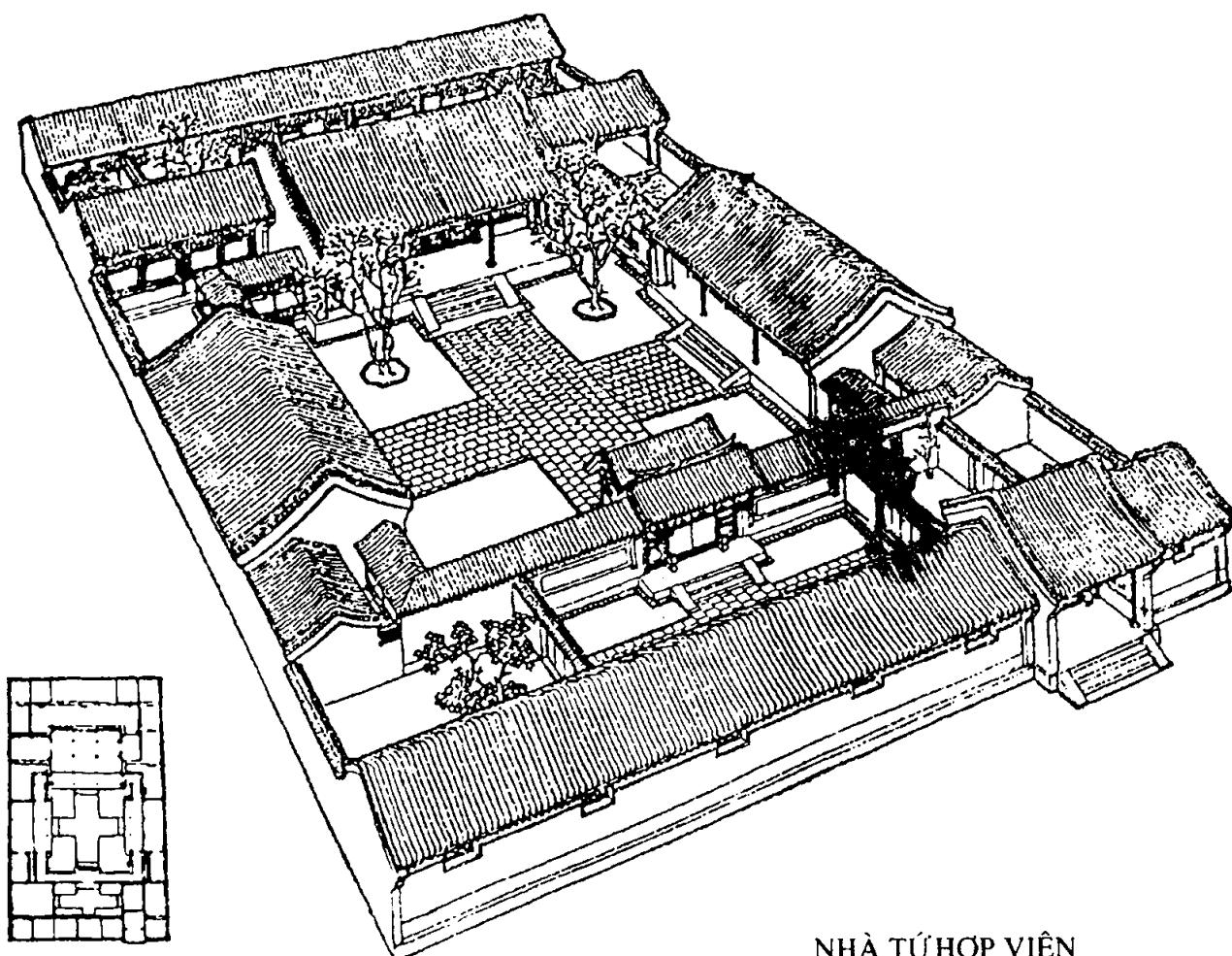


VƯƠNG PHỦ VÀ NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG



NHÀ TÚ HỢP VIỆN

1. Cổng chính
2. Nhà phụ phía trước
3. Cửa vào sân chính
4. Nhà phụ hai bên
5. Nhà chính phía trước
6. Nhà chính phía sau
7. Gian phụ

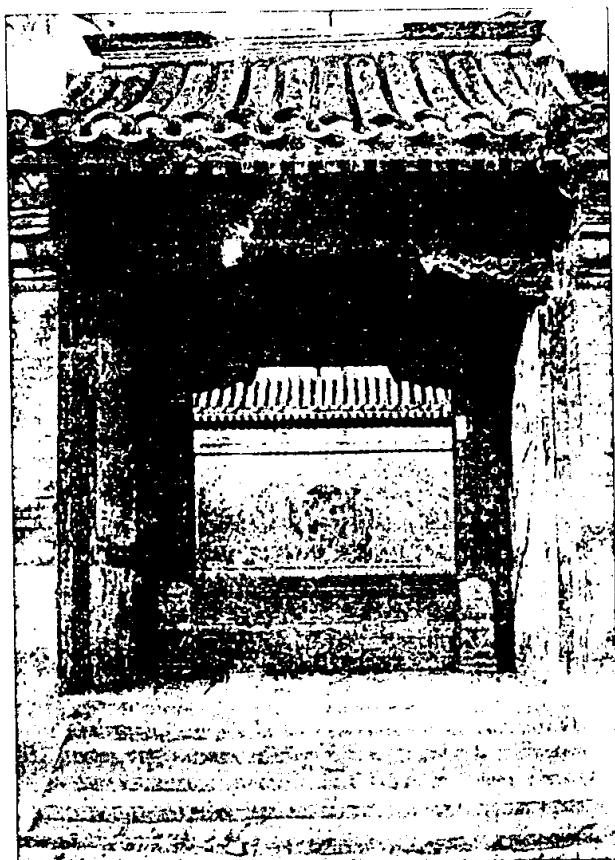


NHÀ TÚ HỢP VIỆN

VƯƠNG PHỦ VÀ NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG



Nhà phụ trong tứ hợp viện



Cổng ngoài tứ hợp viện



6.

BẮC KINH: NHỮNG NỖ LỰC BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN

Là thủ đô của một đất nước rộng lớn có số dân đông nhất thế giới, quy hoạch bảo tồn đô thị cổ và phát triển đô thị mới đối với Bắc Kinh luôn đặt ra những nhiệm vụ hết sức khó khăn. Trước tiên đây là nơi tập trung một kho di sản kiến trúc đô thị rất phong phú của một trung tâm văn hóa, một trong những cái nôi quan trọng nhất của nền văn minh nhân loại.

Từ sau ngày giải phóng, các nhà nghiên cứu quy hoạch đô thị đã cố gắng tìm lời giải đáp cho bài toán khó khăn về sự phát triển của đô thị cổ kính đã trải qua nhiều thế kỷ phát triển rực rỡ này. Trước nhu cầu phát triển đô thị của một thủ đô với nhiều chức năng và có quy mô rất lớn, trung tâm của vấn đề đô thị hóa đối với Bắc Kinh vẫn là việc giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, trước tiên là vấn đề xác định mối quan hệ giữa việc xây dựng một trung tâm mới của đô thị sẽ đặt vào đâu so với khu đô thị cổ mà trọng tâm chính là Tử Cấm thành. Đã từng có phương án xây dựng một trung tâm mới nằm về phía tây của Tử Cấm thành và phát triển thành một trục đô thị mới song song với trục đô thị cũ. Mặc dù có thuận lợi về đất đai tạo thế chủ động cho việc hình thành một trung tâm đô thị mới nhưng do những khó khăn về đầu tư mà phương án này đã không được chọn.

Trước những hạn chế về khả năng kinh tế, việc chọn đặt trung tâm mới của đô thị gắn bó với trục trung tâm cũ là Tử Cấm thành đã có khả năng hiện thực hơn. Vì thế, Thiên An môn đã là điểm xuất phát cho sự hình thành trung tâm mới với việc hình thành một quảng trường rộng lớn nằm ngay trên trục này. Thiên An môn trở thành công trình chủ đạo của không gian quảng trường, với chức năng không chỉ là cái cồng như trước mà còn là phần trung

tâm của một lề dài bờ thế, cùng với hai cánh ở hai bên, đáp ứng nhu cầu tiếp nhận một lượng lớn các khách du lịch trong đó có những vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước.

Tiếp theo việc mở ra một quảng trường lớn trước Thiên An môn là sự hình thành các công trình không kém phần quan trọng nằm hai bên quảng trường và tượng đài lớn ở giữa quảng trường. Hai công trình lớn được hình thành ngay từ thập niên sau ngày giải phóng và thành lập Nhà nước mới: nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đó là Đại lễ đường Nhân dân (nơi họp Quốc hội) phía tây quảng trường và Bảo tàng Lịch sử ở phía đông quảng trường. Chính giữa không gian quảng trường là tượng đài lớn: Bia tưởng niệm các anh hùng nhân dân Trung Quốc. Cũng trên trục chính và ở phía nam quảng trường, đối diện với Thiên An môn cũng là một công trình quan trọng khép lại không gian này, đó là Kỷ niệm đường túc nhà tưởng niệm Chủ tịch Mao Trạch Đông, một vị lãnh đạo vĩ đại của cách mạng Trung Quốc.

Vậy là ý tưởng phát triển đô thị xuất phát từ trục trung tâm cũ đã được chọn lựa và từ đó đã hình thành quan điểm phát triển đô thị hướng tâm, từ trục trung tâm Tử Cấm thành mở rộng ra các phía, độ cao công trình được hạn chế ở xung quanh trung tâm để khôi phục cảnh quan đô thị cổ, càng ra xa trung tâm càng cao lên. Mạng lưới đường giao thông cũng theo tinh thần này hình thành những đường vòng đai bao quanh khu đô thị cổ (Cố cung) với nhiều lớp đường từ trong ra ngoài (vành đai 1, vòng đai 2...) kết hợp với những tuyến đường "tán xạ" để giải quyết mối liên hệ bên trong với bên ngoài. Đến nay đã hình thành 4 đường vòng đai hình gần vuông (đường vòng đai 1 bao quanh Tử Cấm thành, đường vòng đai 2 bao bên ngoài khu thành nội) cùng với trên 10 tuyến đường theo hướng tán xạ, trong đó tuyến đi qua mặt nam Tử Cấm thành là đại lộ Tràng An theo hướng đông tây kéo dài tới 40km nối với nhiều đô thị vệ tinh ở bên ngoài.

Để suy tôn giá trị văn hóa cổ thể hiện trên tổng thể các kiến trúc cổ bao gồm các cung điện ở Tử Cấm thành, các đền miếu, các lâm viên ở xung quanh, việc tổ chức không gian kiến trúc đô thị luôn giữ định hướng hạn chế việc xây dựng nhà cao tầng ở trung tâm, việc xây dựng cao tầng bị đẩy ra ngoài, tạo nên không gian đô thị kiểu "lòng chảo". Theo tinh thần định

hướng này, việc tu sửa và tôn tạo nhà ở cũ nằm ở xung quanh Tử Cấm thành đều không được phép xây dựng thành nhà ở cao tầng mà chỉ hạn chế vào khoảng 2 - 3 tầng, có thể có tầng hầm hoặc cá biệt có lầu phụ.

Một dự án *cải tạo nhà ở cũ* để tạo thành một khu ở mới nhưng theo phong cách kiến trúc nhà ở truyền thống "tứ hợp viện" được thực hiện ở khu vực phía đông bắc của Tử Cấm thành đã cung cấp một ví dụ rất hấp dẫn về cải tạo nhà ở trong khu phố cổ. Dự án được thực hiện vào khoảng đầu thập niên cuối của thế kỷ trước nhằm thí điểm việc cải tạo một ô phố cổ vốn được xây dựng theo kiểu kiến trúc truyền thống ở ngõ phố Hoa Cúc (The Ju'er Hutong Courtyard Housing Project) mà tác giả là một giáo sư kiến trúc nổi tiếng của trường Đại học Thanh Hoa Bắc Kinh, kiến trúc sư Ngô Lương Dung.

Điều tạo nên sự hâm mộ của dự án là sự khai thác triệt để đặc trưng kiến trúc nhà ở truyền thống, kiểu nhà "tứ hợp viện" như đã nói ở trên. Dự án đã phá rõ những ngôi nhà cũ một tầng để xây thành nhà mới cao 2 - 3 tầng, một số nhà có tầng hầm, tầng phụ trong mái và sân thượng. Hình ảnh kiến trúc của tổng thể vẫn là những khôi nhà xinh xắn quây quần xung quanh một sân trong ấm cúng, nhiều lớp mái ngói nhấp nhô (loại ngói ống màu xanh xám). Nhiều chi tiết kiến trúc nhà truyền thống được lưu giữ như các cổng nhỏ có mái che, hàng hiên bao quanh sân vườn tạo không gian chuyển tiếp giữa trong và ngoài nhà.

Những số liệu sau đây cho thấy dự án không chỉ có giá trị cao về bảo tồn di sản văn hóa mà về mặt kinh tế - xã hội cũng đạt được những hiệu quả đáng lưu ý: ô phố có diện tích 2090m² trên đó nhà ở cũ chủ yếu là nhà một tầng nay được phá đi xây thành nhà 2 - 3 tầng, về diện tích ở đã tăng từ 1085m² lên 2760m², nhà cũ có tổng số 44 căn hộ với diện tích 25m²/căn hộ nay tăng lên 46 căn hộ với diện tích 60m²/căn hộ, tạo điều kiện nâng tiêu chuẩn ở từ 5,2m²/người lên 12m²/người trong khi mật độ xây dựng của toàn ô phố đã giảm từ 84% xuống còn 40%.

Việc đầu tư cho dự án đã nhận được nhiều sự hỗ trợ của chính quyền thành phố cùng những sự ủng hộ của người dân bởi phần lớn dân cư được tái định cư tại chỗ, được có chỗ ở mới khang trang hơn với sự đóng góp thấp hơn nhiều so với giá mua nhà theo thị trường nhờ vào những chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Cùng với tổng thể kiến trúc các cung điện ở Tử Cấm

thành, các đền miếu, các vương phủ được lưu giữ tạo nên nét cổ kính rất đặc sắc mà chỉ riêng Bắc Kinh mới có, việc cải tạo các nhà ở cũ theo tinh thần kế thừa truyền thống của khu nhà ở ngõ phố Hoa Cúc đã tạo nên được sự hài hòa trong việc bảo tồn di sản đô thị cổ với việc phát triển nhà ở ngay tại nơi được coi là "cái lõi trung tâm" của khu đô thị cổ rất đặc sắc này.

Cũng nằm ở không xa trục đô thị trung tâm về phía đông của Tử Cấm thành, một đường phố thương mại sầm uất đã được hình thành vuông góc với đại lộ Tràng An, đó là *Vương phủ tỉnh*. Một công trình khách sạn lớn mang tên khách sạn Bắc Kinh nằm ở góc đường giúp cho du khách dễ nhận biết khi tìm đến đường phố thương mại này. Vô cùng nhiều các cửa hàng lớn nhỏ phô bày sự phong phú của các loại hàng hóa được sản xuất ở Trung Quốc và cũng có những mặt hàng của nước ngoài. Tòa Bách hóa đại lâu là một kiến trúc bể thế nằm trên trục đường này, với tổ chức mặt bằng hoàn toàn hiện đại nhưng về phong cách có nhiều gợi nhớ về phong cách kiến trúc truyền thống Trung Hoa nhất là những trang trí ở bộ mái. Tòa nhà chuyên bán sách ngoại văn (nằm ở số 235) cũng là một địa điểm lui tới tấp nập, nhất là đối với du khách người nước ngoài. Cũng như vậy cửa hàng chuyên bán các mặt hàng thủ công mỹ nghệ và đồ lưu niệm nằm ở số nhà 200 cũng là nơi thu hút rất đông du khách bởi trình độ nghệ thuật cao của các mặt hàng. Trên trục phố dài chưa tới một nghìn mét mà có tới trên một trăm cửa hàng lớn, lượng khách lui tới hàng ngày ở đường phố siêu thị này ước tính khoảng nửa triệu người.

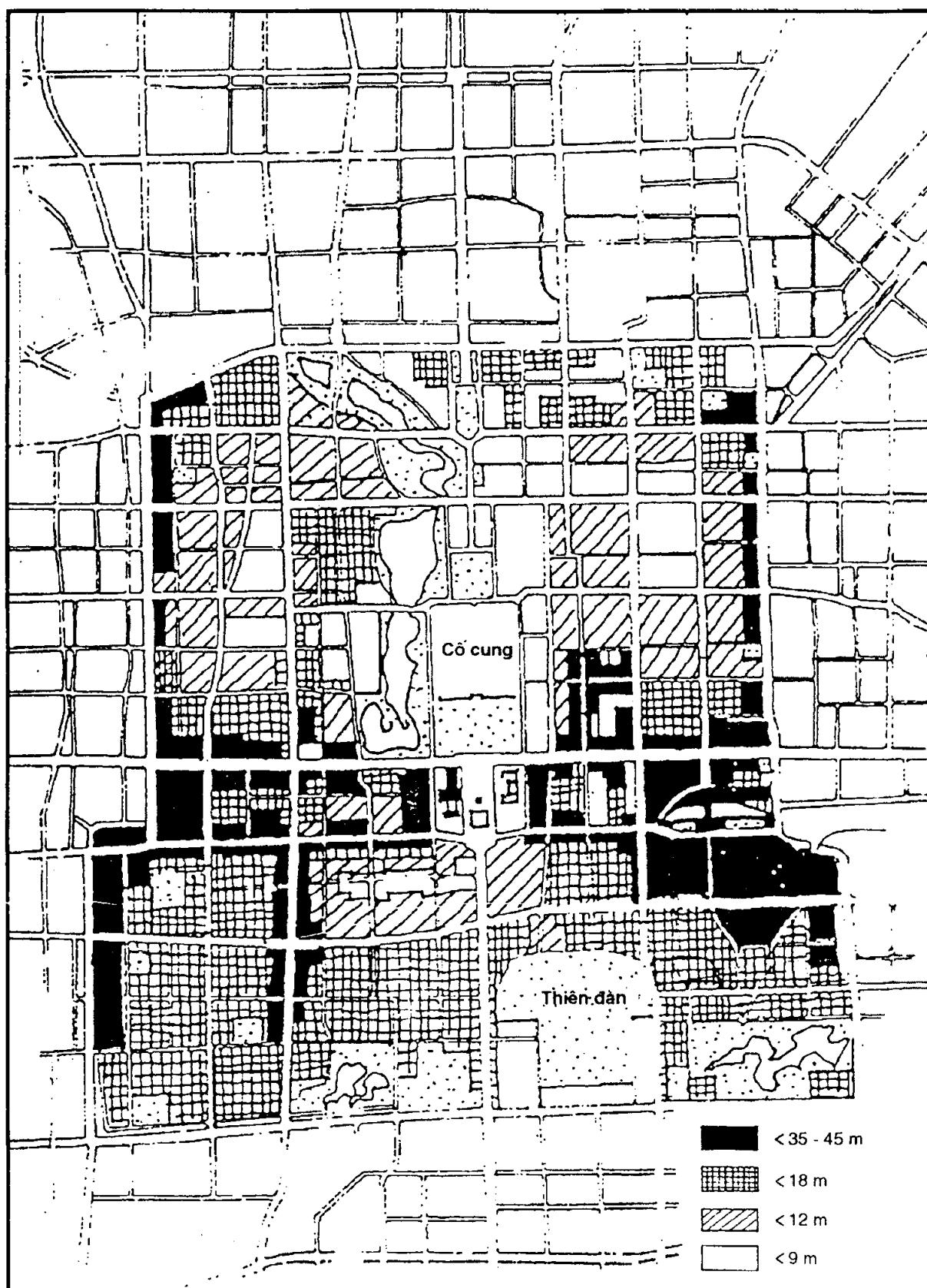
Nhìn vào khung cảnh thịnh vượng của đường phố hôm nay người ta khó có thể hình dung những biến đổi trong cả quá trình phát triển từ hơn 500 năm. Khởi đầu vào triều Minh đây là nơi có nhiều tư gia của các đại thần, vương công. Vào thời Thanh có quy định trong phạm vi thành nội không được có những hàng quán kinh doanh việc vui chơi hát xướng nên một quan thái giám đã bỏ tiền xây dựng ở chợ Đông An những quán trà có vui chơi ca hát, tạo nên cảnh nhộn nhịp ở đường Vương phủ tỉnh thu hút tầng lớp khá giả đến vui chơi giải trí. Chợ Đông An có lần bị hỏa hoạn và được xây dựng lại khang trang, các cửa hàng càng phát triển và cảnh mua bán càng tấp nập. Khi có sự xâm nhập của tư bản nước ngoài thì đây cũng là nơi các lái buôn Anh, Pháp, Nhật mở ra các cơ sở kinh doanh buôn bán. Cảnh tượng hàng hóa nhộn nhịp và ngày càng thịnh vượng làm cho Vương phủ tỉnh từng được coi là nơi "có đủ vạn thứ quý" (vạn bảo toàn).

Việc kế thừa các di sản kiến trúc đô thị quý giá do lịch sử để lại, khai thác nó nhằm phục vụ cho cuộc sống mới ở đô thị mà Bắc Kinh đã làm được thật đáng trân trọng. Không chỉ ở Tử Cấm thành được lưu giữ như một bảo tàng, giữ gìn những chứng tích của một quá khứ huy hoàng thời phong kiến mà rất nhiều nơi, những đền miếu, những ngự viên... nay trở thành nơi vui chơi của nhân dân, chốn tham quan của du khách muốn tìm hiểu về một nền văn minh phát triển rực rỡ trong quá khứ.

Thủ đô của đất nước trên một tỷ dân vẫn đang không ngừng phát triển và đổi mới. Từ thập kỷ 50, Nhà nước đã phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển thủ đô Bắc Kinh trên phạm vi đất đai rộng tới 16.800 km² bao gồm các loại đất cho mọi yêu cầu xây dựng trong nội thành và cả ngoại thành. Sự phát triển của thủ đô Bắc Kinh đã có sự quan tâm nhất định tới yêu cầu "phát triển bền vững" với sự cân đối giữa bảo tồn và phát triển, giữa trung tâm cổ với những trung tâm đô thị mới, giữa đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh phát triển trên toàn vùng vành đai bao quanh. Có tới hơn mươi đô thị vệ tinh phát triển đều đặt trên địa bàn các huyện ngoại thành như: Sương Bình, Thuận Nghĩa, Thông Huyện, Đại Hưng, Môn Thủ Câu, Phòng Sơn, Bình Cốc, Hoài Nhu, Mật Vân, Diên Khánh.

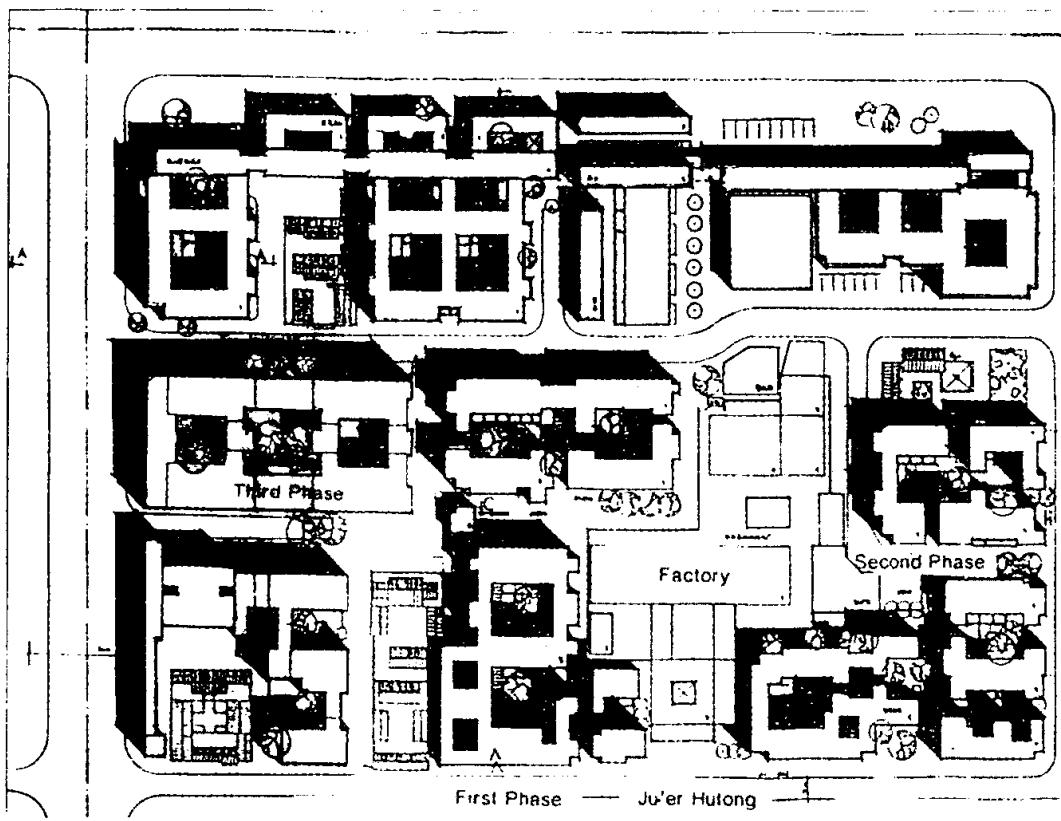
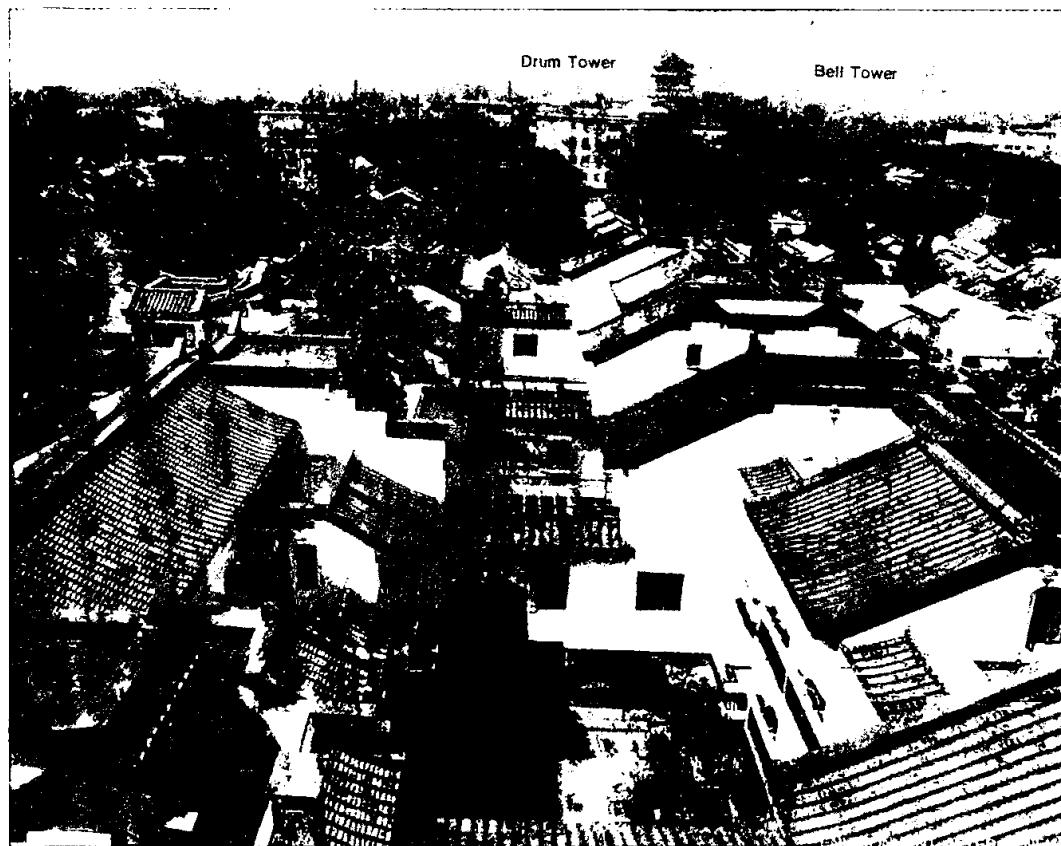
Để đảm bảo cho sự phát triển đô thị rộng lớn này, việc đầu tư cho xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên toàn vùng đã được quan tâm và được thực hiện rất tốt nhằm tạo ra một hệ thống giao thông hiện đại với nhiều tuyến đường cao tốc đạt trình độ quốc tế như các tuyến vành đai bao bọc thành phố trung tâm, các tuyến đườngтанxạ liên kết trung tâm với các vùng kinh tế phát triển rộng khắp trên toàn vùng.

BẢO TỒN KHU PHỐ CỔ

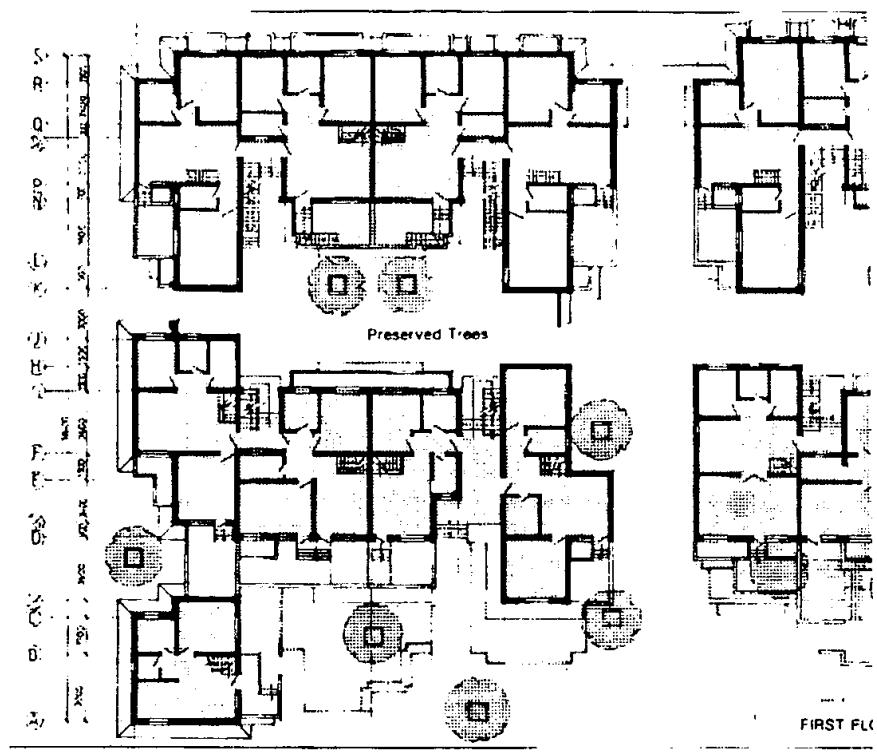


Khu phố cổ Bắc Kinh - Bản đồ hạn chế chiều cao (sau 1987)

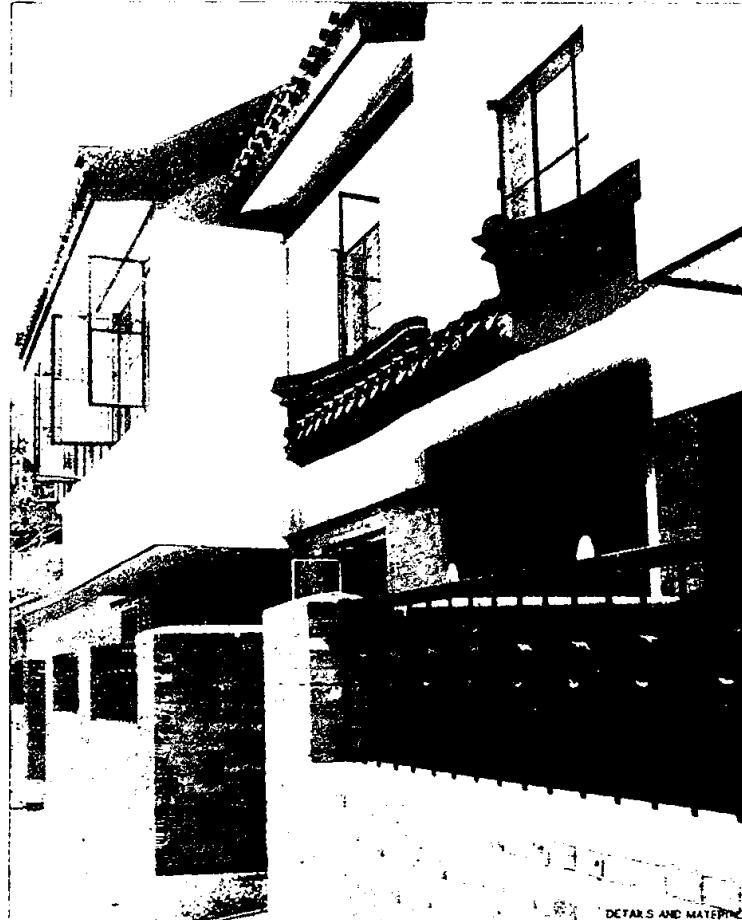
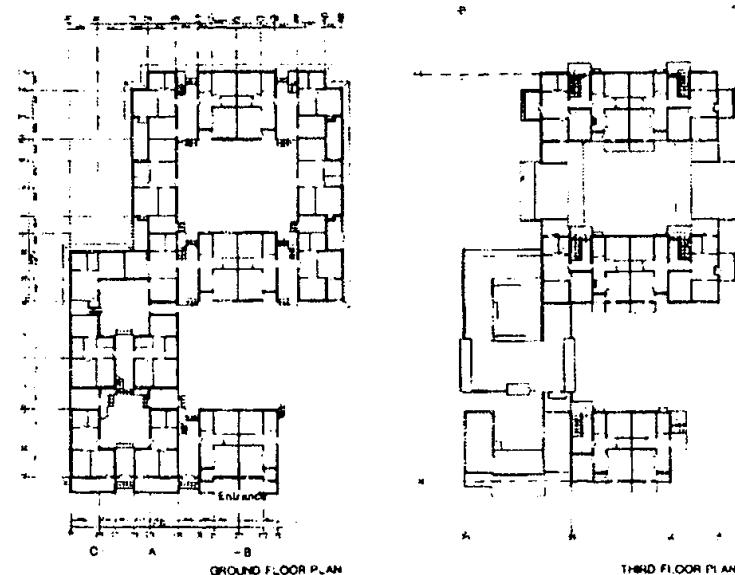
BẢO TỒN KHU PHỐ CỔ



BẢO TỒN KHU PHỐ CỔ



BẢO TỒN KHU PHỐ CỔ



DETAILS AND MATERIALS

BẢO TỒN KHU PHỐ CỔ



KIẾN TRÚC DỊCH VỤ



Ngân hàng phát triển



Khách sạn

KIẾN TRÚC DỊCH VỤ

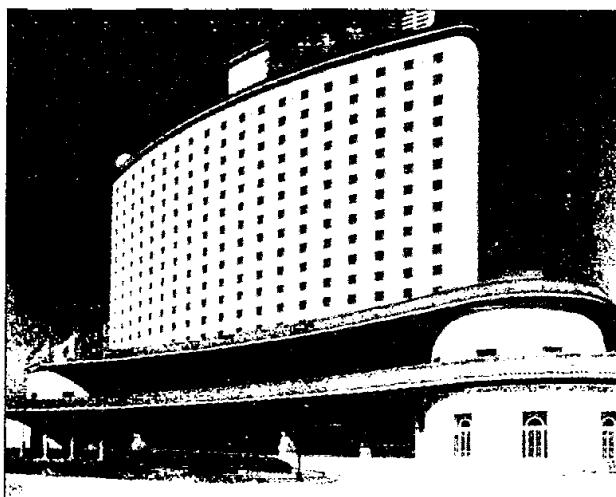
Bách hoá

Nhà ga



Bách hoá

KIẾN TRÚC MỚI



Khách sạn

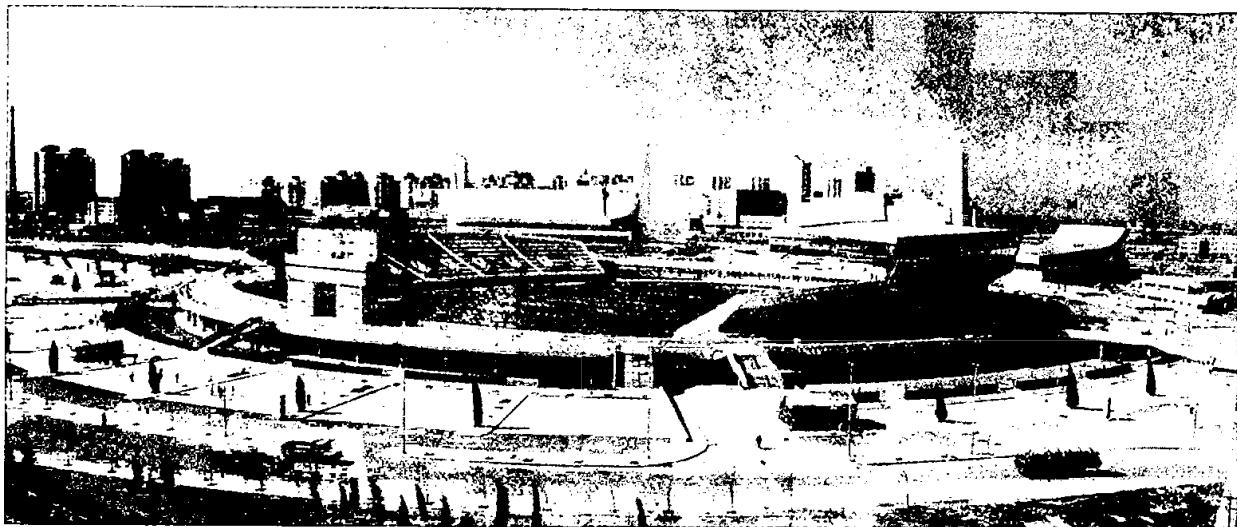


Triển lãm

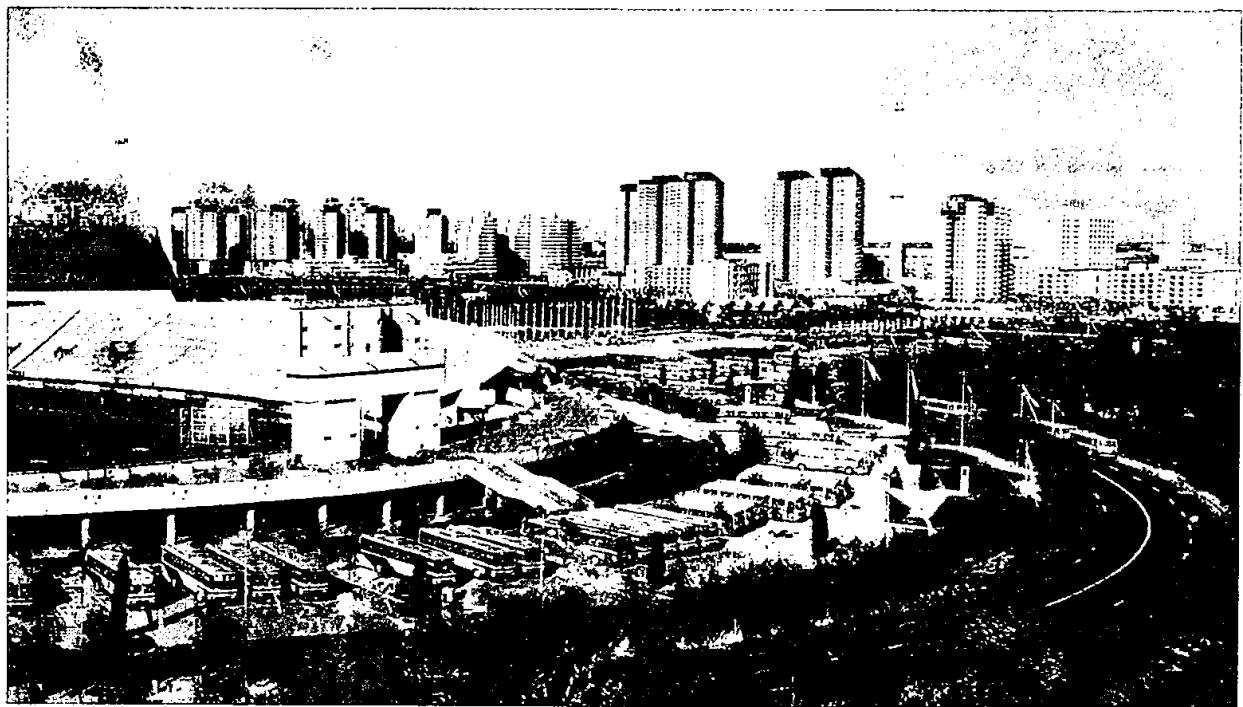


Chung cư mới

CÔNG TRÌNH THỂ THAO



Sân vận động bể bơi

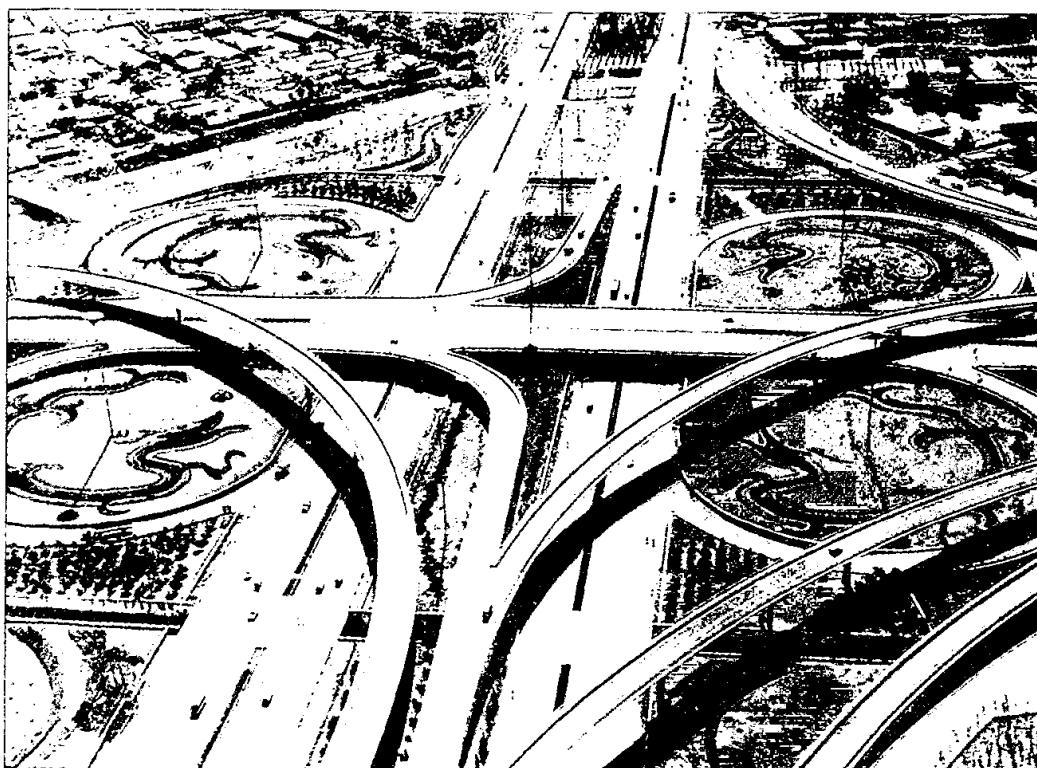


Sân bóng và làng vận động viên

HA TẦNG ĐÔ THỊ

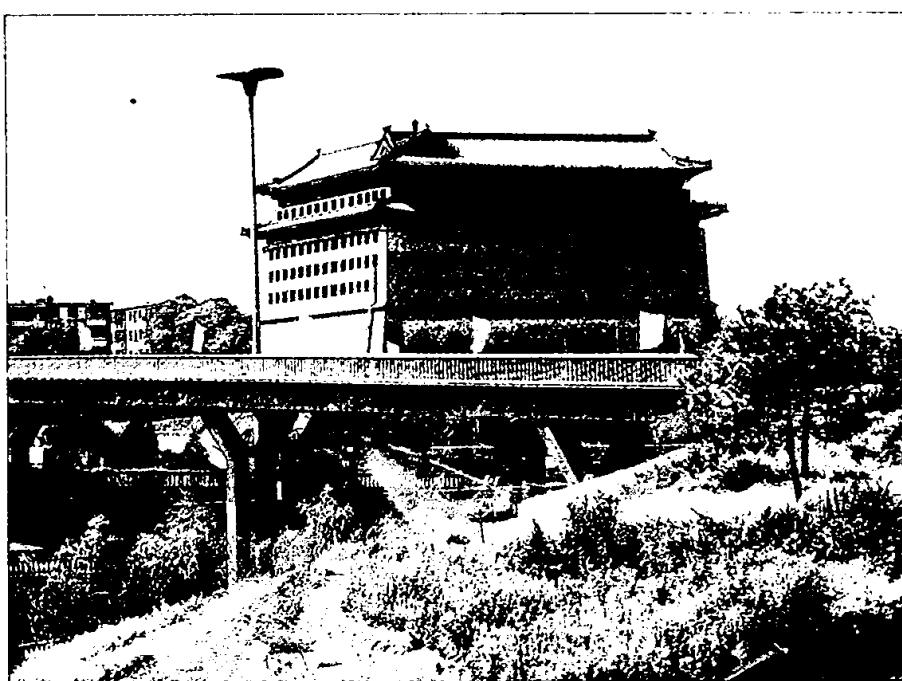


Trục đường mới



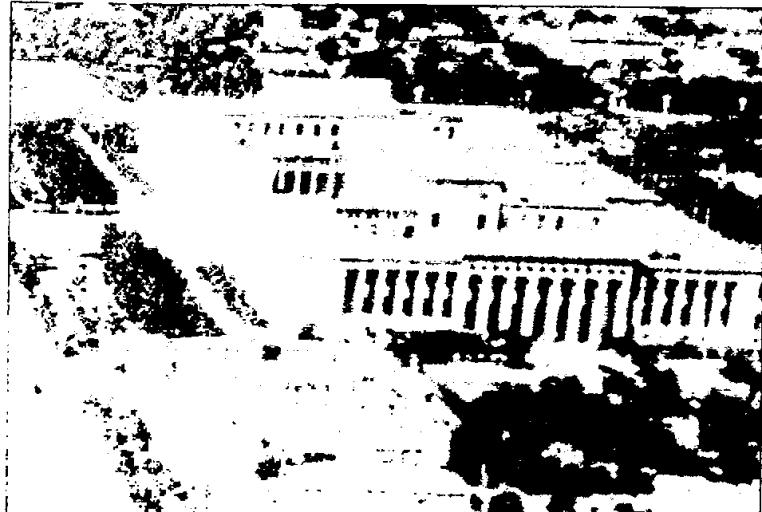
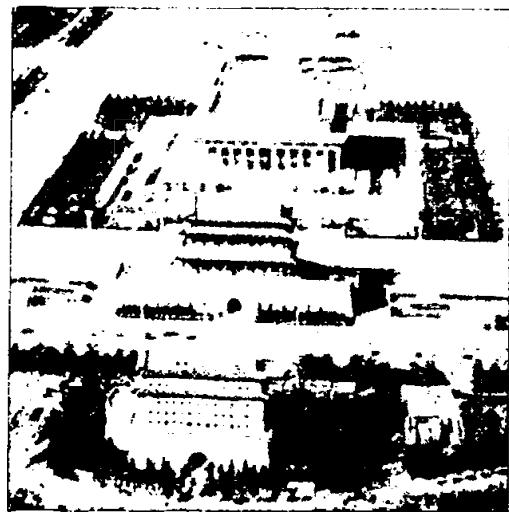
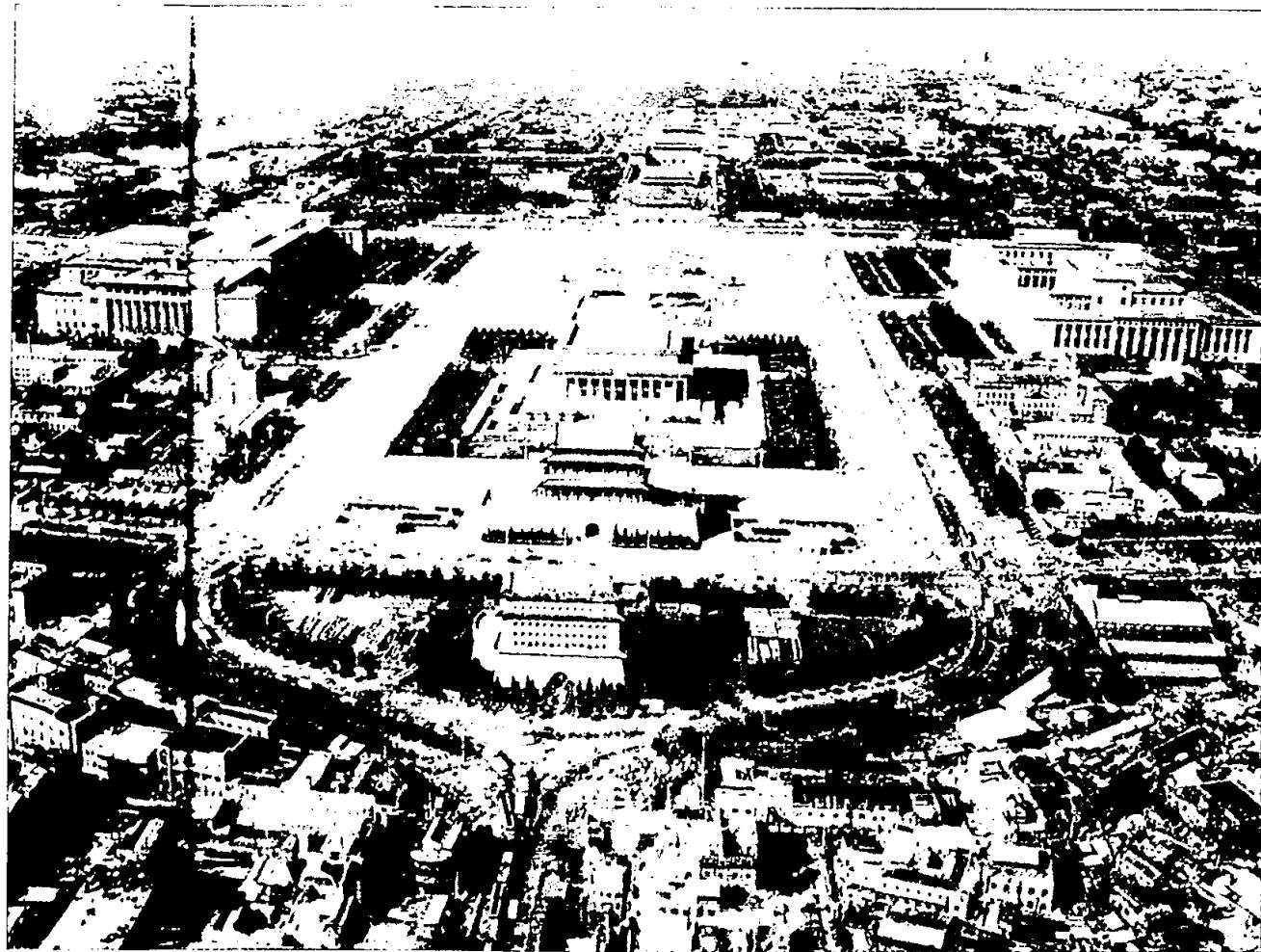
Nút giao thông lập thể trên đường vành đai

KIẾN TRÚC CỔ TRONG ĐÔ THỊ MỚI



*Công viên
Bắc Hải*

QUẢNG TRƯỜNG THIÊN AN MÔN





Phụ lục :

MỘT SỐ THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA

Từ lâu Bắc Kinh đã là một địa điểm du lịch văn hóa có tầm cỡ thế giới bởi nơi đây vẫn được coi là một trong những cái nôi quan trọng nhất của văn hóa và văn minh nhân loại. Những cung điện cổ kính, đền miếu, chùa tháp, lăng mộ... cũng như những thắng cảnh, vườn cảnh nêu trên đều là những đối tượng vô cùng hấp dẫn khách du lịch.

Sau đây là những thông tin bổ ích hỗ trợ cho mục tiêu du lịch văn hóa.

ĐẤT NƯỚC TRUNG QUỐC

Nằm ở phía đông Châu Á với diện tích 9.600.000km², Trung Quốc là nước lớn thứ ba trên thế giới, trải rộng 5.000km từ đông sang tây và 7.000km từ bắc xuống nam. Trung Quốc có bờ biển dài 14.000km, tiếp giáp với các biển Bột Hải, Hoàng Hải, Biển Đông và Biển Nam Trung Hoa. Phần lớn đất đai Trung Quốc là các vùng đồi núi, cao nguyên, sa mạc, chỉ 15% đất đai có thể trồng trọt để nuôi sống hơn 1,2 tỷ người.

Tây Tạng là cao nguyên cao nhất thế giới (nằm ở độ cao trung bình 5.000m, được gọi là "nóc nhà của thế giới") với dãy Hymalaya chạy dài về phía nam có đỉnh là Everest (người Trung Quốc gọi là đỉnh Jumulangma, nằm ở biên giới với Népal). Về phía bắc, mặt đất thấp dần từ 2000m đến 1.300m kéo dài đến thảo nguyên Mông Cổ và sa mạc Gobi. Phía tây bắc là sa mạc Taklamakan (sa mạc rộng nhất Trung Quốc). **Con đường tơ lụa** thời cổ đã từng xuyên qua sa mạc này.

Ở vùng phía nam, những thay đổi địa lý diễn ra đột ngột hơn, với vô số những vách đá, những hẻm núi hình thù kỳ lạ và những thác nước. Đi về

phía bờ biển, cao độ mặt đất hạ xuống còn khoảng 450m. Đó là vùng đồng bằng lớn nhất của Trung Quốc, nơi đây tập trung nền nông nghiệp và các điểm dân cư phân bố khá dày đặc.

Các con sông chính của Trung Quốc có vai trò quan trọng trong việc hình thành bờ biển vì chúng mang theo ra biển rất nhiều phù sa. Sông Hoàng Hà mỗi năm mang theo 12 tỷ tấn phù sa và cứ ba năm thì vùng cửa sông lại kéo dài ra biển thêm 19km.

Khí hậu của Trung Quốc thay đổi từ giá lạnh khắc nghiệt của vùng Sibéri cho tới khí hậu ôn hòa ấm áp của vùng nhiệt đới cây cối sum suê. Mùa đông ở miền bắc vô cùng lạnh giá, nhiệt độ có thể xuống tới âm 8°C. Ở vùng đồng bằng ven sông Dương Tử, thời tiết thường ẩm áp và ẩm ướt với bốn mùa phân biệt rõ rệt, mùa đông rất ngắn, nhiệt độ khoảng 0°C. Mùa hè ở miền bắc nhiệt độ có thể lên đến 38°C hay hơn nữa. Mùa thu trời lạnh và khô hanh.

Về sông ngòi, sông Dương Tử (Trường Giang) bắt nguồn từ vùng núi Thanh Hải - Tây Tạng, là con sông dài nhất ở Trung Quốc (cũng là sông dài thứ ba trên thế giới) chiều dài tổng cộng là 6.300km, chảy qua 9 tỉnh và đổ vào Biển Đông ở gần Thượng Hải.

Sông Dương Tử có 700 sông nhánh, chảy qua những vùng công nghiệp và nông nghiệp quan trọng. Một nửa sản lượng lương thực của Trung Quốc được gieo trồng trên vùng đồng bằng sông Dương Tử, đặc biệt là gạo, loại lương thực chính yếu.

Sông Hoàng Hà (tức sông Vàng) hình thành từ tuyết tan trên vùng núi Thanh Hải - Tây Tạng, dài hơn 5.460km đi qua 9 tỉnh và đổ vào biển Bột Hải. Do chảy qua vùng bình nguyên đất vàng, nên cuốn theo một khối lượng khổng lồ đất phù sa, đất sỏi vàng... và vì thế có tên Hoàng Hà. Sông Hoàng Hà thường gây lụt lội cho các vùng ven bờ, phá hủy mùa màng và giết chết nhiều người. Một tỷ tấn phù sa được cuốn đi hàng năm, sông Hoàng Hà trở thành con sông nhiều phù sa nhất thế giới. Lòng sông mỗi năm lại bị bồi thêm 10cm, khiến cho nước sông tràn bờ. Qua nhiều thế kỷ, con sông đã thay đổi dòng chảy tới 12 lần do phù sa lắng đọng.

Sông Hoàng Hà được coi là "cái nôi của nền văn minh Trung Hoa", vì chính trên hai bờ màu mỡ của con sông này là nơi người ta canh tác gieo trồng đầu tiên. Từ sự khởi đầu đó mà xuất hiện và phát triển thôn làng, đô thị và các đế chế.

THỦ ĐÔ BẮC KINH

Bắc Kinh là thành phố thủ đô của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, là trung tâm chính trị, kinh tế, giao thông, khoa học và văn hóa của cả nước. Nằm ở phía bắc bình nguyên Hoa Bắc, Bắc Kinh cách vịnh Bột Hải 150km về phía đông nam, thành phố có diện tích 16.800km² và dân số trên 12 triệu người. Trên địa bàn đó, các núi ở phía tây và phía bắc chiếm khoảng 62% còn diện tích đồng bằng ở phía đông nam chỉ có khoảng 38%. Ở phía tây là vùng núi Tây Sơn thuộc dãy Thái Hoàng Sơn. Ở phía bắc là vùng núi Quân Đô Sơn thuộc dãy Yên Sơn, một khối núi nhấp nhô, xen lân bồn địa. Giáp với tỉnh Hà Bắc có ngọn Đông Linh Sơn cao 2.303m là ngọn núi cao nhất Bắc Kinh. Chuyển tiếp giữa 2 vùng núi là đồng bằng là vùng gò đồi cao từ 200 đến 500m. Đồng bằng phía đông nam thành phố chủ yếu do các sông Vĩnh Định và Triều Bạch bồi đắp, có độ cao không quá 50m.

Bắc Kinh có khí hậu gió mùa ôn đới lục địa nửa ẩm ướt điển hình: mùa hạ nóng, có nhiều mưa, mùa đông lạnh, khô, hai mùa xuân thu ngắn. Nhiệt độ trung bình năm từ 10 đến 12°C. Nhiệt độ thấp nhất và cao nhất trong năm có thể tới -27°C và +40,6°C. Với lượng mưa trung bình năm trên 600mm, Bắc Kinh là một trong những nơi có lượng mưa lớn nhất ở bình nguyên Hoa Bắc. Đặc biệt ở các sườn núi đón gió, lượng mưa có thể tới trên 700mm. Mưa tập trung chủ yếu trong mùa hạ. Trong tháng 7 và tháng 8, thường có mưa to, gió lớn nhiều khi gây ngập lụt.

Về kinh tế, phía tây thành phố Bắc Kinh có nhiều mỏ khoáng sản như: than, đá vôi, đá hoa và đá hoa cương. Than ở đây chủ yếu là antraxit. Vùng núi phía bắc còn có nhiều mỏ kim loại như: sắt, đồng... Tuy có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, nhưng trước giải phóng, cơ sở công nghiệp ở Bắc Kinh rất yếu kém. Sau giải phóng, nhờ quá trình công nghiệp hóa, Bắc Kinh đã chuyển từ một thành phố cổ mang nặng tính chất tiêu thụ sang một thành phố công nghiệp mới với hàng vạn công nhân các ngành: công nghiệp luyện kim, khai thác than, cơ khí chế tạo, chế luyện dầu mỏ, hóa chất, điện lực, sản xuất máy công cụ chính xác, điện tử, dệt, sản xuất vật liệu xây dựng và nhiều ngành công nghiệp nhẹ. Các ngành thủ công nghiệp cũng rất phong phú và đa dạng với trình độ sản xuất tinh xảo. Đặc biệt trong những năm gần đây, các ngành thủ công mỹ nghệ lại phát triển rất mạnh và có thêm nhiều ngành mới.

Từ sau ngày giải phóng, thành phố Bắc Kinh đã xây dựng nhiều hồ chứa nước như các hồ Mật Vân, Hoài Nhu, Thập Tam Lăng... để lấy nước dẫn vào các hệ thống kênh máng tưới tiêu, bao đảm cung cấp nước cho canh tác. Trình độ cơ giới hóa cũng được nâng cao nhanh chóng. Việc canh tác ở đây làm 2 năm 3 vụ. Nông nghiệp thành phố gồm các vùng: vùng đất thấp xung quanh thành phố trồng cây thực phẩm, các loại rau cung cấp cho thành phố, phía ngoài là vùng trồng cây lương thực và bông. Vùng núi chủ yếu là trồng rừng và cây ăn quả ôn đới. Các nông sản chính về lương thực có: lúa mì, ngô, lúa gạo, các loại củ, cao lương, đậu tương... Sản phẩm có giá trị kinh tế lớn là bông. Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng rất phổ biến. Vịt Bắc Kinh là sản phẩm chăn nuôi rất nổi tiếng.

Thủ đô Bắc Kinh cũng là một đầu mối chính về giao thông đường sắt, đường hàng không trong nội địa và ra nước ngoài. Đường ô tô được phát triển ở khắp các vùng ngoại ô và các huyện, khu, thị trấn... Trong thành phố Bắc Kinh còn có cả đường xe điện ngầm, đường ống dẫn dầu nối với mỏ Đại Khánh và cảng Tần Hoàng Đảo.

Về mặt lịch sử, thành phố Bắc Kinh là một đô thị cổ, kinh đô của nước Yên xưa nhà Liêu gọi là Nam Kinh. Thành phố được chính thức xây dựng thành một kinh đô bế thế từ thời nhà Kim với tên gọi là Trung Đô. Đến nhà Nguyên gọi là Đại Đô. Vào các đời Minh, Thanh và những năm đầu Dân Quốc, đổi là Bắc Kinh. Đến năm 1928, thành phố đổi tên là Bắc Bình. Từ sau ngày giải phóng (01 - 10 - 1949), trở thành thủ đô của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, thành phố lấy lại tên cũ là Bắc Kinh. Quy mô thành phố Bắc Kinh từ 30 năm trở lại đây đã được mở rộng nhiều về phía tây. Số lượng nhà cửa mới xây dựng đã tăng rất nhanh so với trước giải phóng. Trong thành phố vẫn còn giữ được nhiều công trình kiến trúc cổ. Hiện nay, ở trung tâm Bắc Kinh có quảng trường Thiên An môn, phía tây có Đại lễ đường Nhân dân, phía đông có nhà Bảo tàng Lịch sử, nhà Bảo tàng Cách Mạng. Hai bên Thiên An môn có Công viên Trung Sơn, Cung Văn hóa nhân dân lao động. Còn phía nam thành phố là một khu thương nghiệp đông đúc với vô số các tòa nhà cao tầng...

Nhiều công trình lịch sử, danh lam - thắng cảnh của thành phố Bắc Kinh, hiện nay vẫn được Nhà nước Trung Quốc bảo tồn và đã trở thành những địa

điểm du lịch nổi tiếng và có giá trị như: Cố cung, Di Hòa viên, Thiên đàn, Công viên Bắc Hải, Thập Tam lăng, di tích Vạn lý trường thành ở Bát Đạt Lĩnh, di chỉ người cổ đại ở Chu Khẩu điểm...

CÁC BẢO TÀNG

Sự nghiệp bảo tàng ở Trung Quốc rất phát triển, góp phần gìn giữ những di vật quý báu của một nền văn hóa phát triển rực rỡ ở nhiều thời kỳ lịch sử. Riêng ở Bắc Kinh nhiều bảo tàng có quy mô lớn thu hút sự quan tâm của nhiều học giả cũng như của đông đảo du khách trong nước và trên thế giới. Đó là các bảo tàng: Cố cung (tức Cố cung bắc vật viện), bảo tàng Lịch sử Trung Quốc, bảo tàng Cách mạng Trung Quốc, bảo tàng Lịch sử tự nhiên, bảo tàng Địa chất, bảo tàng Lỗ Tấn, bảo tàng Mộ táng và lăng. Thực ra ở Bắc Kinh các khu di tích lịch sử nằm trong danh sách các di sản được Nhà nước bảo vệ đều mang ý nghĩa bảo tàng như: Thiên đàn, Thập Tam lăng, Vạn lý trường thành, Di Hòa viên... bởi khách đến thăm luôn được chiêm ngưỡng những sản phẩm của lịch sử và qua đó cũng tiếp thu được nhiều kiến thức về quá trình phát triển rất phong phú của nền văn hóa Trung Hoa.

Bảo tàng Cố cung (Cố cung bắc vật viện) chính là khu cung điện được phát triển qua các triều đại Minh và Thanh nằm trong Tử Cấm thành đã nói ở trên. Xưa là nơi cung cấm nhưng từ sau Cách mạng Tân Hợi (1911) đã mở cửa cho nhân dân vào tham quan và dần được hoàn thiện để trở thành quần thể kiến trúc bảo tàng vào loại độc đáo nhất trên thế giới. Đặc biệt từ sau ngày thiết lập chế độ mới (1949) Bảo tàng Cố cung còn được bổ sung thêm nhiều hiện vật có giá trị về lịch sử, khoa học và nghệ thuật như bộ sưu tập đồ đồng thời Ân - Thương, bộ sưu tập tranh đời Đường, đời Tống. Các hiện vật về văn hóa nghệ thuật với rất nhiều tranh cổ, các đồ vật được tạo tác rất tinh vi vốn là đồ dùng của các bậc đế vương cùng với các sản phẩm quý của nước ngoài được các sứ thần dâng tặng... được trưng bày ở điện Bảo Hòa và tại các hành lang phía đông và phía tây của khu cung điện này.

Việc tham quan Cố cung có thể được tiến hành theo ba tuyến: tuyến trực nhằm tham quan các cung điện ở trung tâm, các tuyến đông và tuyến tây (như sơ đồ) giúp cho việc tham quan được rút gọn bởi nếu thăm toàn bộ Cố cung sẽ đòi hỏi thời gian rất dài.

Bảo tàng Lịch sử cách mạng Trung Quốc nằm ở phía đông quảng trường Thiên An môn, bảo tàng nhằm giới thiệu quá trình phát triển lịch sử hình thành đất nước Trung Hoa qua nhiều thiên kỷ, trưng bày các bộ sưu tập, các tư liệu về lịch sử từ cổ đại đến hiện đại của Trung Quốc. Bộ sưu tập bao gồm tới hơn 30 vạn hiện vật gồm các đồ vật bằng đồng, các vật dụng gốm, đồ dệt, thư pháp, hội họa, sản phẩm đá, sách cổ, các loại tiền tệ qua các đời... Phần trình bày thường xuyên về lịch sử đại cương của Trung Quốc được tạo lập từ năm 1961 trên một diện tích hơn 8000m², giới thiệu diễn biến đời sống xã hội từ các làng bản nguyên thủy có niên đại tới cả triệu năm cho tới các đô thị hiện đại.

Thực ra đây có thể là coi như sự hợp nhất của hai bảo tàng: **Bảo tàng Lịch sử và Bảo tàng Cách mạng**, trong đó Bảo tàng Lịch sử bao gồm các hiện vật lịch sử và văn hóa từ cổ xưa đến năm 1919 (thời cộng sản nguyên thủy, nô lệ, phong kiến, tư bản) và Bảo tàng Cách mạng với 5 giai đoạn: thành lập Đảng cộng sản Trung Quốc (1919 - 1921), giai đoạn chiến tranh lần I (1924 - 1927), giai đoạn chiến tranh lần II (1927 - 1937), kháng chiến chống Nhật (1937 - 1945) và giai đoạn chiến tranh 1945 - 1949.

Phần Bảo tàng Quân đội của cách mạng nhân dân Trung Quốc giới thiệu bộ sưu tập rất phong phú về quá trình tạo lập và trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng Trung Quốc với trên 13 vạn hiện vật cùng rất nhiều hình ảnh và tư liệu có liên quan. Bảo tàng nằm ở phía tây thành phố tại đường Fuxing Lu.

Bảo tàng Lịch sử tự nhiên là nơi đặc biệt hấp dẫn những ai ham thích tìm hiểu về giới động thực vật tự nhiên, động vật hoang dã ở Trung Quốc là một trong những bảo tàng phong phú nhất thuộc loại này của thế giới. Nhiều mẫu vật trưng bày là sản phẩm được trao đổi hợp tác với những bảo tàng tự nhiên nổi tiếng thế giới như bảo tàng tự nhiên Anh và bảo tàng tự nhiên Mỹ. Địa điểm bảo tàng nằm tại phía tây của Thiên đài, mở cửa từ 8 giờ 30 sáng đến 4 giờ chiều, vé vào cửa 10 nhân dân tệ. Cùng trong loại bảo tàng Lịch sử tự nhiên còn có **Bảo tàng Địa chất** trưng bày các mẫu vật địa chất của viện Nghiên cứu địa chất được thành lập từ năm 1916 với 70 nghìn mẫu khoáng sản, đá cứng và đá quý.

Bảo tàng Lỗ Tấn là nơi lưu giữ các di vật có liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của một nhà văn lớn thời hiện đại của Trung Quốc, bao gồm các di cảo, các trang bản thảo của nhiều sáng tác nổi tiếng của ông. Bảo tàng được liên kết với khu vực xưa kia ông từng sinh sống và làm việc trong thời gian từ 1924 đến 1926. Địa điểm bảo tàng nằm về phía tây bắc của thành phố. Cũng nằm trong số các bảo tàng về danh nhân Trung Quốc thời hiện đại còn có **bảo tàng Từ Bi Hồng** với những tranh vẽ ngựa rất nổi tiếng từng làm rạng rỡ cho truyền thống quốc họa Trung Quốc, **bảo tàng Tống Khánh Linh** vị nữ phó chủ tịch nước đầu tiên, là vợ và cũng là người cộng tác đắc lực của nhà cách mạng Tôn Dật Tiên, bảo tàng dựng ngay tại ngôi nhà riêng của bà xưa kia.

Bảo tàng thủ đô được sắp đặt ngay trong khu vực Khổng miếu trưng bày nhiều hiện vật khảo cổ được khai thác trên địa bàn thủ đô với những tấm bia, cột biểu, dụng cụ đồ đồng, đồ sành sứ... Bảo tàng ở đây còn được kết hợp với một thư viện của thành phố.

Người yêu thích lịch sử cổ đại ở Trung Quốc sẽ phải đi xa ra ngoài đô thị về phía tây nam cách trung tâm khoảng 50km để tham quan di chỉ **người vượn Bắc Kinh ở Chu Khâu điểm**, nơi được coi là có "dấu vết của tổ tiên loài người". Các nhà khoa học Trung Quốc tìm ra di chỉ này vào năm 1929 dấu tích của loại động vật cổ được coi là "vượn người đi bằng hai chi sau" có niên đại khoảng 50 vạn năm trước đây. Nơi ghi dấu chốn tọt cư của "bầy người nguyên thủy" này đã thu hút sự quan tâm của các nhà khảo cổ học ở Trung Quốc và trên thế giới.

Các di chỉ cho thấy người nguyên thủy ở đây đã biết dùng cành cây, gậy gộc và các công cụ đồ đá thô sơ để hái lượm các sản vật của rừng nguyên thủy hoặc săn bắt thú rừng kiếm ăn. Họ sống trong hang động và cũng có những dấu tích bếp lửa. Trong khu di chỉ có nhà trưng bày các hiện vật bao gồm ba bộ phận: thời tiền sử, cuộc sống vào thời người vượn Bắc Kinh và các tư liệu khảo cổ khác của những giai đoạn về sau.

Tuyến đi thăm Chu Khâu điểm thường được kết hợp với việc tham quan một công trình không kém phần quan trọng đó là **Cầu Lô Cầu** (còn gọi là Lư Cầu Kiều) ở cách trung tâm thành phố khoảng 16km. Đây là cây cầu bằng đá thuộc loại cổ nhất (xây dựng năm 1189 thuộc triều đại Kim), cầu dài 266m rộng 9m với nhiều nhịp hình vòm rất đẹp mắt. Nét đặc sắc của cầu

là một loạt tượng sư tử đá trên các trụ ở 250 tấm lan can cầu, được điêu khắc rất đẹp tạo nên một hình ảnh rất ấn tượng, tổng số tới 485 tượng sư tử đá. Cầu từng được ghi chép tóm tắt bởi nhà du lịch nổi tiếng người Italia với lòng thán phục cao độ và người Âu thường gọi đây là cầu Marco Polo để ghi nhớ tên nhà du lịch này. Quanh cầu còn có các tấm bia và hoa biếu (cao 4,65m), được tu sửa nhiều lần vào thời vua Khang Hy và vua Càn Long. Cây cầu còn được gắn với sự kiện "ngày 7 tháng 7" vào năm 1937 quân xâm lược Nhật đã khởi hận làm nổ ra cuộc chiến tranh chống Nhật vĩ đại của nhân dân Trung Quốc.

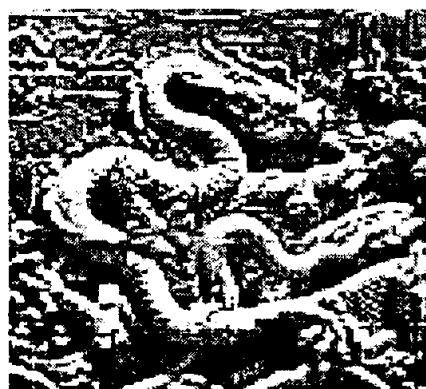
Ngược về phía tây bắc du khách có thể đi thăm hai khu di tích vào loại đặc sắc hàng đầu thế giới đó là khu **Tháp Tam Lang** (cách 50km) và **Vạn lý trường thành** (cách 70km). Đây vừa là thắng cảnh vừa là kỳ quan nên lượng khách tới thăm rất đông. Ngành du lịch đã triển khai nhiều công trình phục vụ khách du lịch tại hai nơi này. Nhiều khách sạn, nhà nghỉ, cửa hàng lưu niệm, nhà bảo tàng đã được xây dựng. Tuyến xe cáp treo ở trường thành đoạn Bát Đạt Lĩnh được hình thành từ năm 1980. Du khách còn có thể mua vé máy bay trực thăng để tham quan toàn cảnh Tháp Tam Lang cũng như Vạn lý trường thành.

Các công viên ở Bắc Kinh cũng là một đối tượng hấp dẫn trong đời sống sinh hoạt văn hóa của thủ đô cổ kính này. Người Bắc Kinh đến công viên để nghỉ ngơi giải trí, vui chơi, sinh hoạt văn hóa, luyện tập võ thuật, thư giãn. Nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc có những thành tựu rực rỡ và gây ấn tượng sâu sắc trong sự hài hòa giữa con người với thiên nhiên. Từ các ngự viên của vua chúa đến vườn cảnh tư gia đều thể hiện một trình độ tinh tế trong tạo cảnh, trong sự gắn kết của các yếu tố nhân tạo với những sản vật của tự nhiên.

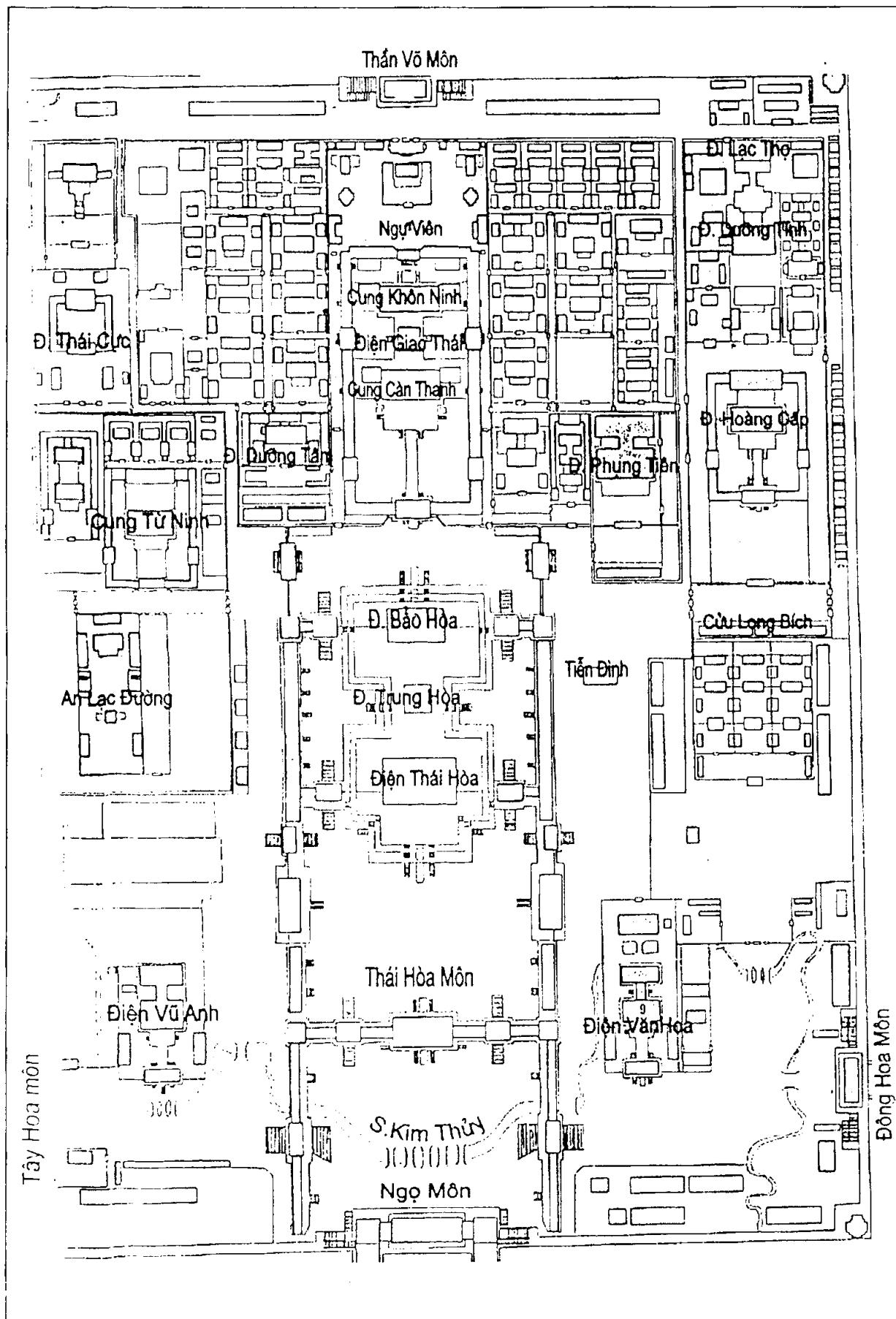
Ở những phần trên khi nói về hệ thống cung điện ở Tử Cấm thành với một trục chính xuyên suốt từ Thiên An môn. Ngõ môn về phía nam lên tới Thân Vũ môn ở phía bắc, thì ngay trên trục chính này đã có hai vườn cảnh là **Ngự viên** ở bên trong và **Cánh Sơn** ở bên ngoài Thân Vũ môn. Ngự viên có quy mô nhỏ nhưng tinh tế bởi kề liền với "hậu tam cung" được sử dụng riêng của hoàng gia và cũng là chốn thiêng của hoàng đế, còn Cảnh Sơn là vườn cảnh trên núi, là một điểm cao án ngữ phía bắc thành. Lên thăm Cảnh Sơn ta có dịp ngắm nhìn toàn cảnh Tử Cấm thành với tầng tầng lớp mái lưu ly óng ánh dưới tia nắng trời.

Năm kề liền Tử Cấm thành về phía tây có **công viên Bắc Hải** quy mô rộng lớn cũng là một cảnh quan đặc sắc của đô thị cổ. Nằm trong khuôn viên rộng tới 70 ha trong đó khoảng một nửa là mặt nước, công viên chẳng những là nơi tham quan và vui chơi ngắm cảnh tuyệt mỹ mà còn là một bộ máy điều hòa vi khí hậu, làm dịu đi không khí nóng khô ngột ngạt trong những ngày hè gay gắt. Hồ nước vốn là dấu tích khu đất trũng được cải tạo khơi sâu thêm và đất đào được đắp thành các hòn đảo tạo thêm cảnh đẹp, là một hệ thống gồm ba hồ nối tiếp nhau: Bắc Hải, Trung Hải và Nam Hải. Bắc Hải vốn đã là vườn ngự cảnh các triều vua từ thời Liêu, Kim, Nguyên và vẫn được phát triển vào thời Minh và Thanh. Được tu bổ qua nhiều triều đại nên công viên chứa đựng một quần thể kiến trúc rất phong phú và mang nhiều phong cách khác nhau. Nổi bật trong không gian công viên và từ xa đã nhìn thấy được là tòa tháp trắng hình bầu rượu mang phong cách kiến trúc Tây Tạng, tháp cao 36m xây dựng vào thời Thanh năm 1651. Ở góc phía tây bắc của hồ có quần thể năm tòa nhà hóng mát và câu cá mang tên "Ngũ Long" và cách đó không xa là bức tường chạm khắc 9 con rồng "Cửu long bích" đều là những tác phẩm nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc có giá trị cao được mọi người khâm phục.

Đại quan viên nằm về phía tây nam đô thị cũng là một công viên rất đặc sắc. Việc tạo dựng công viên nhằm mờ phỏng những khung cảnh được mô tả trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng Hồng Lâu mộng của nhà văn Tào Tuyết Cần với rất nhiều cảnh đẹp xen kẽ trong các hồ nước, núi non, đình tạ. Cuốn tiểu thuyết mô tả cảnh thăng trầm của một gia đình giàu sang sống trong cảnh lầu son gác tía được tạo dựng bởi những vật liệu quý giá qua bàn tay của những nghệ nhân kỳ tài. Đây là công viên của thời hiện đại (làm năm 1984) nhưng mang bản sắc của nghệ thuật lâm viên truyền thống Trung Hoa cổ truyền.



Đô thị cổ Bắc Kinh



SƠ ĐỒ CÁC TUYẾN THAM QUAN TỪ CẨM THÀNH - BẮC KINH

A. TUYẾN TRỰC

1. NGỌ MÔN
2. SÔNG KIM THỦY
3. THÁI HOÀ MÔN
4. ĐIỆN THÁI HOÀ
5. ĐIỆN TRUNG HOÀ
6. ĐIỆN BẢO HOÀ
7. CUNG CÀN THANH
8. ĐIỆN GIAO THÁI
9. CUNG KHÔN NINH
10. NGỤ VIÊN
11. THẦN VÕ MÔN

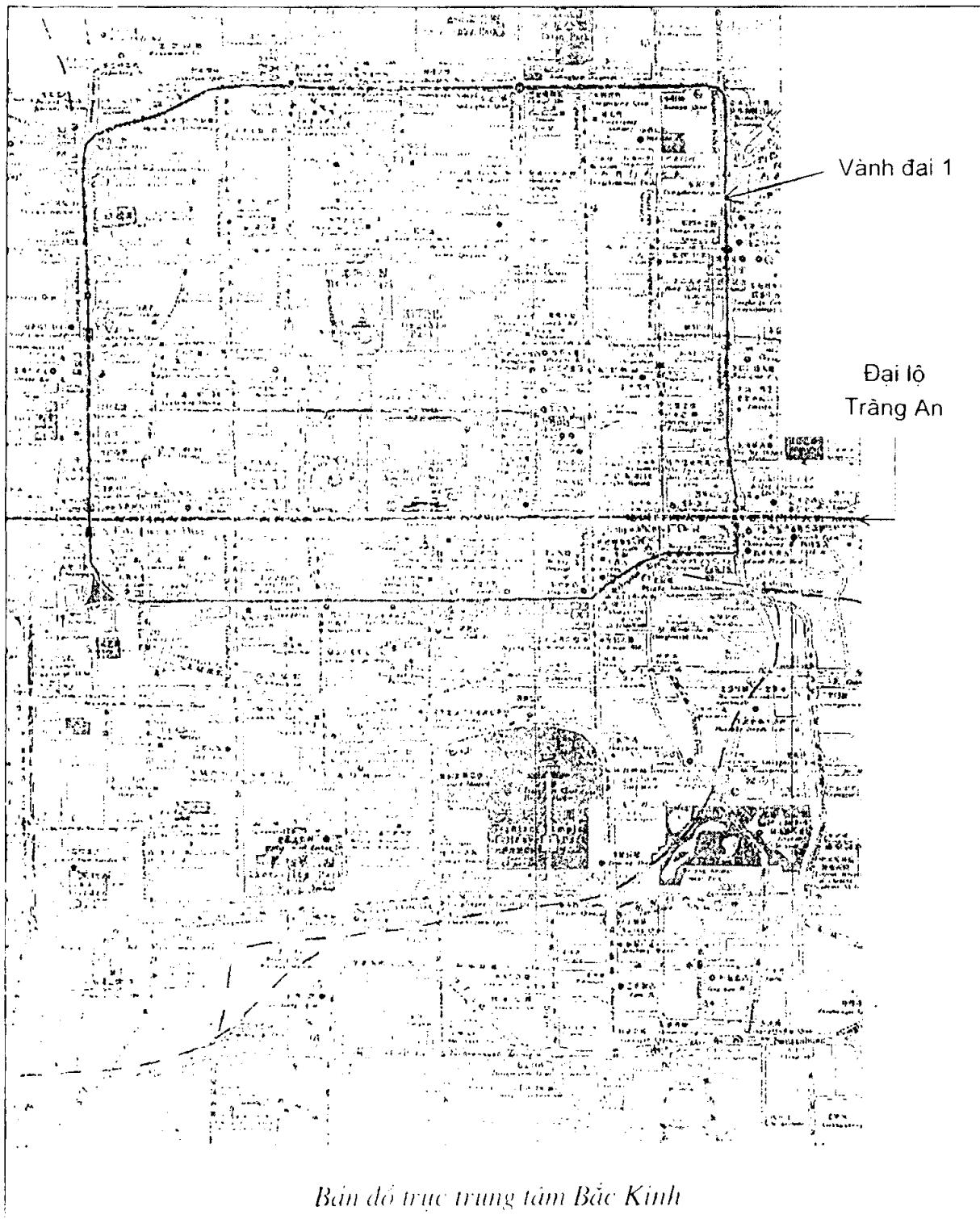
B. TUYẾN TÂY

- 1-6. TUYẾN TRỰC
12. ĐIỆN VŨ ANH
13. TÂY HOA MÔN
14. AN LẠC ĐƯỜNG
15. CUNG TÙNINH
16. ĐIỆN DƯƠNG TÂM
17. ĐIỆN THÁI CỰC
-
11. THẦN VÕ MÔN

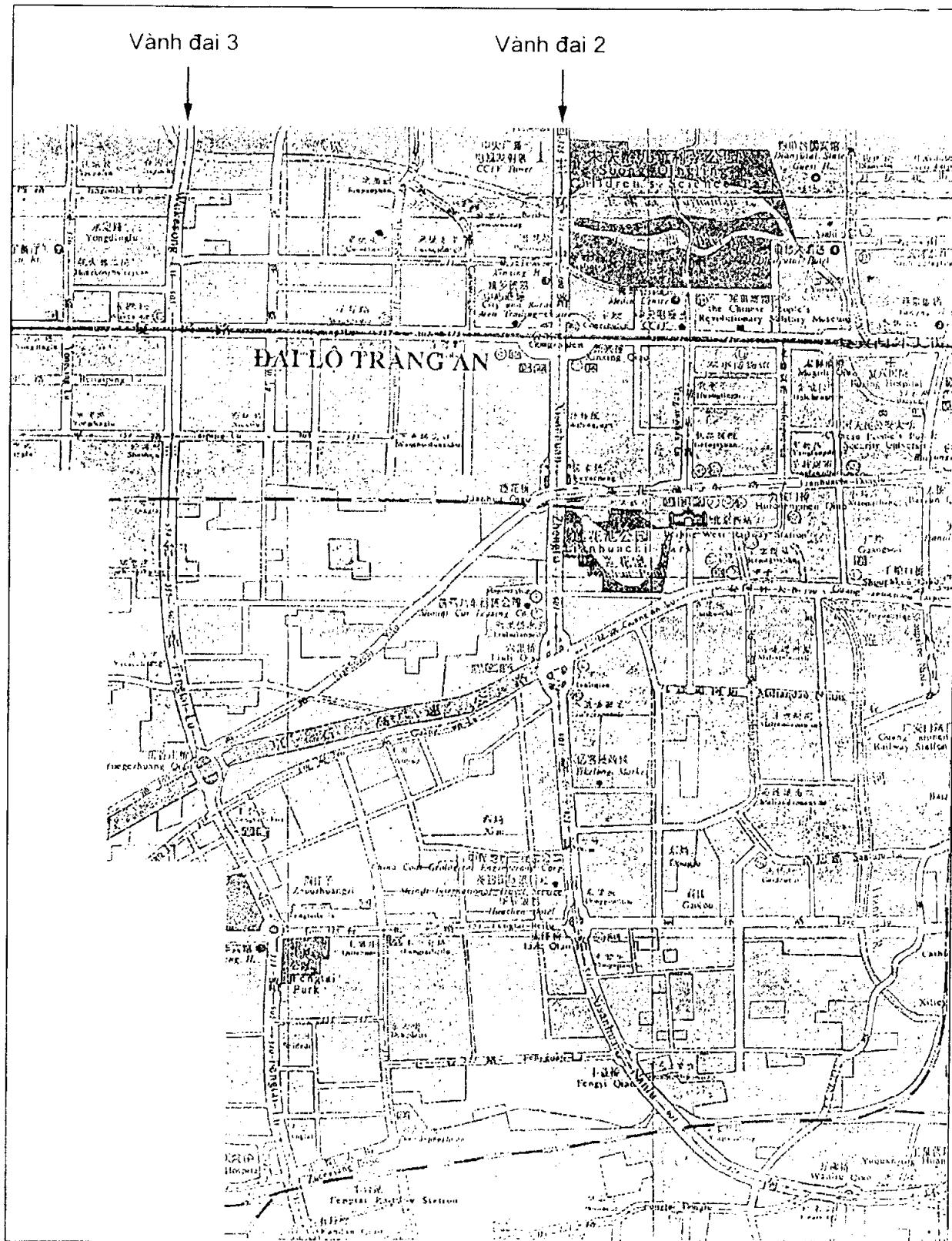
C. TUYẾN ĐÔNG

- 1-6. TUYẾN TRỰC
18. ĐIỆN VĂN HOA
19. TIỀN ĐÌNH
20. CỦU LONG BÍCH
21. ĐIỆN PHỤNG TIÊN
22. ĐIỆN HOÀNG CÁP
23. ĐIỆN DƯƠNG TÍNH
24. ĐIỆN LẠC THỌ
-
11. THẦN VÕ MÔN

THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA

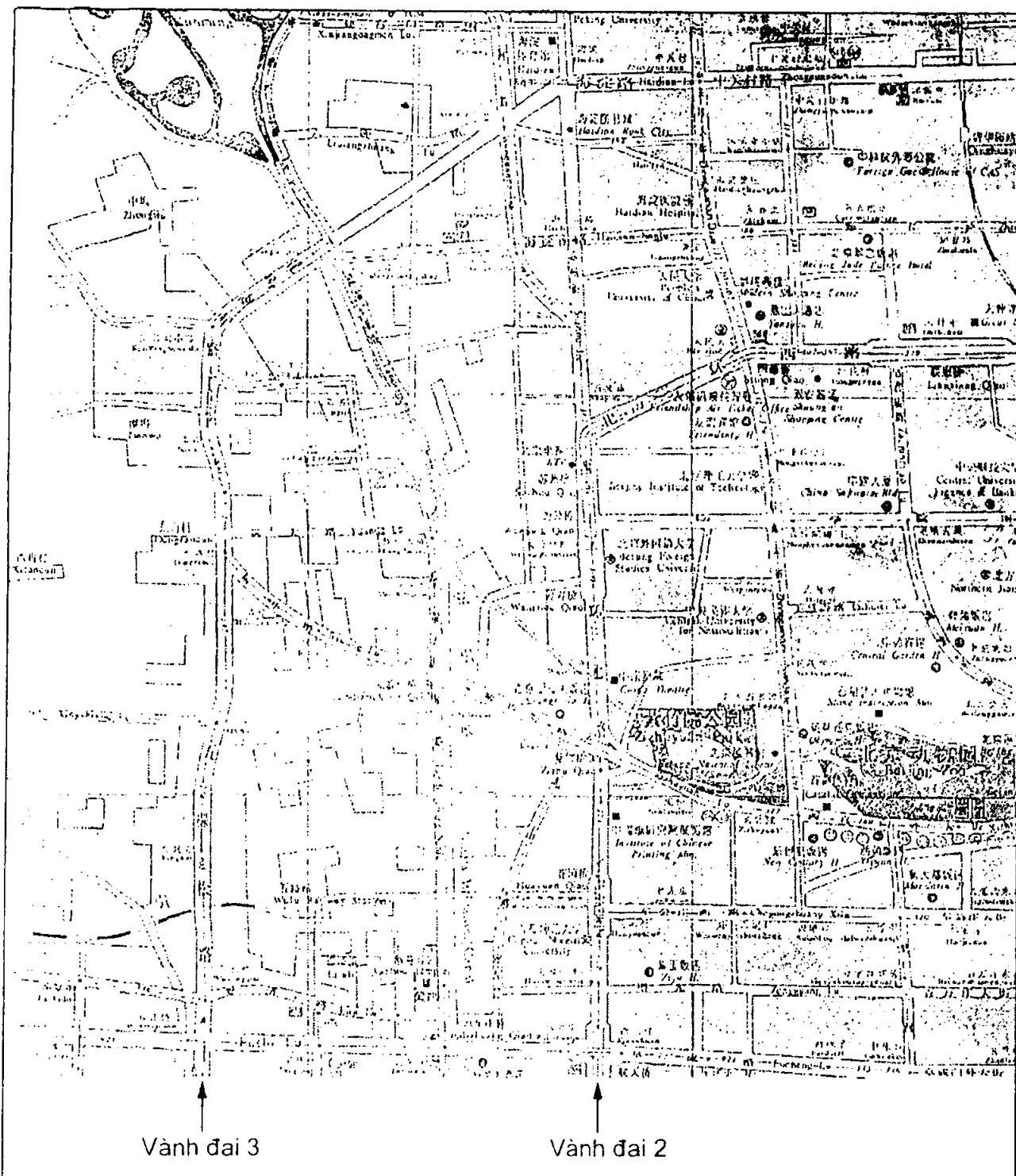


THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA



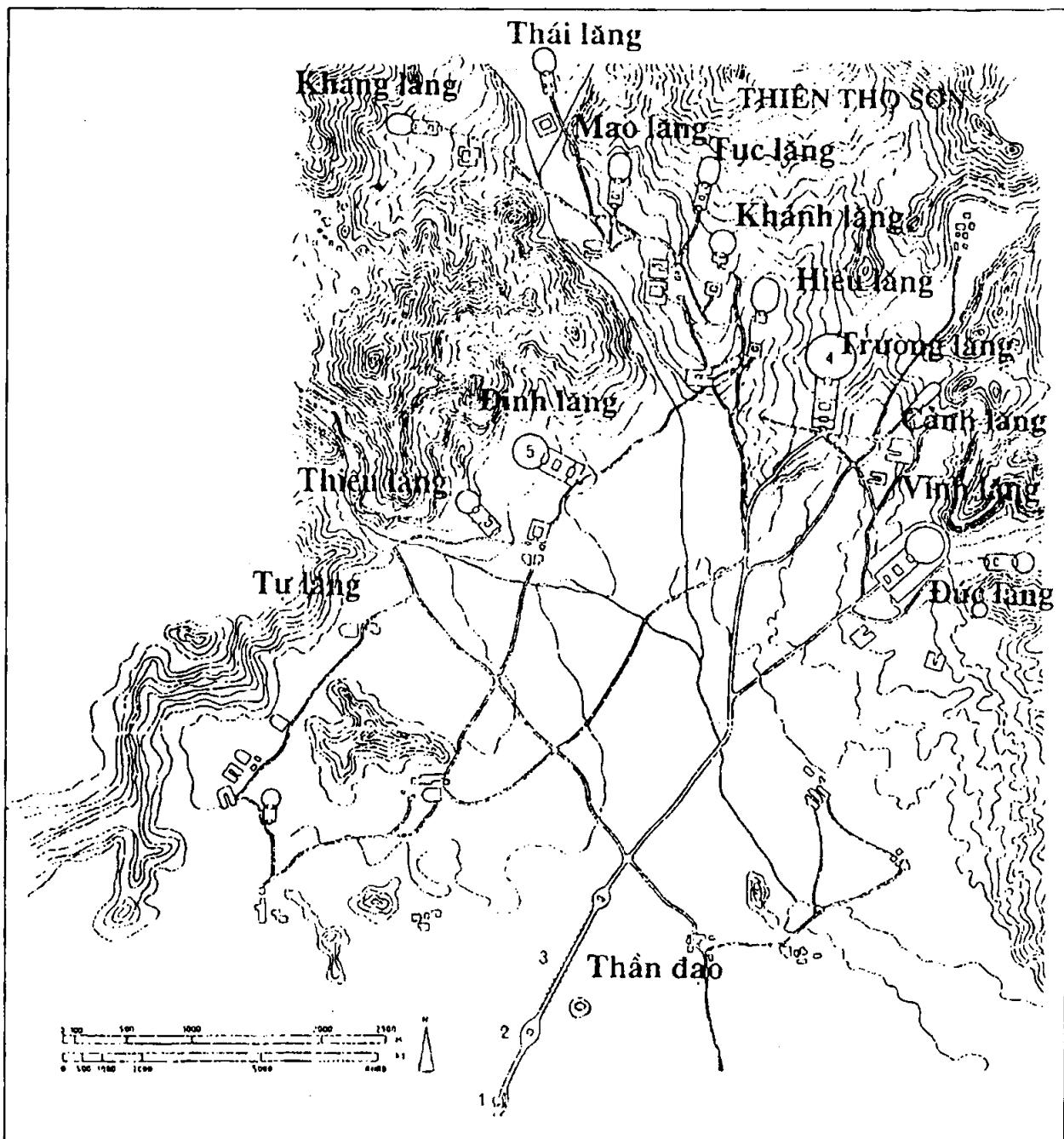
Bản đồ góc Tây nam Bắc Kinh

THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA



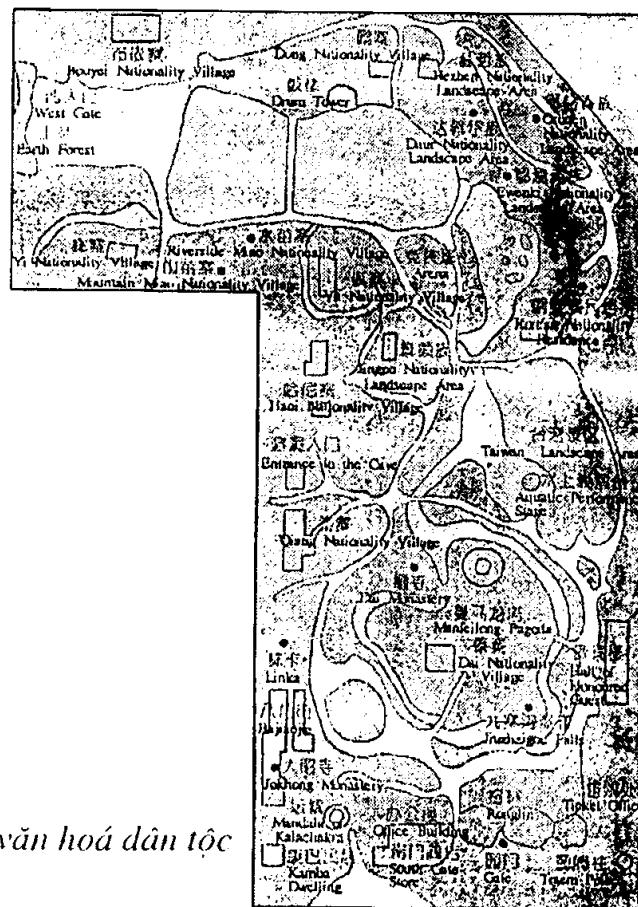
Bản đồ góc Tây bắc Bắc Kinh

THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA

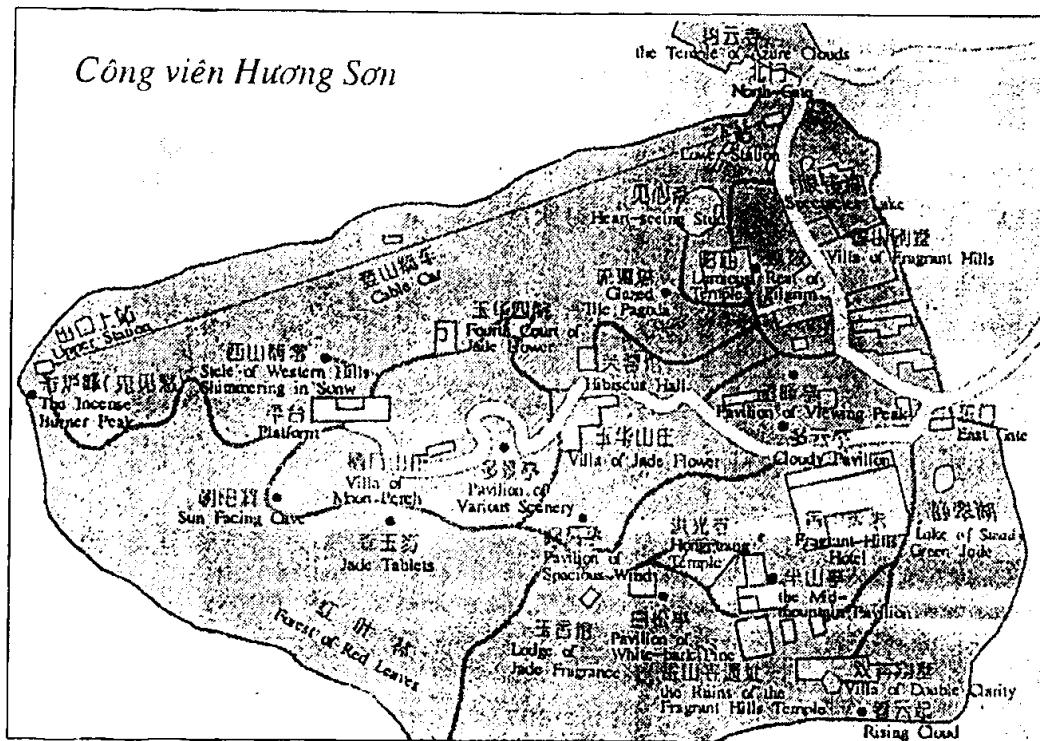


Thập Tam Lăng

THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA

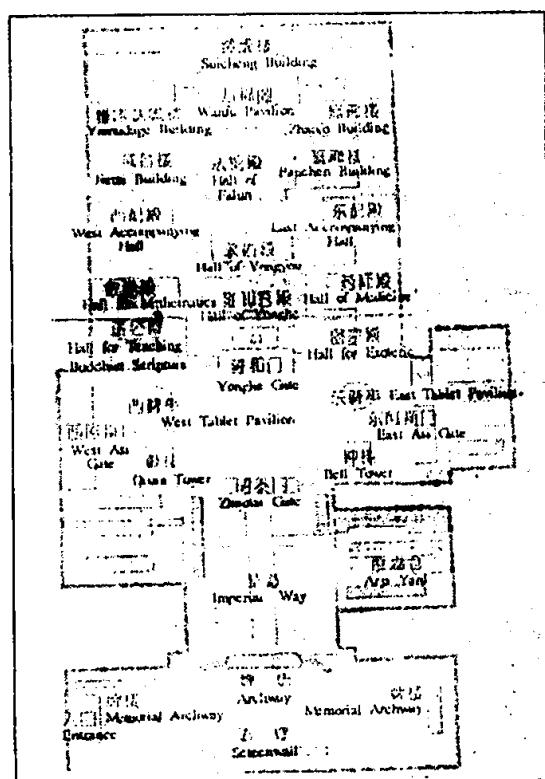


Công viên văn hóa dân tộc

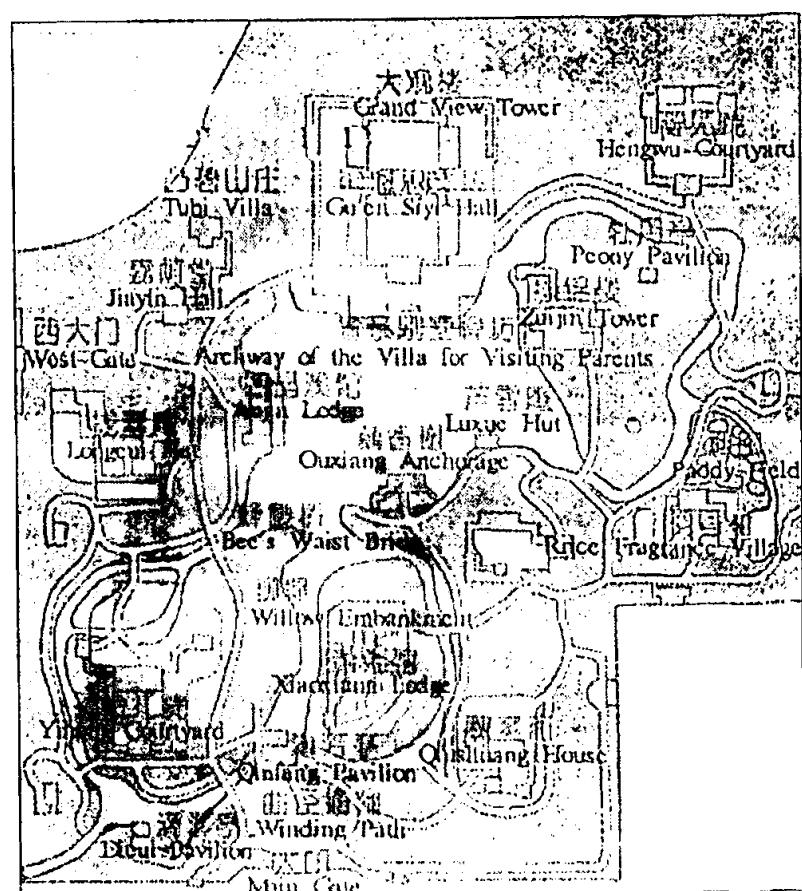


Công viên Hương Sơn

THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA

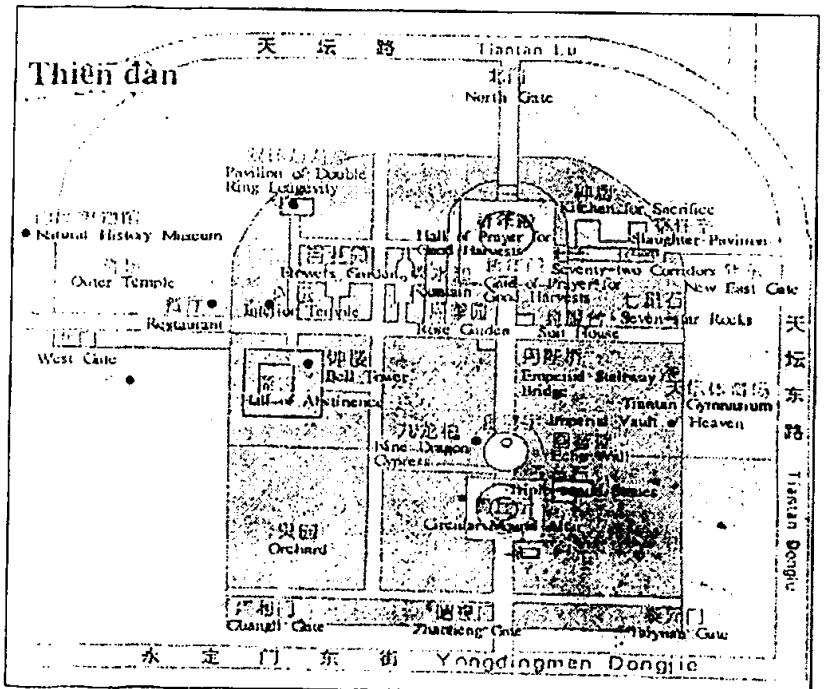


Cung Ung Hoà

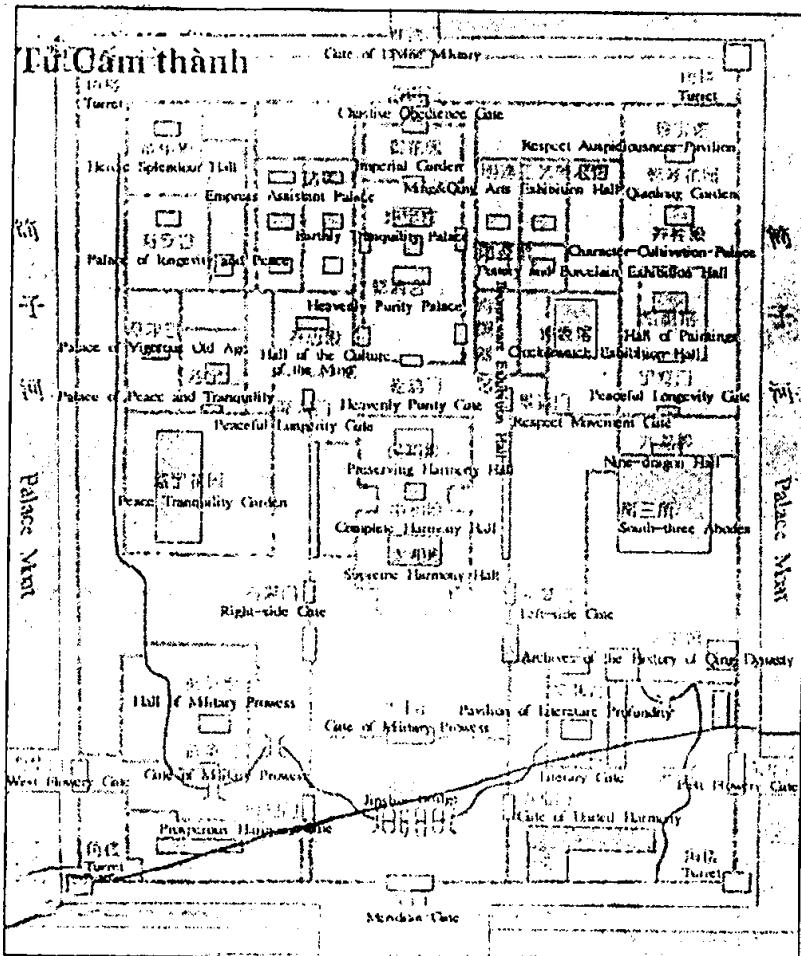


Đại Quan viên

THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA

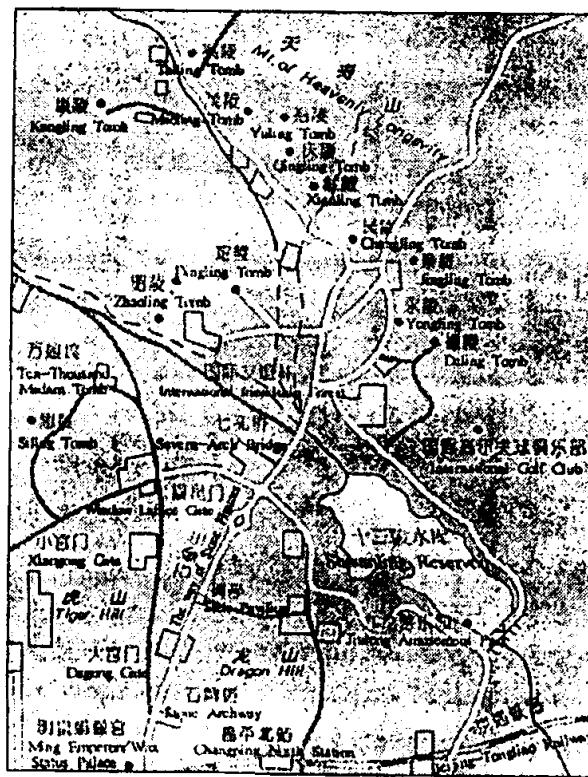


Thiền đàn

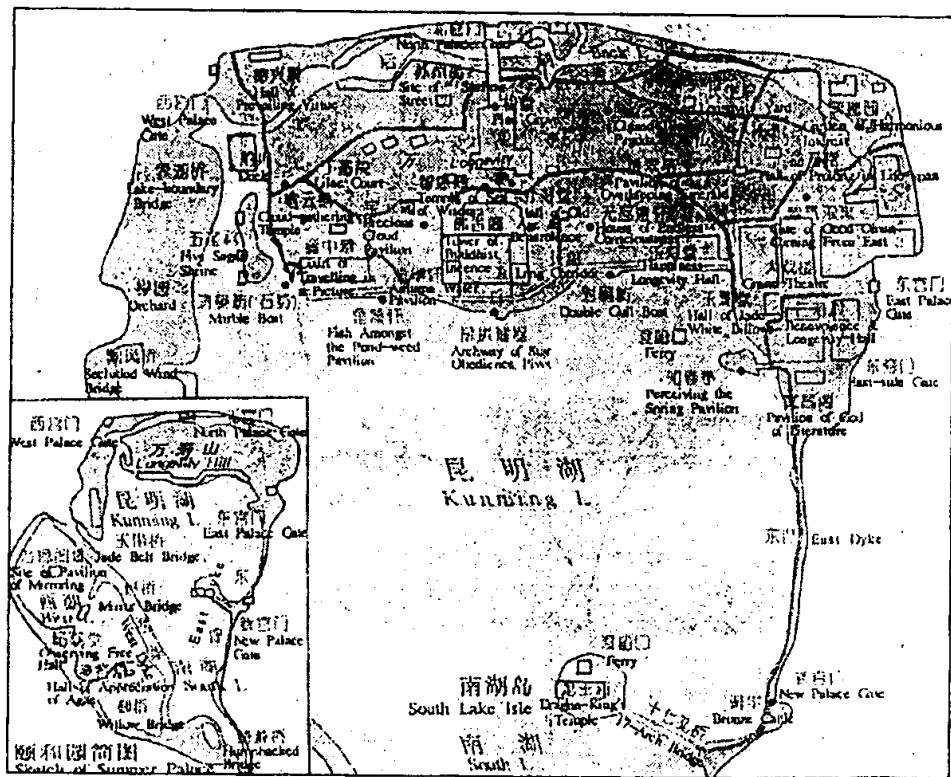


Tứ Cẩm Thành

THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA

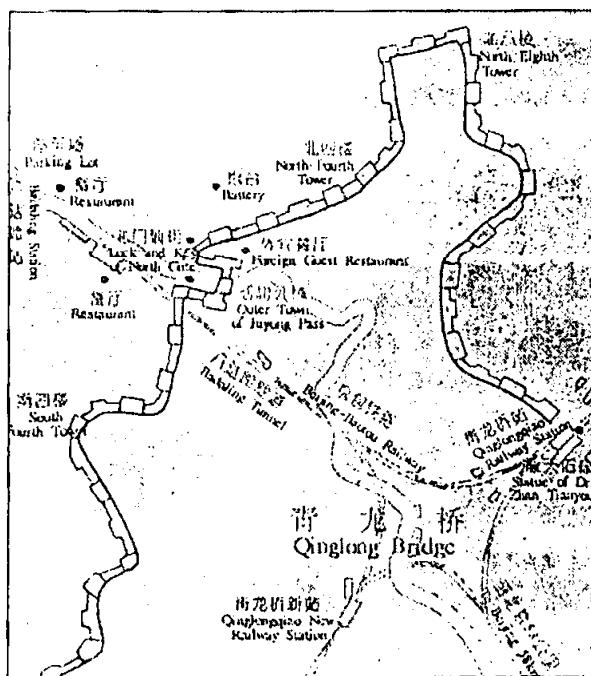


Thập Tam Lăng

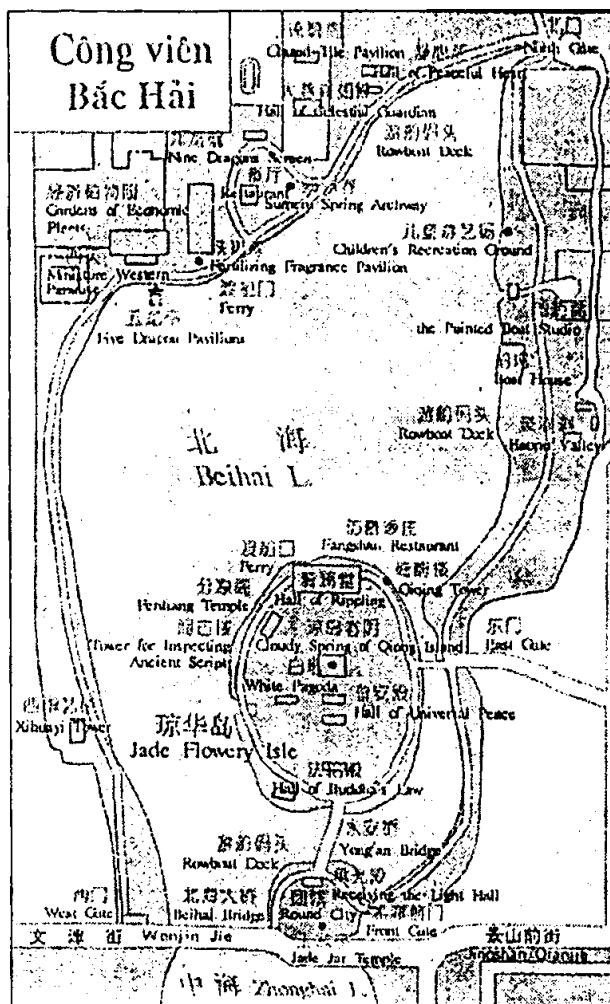


Di Hoà viên

THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA

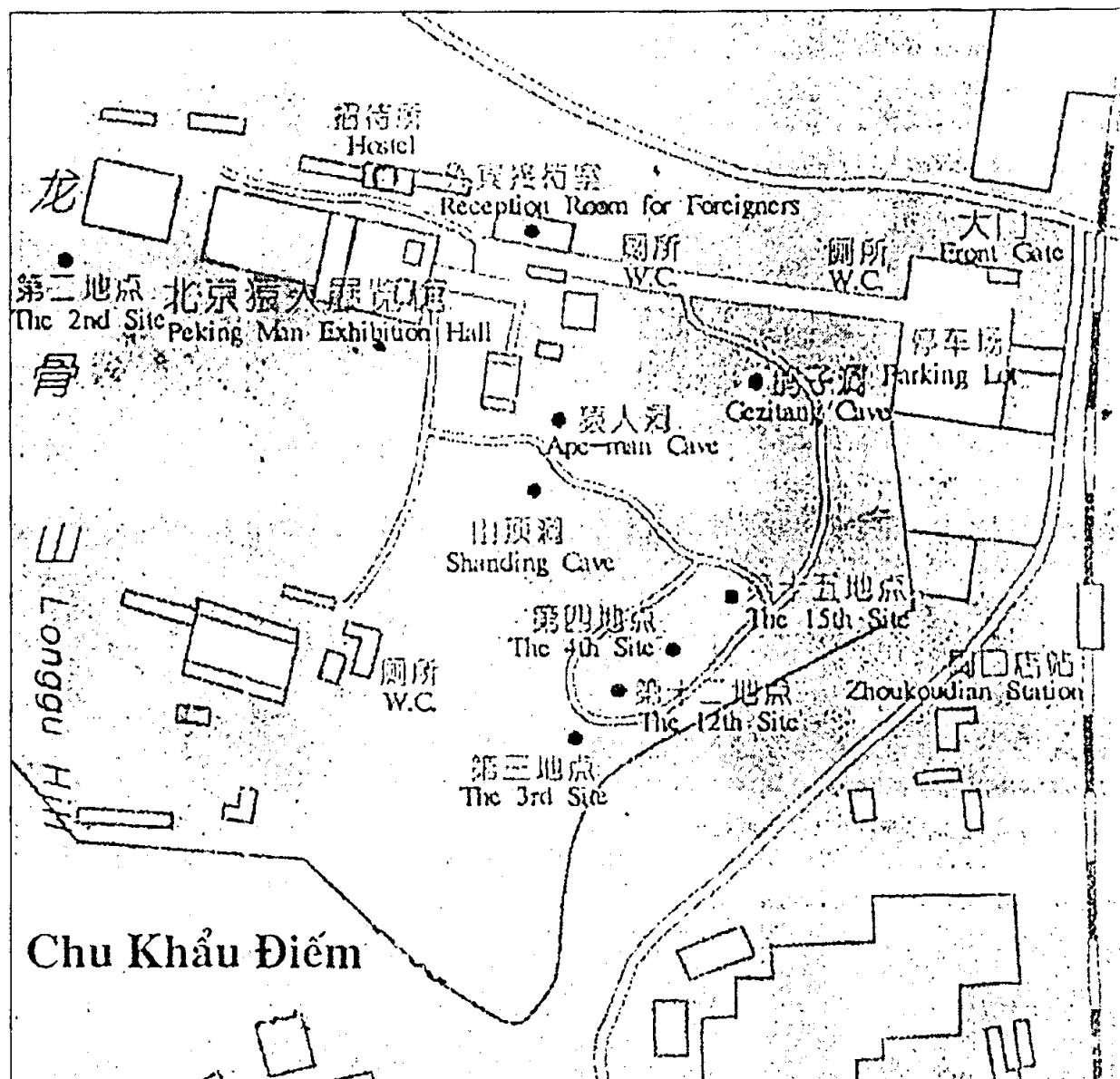


Văn lý trường thành



Công viên Bắc Hải

THÔNG TIN DU LỊCH VĂN HÓA



Chu Khẩu Điểm

BỘ SÁCH QUY HOẠCH KIẾN TRÚC CÁC THỦ ĐÔ ĐÔ THỊ CỔ BẮC KINH

Chịu trách nhiệm xuất bản :

BÙI HỮU HẠNH

Biên tập : ĐINH VĂN ĐỒNG

Ché bản : LÊ THỊ HƯƠNG

Sửa bản in : ĐINH VĂN ĐỒNG

Bìa : NGUYỄN HỮU TÙNG